

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## HAI CÁI QUAN-NIỆM VỀ NGHĨA-VỤ VÀ QUYỀN-LỢI

*Nghĩa-vụ là pháp-luật của đạo-đức.*

*Quyền-lợi là năng-lực của đạo-đức.*

Các sách luân-lý đều dạy rằng mục-dịch của người ta ở đời không phải là ở sự khoái-lạc, cũng không phải là ở sự lợi-ích, chính là ở một nơi cao-xa, gọi là cõi chí-thiện. Như vậy thời cái phép-tắc chủ-trương cho sự hành-vi động-tác của người ta, không thể căn-cứ ở tâm-đục, ở lợi-lộc hay ở cảm-tình được. Phải là một cái phép-tắc đặc-biệt cao-thượng, gọi là «nghĩa-vụ» (*le devoir*).

Nay giải-thích cái quan-niệm về nghĩa-vụ ấy thế nào.

Mục-dịch đời người đã là cõi chí-thiện, nghĩa là người ta đến được đấy là được hoàn-toàn nhân-cách, thời phạm là n người ai cũng phải mong cho tới được cõi đó. Nếu người ta là một giống thuần đạo-lý cả (như các bậc thánh-nhân đời xưa), thời tất tự-nhiên nhân-đời hướng về điều thiện, chứ không có khuyển-hướng về sự khoái-lạc hay sự lợi-lộc như bây giờ. Nhưng trong người ta vốn có hai phần: một phần vật-chất, một phần tinh-thần, phần vật-chất chỉ ham những sự khoái-lạc về nhục-thể, phần tinh-thần mới biết chuộng những điều nghĩa-lý cao-xa, hai bên thường chiến-đấu với nhau, bên theo lý-tinh thì quay về điều thiện, bên theo dục-tình thì quay về sự sướng.

Nếu người ta là thuần trí cả thì cái luật-pháp nó khiến cho loài người theo

về đường thiện đó, chỉ là một cái luật tự-do nhân-ái, không có thúc-phộc cưỡng-bách gì; nhưng người ta lại thường bị dục-tình cảm-dỗ, nên luật ấy thành ra có tính-cách bắt-buộc, hoặc là cưỡng-bách phải làm, hoặc là ngăn-cấm không được làm, tức là phát-biểu ra như một cái mệnh truyền hay một cái lệnh cấm vậy. Như nói rằng: « Phải nên làm điều thiện. — Không được làm điều ác. » Khác nào như nhà làm luật, như ông chúa-tể đặt ra mệnh-lệnh để bắt-buộc kẻ thần dân vậy. Mệnh-lệnh ấy tức là nghĩa-vụ.

Tuy-nhiên sự cưỡng-bách này là cưỡng-bách về tinh-thần, có khác sự cưỡng-bách về vật-chất, vì cưỡng-bách về vật-chất thì là tất-nhiên, nhất-định, không thể tránh được, còn cưỡng-bách về tinh-thần là lấy lẽ phải mà chịu, chứ không phương-hại gì đến quyền tự-do. Cũng là sự bắt-buộc, nhưng chỉ bắt-buộc đối với lý-tinh mà thôi, không bắt-buộc đối với ý-chí, tức gọi là sự bắt-buộc về đạo-lý (*une obligation morale*) vậy.

Nói rằng điều thiện là một điều bắt-buộc, tức là nói rằng người ta có cái hồn-phận phải làm, nhưng không ai cưỡng-bách phải làm. Nếu vì cưỡng-bách mà phải làm, thì không phải là điều thiện. Vậy thì phạm điều thiện là

phải làm một cách tự-do, và nghĩa-vụ có thể giải nghĩa được là một sự bắt-buộc mà người ta thuận-nhận. Tức như lời giải-thích của ông KANT (Khang-dức) nói rằng : « Nghĩa-vụ là sự cần phải vâng theo luật-pháp, vì lòng tôn-trọng luật-pháp ». Vì người ta vâng theo luật-pháp có hai cách : một là chủ có một cái mục-dịch gì mà coi luật-pháp như một cái phương-tiện cho đạt tới được ; hai là không chủ có mục-dịch gì, chỉ vâng theo luật-pháp vì luật-pháp là luật-pháp đó mà thôi. Thi-dụ như có một cái lệnh cấm gì : tôi tuân theo lệnh ấy, hoặc là vì sợ không theo thì có tội, hay là vì một cơ gì khác, hoặc là vì đã gọi là lệnh thì phải theo, nên tôi theo đó mà thôi. Phàm các mệnh-lệnh của quan-quyền, đều phải tuân theo như thế cả. Nay không phải mệnh-lệnh của quan - quyền mà là mệnh-lệnh của lương-tâm : ta phải tuân theo chỉ vì mệnh-lệnh là phải theo, chứ không vì cơ gì khác nữa. Ấy chính sự bắt-buộc một cách đặc-biệt như thế gọi là « nghĩa-vụ » vậy.

Nghĩa-vụ bắt-buộc người ta không phải vì cơ gì khác, chỉ vì là nghĩa-vụ mà thôi ; bởi thế nên ông KANT có phân-biệt ra hai thứ mệnh-lệnh : Một thứ gọi là « tuyệt-đối mệnh-lệnh » (*impératif catégorique*), một thứ gọi là « tương-đối mệnh-lệnh » (*impératif hypothétique*). Phàm phép-tắc gì bắt-buộc người ta phải làm, thì gọi là mệnh-lệnh ; nhưng có khi mệnh-lệnh truyền làm việc gì là phải làm việc đó, không có duyên-cớ gì khác nữa, thế gọi là mệnh-lệnh tuyệt-đối ; có khi mệnh-lệnh truyền làm việc gì là vì một cái mục-dịch ở ngoài việc đó, tức là có một cái duyên-cớ gì khác, thì gọi là mệnh-lệnh tương-đối.

Bởi thế nên mệnh-lệnh của nghĩa-vụ có khác với những lời khuyên-răn dạy-bảo của đạo xử-thế thường. Đạo

xử-thế thường răn-dạy điều gì, chỉ là một cái phương-tiện để cho đạt tới một cái mục-dịch nào ; chứ như nghĩa-vụ bắt-buộc điều gì thì chỉ vì là nghĩa-vụ mà thôi, chứ không có mục-dịch gì khác ; nghĩa - vụ không phải là phương-tiện (*moyen*), nghĩa-vụ là mục-dịch (*but*), nghĩa-vụ là cứu-cánh (*fin*) ; mệnh-lệnh của nghĩa-vụ phải theo vì là mệnh-lệnh, chứ không vì duyên-cớ gì khác.

Ông KANT nói rằng : « Những điều khuyên-răn dạy - bảo của đạo xử-thế thường là bắt-buộc người ta làm một việc gì để cho được một sự gì mình vẫn ước-ao. Chứ như nghĩa-vụ bắt-buộc người ta làm là vì việc ấy mà phải làm, chứ không có mục - đích gì khác cả. Cho nên theo đạo xử - thế thường thì việc nên làm chỉ là việc hay một cách tương-đối mà thôi, nghĩa là hay đối với cái mục-dịch mình ước-ao vậy. Chứ như theo nghĩa-vụ thì việc đã nên làm là việc hay một cách tuyệt-đối, không còn phải so-sánh với điều gì nữa. — Cứ như phép xử-thế thường, thì không cần phải xét cái mục - đích mình định đó là hay hay là dở ; chỉ cần phải làm thế nào cho đạt được cái mục-dịch đó mà thôi. Như phương-pháp của thầy thuốc muốn chữa cho người ta khỏi bệnh với những phương-pháp của kẻ đầu-độc muốn bỏ thuốc độc cho người ta chết, đối với ông thầy thuốc và kẻ đầu-độc ấy cái giá-trị nó cũng ngang nhau, vì cũng là dùng để cho đạt cái mục-dịch riêng của mỗi người cả. Người ta lúc tuổi trẻ thường không biết cái mục-dịch định theo đuổi sau này thế nào, cho nên cha mẹ hay cho các con học nhiều thứ lắm, hình như muốn cho nghề gì cũng tài cũng khéo cả, thường chăm-chú quá như thế mà đến quên hẳn cái việc cốt-yếu, là sửa tâm-tính cho biết phán-đoán những sự-vật mình có thể định làm mục-dịch để mưu-cầu sau này. Đại-khái thì những

điều khuyên - răn của đạo xử - thế thường đều có vì một cái duyên-cớ gì cả, nghĩa là vì ao-ước một sự gì mà muốn làm cho được, và có thể tóm-tắt lại ở câu ngạn - ngữ như sau này: « Muốn đạt mục-dịch, phải cầu phương-tiện (*Qui veut la fin veut les moyens*). »

Những điều khuyên-giới của nghĩa-vụ thì khác hẳn, vì bắt-buộc ăn-ở như thế nào là bắt-buộc một cách trực-tiếp ngay, chứ không phải vì một duyên-cớ gì khiến cho cách ăn-ở ấy chỉ là một phương - tiện mà thôi. Như tôi nói rằng: « Không được nên hứa hão », tôi không có nói thêm vì cớ gì, thế là lời khuyên của tôi là một lời khuyên tuyệt-đối, không cần phải chỉ ra mục-dịch gì cả, vì nếu có mục-dịch gì thì lời khuyên ấy lại chỉ là một cái phương-tiện mà thôi. Trái lại, nếu tôi nói thêm một cái duyên-cớ gì nữa, như nói rằng: « Đừng nên hứa hão, sợ hại đến sự tin-dụng của mình », thì lời khuyên của nghĩa-vụ nữa rồi, chỉ là lời khuyên của đạo xử-thế thường mà thôi, không có cái ý-vị về đạo-lý nữa. Phạm phép-tắc của đạo-lý là phải có cái giá-trị tuyệt-đối, không phải vì mục-dịch hay vì duyên-cớ gì khác. Cho nên mệnh-lệnh của đạo-đức, tức là nghĩa-vụ, có thể tóm lại một câu ngạn-ngữ như sau này: « Việc phải thì làm, dầu sao hay vậy » (*Fais ce que dois, advienne que pourra*).

Như vậy thì cái đặc-tính của nghĩa-vụ là tuyệt-đối, nghĩa là đã bắt-buộc điều gì thì bắt-buộc một cách hoàn-toàn và trực-tiếp, không xét gì đến lòng yêu-ghét hay sự lợi-hại của người ta. Nghĩa-vụ không có tùy theo tính-chất riêng của mỗi người. Thí dụ như kẻ nọ có tính hay nói dối: sự nói dối không phải vì đó mà thành ra một điều hay cho kẻ ấy được. Lại như ta có một cái thị-dục gì: không phải vì đó mà ta có quyền được thỏa-mãn

cái thị-dục ấy. Sự đạo-đức không thể tùy ở cái lòng thị-dục nhất-thời của ta được; vì nếu như thế thì không còn có đạo-đức nữa. Đã gọi là phép-tắc thì phải có một cái giá-trị chân-chính tuyệt-đối, đem ra thi-hành bao giờ cũng như bao giờ, chứ không phải tùy các trường-hợp riêng mà thay đổi được. Vậy thì nói rằng nghĩa-vụ là tuyệt-đối, tức là nói rằng nghĩa-vụ căn-cứ ở nguyên-lý sự-vật, chứ không phải là ở sự xét-đoán riêng của mỗi người, nghĩa là ở *thiên-lý* chứ không phải ở *nhân-tnh*.

Nhân cái tính-cách thứ nhất đó, lại suy ra một cái tính-cách thứ nhì nữa. Nghĩa-vụ vừa tuyệt-đối lại vừa phổ-cập, nghĩa là thi-hành ra đối với hạng người nào, thuộc về cảnh-ngộ nào cũng vậy, khiến cho người nào cũng có thể thừa-nhận cái mệnh-lệnh của nghĩa-vụ là đối với mình cũng như đối với mọi kẻ khác vậy.

Nhân tính-cách thứ nhì đó mà ông KANT đã đặt ra cái lệ như sau đây để cho nhận biết những việc nào là hợp hay không hợp với nghĩa-vụ. Ông nói rằng: « Bao giờ cũng phải cư-xử theo một cái phương - châm thế nào cho có thể đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được » (*Agis toujours d'après une règle telle que tu puisses vouloir qu'elle soit une loi universelle* )

Câu ấy là một câu cách-ngôn thiên-cổ về đạo-đức, xin trích dẫn ra mấy đoạn sách của ông để giải rõ như sau này:

« 1) Vì có một người đã phải chịu lắm nỗi cực-khổ, thành ra thất-vọng mà đem lòng chán đời, những muốn tự-tận di cho xong, nhưng hãy còn đủ trí suy nghĩ muốn xét xem tự-sát như thế có trái nghĩa-vụ đối với mình không. Bèn tự hỏi rằng cái việc mình định làm đó có thể đặt được thành

phép-tắc chung cho vũ-trụ không. Việc mình định làm đó là theo cái phương-châm như sau này : Người ta ở đời, vì sống thêm ra ngày nào, chỉ sợ thêm cái khổ, chứ không mong thêm được cái sướng, thì vì lòng tự-ái, có thể giảm cái hạn sống đi được. Nay thử hỏi cái phương - châm đó có thể đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được không. Hỏi như thế thì tự-khắc rõ ràng cái khuynh-hướng của vũ-trụ vốn là để bảo-tồn sự sống, thế mà nay cũng vì cái khuynh-hướng ấy đến muốn tuyệt-diệt sự sống đi, thì như thế là vũ-trụ tự mâu-thuẫn với mình; vậy thì một cái phương-châm như thế là trái với nguyên-lý của nghĩa-vụ.

« 2) Lại người khác, nhân túng-bần phải vay tiền để tiêu, vẫn biết rằng vay rồi không có thể nào trả được; nhưng cũng biết rằng nếu không quá-quyết cam-doan sẽ trả trong một kỳ-hạn nhất-định thì không người nào chịu cho vay. Ý cũng muốn cứ hứa liệu như thế, nhưng hãy còn một chút lương-tâm muốn tự hỏi mình làm như thế có trái với nghĩa-vụ không. Nếu định làm cách ấy thì là định theo cái phương-châm như sau này : Hễ cần tiền cứ việc vay, tuy biết rằng không bao giờ trả được, song cứ hứa liệu cho xong chuyện. — Nay cái phương-châm ấy xét ra không thể đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được, vì cứ làm theo cách đó thì không ai có thể hứa với ai điều gì nữa, không ai có thể tin lời hứa của ai được nữa.

« 3) Lại người nữa, biết mình có tài, nếu chịu trau-giồi thì có thể trở nên con người có ích. Nhưng thấy mình được sung-túc, chỉ muốn ăn chơi cho thích chí, không muốn học-tập gì để phát-siêng cái tài-năng của mình nữa. Nay nếu biết nghĩ ra thì tất hiểu rằng một cách sinh-hoạt như thế không thể

đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được, vì giản-hoặc cũng có dân-tộc (như thổ-dân các quần-đảo Nam-hải) theo cái phương-châm như thế mà vẫn sống được, nhưng tự mình biết rằng không thể cầu cho cách sinh-hoạt đó thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được ... Vì đã là giống có lý-tính thì tất phải cầu cho các năng-lực của mình được hoàn-toàn phát-siêng vậy.

« 4) Nay lại có người nữa, tự thân mình được sung-sướng, nhưng trông thấy kẻ khác phải khổ-sở, có thể cứu được mà tự nghĩ trong bụng mình : Thiên-hạ khổ-sở, có hề gì đến ta? Người nào nhờ trời được sung-sướng, hay là sức mình được sung-sướng đến đâu, cứ việc mà hưởng sự sung-sướng đó, ta đây không hề ngăn-trở, cũng không hề tham-vọng gì; duy về phần ta thì ta thật không hứng muốn giúp cho ai được sung-sướng hay muốn cứu cho ai khỏi khổ-sở cả. — Vẫn biết rằng cái phương-châm đó nếu đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ thì cũng không đến nỗi phương-hại gì cho sự sinh-tồn của nhân-quần xã-hội... Tuy-nhiên, người ta không thể có cái chí-nguyện cho phương-châm đó thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được. Nguyên như thế là tự phản mình, vì ở đời cũng lắm lúc cần đến cái cảm-tình hay sự phù-trợ của kẻ khác, nếu đặt phương-châm đó thành phép-tắc chung thì tức là tự mình tuyệt mất sự hi-vọng của mình về cái cảm-tình hay về sự phù-trợ đó vậy. »

Cái nguyên-lý cốt-yếu của nghĩa-vụ, ông KANT đã giải rõ như thế, thật là đủ làm phép-tắc cho người ta theo trong đạo sửa mình vậy. Phép-tắc ấy lúc nào cũng phải nhớ đến luôn, vì tuy ai cũng biết rằng phạm nghĩa-vụ là bắt-buộc chung cả mọi người, không riêng một mình ai, nhưng người ta

thường bị cái vật-dục nó mờ-ám, nên hay sẵn lòng quên vậy.

Nay nếu tập lấy cái thói quen phạm làm việc gì cũng đem cái lý-do của việc ấy mà khái-niệm thành phép-tắc chung, thì cái nguyên-lý của nghĩa-vụ muốn quên đi cũng khó, và cái lòng thiên của người ta muốn khoan-dung cho mình mà nghiêm-trách kẻ khác cũng khó vậy. Ông KANT đã giải-thích điều đó một cách sâu-sắc như sau này : « Thường-thường khi ta làm điều gì trái với đạo-lý, trong bụng ta nghĩ thế nào ? Có phải là ta muốn đem việc riêng của ta đặt thành phép-tắc chung không ? Không phải thế : ta vẫn nguyên cho đạo-lý làm phép-tắc chung cho vũ-trụ. Duy ta muốn giữ chút quyền tự-do làm một việc đặc-cách cho ta, để cho thỏa cái vật-dục nhất-thời của ta, và cũng chỉ muốn làm một lần mà thôi. Tuy lúc ta bình-tâm mà phán-đoán, vẫn biết rằng sự đặc-cách đó là không chánh - đáng, nhưng đó tức là cái chứng-cớ rằng ta biết nghĩa-vụ là đáng tôn-trọng, và trong lòng ta vẫn tôn-trọng, duy làm phép làm một vài điều đặc-cách tự mình cho là không quan-hệ gì vậy. »

Hoặc-giả bác ông KANT rằng người ta có thể đặt phép-tắc cho mình, chứ khó lòng định phép-tắc cho người, vì tự mình bao giờ cũng biết việc mình nên làm thế nào, chứ không thể biết được tất cả mọi người khác nên làm thế nào. — Giả người ta không có lòng vật-dục, không có lòng tự-lợi, thì lời bác đó cũng có lẽ phải. Nay xét ra thì lại trái lại : người ta phán-đoán về mình thường không được đúng ; muốn biết là phải hay là trái, thì trong cách cư-xử của mỗi người, nên bỏ hẳn cái phương-diện cá-nhân đặc-biệt mà lấy con mắt khách-quan xét về phương-diện phổ-thông cho cả loài người. Tức như lời ông ADAM SMITH khuyên rằng trước khi làm

một việc gì, nên tưởng-tượng như mình đứng trước một người khách bình-tình mà xem-xét mình vậy. Ngày nào ta cũng khuyên kẻ khác những điều nọ điều kia, vẫn là hay lắm, mà tự ta có theo được bao giờ. Ng. rồi bất-lương bất-chính có khi dùng để phân-xử phải trái được, và người làm luật tốt nhiều khi lại là người thi-hành sai. Vậy thì cứ theo như lời dạy của ông KANT, nên đem phương-châm hành-vi của ta, khái-niệm thành phép-tắc chung, để thí-nghiêm cho biết hợp với đạo-đức hay không, thế là đúng với sự thực lắm, hợp với lẽ phải lắm. Cái qui-tắc của ông KANT lại còn thường dùng về phép giáo-dục nữa. Thí-dụ đứa con trẻ phạm một điều gì bất-công bất-chính, như đánh-đập đứa khác hay trộm-cắp vật gì, muốn cho nó hiểu việc nó làm đó là bất-công bất-chính, thì có hai cách như sau này : 1<sup>o</sup> Là đem ngay cái việc đó mà làm cho nó, thí-dụ như nói rằng : « Ngó có đứa đánh mày, trộm-cắp của mày thì mày nghĩ thế nào ? vãn-vãn. » 2<sup>o</sup> Nói chung, nói rộng ra mà hỏi nó rằng : « Nếu thiên-hạ ai cũng đánh-đập nhau, ai cũng trộm-cắp nhau như thế, thì sẽ thành ra thế nào ? » vãn-vãn. — Thường nhận ra trẻ con nghe lý-luận như thế cũng hiểu lắm và nếu cái lòng vật-dục nó không mạnh lắm thì nói thế cũng đủ ngăn cho nó khỏi làm bậy. Hoặc nó có làm bậy nữa thì cũng là dùng cách nguy-biện để chống-chế, muốn đặc-cách cho mình không phải theo lẽ thường, như ông KANT nói trên kia, chứ tự mình không dám công-nhiên phản-đối lẽ thường mà cho rằng việc nghĩa-vụ cho kẻ khác không phải là việc nghĩa-vụ cho mình vậy.

Nghĩa-vụ là phép-tắc về đạo-lý, là luật-pháp của đạo-đức, nói tắt là luật đạo-đức vậy. Luật đạo-đức, đối với

luật thực-tế, nghĩa là luật của xã-hội, thì gọi là luật thiên-nhiên, lại còn gọi là luật không thành văn, nghĩa là không biên chép thành điều-mục, để đối với luật xã-hội gọi là luật thành văn, vì có biên chép phân-minh.

Cổ-nhân đã hiểu rõ luật thiên-nhiên với luật xã-hội khác nhau là dường nào, xe n như đoạn văn CICÉRON sau này thì đủ biết.

CICÉRON nói rằng: « Có một cái luật hợp với lẽ trời, chung cho loài người, chánh-dàng vô-cùng, thiên-niên bất-dịch, bắt buộc ta làm điều đạo-đức, ngăn-cấm ta làm sự phi-nghĩa. Luật này không phải như luật khác có thể trái được, ay có thể tránh được, hay có thể thay đổi hẳn đi được. Luật bắt-buộc điều gì thì quan cùng dân đều không có quyền tha chước cho được. Luật này không phải ở La-mã khác, ở Nhã-diễn khác, ngày nay khác, ngày mai khác đâu; luật này là luật phổ-cập, luật nhất-định, bao giờ cũng thế và gồm cả các đời các nước. Luật đó là luật của Trời làm chúa-tể để dạy bảo và cai-trị cả loài người; và duy có ông Trời mới là chủ hết thảy, có quyền xử-đoán, có quyền trừng-trị hết thảy. »

Trong một bài bi-kịch của SOPHOCLE, nàng *Antigone* bị bạo-chúa *Créon* buộc tội là phạm luật nước, vì đã chôn cho anh là *Polynice*; nàng bèn trả lời một câu như sau này, lấy luật thiên-nhiên mà phản-đối luật xã-hội: « Tôi làm việc đó là theo luật của thần-minh, luật thiên-niên bất-dịch, không chép ở sách nào, không phải là mới có từ ngày hôm nay hay từ ngày hôm qua, tức là luật thiên-cổ, không ai biết đặt ra từ bao giờ. »

Bậc đại-triết về cổ-dại, ông SOCRATE (Tô-cách-lạp-đề), là một người trước nhất đã biết phân-biệt ra hai cái công-lý như sau này: một cái công-lý thiên-

nhiên của trời đất, một cái công-lý theo pháp-luật của xã-hội. XÉNOPHON là học-trò ông có thuật lại câu chuyện của ông nói với một người tên là HIPPIAS, thuộc về phái nguy-biến (*Sophiste*), giải rõ về sự phân-biệt đó. Lời vấn-đáp của hai người như sau này:

« SOCRATE nói: — Này anh HIPPIAS, cứ như ý anh thì cái gì hợp với pháp-luật có phải tất-nhiên là hợp với công-lý không, ý anh thế hay là ý anh khác?

— HIPPIAS nói: Ý-kiến thầy như thế, tôi thật không có câu gì phản-đối cả.

— SOCRATE nói: Thế tôi lại hỏi anh; có luật-pháp nào là luật-pháp không viết thành văn không?

— HIPPIAS nói: Có hẳn chứ, luật-pháp ấy là luật-pháp chung cho cả mọi xứ.

— SOCRATE nói: Thế tôi lại hỏi anh: có phải là người ta đặt ra luật đó không?

— HIPPIAS nói: Người ta đặt ra làm sao được, vì không thể cùng hợp cả một nơi, cùng nói một thứ tiếng được.

— SOCRATE nói: Vậy cứ ý anh, ai đặt ra luật đó?

— HIPPIAS nói: Tôi tưởng là thần-minh đặt ra luật ấy; vì luật thứ nhất của người ta là phải tôn-trọng thần-minh.

— SOCRATE nói: Thế tôn-trọng cha mẹ có phải là một cái luật chung của loài người không?

— HIPPIAS nói: Phải lắm chứ.

— SOCRATE nói: Thế tôi lại hỏi anh nhé: Có phải là đâu đâu luật cũng bắt-buộc người ta phải biết ơn kẻ đã có công với mình không?

— HIPPIAS nói: Phải lắm. »

Cứ như vậy thì luật đạo-đức hay luật thiên-nhiên khác với luật thực-tế hay luật xã-hội bằng mấy cái tính-cách như sau này. Luật thiên-nhiên thì có tính-cách phổ-cập và thuộc về tuyệt-đối; luật xã-hội thì có tính-cách biến-dịch và thuộc về tương-đối. Luật xã-hội là tùy thuộc ở: 1<sup>o</sup> cái ý-chí của người đặt ra, ý-chí ấy không có bằng-cứ gì, mỗi lúc thay đổi một khác; 2<sup>o</sup> cái cơ-hội lúc đặt ra.

Luật xã-hội không phải tự thiên-nhiên mà ra, vì không phải tự ông tạo-vật đặt ra, chính là tự người ta đặt ra cho người ta mà thôi, nghĩa là chỉ do ở cái ý-chí của người ta, ý-chí ấy bất-luận là ý-chí của một người quân-chủ, của cả bàn dân hay của một phái cầm quyền; ý-chí ấy cũng có khi hợp lẽ phải, cũng có khi trái lẽ phải, tùy cơ-hội mỗi lúc một khác, thế mà muốn sai-khiến cả các ý-chí khác, định cái mối quan-hệ của các ý-chí ấy với nhau thế nào, nghĩa là đối với loài người cũng muốn làm như tạo-vật đối với vũ-trụ vậy, chỉ-định cho người ta cái cách cư-xử phải thế nào.

Chắc rằng luật xã-hội cũng không phải là hoàn-toàn vô-bằng-cứ và chỉ thuộc ý riêng của nhà làm luật mà thôi: ai tưởng như thế là hiểu lầm. Luật xã-hội là chủ hai cái mục-dịch chính, đủ hạn-chế được cái ý riêng của nhà làm luật không thể muốn làm thế nào cũng được; hai mục-dịch đó là sự lợi-ích và sự công-bằng. Luật xã-hội là để bảo-hộ cho quyền-lợi của người dân, hề bảo-hộ được chắc-chắn, ấy là luật hay. Nếu luật được hoàn-toàn thì tất là được rất mực lợi-ích, rất mực công-bằng cho mọi người. Nhưng luật xã-hội là tự người ta làm ra, nên bao giờ cũng có điều khuyết-diểm, dấu hay dấu tốt đến đâu cũng không khỏi có cái tính-cách « nhân-tạo », cái tính-cách vô-bằng-cứ; bởi thế nên khác hẳn với luật thiên-nhiên.

Không những thế mà thôi: luật xã-hội không những tự tay người làm ra, lại làm ra để cho người dùng, mà người ta không phải là đời nào xử nào cũng giống nhau cả; sự nhu-yếu, lòng vật-dục, mối lợi-quyền, thói tập-quán hết thấy đều không giống nhau. Vẫn biết rằng cái gốc nhân-tâm thì đâu cũng như nhau, nhưng sự phát-biến

ra ngoài thì mỗi nơi một khác, cho nên luật-pháp cũng phải tùy thời tùy xứ mà thay đổi. Chắc rằng công-lý thì bao giờ cũng là công-lý; nhưng mà lợi-quyền không phải bao giờ cũng giống nhau, tùy cơ-hội mà thay đổi. Đó là một lẽ khiến cho luật-pháp cũng phải thay đổi.— Lại còn một lẽ nữa, là tuy công-lý bao giờ cũng như bao giờ, nhưng người ta quan-niệm về công-lý có mỗi lúc mỗi khác, tùy cơ-hội biến-thiên mà bày ra mỗi quan-hệ mới, tất thêm ra sự khó-khăn mới, cần phải có luật-pháp mới để giải-quyết. Bởi thế nên xét lịch-sử và xét các dân-tộc, thấy luật-pháp thường tùy thời-đại, tùy khi-hậu, tùy đất nước, tùy cách sinh-hoạt của mỗi dân (như dân du-mục hay dân định-cư, dân làm ruộng hay dân đi biển) mà mỗi nơi thay đổi một khác; nói tóm lại, pháp-luật là tùy các cơ-hội phiền-phức trong nhân-quần, trong xã-hội mà đặt ra, như ông MONTESQUIEU đã giải-rõ trong sách « Vạn-pháp tinh-lý » vậy.

Tuy luật thiên-nhiên với luật xã-hội phản-trái nhau như thế, vậy mà cũng có mấy nhà triết-học luật-học cho rằng luật đạo-đức chẳng qua là kết-quả của luật thực-tế mà thôi, và chính là bởi các nhà lập-pháp đặt ra để giữ lấy sự hòa-bình trong nhân-loại vậy. Cái ý-kiến đó không thể chủ-tri được vì nhiều lẽ; xin kể lược như sau này:

1<sup>o</sup> Luật đạo-đức không phải do luật xã-hội mà ra, vì người ta thường lấy luật đạo-đức để mà phán-đoán luật xã-hội, hoặc là khen, hoặc là chê. Như khi nói rằng: « luật này phải, luật kia trái, hay là luật này hay, luật kia dở », tức là so-sánh luật ấy với một cái luật lý-tưởng, luật không thành văn, dùng để làm tiêu-chuẩn, làm mẫu-mực mà

xét đoán các luật thành văn khác. Và lại khi sắp đặt ra một cái luật mới nào, thì luật ấy chưa có, đã có thể nào dùng để định được điều phải điều trái đâu; chính lúc bấy giờ là phải chất-vấn đến cái lý-tưởng công-chính ở trong lòng, lý-tưởng ấy thật là nguyên-nhân chứ không phải là kết-quả của pháp-luật. Hoặc-giả lại nói: Không xét đến những luật hiện-hành ngày nay, chỉ nói về mấy cái luật cổ từ đời xưa đã tạo-thành ra các thói quen cùng các ý-kiến gồm lại gọi là luật đạo-đức và nhờ đó để phán-đoan về các luật thành văn ngày nay. Nhưng cái thuyết đó nghiệm ra cũng không đúng, vì càng suy-nguyên về đời cổ, thì lại càng thấy luật-pháp không được công-bằng lắm: những cái tục giết người để tế thần, tục nuôi nô-lệ, tục lấy nhiều vợ, sự cạnh-tranh trong nhà, trong họ, trong làng, trong xóm, vàn-vân, đó toàn là những thói-tục, những lẽ-luật dã-man về đời cổ-sơ vậy. Có lẽ đâu người ta lại nhân ở đó mà quan-niệm ra được một cái lý-tưởng công-chính khiến cho đặt thành những luật cao hơn cả các luật đời xưa đời nay vậy.

20 Không những luật đạo-đức không phải do luật xã-hội mà ra, mà luật xã-hội lại phải có luật đạo-đức mới có giá-trị. Vì chính nhờ có luật đạo-đức mà ta mới biết tuân-theo luật xã-hội. Nay giả-thiết không có luật đạo-đức bất-buộc như thế, thì luật xã-hội muốn được cho người ta vâng theo chỉ có thể tựa vào hai cách như sau này: một là sự cưỡng - bách, hai là sự lợi - ích. Nhưng mà cách cưỡng - bách như ở trên đã nói, dùng ra cũng có hạn mà thôi; còn như sự lợi-ích thì phải biết rằng tuy cái lợi của ta là muốn cho mọi người khác bao giờ cũng tuân - theo pháp-luật, nhưng vị-tất là muốn cho chính mình ta bao giờ cũng tuân-theo

như người. Thành ra người nào cũng có lợi muốn tránh pháp-luật, suốt trong xã-hội từ trên xuống dưới đều như thế cả, người làm ra luật-pháp, người thi-hành luật-pháp, người phải chịu luật-pháp đều như thế cả, thì nếu không có một cái phép-tắc nhất-định rằng: « tuân theo pháp-luật là nên » làm tiêu-chuẩn, tất kết-quả đến suốt trong xã-hội, khắp các hạng người đều sinh ra cái khuynh-hướng muốn phạm pháp-luật, nghĩa là muốn phá-hoại pháp-luật cả. Bởi thế nên các nhà làm sách đều đồng-ý nhau công-nhận rằng luật-pháp không có phong-tục thì luật-pháp cũng vô-hiệu, và muốn cho phong-tục trong xã-hội được thuần-mĩ thì cần phải có luân-lý đạo-đức chủ-trương vậy.

30 Phạm-vi của luật xã-hội còn nhỏ hẹp hơn phạm-vi của luật đạo-đức. Biết bao nhiêu việc đáng chê đáng trách mà không thuộc quyền cưỡng-chế của luật-pháp: như những việc ở trong tâm-lý người ta, những cái thị-dục xằng, những sự tư-tưởng bậy, những sự giả-dối trá-ngụy, vàn-vân; lại như những việc ở trong gia-đình, thường pháp-luật không biết đến, để cho khỏi nhiều đến người dân; lại tất cả những việc tuy người có lương-tâm ai cũng chê-trách, mà đối với xã-hội không có phương-hại đến trật-tự chung, như sự vong-án bội-nghĩa, ích-kỷ hại-nhân, tham-lam trong việc ăn-uống, phóng-dãng về đường tình-dục, vàn-vân. Lại chính những việc pháp-luật trừng-trị cũng không phải là đã định được phân-minh đích-xác cho kẻ phạm tội không thể tránh được hình-phạt. Biết bao nhiêu việc lừa-lọc giả-trá, biết bao nhiêu mưu hiểm-độc hại người mà luật không thể dự-liệu được, không thể định tội được! Như vậy thì luật xã-hội không thể tạo-thành ra luân-lý được.

40 Cho luật đạo-đức là bởi luật xã-hội mà ra, tức là bao-dung cho cả những sự tàn - ngược áp - chế trong xã - hội, như Cicéron đã nói trong sách « Pháp - luận » của ông, có câu rằng: « Nếu cứ lấy ý - kiến của quốc - dân, lấv mệnh - lệnh của quốc - trưởng, lấy lời quyết-nghị của các quan thẩm-phán mà định công - lý, thì các tội như trộm - cướp, loan-luân, giả-trá chúc-thư văn-tự, vân-vân, hễ được công-chúng bỏ vé nhận cho, thì thành ra việc chánh - đáng hết cả. » Ở nước dân - chủ như thế, ở nước quân-chủ thì là ý - kiến riêng của ông vua, cũng vô - bằng như thế. Nay các dân-tộc cũng như các vua chúa, không thể làm cho sự công - bằng thành ra không công - bằng, hay là sự không công-bằng thành ra công-bằng được. Vậy thì công-ly là siêu - việt ở trên ý - chí của người ta, chứ không phải là kết-quả các luật-lệ của nhà lập - pháp đặt ra vậy.

Theo ý kiến mấy nhà triết - học và thần-học thì luật đạo - đức là tự Trời, tự Thượng-đế phóng-ý đặt ra; Thượng-đế đặt ra như thế, chứ giá - đảo ngược mà đặt trái lại cũng được. Ý-kiến ấy tức là phá - hoại cả luật đạo-đức và phá- hoại cả lòng tin Trời. Người ta sợ-đĩ có lòng tin ở Trời, tin ở Thượng-đế là bởi cần phải tin có một cái lẽ đại-từ, lẽ chí-công trong trời đất. Nay nói rằng Thượng-đế sáng-tạo ra điều chí-thiện, lẽ chí-công, là do cái ý-chí nhất-thời mà đặt ra, khác nào như đặt ra mà chơi, không có chuẩn-dích gì, như thế thì tức là nói rằng trong trời đất không có gì là điều thiện thiên - nhiên, không có gì là lẽ công thiên-nhiên cả, và chính Thượng - đế chẳng qua cũng là một đấng toàn - trí toàn - năng, muốn sao làm vậy, chứ không có theo một cái chuẩn - dích nào cả. Nếu như thế thì đấng toàn - trí toàn - năng kia có khác

gì cái « mệnh » (*le fatum*) vô - tri vô giác nọ của các dân-tộc ngoại-đạo đời xưa thường tin-ngưỡng vậy? Như vậy thì phải kết-luận rằng luật đạo - đức vẫn là căn-bản tự Trời, từ đấng Thượng-đế, nhưng không phải ở một ý-chí của Thượng-đế mà thôi, thực là vừa ở ý-chí mà lại vừa ở lòng chí - công, đức chí-cao của Thượng-đế vậy.

Lại còn một cái thuyết sai lầm nữa, là cho luật đạo-đức với sự thưởng-phạt cũng là một.

Phạm luật có thưởng-phạt là để khuyến-trừng trong sự thi-hành. Bởi thế nên người đời hay lẫn luật-pháp với sự thưởng-phạt của luật-pháp, và không những người thường, đến các nhà triết-học cũng có khi lầm như thế. Lầm như thế tức là lẫn sự thiện-ác với cái kết-quả của sự thiện-ác, là sự thưởng-phạt. Thành ra cho sự tốt là sự sẽ có thưởng, việc xấu là việc sẽ có phạt. Chính phép giáo-dục thường cũng mắc vào sự sai-lầm đó, là khuyến cho con trẻ làm điều thiện, không phải lấy điều thiện làm mục-dích, mà lại lấy sự thưởng về điều thiện làm mục-dích, cũng như khuyến không nên làm điều ác, không phải là ghét điều ác mà không làm mà là sợ sự phạt mà không làm vậy. Sự lẫn-lộn đó cũng là cái thiên-kiến thông-thường của người ta, phạm phán-doán sự-vật chỉ biết lấy sự lợi-hại riêng làm chuẩn-dích. Cái thiên-kiến ấy thực là làm giảm mất giá trị của nghĩa-vụ đi, vì làm việc nghĩa-vụ phải là vì nghĩa-vụ mà làm, chứ không phải là vì sự thưởng-phạt mà làm vậy.

\* \* \*

Liên với cái quan-niệm về nghĩa-vụ và có khi phản-đối lại với quan-niệm ấy, thì có cái quan-niệm khác cũng quan-hệ về đạo-đức lắm, là cái quan-niệm về quyền-lợi. Quyền-lợi là gì?

Nghĩa-vụ là một sự bắt-buộc về đạo-đức; quyền-lợi theo như nhà triết-học Đức LEIBNIZ đã nói, thì là một cái năng-lực về đạo-đức.

Chữ năng-lực nói chung nghĩa là phạm cái gì có thể phát-sinh hay có thể ngăn-trở được một sự hành-động gì. Như về động-học, phạm cái gì làm cho động lên được, hay tĩnh lại được, đều gọi là « lực ». Nay phạm cái gì có thể ngăn-trở được sự hành-động của một cái sức mạnh hay một cái quyền mạnh gì, cũng có thể gọi được là năng-lực, dù tính-cách thế nào mặc lòng. Thí-dụ như trong tay tôi cầm một cái búa, tôi đứng trước một đứa trẻ con đương nằm ngủ; nếu tôi muốn thì tôi có thể cầm cái búa ấy mà đánh vỡ đầu đứa trẻ con ra được; song tôi không làm thế, vì tuy tôi có sức mạnh thế nào mặc lòng, còn có một cái sức mạnh hơn sức mạnh của tôi nữa, còn có một cái quyền mạnh hơn quyền mạnh của tôi nữa, nó khiến cho tôi không dám hạ-thủ. Quyền mạnh ấy, tự đứa trẻ con kia cũng không biết, tức là cái quyền của mọi giống sinh-vật hệ không phạm đến sự sống của giống khác thì giống khác không được phạm đến sự sống của mình.

Hoặc-giả nói: tôi đối với đứa trẻ con đây là tự cái lòng trắc-ân của tôi nó khiến cho tôi không làm hại một đứa thơ-ấu vô có, chứ không phải bởi cái quyền-lợi gì của đứa bé mà chính lúc bấy giờ tôi cũng không nghĩ tới nữa. Nếu vậy thì lại xin thí-dụ một câu khác nữa cho rõ hơn. Tôi bắt được một cái túi bạc, tôi biết là của ai, nhưng ngoài tôi không ai biết cả; người ấy thì giàu mà tôi thì nghèo, hai người không có cái mối cảm-linh gì với nhau cả. Bấy giờ tôi có cái quyền mạnh chiếm lấy túi bạc ấy được; nhưng tôi đừng tay lại, nghĩ rằng bạc ấy

không phải của mình, bạc ấy là của người. Cái gì nó làm cho tôi đừng tay lại đó, nó ngăn-trở, nó hạn-chế cho cái sức mạnh của tôi không thi-hành ra được đó, tức là cái quan-niệm về quyền-lợi vậy.

Vậy thì quyền - lợi cũng là một cái quyền mạnh, một cái sức mạnh, vì có thể ngăn được sức mạnh, quyền mạnh của kẻ khác. Tuy-nhiên, không phải là một cái sức mạnh về vật-chất như cái sức mạnh bị ngăn đó. Vì trong cái vật thuộc về quyền-lợi đó, trong cái người đứng chủ quyền-lợi đó, không có gì đủ ngăn-cản được sức mạnh của tôi. Về động-học có cái sức gọi là sức ngầm, gọi là tiềm-lực, không phát ra ngoài, nhưng có thể phát ra được. Trong quyền-lợi, không có cái sức ngầm nào như thế cả. Quyền-lợi là một cái năng-lực, nhưng là một cái năng-lực thuộc về tinh-thần, thuộc về đạo-đức vậy.

Có lẽ gọi là một cái năng-lực về lý-tưởng còn đúng hơn là năng-lực về đạo-đức. Năng-lực về đạo-đức là một cái sức mạnh có ý-thức, có suy-nghĩ, có hoạt-động rõ-ràng, như điều nhân-nghĩa, sự đức-hạnh vậy. Chứ như quyền-lợi thì có thể có mà không thi-hành; có khi có mà người có quyền-lợi không biết (như người được của mà không biết, hay như đứa trẻ con đương nằm ngủ trong câu thí-dụ trên kia): quyền-lợi như thế thì là một cái năng-lực không có hoạt-động gì cả, thế mà vẫn có sức ngăn-trở được người cũng mạnh bằng cái sức vật-chất tương-đương vậy. Năng-lực ấy chỉ là một cái ý-tưởng mà thôi, ý-tưởng rằng của kia không phải của mình không nên lấy, người kia là kẻ đồng-loại không nên hại. Cái năng-lực lý-tưởng đó, ta gọi tên nó là « quyền-lợi. »

Nay quyền - lợi với sức mạnh khác nhau thế nào? Sức mạnh là một cái

năng-lực về vật-chất, quyền-lợi là một cái năng-lực về tinh-thần: hai cái năng-lực ấy là phản-đối nhau.

Thuộc về sự quan-hệ quyền-lợi với sức mạnh, có ba trường-hợp như sau này: một là có sức mạnh không có quyền-lợi, hai là có quyền-lợi không có sức mạnh, ba là vừa có quyền-lợi vừa có sức mạnh. Về trường-hợp thứ nhất thì sức mạnh quá quyền-lợi; về trường-hợp thứ nhì thì sức mạnh bất-cập quyền-lợi; về trường-hợp thứ ba thì hai bên quân-bình nhau. Nếu sức mạnh vượt quá quyền-lợi, thì là cái năng-lực nọ lấn mất cái năng-lực kia; nhưng cái năng-lực kia vẫn còn, tuy bị trứt đi, song vẫn là năng-lực. Về trường-hợp thứ hai, cũng tương-tự như thế; vì nếu có quyền-lợi không có sức mạnh, thì kẻ muốn áp-chế cũng phải dụng-lực nhiều hơn là không có quyền-lợi. . . . .

Xem như thế thì biết rằng quyền-lợi là một cái năng-lực đủ đối lại với sức mạnh vậy. Nay nếu sức mạnh với quyền-lợi quân-bình nhau, thì có thể nói là có hai cái năng-lực được, tức như quyền người cha, vừa là một cái năng-lực thuộc về vật-chất, vừa là một cái năng-lực thuộc về đạo-lý vậy.

Chắc rằng cũng có lắm khi quyền-lợi dường như không có năng-lực gì cả; thí-dụ như khi mình có quyền-lợi mà không biết rằng mình có quyền-lợi và không gia công-gắng sức để bảo-thủ lấy, như người trên kia được có kẻ để lại cho túi bạc mà không biết vậy. Nhưng mà nói về quyền-lợi đây cũng như nói về nghĩa-vụ trên kia. Có thể nói rằng nghĩa-vụ là một sự bắt-buộc mà thực không bắt-buộc được gì, mà quyền-lợi là một cái năng-lực mà thực không thể làm được gì. Bởi thế nên nghĩa-vụ chỉ là một sự

bỏ-buộc về đạo-lý mà quyền-lợi chỉ là một cái năng-lực về lý-tưởng mà thôi. Nói khác đi thì quyền-lợi cũng như nghĩa-vụ, chỉ là một cái ý-tưởng (*une idée*) mà thôi. Một cái ý-tưởng thì tự nó không hành-động gì được. Bao giờ cũng phải có sức hoạt-động của người ta chủ-trương mà can-thiệp vào. Vậy thì sức mạnh vật-chất vẫn có thể vượt qua được ý-tưởng, mà có khi cũng không cần phải miễn-cưỡng gì. Tuy-nhiên ý-tưởng vẫn còn, và vẫn còn sức mạnh ở trong lương-tâm hay ở trong ký-ức của người ta; mà cho dầu lương-tâm vui-rập đi, ký-ức bỏ quên đi, ý-tưởng cũng vẫn còn, ý-tưởng dù phải dè-nèn, dù phải giày-vò, dù bị thất-bại nữa mà vẫn còn siêu-việt, còn cao-thượng hơn những kẻ ra tay vũ-nhục mình.

Vậy thì quyền-lợi không phải ở sức mạnh mà ra. Tuy có mấy nhà làm sách như HOBBS, PROUDHON chủ-tri như thế, nhưng cái thuyết ấy sai lầm. Thuyết ấy tức là diệt mất quyền-lợi vậy. Nếu muốn hàm-hồ về nghĩa chữ quyền-lực, muốn theo SPINOZA mà phân-biệt ra hai cái tinh-trạng, một là tinh-trạng thiên-nhiên (*état de nature*), hai là tinh-trạng nghĩa-lý (*état de raison*), mà cho quyền-lợi là căn-cứ ở cái sức mạnh của nghĩa-lý, thì đó chẳng qua cũng là đem cái lý-tưởng đã giải trên kia mà diễn khác đi mà thôi, nghĩa là cũng cho quyền-lợi là một cái năng-lực về lý-tưởng; nhưng còn phải giải-thích cho rõ sở-dĩ làm sao cái năng-lực ấy không thường đủ sức mạnh cho được phần hơn vậy. Sức mạnh vớ: quyền-lợi mâu-thuẫn nhau, đó là chứng-cớ rõ-ràng rằng trong quyền-lợi có một phần lý-tưởng, tuy không diễn ra thực-sự mà vẫn có giá-trị đáng tôn-trọng vậy. Nay phải giải-thích là giải-thích sở-dĩ làm sao một cái ý-tưởng có thể ngăn-ngừa được

sức mạnh, hay dù không ngăn - ngừa được thì cũng phán-đoán mà hạ-chế được. Ví không có cái gì gọi là « nghĩa-vụ », thì sức mạnh còn phải kiêng nể gì mà không xâm-lấn hết cả? Nếu đem bỏ cái lý - tưởng nghĩa-vụ đi, thì các sự - vật xảy ra chỉ còn có phép vật-lý làm qui-tắc mà thôi; cái gì hiện có, là tất phải có, và theo như lời ông HOBBS nói, phạm cái gì tất-nhiên là chánh-dáng cả.

Còn một cái thuyết nữa cho quyền-lợi là căn-cứ ở sự yếu-cần, xem ra có ý rộng-rãi hơn cái thuyết trên, nhưng mà rút cục lại cũng như thế mà thôi. Vì sự yếu - cần của người ta nó mập - mờ, không nhất-định: cái gì muốn có thì cho là cần cả. Cho quyền-lợi là căn-cứ ở sự yếu - cần, thì tức là theo cái thuyết của ông HOBBS cho là người ta muốn cái gì, có quyền được cái đó; nhưng mà người ta có thể muốn đủ mọi thứ, thì tức là có quyền được đủ mọi thứ; tất cả mọi người đều đồng-thời có quyền được đủ mọi thứ cả, thế là đánh nhau lộn - bậy hết; mà trong cuộc đá h lộn đó, thì làm thế nào để phân-xử được? Tất phải dùng đến sức mạnh, hoặc không muốn dùng đến sức mạnh thì phải đặt ra một cái hiệp - ước, mọi người đều công-nhận, hiệp-ước ấy cũng lại phải dùng đến sức mạnh làm bảo-chương. Hoặc-giả nói: Sự yếu-cần đây không phải là nói chung về cả các cái thị-dục của người ta, chỉ nói những cái thị-dục nào là khẩn-thiết, là chánh - đáng mà thôi; nhưng mà ai định được cái giới-hạn thế nào là chánh-dáng, thế nào là khẩn-thiết? Hay là cho quyền-lợi là chỉ ở trong phạm-vi cái gì thiết-yếu cho sự sống mà thôi? Nếu thế thì những cái tài-năng lỗi-lạc của người ta, dùng để tô-điêm cho cuộc đời được phong-quang thú-vị,

tất phải bài-trừ đi hết, vì những cái ấy không trực-tiếp yếu-cần cho sự sống. Những cái ấy là cái thừa cả. Ngoài sự cần, có cho thêm cái gì là cái thừa nữa không? Trong cái thừa đó thì quyền-lợi của mỗi người là thế nào? Hay là cho nghĩa chữ « yếu-cần » là phạm cái gì giúp cho các năng-lực của người ta phát-siển được hoàn-toàn tự-do? Nếu theo nghĩa sau đó thì là thuộc về cái thuyết thứ ba như sau này, cho quyền-lợi không phải là căn-cứ ở sự cảm-giác hay sự yếu-cần, mà là căn-cứ ở cái quyền tự-do của người ta vậy.

Thuyết thứ ba đó là cái thuyết cao-thượng và chánh-dáng hơn cả. Thuyết ấy cho người ta là có tự-do, bởi có tự-do nên mới có nhân-cách. Đã tự-do thì không gì xâm - phạm được, vì tự-do nghĩa là trong hai việc muốn kén chọn việc nào cũng được, tức là tự mình làm nguyên-nhân cho cái việc mình kén chọn đó. . . .

Cho nên quyền tự-do của loài người là một mối thần - thánh bất-khả xâm - phạm; căn - bản của quyền-lợi là ở đó; quyền-lợi chẳng qua là cái quyền tự-do được tự-do (*la liberté de la liberté*) vậy. Cái đặc-tính của sự đạo-đức là mỗi người phải gắng sức mới tới được; mỗi người phải tự-lực mình cố làm sao cho nhân-cách mỗi ngày được hoàn-toàn. Cái trách-nhiệm của cá-nhân trong việc tu-luyện nhân-cách đó, tức ta gọi là quyền-lợi; tức là cái năng-lực được tự mình tham-dự vào việc tạo-tác ra cái vận-mệnh mình vậy. Ông KANT khi xướng lên rằng người ta là tự-làm cứu-cánh cho mình (*l'homme est une fin en soi*) tức là định cái quan-niệm về quyền, lợi-đó. Nghĩa là người ta không thể coi như là một cái « phương - tiện » (*un moyen*) được;

không thể dùng như là một cái vật (*une chose*) được. Người ta chỉ thuộc về mình, là tự - chủ cho mình; cho nên lợi là có nhân-cách, (*une personne*) mà phạm nhân - cách là không gì có thể xâm - phạm được. Bởi lẽ đó mà ta không thể tự coi ta như một đồ vật; bởi lẽ đó mà người khác cũng không được coi ta như một đồ vật vậy. Quyền-lợi là bất-khả di-dịch, nghĩa là không thể bán được, không thể mua được, không thể tự mình bỏ đi mà không bỏ cả nhân - cách mình vậy. Quyền-lợi lại là bất-khả tiêu-diệt, nghĩa là dù bị xâm-phạm thế nào cũng không bao giờ mất đi được.

Nay nghĩa - vụ với quyền - lợi thì nghĩa - vụ là căn-cứ ở quyền - lợi, hay là quyền - lợi là căn-cứ ở nghĩa - vụ?

Hai thuyết đó cũng có thể chủ-trì được cả. Có thể cho là nghĩa - vụ căn-cứ ở quyền - lợi, vì chính bởi người ta tự làm cứu-cánh cho mình, nên nghĩa - vụ mới bắt-buộc không được làm tổn-hại đến nhân-cách của mình. Nhưng trái lại cũng có thể cho là quyền-lợi căn cứ ở nghĩa - vụ được, vì chính bởi ta có cái nghĩa - vụ phải tạo-tác lấy vận-mệnh của ta nên ta mới có cái quyền-lợi tự làm cứu-cánh cho ta vậy. Thực ra thì không cái nào căn-cứ ở cái nào cả, mà hai cái đều căn-cứ ở một cái gốc chung, là cái giá-trị cao-quí của loài người, khiến cho mỗi người ta là có trách - nhiệm về vận - mệnh của mình vậy.

HỒNG-NHÂN biên-dịch

## GIỌT LỆ THU

(Tặng hương - hồn anh T. - V. - D.)

### Tự - ngôn

Một kỳ trước bản-chí đã đăng lập văn khóc vợ của ông Đông-hồ ; kỳ này lại đăng bài văn khóc chồng của bà Trương-phổ.

Văn này cũng là văn chi-tình, mà lại có cái giọng thâm-thiết biết bao nhiêu !

Văn ông Đông-hồ hơi có vẻ triết-lý, văn bà Trương-phổ thuần một giọng thê-lương. Nhưng cũng là cái văn tiêu-tao bi-dật cả.

Thi-nhan Tây có câu : « Câu văn hay, là giọt lệ trong ».

Đọc bài này từ đầu đến cuối, chỉ là một tiếng khóc dài, không phải khóc nức-nở chứa-chan, nhưng khóc âm-thầm ảo-não, lại càng thấm-tía biết bao.

Người rất vô-tình, đọc đến những câu như sau này, tưởng cũng không cảm lòng cho được :

« . . . Thôi, thế là thôi, một giải khăn ngang, năm thân gấu sỏ, trăm năm tâm-sự, còn nói-nặng gì ! Con anh nào đã biết mặt cha, thân coi-cứ trái đào ba tuổi, từ đây em dạy, em nuôi, khoảng trời đất không mong gì còn có bố ! . . . »

« . . . Anh ơi ! Chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu !  
 « Nhưng lòng thu ai hẳn có như em mà mây chiều vẫn dạ, gió mai lạnh lòng ; như  
 « em mỗi giọt sương gieo là một hạt lệ thấm, mỗi làn lá rụng là một mảnh tình sầu.  
 « Thu càng thâm, sâu càng nặng . . . »

Cái cảnh người đàn bà trẻ góa chồng, thơ văn Tàu từ xưa đến nay tả cũng đã lắm, nhưng tưởng ít bài có cái giọng !hiết-tha thâm-trầm như bài này.

Văn biết tình thâm thì giọng thiết, nỗi khổ thì lời oan, nhưng tâm lòng ngồn-ngang, cũng phải có lời nói sẵn-sàng mới thõ-lộ ra được. Văn Tàu lão-luyện đã đánh, tiếng ta non-nớt mà cũng mang được những cái tình-cảm nặng-nề như thế, âu cũng là cái triệu quốc-văn có tấn-tối vậy.

Duy có một điều lạ, là nghiệm ra thơ văn ta thường hay về giọng buồn : có lẽ là ta sinh-trưởng trong một cái hoàn-cảnh thế-lương, mà ta hoài-bão những cái tình-tình ủy-mị chẳng ? . . .

Dù thế nào mặc lòng, những bài văn như bài sau này, cũng là thêm cho cái kho tình-cảm của giống ta được một giọng-điệu mới vậy.

Mà bạn đọc-giả đọc xong bài này, dù ý-kiến về văn-chương thế nào, tưởng cũng phải vì Tương-phổ phu-nhân bùi-ngùi tác dạ.

#### THƯƠNG-CHI

\* \* \*

Duyên chẳng bền trăm năm, tình còn ghi muôn kiếp. Anh T. - V. - D. mất ở Huế ngày 25 tháng bảy năm canh-thân (1920). Đôi lứa trẻ-trung, kẻ Nam người Bắc; khi sống đã xa nhau, lúc chết lại không gặp mặt ; lòng em thương-xót bao giờ cho người !

T. - P.

Trời thu âm-dạm một màu,  
 Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em.  
 Trăng thu bóng ngả bên thềm,  
 Tình thu ai đề duyên em bẽ-bàng !

Anh ơi ! thu về như gọi mối thương-tâm. Mỗi độ thu sang, em lại vô lòng than-khóc. Nghĩ năm có một lần thu, nhưng thu năm nay đi, năm sau còn trở lại ; hỏi ba sinh hương lửa, thời ái-ân kia dễ mấy kiếp hẹn-hò nhau ? Chẳng hay cơ trời dâu bẽ vì dâu, chần gối vừa êm, lửa hương mới bén, sắt-cầm diu-đặt ngón đàn, bỗng

ai xô lộn bình tan gương vỡ cho người đổ duyên ! Than ôi ! mình đương đôi ngả, gió mây hội ấy, anh đi đi mãi, năm tháng thường về, người không dấu vết. Em muốn tìm anh, tìm chẳng thấy, hôm sớm bàng-khuàng buồn lại nhớ, thương nhau gầy-gỗ khóc vì nhau. Anh vui non nước bấy lâu, bụi hồng khuất nẻo dứt đường cá chim, trông bốn phương trời mây buồn vơ-vẩn, em còn biết đâu là lối phượng bay mà tìm ? Chốn phòng loan từ thủa vắng anh, lạch làn chân

gối đượm sầu, giường xưa chiến cũ  
nghiêng xiêu, thu đông đến chẳng cùng  
em ân-ái nữa. Giấc cô-miên gần-giọt  
suốt canh dài, mắt muốn nhắm đi,  
lòng nao có ngủ, đường kia nổi nọ,  
trăm năm tâm-sự, khôn đem hồn-  
mộng gửi chiêm-bao!

Ngày tới đêm lui, hôm mai lần-lữa,  
những ngậm-ngùi than-thở xót cho  
thân! Than ôi! Lênh đênh sóng nước  
một con thuyền, phong-ba cuộc thế  
mây phen rạp-vùi! Nghĩ như cánh  
bướm bặt gió, bèo hện không bờ, con  
chèo tuyệt-vọng khôn dò bến, em nay  
còn biết buồng theo ngả nào? Trên  
cầu đoạn-trường sầu dường bề, khắc  
như năm, võ rầy thấm-thiết thương  
anh, trăm mối tơ lòng, không tung mà  
rối. Xuân qua hạ lại, cảnh-tinh đã  
chẳng khác chi dòng; thu sang tâm-  
sự lại giạt-giào, thương-tâm gió buổi  
mây chiều, lòng em lai-láng biết bao  
sầu-tinh! Anh ơi! Phòng thu vô-võ  
một mình, mỗi khi nhớ anh, em lại  
ngừng tay kim chỉ, cuốn bức châu-  
liêm, xa trông non nước, và hồi-tưởng  
những đường xưa lối trước đi về có  
nhau, thì muốn nghìn tâm-sự bấy giờ  
lại như xô lùi em về cảnh đời dĩ-vãng,  
mà ngọn triều trong dạ cũng mênh-  
mang cơn sóng lệ...! Em nhiều khi  
cũng nghĩ thương nước mắt, muốn  
thôi đi không khóc nữa, nhưng hai  
hàng châu-lệ vẫn cứ chao-hòa như  
mưa. . .

*Nước non ngao-ngán tình xưa,  
Trăm năm bạn cũ bây giờ xa đâu?*

Hề riêng ai :

*Bức khăn hồng tâm-tả giọt châu,  
Gối chần còn gắn lệ sầu đến nay!*

Anh ơi! nước non còn đó mà anh  
vội đi đâu? Ngày xanh sao chẳng ở  
cùng nhau, duyên thắm nở nào chia  
rẽ lữa? Ngoài nội uyên kia cũng chấp  
cánh, trên lương yển nọ chẳng lia đôi,

tung mây kết bạn ngang trời, nghĩ  
chim riu-rit, tủi người lẻ-loi. Ôi! Chim  
có đôi, người sao lẻ bạn, chẵn đơn  
gối chiếc, em biết cùng ai than-thở  
chuyện trăm năm? Đành em phận  
mỏng cánh chuồn, tóc-tơ ngẩn-ngủ,  
cùng anh không có phúc nối duyên  
lâu dài; nhưng gieo chanh rắc ớt, chua  
cay lòng trẻ, để đến duyên này chéch-  
mác đỡ-dang, cũng bới tại khuôn  
xanh kia đã qua tay lữa-lọc. Trời ơi!  
ba sinh hương lữa, đã cho duyên kiếp  
ái-ân bạn đời, ví dầu chẳng để trăm  
năm nữa, cũng cho xuân-thu đắp-đồi  
độ và mười năm, cho cam lấm lòng  
trẻ thơ khăn-túi, nở nào chắt chiu ến  
mới một xuân qua, đã đem sinh-ity tử-  
biệt chia-phôi bước đường! Con còn  
trong cũ chưa se rốn, vợ qua bề cạn  
chứa hoàn hồn, anh đã vội-vàng dứt  
áo ra đi; ôi! ra đi, nào phải đi gần,  
dặm đường Âu-Mĩ ngàn trùng nước  
non. Buổi tiễn đưa, nhìn anh thôi lại  
nhìn con, giọt hồng lã-chã, chén quan-  
hà những uống lệ mà say! Anh sang  
Tây, em cũng tỉnh ngày về Bắc, con vừa  
đầy tháng, em đã bước lên đường;  
nghĩ vợ chồng lấy nhau mùa thu, biệt  
nhau cũng lại mùa thu, đất khách quê  
người, gánh tình sè nữa, dặm sầu chia  
hai, mà nay em ra về nước non như  
vẽ cảnh đoạn-trường, thôi! từ đây  
cảnh trời Phan-thiết rê hai tâm-tinh!  
Than ôi! cùng nhau đương hợp mà  
tan, nghĩ nguồn-cơn thì thà rằng đôi  
lữa như chim, lại không biết có cái  
thắm những ngày gió mưa chia rẽ.

*Gió mưa chìm chẳng lìa đôi,  
Giữa đường ân-ái nào người lẻ duyên.  
Lai-sinh nguyện chấp cánh uyên,  
Cao bay chẳng để khuôn thiêng lữa-lữa,*

Anh ơi! Một năm hoa mấy thời  
xuân, bốn mùa trăng dễ mấy rằm trung-  
thu! Trăng đẹp khi tà, hoa thơm khi  
ưa, đời xuân xanh ai trẻ mãi ru mà!

Người yêu hoa đem lòng luyện - ái,  
khách say trăng chén rượu vui mời;  
những than ba vạn sáu ngàn ngày,  
sinh thú cõi trần - ai không hơn gì  
mộng - cảnh, cho nên thương hoa  
xuân ta, cảm trăng thu tàn, đã mang  
tắc gia yêu say, khách chung-tinh không  
nỡ để vì mình mà trắng râu, hoa túi.  
Em nay vì anh đến nỗi chừng xuân tơ  
liều còn xanh, mà nửa làn tâm - sự đã  
sang thu rồi! Than ôi! anh đi chẳng  
lại, đã đành rằng duyên kia dang - dở,  
nhưng ngày xanh quăng vắng em chờ  
đợi ai?

*Ngàg xuân luống tiếc xuân dài,  
Oanh đưa liều đón duyên ai đi về?*

*Vui xuân đôi lứa dề-huê,*

*Sầu xuân say tỉnh tê-mê một người.*

*Xuân xanh, duyên đã phai rồi,  
Đời xuân thôi cũng là đời bỏ đi!*

Anh ơi! hờn duyên em lại giận trời,  
trời đa - đoan phụ - plàng con trẻ, nỗi  
dở-dang này em biết than - thở với ai  
đây? Theo duyên những ước duyên  
may, em có ngờ đâu rằng: giữa đường  
dứt gánh chung - tinh, anh đi để lại  
cho em những ngày mưa sầu gió thảm!  
Con anh măng - sữa, em còn thơ ngây,  
cuộc đời trăm đắng nghìn cay, trông  
vào ai? cậy vào ai? Đường gian-nan  
chân chồn bước ngại, tới lui đã dở,  
nắng mưa dễ biết lánh vào đâu?  
Đường mây võ cánh, lựa chiều  
bóng mát cây cao, chim kia còn hơn  
em có tổ hôm mai đi về. Buông  
con mắt trông bốn phương trời, em  
chỉ ngậm - ngùi rưng-rưng nước  
mắt, mà không còn biết đâu là nơi  
hi - vọng được những tháng ngày  
ấm no. Trông vời đỉnh Dĩ mây che  
thuyết, bơ-vơ thân gái cõi phong-trần,  
dở duyên em đành lại phải ôm con  
hơ quanh về nương-tựa gối cha già.  
Than ôi! cha già, nhà từng, trông lên  
luống não tẩm lòng thần-hôn! Tóc da  
mười chín năm trời, kính ngọt dâng

bùi, đèn ơn trả nghĩa chưa mây-may  
nào, nay tơ duyên đứt mối, giữa dòng  
chiếc bách lộc-hành, mình chẳng yên  
được phận mình, lại còn đem tấm thân  
trôi nổi giạt vào lòng cha. Nhưng dễ  
lụy đến cha già cũng là một điều vạn-  
bất-đắc-dĩ, chứ lòng em có muốn thế  
đâu. Nghĩ cha em nửa đời gà sống  
nuôi con, cảnh ngày đã xế về hôm, mà  
vẫn còn đeo lo, đeo nghĩ, chưa được  
yên bụng già, thì em lại ngậm - ngùi  
tắc dạ làm con, hai chữ thần-hôn  
luống tủi lòng khuya sớm.

*Thần-hôn đã lỗi đạo thường,  
Con côi mẹ góa lại nương cha già.*

*Mười đưa đắp đổi ngày qua,  
Phơ-phơ tóc bạc cũng sa giọt sầu!*

Anh ơi! quán nước làng mây chia  
rẽ lối, anh đi năm ấy buổi thu-sơ, tình  
đến thu này đã bao lần khóm cúc  
nầy chồi, giò sen rũ lá, lòng em vật-vã  
bấy lâu, đêm thu mà ước cũng mấy  
tao đoan-trường! Nhưng mưa Ngâu  
lầm dất khi còn tạnh, gió vàng rụng  
lá buổi còn im; mùa thu có hẹn, ngày  
thu có chừng; đến như một mối  
thương - tâm đời - đoan lòng người,  
thì còn có năm, có tháng, có ngày nào  
đâu! Tấm thân góa-bụa, chợ trần-ai  
vắng-vẽ bạn tâm-tinh, em đâu muốn  
đem nghìn vàng đánh đổi một ngày  
vui xưa, cũng không bao giờ còn có  
nữa. Ngày vui xưa đã không trở lại,  
phong-vũ đoan-trường lại cứ năm năm  
mưa gió cùng về với thu, khiến cho em  
mỗi trận gió vàng lại một phen vật-  
vã. Ôi! thu xưa lệ đổ, thu này châu sa.  
mỗi độ thu về mất bao nhiêu nước mắt!  
Nhưng sao em khóc đã nhiều mà hồ  
lệ bên lòng vẫn không vui được, cái  
tâm-sự đắng-cay, lại cứ càng ngày  
càng thêm cay-dắng. Thu thường lại,  
ngày vui chẳng lại; thu thường đi,  
lòng hận chẳng đi; thương không có  
hạn, giận không có kỳ; người đi đi mãi,  
kẻ khóc khóc hoài. Chao ôi! Anh có

biết đau, một sớm anh chơi mây, để lại tháng ngày em lẻ bạn.

*Thu có hạn sầu dài không hạn,  
Cầm thu sang nhớ bạn lứa đôi.*

*Hoạn-trường g biết mấy tao nôi,  
Khóc rồi lại khóc, hôn thôi lại hôn.*

*Khúc ngân giao, dây đàn ai đứt?  
Dao sâu kia, cắt đứt lòng son!*

*Trăm năm lỡ cuộc vuông tròn,  
Hòn duyên, lủi phận lệ còn chứa-chan.!*

Anh ơi! Gái Thiên-tôn than-thở khóc sinh-ly, năm năm còn được thấy Ngưu-lang trở lại; cầm-sắt với dao-cầm, dây đàn kia lại cùng nhau so phẩm cũ. Em nay đau lòng tử-biệt, những ngậm-ngùi kẻ khuất người còn; miền di-lộ nước mây thăm-thẳm cách, non Bồng nước Nhục, với trông anh bóng hạc biết về đâu! Cõi trần-ai quanh năm uống lệ lại nuôi sầu, hoạn-trường ấy anh biết cho nhau chẳng nhẽ?

Năm theo anh mười bảy thơ ngây, đào tơ sen ngó, ái-ân thừa đó, đêm ngày xanh hẹn buổi bạc đầu; em những chắc cùng nhau đôi lứa thiếu-niên, bắc nam dù cách-trở, hương lửa vẫn nồng-nàn, thì nay dẫu xa-xôi, mai rồi lại gặp-gỡ và nước non còn đó, đâu hết cơ-duyên. Nên chi, con thơ măng-sữa, em chăm-chốt, chẳng phiền cha mẹ, chẳng phiền anh, rắp mong: để yêu lòng khoa-danh gặp hội anh đua bước, một mai nam-nhi tại-chí, dưới bóng lưng-quân em cũng được nở-nang mây-mặt.

Than ôi! những cây mình tuổi trẻ khinh ly-biệt; em nào có học đến chữ «ngờ» mà biết trước sinh-ly tử-biệt đoạn-trường rồn nhau! Sự-duyên càng nói, càng đau... Nghĩ lại Âu-du bước ấy có may gì? què người đầu-dãi tuyết-sương, mấy năm trời lao-tâm khổ-tử, thang mây thăng một bực, tuổi thọ đáng bao nhiêu! Ngột ba thu lần-lữa đất Mạc-xây, nghĩ luống thương anh yếu đau săn-sóc cho người, môn Biền-

thước thêm được bức văn - bằng «Thuộc-địa y-khoa», lúc trở về đã hai làn phổi nát! Thảm-thiết thay! anh mang trọng-bệnh lên đường vinh-qui, trước khi bằng vàng ghi chép cái danh hảo-huyền kia, hẳn cũng không ngờ đâu ba chữ tên mình sắp đến ngày mờ xóa trong sổ nhân-loại thế-gian!

Tin về đưa đến; Bắc Nam đôi ngã xa vời, chén lầy-trần em những ngậm-ngùi ngoài thiên - lý, cuộc trùng-hoan nào được thấy nhau. Nhưng cũng tưởng dẫu xanh tuổi trẻ, ái-ân còn dài, thì rồi đây vui xum-hợp âu sẽ có ngày cùng nhau hàn-huyên kẻ-lẻ giải sầu chia-phôi. Nào hay đâu con tạo-hóa cơ-cầu, xui nên vật đổi sao dời trong phút chốc, đương đau xa nhau, bỗng lại khóc mất nhau! Ôi! tin đau xé ruột, xé lòng! mảnh giấy xanh đưa đến tận nơi: ngày hai-mười-năm tháng bảy năm canh-thân, là ngày anh tạ đất, tạ trời, cướp công cha mẹ, dứt tình vợ con, lia-rẽ anh em, chia đường kim-cổ, một gánh nợ đời trút cả cho người còn ở lại! Chao ôi! lưng trời sét đánh, em thật đã chết cả đời người! Thôi thế là thôi, một giải khăn ngang, năm thân gấu sỏ, trăm năm tâm-sự, còn nói-năng gì! Con anh nào đã biết mặt cha, thân coi-cút trái đào ba tuổi, từ đây em dạy, em nuôi, khoảng trời đất không mong gì còn có bố. Nghĩ mà chua xót thương con, nhà không nóc, mưa gió mai ngày, cuộc đời xoay-sỏ biết loan sao? Đoạn-trường em lại biết bao nhiêu giăng-mắc: con còn trẻ thơ, lo ăn, lo mặc, lo học, lo hành; con khôn lớn, lại phải lo sao cho thành danh - phận, để chen vai nối gót với đời; nghĩ như thân em sức-vóc liêu-bồ, cánh vẫy không có, hai bàn tay trắng, đức-tài cũng không, một mình mẹ góa nuôi con, em biết lo-liệu thế nào cho tròn phận ấy? Anh ơi! Anh mất đi, anh để lại cho em biết bao nhiêu nỗi dờ-dang ở đời! Dẫu em có nghĩ liều:

mặt đời của máy cây đào nổi dờ-dang  
 âu đành chẳng bận, nhưng tình nhớ-  
 thương khuấy-khỏa sao đây? Ra vào  
 vắng-vẽ tháng ngày, khăn áo cũ còn  
 hình-dung bóng-dáng. Khoảng trời đất  
 non buồn nước lạnh, người đi bấn-  
 bật, kiếp này còn gặp nhau đâu nữa mà  
 mong. Trên mây kia Ngưu Nữ chia phối  
 cũng doan-tường, nhưng khóc nhau  
 còn lại có ngày thấy nhau. Em khóc  
 anh mấy thu nay lệ đã đầm lòng, người  
 đánh không lại, mong sao chẳng về?  
 Nghĩ đau duyên ấy lại hôn với Ngâu:

*Thu về đẹp lứa duyên Ngâu,  
 Năm năm Ô thước bắc cầu Ngân-giang.*

*Đôi ta ân-ái nhớ-nhàng,*

*Giữa đường sinh-l tử đoạn-trường chia  
 Anh vui non nước tuyền-dải, [hai-  
 Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh-lùng.*

*Nhân-gian khuất nẻo non bông,*

*Trăm năm nào thiếp tấm lòng bơ-vơ!*

Anh ơi! chung cảnh thu này, đông  
 tây nam bắc biết bao người cảm thu!  
 Nhưng lòng thu ai có như em mà mây  
 chiều vẫn da, gió mai lạnh lòng; như  
 em, mỗi hạt sương gieo là một giọt  
 lệ thấm, mỗi làn lá rụng là một mảnh  
 tình sầu. Thu càng thấm sâu càng  
 nặng... Anh ơi! Em nghĩ đến: về với  
 anh mùa thu, tiễn đưa anh mùa thu,  
 mắt anh lại cũng mùa thu, cho nên  
 năm năm cứ đến độ thu sang, thì em  
 lại bồi-hồi nhớ trước, tưởng xưa, mà  
 lòng thu một tấm cũng ngây-ngất sầu!  
 Ôi! Hôn duyên em tại khóc thu, mà thu  
 kia như cũng vô-tình, có đem châu-  
 lệ đền bù cho em đâu!

Cùng buổi thu này, (trăng trong gió  
 mát, tao-khách thi-nhân say cảnh say  
 tình, cùng nhau cất chén hoàng-hoa,  
 ngậm thơ Tống-Ngọc, lưng bầu phong-  
 nguyệt, hẹn hò với thu. Riêng em trong  
 cảnh phòng không chiếc bóng, luống  
 túi mình đầu xanh lẻ bạn, giữa đường

lạc duyên, cho nên trông trăng những  
 nhớ trăng xưa, thấy thu lại tưởng thu  
 này rấm nao, mà rồi châu lệ giạt-giào,  
 tắc dạ cũng thê-lương, lòng riêng  
 không còn một cảnh vui nào để cho  
 mình ước-hẹn với thu. Người buồn  
 lại gặp cảnh thu, sầu riêng tram mỗi  
 bao giờ gỡ xong!

Anh ơi! Giọt lệ khóc thu, em chỉ vì  
 anh năm năm lai-lãng... Than ôi! Thu  
 sang, thu nào lòng người biết bao!

*Sầu thu nặng lệ thu đầy,  
 Vi-lau xan-vát hơi may lạnh-lùng.  
 Ngõn-ngang trộm mối bên lòng,  
 Ai đem thu-cảnh bạn cùng thu-tâm!*

*Viết ở sông Hương, mùa  
 thu năm quý-hợi (1923).*

TƯƠNG-PHỐ

..

### PHỤ-LỤC HAI BÀI THƠ Vợ trẻ khóc anh T.-V.-D.

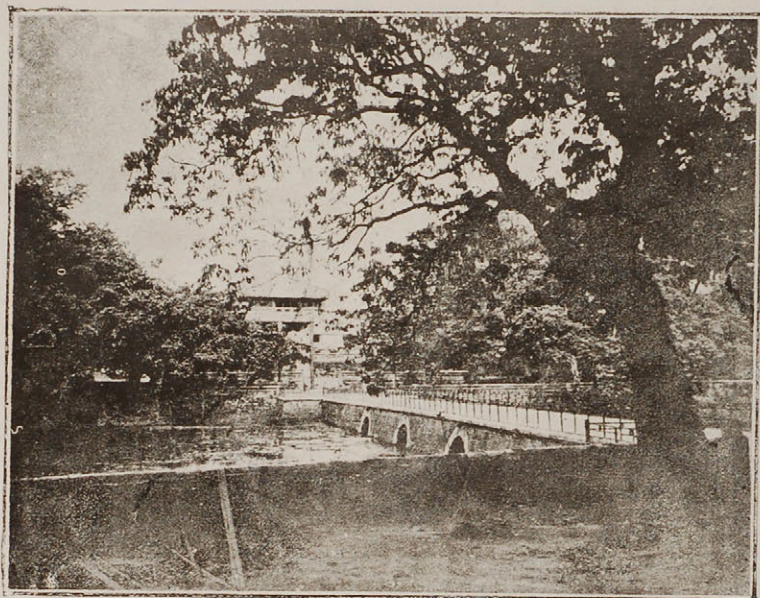
*Ngỏảnh lại trời Nam lệ chứa-chan,  
 Lửa hương thôi đã lỗi muôn vàn!  
 Hương chàng lỡ-dở đường .lạnh-lợi,  
 Tủi thiếp bơ-vơ lơi đoạn-tràng;  
 Chiếc bách dòng sầu e sông cá,  
 Nửa chén bại lạp nào canh tàn;  
 Từ đây non nước ngày xa vắng,  
 Chi xiết lòng em nổi dờ-dang!*

### Ngày giỗ nhớ.

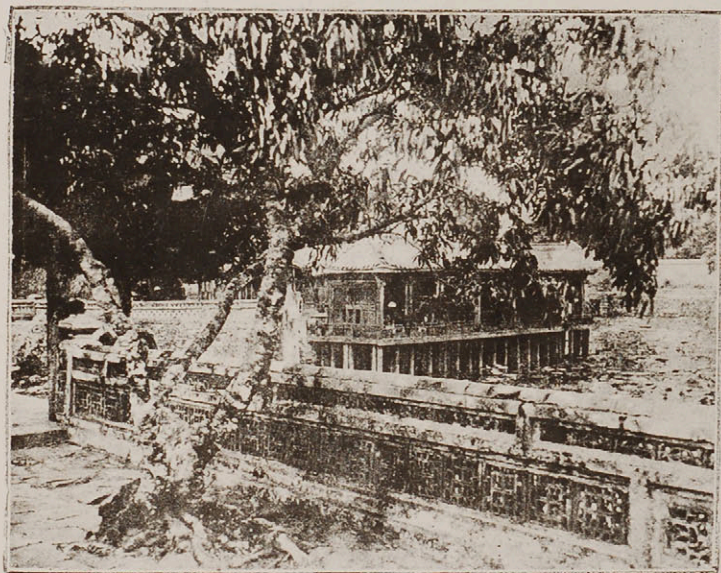
*Hai năm tháng bảy nhớ hôm nay,  
 Thảm khóc thương đau rấp một ngày;  
 Quán nước làng mây chàng rẽ lối,  
 Trời nghiêng đất lở thiếp chầu mây(1).  
 Hương xông khói tỏa sầu man-mác,  
 Vàng hóa tro làn dạ ngàn-ngáy;  
 Phảng-phất còn ngờ trong giấc mộng,  
 Ra vào đi đứng tưởng đầu đây!*

T. - P.

(1) Khi anh D. còn, trong thư giấy thường viết: « Trời nghiêng đất lở cũng không bao giờ  
 phụ nhau » (T.-P.)

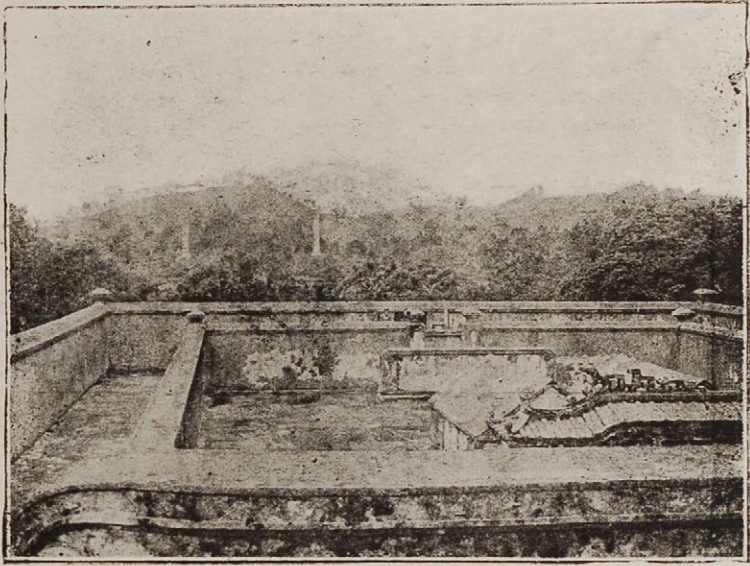


**Hiếu-lăng**  
(Lăng vua Minh-mạnh)



**Khiêm-lăng**  
(Lăng vua Tự-dức)

*Kinh ảnh T. C. Khuyên*



**Thiên-thụ lăng**  
(Lăng vua Gia-long)

*Kinh ảnh T. C. Khuyến*

## LỄ PHÉP DẠY TRẺ CON

Đời xưa nói đến cái cách gia-đình giáo-dục thì không đâu đủ bằng trong những thiên Khúc-lễ, Nội-tắc, Thiếu-nghi và thiên Đệ-tử-chức. Song nhiều chỗ nghĩa-lý cao sâu quá, trẻ con không thể hiểu được. Thiên này là của ông Hồ Hi-Minh 屠羲明 đời nhà Minh làm ra, kể từ lúc ăn uống nằm ngồi cho đến lúc đi người tiếp vật đều có phép-tắc, lời nói rất giản-đơn rõ-ràng, mà những nghi-tiết định ra đều theo ở trong kinh Lễ, chứ không phải là lời nói ưc-thuyết. Trẻ con cứ theo thế mà tập cho quen, thì có thể kiếm thức được tâm-thân là vì ở đó, mà suy ra yếu đấng thân kinh người trưởng cũng đều ở đó cả, nếu đem ra mà làm cái cách gia-đình giáo-dục ngày nay, cũng đủ giữ được lễ-giáo mà không trái với tục đời nay vậy.

\* \*

### Tựa

Kinh Dịch nói rằng : « Lúc trẻ phải dần cho đường chính-đáng là cái nền làm nên bậc thánh hiền vậy. » Dẫu theo về đường chính - đáng thì trước phải dạy cho biết lễ, người ta sai mất đường chính-đáng là lạc ra ngoài đạo thánh-nhân, chỉ bởi vì lúc tuổi trẻ không ai dạy cho biết lễ-giáo. thì tại mất chân tay không biết giữ gìn, làm nghề nói lãng không biết kiềm-thức, đến lúc lớn lên quen thói lười-linh, nhiệm-khí hang-hàng, như là nước đã vỡ đê rồi không thể ngăn được nữa, cây đã mọc vống lên rồi không thể uốn nắn được nữa, thì hư-hỏng còn biết đến đâu ! Vậy nên ông Chu-tử làm sách Tiều-học trước dạy cho trẻ con biết những nghi-tiết này quét gửi thừa ông Trình-tử bảo rằng học như thế rồi cũng có thể đạt lên được bậc thiên-đức, lời nói ấy không phải viễn-vông vậy. Ở đời những kẻ làm cha anh đã không biết dạy con em, chỉ lấy nuông-dưỡng làm ân, mà kẻ làm thầy thì cả ngày chỉ chăm về việc khóa-trình, phàm nhất-thiết điều lễ-giáo đều gác bỏ đi không giảng đến cả, thì trẻ con còn biết gì nữa. Thiên này làm

ra là theo trong sách Khúc-lễ, Nội-tắc, Thiếu-nghi, Đệ-tử-chức. tại cóp nhặt thêm lấy những lời dạy cốt-yếu của các bậc tiên-nho, mà biên-tập lại làm ra lễ đồng-tử này để làm kh ôn phép dạy con trẻ.

Sớm dậy thì phải súc miệng, rửa mặt, chải đầu để chỉnh-sức dung-nghi. Lúc rửa mặt thì lấy khăn tay che đỡ chỗ cổ áo, và vén gọn hai tay áo lên đừng để bẩn ướt vào. Lúc chải đầu thì phải cho trơn mượt chỉnh-tề đừng để rối lộn. Nhưng phải cốt lấy mộc mạc nhả-nhận làm hơn, chớ không nên bắt-chước cái thói phù-bạc xa-hoa ở chốn thị-tỉnh.

Khi mặc áo phải nên giữ-gìn cho cẩn-thận. Lúc ăn uống phải coi chừng để rây bẩn vào áo. Lúc đi đường cũng phải giữ-gìn đừng để bùn rây vào. Lúc phải làm việc gì thì cởi áo ngoài ra, chỉ mặc áo ngắn để làm việc cho tiện. Nếu áo bẩn hay là rách chỗ nào, thì phải giặt rửa cho sạch-sẽ rồi vá lại cho lành. Mặc áo cốt cho xóng, gài khuy thì cốt cho chặt, chớ không nên mặc rộng thùng-thình hoặc thiên lệch quá. Trên từ đầu tóc, dưới đến giày tất, đều

phải chú-ý chỉnh-sức, khiến cho xứng với lễ-dung. Lúc ở thường và lúc nâng ngực, lại càng phải nên giữ-gìn, chớ không nên trần áo để lộ cả thân-thể ra. Nếu hay giữ được như thế thì dầu mặc áo vải coi cũng đẹp. Đời nay những người làm cha mẹ cứ cho con ăn mặc xa-hoa, mà không biết ước-thức lấy lễ thì có ích gì.

Cái phép chấp tay thì-lễ thì lấy tay trái nắm chặt vào ngón tay cái bên tay phải, ngón tay út bên tay trái thì bắt về cổ tay bên tay phải, bốn ngón tay bên tay phải vẫn đều thẳng, mà cho ngón tay cái bên tay trái hướng trở lên trên, rồi để cho tay phải chấp vào ngực, nhưng cũng không nên để sát vào ngực quá, phải nên cho nó cách ra độ hơn một tấc. (Lễ dạy rằng tay phải cho kính-cần, nay dạy trẻ con lấy phép chấp tay, rồi thì dạy đến lễ ấp-bái, cứ theo thứ-tự mà tiến lên dần.)

Lúc chấp tay vài thì hai chân phải đứng rộng ra thì đứng mới vững, lại phải đầu gối cho ngay rồi cong mình xuống, mắt thì trông vào đầu đôi-giày của mình, hai tay vòng tròn lại mà vái xuống. Phạm vái bậc tôn hơn thì giơ tay lên đến mắt mà vái xuống. vái người trưởng thì giơ tay lên đến mồm mà vái xuống, vái người bằng hàng thì giơ tay lên đến ngực mà vái xuống, tay theo thân mình nhấc lên, lại chấp về ngang ngực

Phép lạy thì trước phải vái một cái rồi sẽ lui xuống, rồi lại vái một cái nữa mà phủ phục xuống, lấy hai tay chống xuống đất, trước quỳ bên chân trái rồi quỳ đến bên chân phải, cúi đầu xuống đến đất, rồi đứng dậy liền. Lúc đứng dậy thì đứng bên chân phải trước, lấy hai tay để lên đầu gối, rồi đứng bên chân trái lên, xong rồi lại vái mà lạy xuống; lễ-phép lúc lạy thì phải cốt thông-thả mới là kính, chớ không nên cấp-bách.

Lúc lạy phải chấp tay cúi đầu, sẽ xuống hai gối, lưng phải cho thẳng,

chớ không nên lay sụp xuống như nằm bò, thì mới là cung-kính. (Xét cái lễ bái quỳ thì nay đã bỏ đi rồi. Khi xưa lấy quỳ là một thường-lễ của kẻ ti-ấu đối với bậc tôn-trưởng, khi kẻ ti-ấu có lên hỏi-han điều gì hoặc dâng cái gì, thì đều phải quỳ. Hay là bậc tôn-trưởng có trái ý nổi giận, thì kẻ ti-ấu không đợi đến lúc quả trách, phải đến quỳ ngay trước mặt để nghe lời răn bảo).

Khi đứng thì phải chấp tay đứng ngay mình, hai chân phải đứng đều nhau thuận theo cái phương-vị mình đứng, chớ không nên đứng nghiêng lệch, nếu mình đứng gần chỗ tường vách, dầu mỗi-một lăm cũng không nên dựa nghiêng vào.

Khi ngồi thì phải định-thân ngồi cho ngay, thu chân vào chấp tay lại, không nên kê dựa ngã nghiêng, tựa xuống dưới chiếu ghế. Nếu cùng ngồi với người khác, thì lại càng phải khép-nép nghiêm-trang, chớ nên ngang-cánh tay ra để cho phương-ngại đến người khác.

Khi đi thì hai tay phải thu vào trong tay áo, thông-thả mà bước đi, chớ không nên giơ chân bước rộng quá, và chớ có đưa chân bên tả bên hữu để đụng đến áo quần, mắt phải thường trông xuống dưới chân, sợ bước sai chãng. Lúc lên cao phải lấy tay vén áo, để phòng cho khỏi vấp ngã. Những cái thói vung tay nhầy căng rất là khinh - bạc thì phải nên chữa đi. (Thường lúc đi cốt lấy thung-dung làm qui, nếu gặp bậc tôn-trưởng thì phải tỏ ý cung-kính bước rảo lên chớ không nên chậm quá.)

Phạm trẻ con phải nên giữ mồm mít nói, chớ không nên bốp-chộp nói luôn. Lúc nào có nói thì phải dịu-dàng cất tiếng cho êm-dềm, chớ không nên nói quát-tháo. Nói việc gì thì phải chứng-cứ cho có sự thực, chớ không được nói dối trá, và không được ra giọng kiêu-ngạo khinh người, cũng không được khinh bần những kẻ hơn người kém như cái

thời khinh-bạc ở chốn thị-tĩnh. Những câu đùa bỡn vô-tích lại càng nên cấm-tuyệt — Lời nói mà không giữ thì dễ buột miệng. Nếu biết sợ-hãi giữ-gìn thì ít lâu thành thói quen, sẽ ra người giản-mặc ít nói. Người làm cha mẹ đời nay thấy con có tính thông-minh, lúc con học nói lại hay bảo cho nó nói những câu thời đời khinh-bạc để làm vui, cái tính ấy phóng-túng đã quen đi không thể chữa lại được nữa, thế là dạy cho cái thói nói xằng, phải nên nghiêm-cấm đi.

Phàm lúc trông lúc nghe thì phải khép-nép tinh-thần, để cho tai mắt chuyên-chú vào, ví như mắt xem sách thì phải chuyên-ý vào sách, không được trông nghiêng trông ngửa ra chỗ khác. Tai đương nghe lời cha mẹ dạy bảo hay là đương lúc nghe lời thầy giảng-diễn cho, thì cũng phải bắt chuyên-ý lắng nghe, chứ không được nghe nhầm lời nói khác. Còn những lúc không phải là xem sách, không phải là nghe thầy giảng, thì cũng phải trông cho ngay, nghe cho chính-đáng, đừng để cho cái tâm lảng ra ngoài. Cái thông-minh của trẻ con nó mới khai-phát ra tự tai mắt, nếu tai nghe mắt trông mà không phòng giữ, thì cái thông-minh ấy bị phải ngoại-vật nó dẫn dụ đi thành ra nó đem cái tâm đi mất, vậy nên dạy trẻ phải cẩn-thận về lúc nó trông nghe.

Phàm lúc ăn uống phải nên khép-nép mà ngồi cách bàn ăn ra, chớ không nên ngồi áp sát vào, lúc cầm đũa thì phải thông-thả rồi sẽ gấp lấy thức ăn ở trong mâm, chớ không nên vội-vàng, để cho thức ăn rơi bậy cả ra. Lúc nhai nuốt thức ăn không nên nhai cho có tiếng chóp-chếp, cũng không được tùy cái ý thích của mình mà gấp lấy ăn cho nhiều. Khi đặt đũa đặt bát xuống cũng phải để ý coi cho cẩn-thận, đừng để lỡ ra đến rơi vỡ. Nếu không phải ngày lễ-nhất, ngày nghỉ-ngơi và thừa mệnh đấng tôn-trưởng cho uống rượu,

thì không được uống rượu, giá có uống thì cũng không được quá ba chén. Lễ cốt phải cẩn-thận lúc ăn uống là trước nhất, trẻ con về lúc ăn uống lại càng dễ phóng-túng mà thất-lễ. Chỉ nhờ về cha mẹ không có dăm yêu mà cho ăn uống có tiết-độ, và bậc tổ-trưởng không từ trách oán mà dạy lấy cách ăn uống cho có lễ, thì không những là nuôi được đức-tính hay mà lại nuôi được cả tính-thần nữa, điều ấy là rất cần.

Trở lên là cái lễ để kiểm-thúc cho tâm-thần trẻ con.

— Trước khi quét thì lấy cái chậu gỗ đựng nước cầm về bên tay trái, bên tay phải thì lấy cái que tre hoặc nứa sẽ rây nước trong thềm nhà, trước rây chung-quanh chốn tôn-trưởng ngồi, rồi lần lượt rây ra ngoài, xong dáu vào đấy rồi, mới lấy chổi kê lên trên miệng cái gờ hai tay bụng đến chỗ quét, rồi một tay cầm chổi quét, một bên tay ác gờ lên che khuất chổi đi từ từ mà quét giạt lùi ra ngoài, đừng để bụi lên đến chỗ tôn-trưởng ngồi. Quét xong rồi vơ rác bụi vào gờ đem đi đổ ra chỗ khác.

Phàm đấng tôn-trưởng có gọi đến thì phải thưa ngay không được chậm-chạp, đương ngồi thì phải đứng dậy, đương ăn thì phải nuốt đi mà thưa, nếu ở chỗ xa thì bước rảo lên gần đến tận nơi, bậc tôn-trưởng có hỏi điều gì thì phải tùy việc mà thưa cho thực, khi thưa gửi phải che mồm lại, mà phải nghe rõ tôn-trưởng hỏi điều gì, hỏi hết lời rồi mới dám thưa, chớ không được đương dở câu hỏi mà nói đăm ngang vào. Thưa gửi xong rồi, đợi đấng tôn-trưởng có bảo điều gì, không thì lại về chốn cũ. Lúc trước khi đấng tôn-trưởng chữa gọi hỏi, phải xét xem nhan sắc đấng tôn-trưởng ý muốn cái gì, thì mới khỏi sai lầm.

Lúc vào yết-kiến đấng tôn-trưởng, không bảo bước lên thì không dám

bước, không bảo lui xuống thì không dám lui. lúc bước lên thì phải cong mình cúi đầu bước rảo mà đi lên, chỗ đứng thì không được búc gần đấng tôn-trưởng quá, phải cách ra độ ba bốn thước rồi mới vái chào. Lúc lui cũng phải bước rảo mà ra, phải theo bên cạnh đường mà đi, đừng có ngoảnh lưng trái lại về đấng tôn-trưởng, và thỉnh-thoảng lại phải ngoảnh lại, ngộ đấng tôn-trưởng có lại bảo gì chẳng. Nếu cùng lũ bằng vai đều bước lên thì phải cứ theo tuổi mà đi cho có thứ-tự, lúc bước lên thì cứ theo thẳng một hàng, không được vượt thứ đi lộn bậy. Lúc lui xuống thì cùng đều bước ra, không được kể ra trước người ra sau lộn-sộn.

Mùa hè đứng hầu cha mẹ, thì thường phải phải quạt cho mát chỗ cha mẹ ngồi, để cho thanh bớt khí nóng và xua đuổi ruồi muỗi đi. Mùa đông thì phải xé xem áo chăn cái nào dày mỏng, than lửa lúc nào nên nhiều ít, để liệu mà thêm bớt cho đều; lại phải xem xét những chỗ cửa sổ hở - hang, dùng để cho gió rét lọt vào, cốt làm sao cho cha mẹ yên vui mới thôi.

Từ khi mười tuổi trở lên sáng, sớm phải dậy trước cha mẹ, chải đầu rửa mặt xong, rồi đến trước giường cha mẹ, thăm xem cha mẹ đêm qua ngủ có yên không. Nếu cha mẹ đã dậy rồi, thì tới gần vái một cái mà thưa hỏi, hỏi xong lại vái một cái mà lui ra. Buổi tối phải chực xem lúc cha mẹ sắp đi ngủ, thì vào quét giường giải đệm để đợi đó, cha mẹ đã vào nghỉ rồi thì mình buông màn sẽ khép cửa mà lui ra.

Trong chốn gia-dình những lúc ra vào phải nên cẩn-thận, như lúc sắp ra trường học thì tất phải hướng vào cha mẹ a h chỉ vái thưa xin đi rồi hãy bước ra. Lúc bữa cơm và lúc nghỉ học cũng tất phải theo thứ-bậc vái mời rồi mới vào ngồi ăn hoặc đi nghỉ. Lúc ở

nhà trường hoặc cha mẹ có cho gọi bảo gì mà phải đi ra, thì trước phải đứng lên xin phép thầy, thầy cho ra thì mới được đi ra. chứ không được tự-ý. Đến khi trở vào nhà trường, tuy không phải là lúc vái chào, nhưng cũng phải nghiêm-trang vái một cái rồi mới đến chỗ ngồi. Tính trẻ con rất là khó giữ-gìn mà dễ phóng-tung, nếu cha mẹ cứ cô-tức mà nuông-qua, không cần-phòng những lúc đi ra đi vào, thì người thầy cũng khó lòng mà hạn-chế được, dễ thành ra phóng-lung.

Phàm dâng cơm lên bậc tôn-trưởng, trước hết phải lau bàn ăn cho sạch rồi sau hai tay bưng thức ăn lên đặt lên trên bàn, bát đĩa phải lau cho sạch-sẽ, thức ăn rau-rua phải bày cho thứ-tự, xem bậc tôn-trưởng thích ăn thứ gì thì bày lại gần trước mặt, đấng tôn-trưởng bảo hãy thôi thì mình lui đứng sang bên cạnh. Đến khi ăn xong thì mình bước lên mà cất đũa. Nếu đấng tôn-trưởng cho ngồi hầu ăn, thì mình vái mà đến chiếu ngồi, lúc ăn theo đấng tôn-trưởng ăn thức gì thì mình sẽ ăn thức ấy, nếu bậc tôn-trưởng chưa ăn thì mình cũng không dám gấp trước, bậc tôn-trưởng ăn gần xong thì mình cũng ăn mau cho xong đi, đợi khi đấng tôn-trưởng đặt bát xuống bàn thì mình cũng đặt xuống. Sắp bày cơm nước là cái lễ con nuôi cha mẹ và kẻ đệ-lữ nuôi đấng sư-trưởng, nay trẻ con thường lấy sự phải bưng cơm làm xấu-hỗ, thì không lấy gì để tỏ được cái lòng hiếu kính, mà chiết bớt cái khí kiên-ngạo của trẻ con, vậy nên cái lễ hầu cơm nước cũng không nên thiếu.

Phàm ngồi hầu đấng tôn-trưởng mắt phải thường kính xét nhan-sắc, tai phải thường kính nghe lời bàn nói, nếu đấng tôn-trưởng có bảo gì thì phải đứng dậy, thấ. đấng tôn-trưởng đã có sắc mồi thì mình phải xin cáo lui. Nếu có xin nói rặng với đấng tôn-trưởng điều gì thì sẽ nép mình đứng sang một

bên. Chức-phận kẻ đệ-tử thì phải nên đứng hầu, nếu đấng tôn-trưởng bảo cho ngồi, thì mình cũng nên theo mệnh mà ngồi.

Theo hầu đấng tôn-trưởng thì phải đi đằng sau, nhưng cũng không nên đi xa quá, sợ có hồi điều gì chẳng, nếu có hồi đến thì sẽ bước lên bên cạnh để cho tiện ứng thừa. Mắt mình trông thì phải trông theo với đấng tôn-trưởng. Nếu khi đấng tôn-trưởng có trèo bước lên cao, thì mình phải nâng đỡ đằng trước đằng sau; đấng tôn-trưởng có giắt tay cùng đi thì mình phải lấy hai tay nâng đỡ mà theo đi; giá có gặp người quen ở giữa đường thì chỉ chào vái mà cáo - biệt đi ngay, chớ không được bỏ đấng tôn-trưởng mà đứng lại nói chuyện.

Phàm gặp đấng tôn-trưởng ở đường thì phải bước rảo lên mà vái chào, nếu có hồi điều gì thì phải thưa, bảo cho lui thì vái chào mà đi. Nếu gặp đấng tôn-trưởng cưỡi xe ngựa thì bước rảo mà tránh ra một bên, hoặc là bậc quan-trưởng tôn hơn cứ ngồi trên xe không hỏi đến mình, thì mình cũng phải đứng chấp tay bên cạnh đường đợi cho xe ngài đi qua đã rồi mới đi.

Phàm đấng tôn-trưởng đương làm việc gì thì mình không cần phải đợi ngài bảo, cứ bước rảo đến bên cạnh cung kính mà làm hộ. Khi ngài sắp ngồi thì mình phải quét bụi giải chiếu cho ngay. Như những lúc hầu ngài tập bắn, hầu ngài chơi đầu-hồ thì mình phải đứng hầu nhặt tên và đưa tên. Như lúc ngài rửa mặt thì phải bưng chậu lấy khăn. Đêm ngài có đi đâu thì mình phải cầm đèn đi trước để dẫn đường; đại-loại như những việc ấy không thể kể xiết được. Nhưng lúc hầu ngài cốt phải chuyên-chí chính-dung, không được trê-nải làm làm lẫn. Phàm người bậc trên thì nên được thông-thả, bậc dưới thì phải khó-nhọc, cho nên những việc khó-nhọc thì kẻ

con em phải làm đỡ, đó là cái chức-phận kẻ đệ-tử phải nên như thế.

Trở lên là cái lễ của kẻ đệ-tử khi vào thì phải kính thờ cha anh, khi ra thì phải phụ-giờ đấng sư-trưởng.

— Khi vào học ông thầy thì phải nhường người hơn tuổi đứng trước, rồi cứ theo tuổi mà tiến lên, khi học xong vái chào mà lui. Những bài mình học chỗ nào chưa hiểu lắm thì trước phải hỏi người học trò hơn tuổi, chớ không dám nhàm hỏi mà thưa thầy vạy. Nếu có hỏi thầy điều gì thì trước phải xong áo khép nép đứng dậy bước lên mà thưa rằng: Thưa thầy, con về điều ấy chưa được hiểu rõ, hoặc là chỗ nghĩa sách ấy chưa được thông, dám xin hỏi. Thầy có bảo lại điều gì, thì phải lắng tai mà nghe cho rành, thầy bảo xong rồi thì lại về chỗ mình mà ngồi. Lúc vào học ông thầy, thì không cứ lấy người giỏi người dốt chia thứ-tự trước sau, phải cứ kể tuổi hơn kém mà đứng hầu, đó là bảo trẻ học-trò cho biết lễ. Đờ nay các thầy cứ thấy anh học-trò nào thông-minh thì lại cho lên đứng trước người hơn tuổi, đó là dạy cho nó thêm tinh ngạo và đờng cho nó cái nét kiêu, như thế là không phải.

Khi ngồi học thì phải thẳng mình mà ngồi cho ngay, phàm uể-gạc sách-vở nghiên - bút sắp đặt cho có ngăn-nắp, những quyển sách nào thường đọc, những đồ-vật nào thường dùng, lúc phải cần đến thì phải thung-dung mà lấy ra, chớ không được kéo ra bừa-bãi. Khi đọc, khi dùng xong rồi thì lại để y-nguyên chỗ cũ, chớ không được để lẫn lộn. Nếu có cho ai mượn sách-vở đồ-vật gì, thì phải biên ghi vào sổ riêng, để nhớ mà đòi về chớ đừng để quên mất.

Những khi thầy học có khách-khứa đến chơi, thì các học trò cứ theo thứ-tự mà đứng hầu, đợi khi ông thầy vái chào tôn-khách xong rồi, thì học trò mới bước lên mà vái chào khách. Khi

khách lui ra thì cũng phải nghiêm-trang mà vái tiễn. Ông thầy tiễn khách ra cửa, thì học-trò đứng đầu cứ đứng đấy, đợi thầy trở vào bảo cho ngồi mới được n.đi. Nếu người khách có quen biết một người học-trò nào ở trong lớp mà muốn hỏi, thì người học-trò ấy cũng phải đợi ông thầy chào hỏi khách xong, rồi mình mới dám bước ra vái chào, khi khách lui ra về, mình cũng không dám đưa tiễn ra ngoài xa. Nếu không phải người đồng loại thì không nên quen thân.

Khi đọc sách thì phải định-tâm chỉ h nét mặt, xem từng chữ ngắt từng câu mà đọc thông-thả, cốt chữ nào chữ ấy cho hiểu rõ, chớ không được mắt trông ngơ ra chỗ khác, tay vừa nghịch cái đồ chơi. Cốt phải nhận kỹ mà đọc cho hết, đọc hết mà còn chưa thuộc thì phải đọc đi đọc lại cho thuộc, tuy rằng đã thuộc rồi, mà cũng phải nhắm đi nhắm lại cho kỹ. Lại còn phải hằng ngày học ôn, hoặc là hàng tuần hàng tháng lại đem ra nghiên-ngẫm cho kỹ để cho được nhớ lâu. Đọc sách không cần phải đọc nhiều, cốt phải ra công học cho kỹ-càng, lâu rồi tự-nhiên là tấn-tới lên dần. Nay các học trò học thì cứ hay học ép cho nhiều, mà ông thầy thì lại lấy học trò học được nhiều bài làm công-cán để cho bằng lòng các bậc cha anh, thường không xét xem học trò thuộc kỹ hay không, cứ bắt học thêm cho nhiều, học rồi thì lại quên liền, vậy nên chừa cái thói ấy đi.

Phàm lúc viết chữ không cứ rằng xấu tốt, trước nhất phải để tâm cầm bút cho nghiêm-chỉnh, viết ra nét chữ cho ngang bằng sổ ngay, không được lười biếng khinh-dị, mà chỉ viết lạo-thảo lệch-lạc, thành ra cái thói quen viết hay sai lầm, chừa xóa lèm-bèm. Khi mài mực đặt bút đừng để rơi bắn ra, đến nổi rây-ổ ra ngoài. Những cái thói viết láo trên mặt nghiên và

trên mặt bàn ghế, rất là bất-nhã, phải nên chừa đi.

Trở lên là cái lễ khi vào học tập ở nơi nhà học.

### Lễ phép lúc ở trong nhà

*Xét : Chính luân-lý, gốc ân-nghĩa, phân-biệt kẻ trên người dưới, nghiêm-cần nơi trong nơi ngoài, đó là cái lễ-phép lúc ở trong nhà vậy. Thiên này là ông Tư-Mã Ôn-công làm ra nói về cái lễ-phép ở trong nhà kẻ ra đã đủ, Đại-ý nói trước phải chỉnh thân mình để chỉnh trong một nhà, phép nghiêm ý mặt, khả làm khuôn phép cho đời xưa đời nay, trong gia-đình mà hay noi được lễ phép ấy không sai, thì cũng đủ chỉnh-tề được trong nhà, không then với cái đạo trị-gia vậy.*

\*  
\*  
\*

Phàm làm người gia-trưởng, trước phải cần giữ lễ-phép, đề quản-trị các con em và gia-chúng, mỗi người phải chia cho một chức-sự (như là những việc coi sổ-sách tiền thóc, coi trong bếp nước, sửa ngoài vườn ruộng, v.v) và giao cho một việc mà làm (như những việc hằng làm trong sớm tối và việc bất-thường, v.v) mà trách-cứ phải làm cho thành công. Lại phải tiết-độ tiền-của, lượng số thu vào để tiêu ra, cốt sao cho vừa xứng cái tư cách trong nhà có hay không, đề đủ cấp cho sự ăn mặc kẻ trên người dưới, lại còn chi-phi những việc hiếu việc hiếu đều phải có tiết-độ, cái gì cũng chia cho đều. Ví như đem hết cái tiền của số-hữ mà chi tiêu phân cấp cho đều, thì dầu có kẻ phải ăn cơm hầm phải mặc áo rách cũng không ai dám oán giận. Lại phải tinh-giảm những sự những-phi, cấm-chỉ những lối xa-hoa, để dành tiền cho có thừa-thãi, phòng những lúc không ngờ.

Phàm những kẻ đồng-ấu không cứ việc lớn việc nhỏ không được tự-

chuyên, tất phải bằm thừa với đấng gia - trưởng. Kinh Dịch nói rằng: « Trong nhà có đấng nghiêm-quân. » Cha mẹ tức là đấng nghiêm-quân đó, lễ nào có đấng nghiêm-quân ở trên, mà kẻ dưới lại dám cứ tự-ý mà làm liều không đoái gì đến cái ? Cũng có khi tuy không phải là cha mẹ mà là bậc gia-trưởng trong một nhà thì làm việc gì mình cũng phải nên trình bằm, để cho hiệu-lệnh ra từ một người, thì gia-chính mới có thể trị được.

Phàm kẻ làm dâu làm con, không được chứa riêng tiền của, nếu có bổng-lộc và vườn ruộng thù được lợi bao nhiêu nên nộp cả cho cha mẹ hoặc là bố chồng mẹ chồng, khi nào nên dùng thì xin phép lấy ra mà dùng; không dám vay mượn riêng, không dám đem cho riêng. Phàm làm con kính-thờ cha mẹ, cháu thờ ông bà, nàng dâu thờ bố chồng mẹ chồng, cháu dâu cũng vậy, khi trời sắp sáng, phải trở dậy sớm, rửa mặt, súc miệng, chải đầu, vẩy tóc, mặc khăn áo chỉnh-tề; mờ sáng, đi đến chỗ cha mẹ hoặc chỗ bố chồng mẹ chồng thăm hỏi, đó tức là lễ thần-tỉnh 晨省 lúc hằng ngày.

Khi cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng đã dậy, thì dâu con phải cung thuốc-thang vật-phẩm (thuốc-thang là cái thứ thiết-dụng có quán-hệ, làm con phải nên thân tự tiến-dâng, chớ không nên chỉ phó mặc cho kẻ đầy-tớ con đòi. Nàng dâu phải sớm dâng thức ăn diêm-tâm, xong rồi mới lui ra làm việc gì thì làm. Lúc sắp đến bữa ăn thì dâu con phải hỏi ý ngài muốn ăn thức gì (kể tí-ấu không được tự-ý mua thức gì thì mua), rồi lui ra sắp đủ mà dâng lên. Khi nào bậc tôn-trưởng đã nhắc bữa ăn thì dâu con mới lui ra nơi khác để mà ăn. Con trai con gái đều bày bàn ăn một nơi, cứ theo thứ-tự trưởng-ấu mà ngồi, thức ăn uống đều chia cho đều. Trẻ con lại cho ăn riêng một nơi cũng phải theo thứ-tự trưởng-

ấu giải chiếu xuống đất mà ngồi, con trai ngồi bên tả, còn gái ngồi bên hữu. Đến bữa cơm chiều cũng thế. Đến đêm cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng đi nghỉ, sắp đặt yên rồi mới lui ra. Đó tức là cái lễ hôn-dịnh 昏定 thường lễ vậy.

Lúc ở thường vô sự, thì đi vào hầu chôn cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng, dung-mạo phải cho kính, chấp-sự phải cho cẩn, nói-năng ứng-đối tất phải hòa-khi dịu lời. Khi ngài khởi-cư ra vào tất phải cẩn-thận nâng đỡ, không được khạc nhổ làm om-xòm ở chỗ bên cạnh cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng ngồi. Cha mẹ bố chồng mẹ chồng không bảo ngồi thì không dám ngồi, không bảo lui thì không dám lui.

Phàm làm con đã nghe cái mệnh của cha mẹ, thì tất phải ghi nhớ, thường xét đến mà làm cho chóng xong đi, khi xong việc rồi thì tất phải phục-mệnh. Hoặc là mệnh của cha mẹ không thể làm được thì phải hòa-sắc dịu tiếng phân-trần lễ phải trái lợi hại cho rõ-ràng, đợi khi cha mẹ thuận cho thì mới cãi mệnh. Nếu không nghe cho thì việc gì mà nó không có hại lắm cũng nên khước-tùng. Nếu cứ cãi lời cha mẹ mà cho cái mệnh ấy là không phải, cứ tự làm cái ý mình, thì tuy rằng mình chấp-lý là phải, nhưng cũng là đưa con bất-thuận, huống-chi chữa chắc mình đã là phải.

Khi cha mẹ có làm-lỗi thì người con phải nên khi hòa sắc, dịu lời can, can nếu không nghe thì con lại càng phải kính phải hiểu, nếu cha mẹ vui lòng thì lại can, chẳng vui lòng thì thôi; nếu dễ mang tiếng đến làng xóm châu huyện, thì thà rằng phải can-ngăn cho đến nơi, khi cha mẹ giận chửi bằng lòng mà đánh cho chảy máu, thì cũng không oán-giận.

Phàm kẻ làm con em, không dám lấy mình phú-quí mà dám bác bậc khỏe hơn cha anh và cả tôn-tộc. Ấy

là cái lễ kê ti-âu không dám cậy phú-quí bắc bạc hơn người.

Phàm làm con khi ra thì phải thưa, khi trở về thì phải trình diện, khi trong nhà có khách-khứa, mình là con thì không được ngồi ở giữa nhà. Nên ngồi riêng trong buồng học, nếu không có buồng học, thì ngồi ở bên cạnh trái nhà khách. Khi lên xuống không được qua thềm bên đông. Khi lên ngựa xuống ngựa không dám đứng ở trước nhà sảnh-đường. Việc gì cũng vậy, không dám vi bằng với cha.

Dương Phục nói rằng : « Khi ra phải thưa khi về phải trình diện, nghĩa là khi tự ngoài trở về thì phải đến trước mặt cha mẹ xét xem nhan-sắc cha mẹ có được yên không. Nguyên cha mẹ không có một lúc nào mà chẳng nghĩ đến con, vậy nên thường khi tựa cửa mà mong con. Kể làm con thì không một lúc nào dám quên dấng thân, vậy nên có cái lễ đi ra phải thưa đi về phải trình. Khi cha mẹ còn thì khi ra thưa bẩm khi vào phải trình, khi cha mẹ mất thì lúc con đi đâu phải cáo, lúc trở về thì có lễ âm-chỉ, đó là thờ cha mẹ lúc mất rồi mà cũng như là lúc còn vậy.»

Khi cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng có đau yếu, thì con và con dâu vô-cố không được bỏ đi nơi khác, phải thân tự trông nom thuốc-thang, dễ dàng lên nuôi-nấng. Khi cha mẹ đau thì nét mặt con không được hờn-hở, không được đùa bỡn, không được đi yến tiệc chơi-bời. Nhất-thiết mọi sự đều không nên được như thường, có khi lo nghĩ không dám chớp mắt, hầu-hạ luôn không dám cởi bỏ áo.

Phàm các việc khác đều gác bỏ cả, chỉ chăm-chăm về việc di đón thầy thuốc, kiểm xét bài thuốc và điều-hòa vị thuốc. Khi nào cha mẹ khỏi như thường thì mới thôi.

Phàm con thờ cha mẹ, cha mẹ yêu ai thì mình cũng phải yêu, kính ai thì mình cũng phải kính, đến như loài chó loài

ngựa mà cha mẹ yêu đến thì mình cũng phải trông nom, hưởng-chi là người tự

Phàm con thờ cha mẹ trước hết phải làm cho cha vui lòng, không được trái chí cha mẹ, và phải làm vui tai mắt cha mẹ, và làm cho cha mẹ được yên nghỉ, tại thường lấy lực ăn uống hết lòng nuôi-nấng cha mẹ. Kể ấu kính người trưởng, kể hèn kính thờ người sang cũng phỏng theo lẽ ấy.

Phàm người con hoặc người con dâu nó không biết kính không biết hiếu thì cũng không nên ghét bỏ nó vội, hãy dạy bảo nó đã, nếu không dạy được bấy giờ mới giận mà trách mắng, trách mắng không xong bấy giờ mới đánh đòn, đánh mắng mãi mà nó vẫn không đổi lỗi thì đưa con ấy phải đuổi mà người nâng dâu ấy phải ruồng bỏ đi, tuy rằng phải ruồng bỏ nhưng cũng không nói phò cái lỗi của chúng nó ra. Con tuy rằng rất bằng lòng người vợ mà cha mẹ không bằng lòng, thì cũng phải bỏ. Con tuy rằng không thuận người vợ ấy mà cha mẹ bảo rằng: Nó khéo phụng-dưỡng ta, con nên cùng nó làm lễ vợ chồng; như thế thì con phải nghe lời cha mẹ ở với người vợ ấy suốt đời.

Phàm làm cửa nhà thì phải làm cho ngăn nắp trong ngoài, buồng kín cửa vững, trai ngoài gái trong, không được chung-chạ, không được chung buồng tắm, không được chung chuồng xi, trai làm việc ngoài, gái làm việc trong, con trai ban ngày vô-cố không ở trong buồng riêng; con gái vô-cố không được dòm-nom ra giữa cửa. Con trai ban đêm đi phải cầm đèn đuốc, con gái có việc gì ra khỏi cửa thì phải khép-nếp che mặt. Như là phải có khăn trùm đầu hoặc nón che đầu.) Đầy-trai không có sửa-sang công việc gì trong nhà, hoặc không có cơ gì can-hệ (như những lúc trộm giặc nước lửa) thì không được xông vào trong cửa buồng, nếu nó vào trong buồng thì người đàn bà phải

tránh ra, nếu không tránh được thì phải lấy tay che mặt mà đứng lánh ra. Đầy-tớ gái vô-cổ không được ra khỏi cửa, nếu có việc mà phải ra ngoài cửa thì cũng phải khép-nép che mặt, (đưa thị-ti nhỏ cũng bắt phải thế). Còn những thằng nhỏ hầu-hạ nhà ngoài thì chỉ cốt để chạy thông-báo việc trong ngoài và truyền-dệ các thức-vật, vô-cổ không được bước vào nơi trung-đường trong nhà), và xông xáo vào bếp nước.

Phàm kẻ ti-ấu đối với bậc tôn-trưởng buổi sớm cũng phải vào thăm hỏi, đêm cũng phải xếp đặt chỗ nghỉ cho yên-đn. Khi đưng ngồi mà đấng tôn - trưởng đi qua thì phải đứng dậy, khi đi ra mà gặp đấng tôn-trưởng ở giữa đường thì phải xuống xe. Độ hơn hai ngày mà không được yết-kiến đấng tôn-trưởng, khi gặp thì phải vái hai vái, hơn năm ngày thì phải vái bốn vái. Khi lạy mừng về tiết đông-chí hoặc tết nguyên-đán thì phải sáu lạy, ngày sóc ngày vọng thì phải bốn lạy, phàm những số lạy ấy nếu đấng tôn-trưởng lâm-thời muốn thôi mà giảm đi cho, thì phải theo mệnh đấng tôn-trưởng.

Phàm nhận lạy người rề hoặc người cháu sanh (cháu gọi mình bằng cậu) thì phải đứng lên mà đỡ dậy; người cháu ngoại lạy thì đứng đó mà nhận lạy cũng phải.

Phàm khi tết-nhất hoặc khi yến-tiệc thượng-thọ bậc gia-trưởng, thì kẻ ti-ấu phải mặc áo đẹp, đứng vào hàng cho có thứ-tự, mà làm theo như nghi-tiết ngày sóc vọng. Trước nhất phải lạy hai lạy, rồi thì kẻ đệ-tử đàn anh một người bước lên đứng về trước mặt bậc gia-trưởng, kẻ đàn em một người bưng chén rượu đứng về bên tả, một người bưng hồ rượu đứng về bên hữu kẻ đàn anh quỳ xuống rót rượu rồi chúc rằng : « Xin chúc gia - trưởng đủ gồm năm phúc, đề cho được vui thuận cửa

nhà. » Bậc tôn-trưởng uống xong chén rượu rồi đưa lại chén cho kẻ ti-ấu, đem đến để chỗ cũ, kẻ đàn anh phải phủ-phục rồi đứng dậy lui ra, thứ đến kẻ ti-ấu đều vào lạy hai lạy, bậc gia-trưởng truyền cho những kẻ ti-ấu vào ngồi thì những kẻ ti-ấu đều lạy hai lạy mà vào ngồi, rồi bậc trưởng-giả sai người hầu rót một lượt rượu cho những kẻ ti-ấu, mọi kẻ ti-ấu đều phải đứng dậy rồi lại đứng sắp hàng như trước mà lạy hai lạy, rồi mới đến chỗ ngồi. Khi uống hết chén rượu, bậc gia-trưởng sai cho đôi áo thường thì đều lui đôi áo thường, lúc trở ra mới lại đến chỗ ngồi.

Phàm trong ngoài những kẻ đầy-tớ trai đầy-tớ gái, khi gà mới gáy sớm thì đều dậy, mà chải tóc, rửa mặt, súc miệng, rồi mặc xông-áo. Kẻ đầy-tớ trai thì vẩy quét nhà sân-dương và sân, những thằng nhỏ thì vẩy quét trong sân giữa, kẻ đầy-tớ gái thì vẩy quét trong nhà rồi bày đặt ghế ý, bày những đồ rửa mặt súc miệng. Bà chủ-phụ chủ-mẫu đã dậy thì vào rũ giường gấp chăn đệm, rồi vào đứng hầu bên tả bên hữu để chực xem ngài có sai khiến gì không, rồi lui đi mà sắp thức ăn uống dâng lên. Được lúc rồi, thì giặt-rửa khâu vá, trước làm việc công, sau làm đến việc riêng mình. Đến tối thì lại rũ giường giải chăn đệm. Ngày thường thì kẻ đầy-tớ con hầu trong ngoài đều nghe theo mệnh chủ-nhân, người nào làm việc người ấy để cung mọi việc.

Phàm kẻ đầy-tớ gái, hạng bằng vai (hầu về bậc ngang hàng chủ-ông) thì phải gọi người hơn tuổi làm chị. Hạng đàn em (hầu về các con), thì phải gọi bậc người trước là dì, cốt phải cho hòa-mục. Nếu có tranh đánh lẫn nhau, mà ông bà chủ-phụ chủ-mẫu nghe tiếng lập-lức quở-trách thì phải thôi ngay. Thiên *Nội-tắc* rằng : « Phàm những kẻ ti-thiếp, áo mặc

thức ăn phải nhường người hơn tuổi lấy trước » Trịnh Khang-Thành nói rằng : « Người ta không cứ sang hèn đều không được vô-lê, phải giữ thứ-tự trưởng ấu cho nghiêm. »

-Phàm đầy-tớ trai, kẻ nào tin-thực dùng được thì cho bổng-lộc hậu ; kẻ nào cân-dáng được việc nhà là bậc thứ hai. Còn đũa nào chỉ hay đối-giá, trái phép công làm việc riêng, lại hay trộm-cắp, hỗn-hào phạm-thượng thì phải đuổi đi ngay.

Đầy-tớ gái đũa nào đến tuổi mà không muốn ở nữa thì cho ra. Đũa nào chăm-chỉ ít làm-lỗi, thì giúp cho tiền mà cho đi lấy chồng. Đũa nào ở ra hai lòng, lật-lọng đầu lưỡi, bịa đặt những lời gièm-pha, để làm ly-gián tình cốt-nhục trong nhà, thì phải đuổi đi. Đũa nào trộm cắp thì đuổi đi ; phóng-dăng bắt-cần cũng đuổi đi ; đũa nào có ý làm ly-phản thì phải đuổi đi ngay.

ĐÔNG-CHÂU dịch

## THƯ CHO NGƯỜI BẠN

Nguyễn-huỳnh,

Từ khi biệt nhau trên sông Hương đến giờ, thấm-thoắt đã ngót hai năm trời. Cái đêm hôm ấy đêm nào : gió hiu-hiu thổi, trăng tờ-mờ soi, con thuyền lơ-lửng giữa sông, đêm đã khuya, khách chơi sông đã vắng, tiếng đàn tiếng hát cũng không còn nghe thấy văng-vẳng trong khoảng không tịch-mịch ; hai anh em ta nửa muốn ở, nửa muốn về ; muốn về để tôi nghỉ lấy một vài giờ cho sáng mai lên đường sớm ; muốn ở vì câu chuyện chưa dứt, sắp phải chia tay, rồi đây kẻ Nam người Bắc, chưa dễ chốc lát đã gặp nhau, còn giờ nào nên cùng nhau họp mặt cho thoả chí. Lại thêm cái cảnh trời nước bấy giờ êm-dềm lặng-lẽ vô-cùng, tưởng như hai người nghe thấy quá tìm của nhau đường đập vậy. Mà những câu hát náo-nùng vừa nghe lúc này còn như tê-tái cả trong lòng :

*Dầm-dề chiều ngọc,*

*Chạnh đau-dớn gan vàng,*

*Em trách dò Tào-hóa đưa ngang  
không tới bờ ! . . .*

Bên đình cắm thuyền giữa sông,  
ngồi cho đến sáng.

Tôi còn nhớ bác bảo tôi rằng : « Người đời hay lạm-dụng hai chữ tri-kỷ, Anh

em ta chẳng hay đã được là tri-kỷ với nhau chưa, nhưng không biết làm sao nói chuyện với nhau không biết chán, nhiều khi tư-tưởng không hẹn mà gặp nhau, lại có khi không phải nói cũng đã hiểu nhau rồi. Ngô-huỳnh về chuyến này, chắc là tôi nhớ lắm. » — Bác nói thế, mà lòng tôi cũng tưởng thế. Tôi có hứa với bác rằng cứ mỗi năm tôi về chơi Huế mười-lăm ngày, vì tôi rất mến cái phong-cảnh xứ Huế, muốn mượn làm nơi « hóng mát » cho tinh-thần, vậy thời anh em lại sẽ gặp nhau, câu chuyện đường dài sẽ còn tiếp-tục mãi.

Ài ngờ lời hẹn đó mà hóa ra sai, năm ngoái năm nay tôi cùng không thể đi được. Thế là anh em ta đã cách nhau hai năm chưa được họp mặt ; nhưng câu chuyện đường dài, nhờ có thư-từ đi lại, cũng không đến nỗi lâu ngày gián-đoan.

Xem bức thư của bác gần đây, thì thấy đối với thời-thế nhân-tình đã có cái vẻ bi-quan lắm vậy. Cái lửa nhiệt-thành khi trước hình như đã nguội lạnh dần. Tôi vẫn biết bác không phải là người nóng-nảy chồm-hóp như kẻ khác, muốn trong một ngày một buổi hoán-cải được cái tình-thế đã bao lâu. Bác không phải là không biết người biết mình mà xa-vọng những sự đầu đầu.

Nhưng một tấm lòng thành đã nuôi-nấng trong bấy lâu, cũng muốn phát-biểu ra sự thực, nên cũng mưu-tính công nọ việc kia, tưởng sức mình có thể lo-toan được nổi. Không ngờ chỉ có thừa mà sức không đủ; sức mình đã dành, sức người cũng vậy, vì phạm mưu sự-công, tất phải gom sức-lực, nếu trong ngoài thiếu-thốn, còn mong nổi gì! Có khi thì mình chăm-chút mà người hững-hờ, có khi thì mình ôn-hòa mà người cấp-bạo. Hoàn-cảnh xã - hội đã không lợi, tình-tinh người ta lại thất - thường. Không kể những nỗi trắc-trở về thời-thế, những sự bất-bình vì lòng người, cùng trăm nghìn cái thói xấu của một xã-hội eo-hẹp nhỏ-nhen nó làm cho chi trọng-phu cũng đến hao-mòn dấm - đuối. Thành ra mỗi phen thí-nghiệm là một phen thất-chí, mà kết-quả đến đem một con mắt vô-tình đối với hết thảy.

Sự thay-đổi trong tâm-lý đó, tôi đã dự-đoán từ trước, nên không lấy gì làm lạ. Từ ngày biết nhau đến giờ, tôi vẫn phục cái chí của bác, mà vẫn thường lo cho bác : lo vì bác lập-chí cao mà đặt mình giữa một cái thời-thế, một cái xã-hội, một cái hoàn-cảnh vật-chất tinh-thần thật là không lợi chút nào cho những người có chí. Thời-thế là một cái thời-thế khó xử, xã-hội là một cái xã-hội đảo-diên, hoàn-cảnh là một cái hoàn-cảnh tạm-bợ, thế nào khiến cho tài-lực tâm-trí người ta đủ kết-tinh lại mà làm nên sự - nghiệp xứng - đáng. Cho nên ai có cái chí công - danh ở đời này.—đây là nói công - danh cao-thượng, chứ không phải cái công-danh thường như làm quan làm giàu đâu, — thật khó lòng mà đạt cho tới được. Có lẽ lúc này chính là buổi giao-thời, cũng có lắm nỗi dờ-dang trắc-trở, nhưng rồi chẳng bao lâu sẽ qua khỏi, bấy giờ thời-vận hanh-thông, kẻ có tài sẽ có dịp vẫy-vùng được thỏa chí. Cũng nên mong-

mọi như thế, nhưng chẳng may sinh-trưởng vào giữa lúc khó-khăn này, thật cũng phải có lòng kiên-nhẫn lắm mới khỏi đến hơi-tâm thoái-chi vậy.

Bác còn nhớ những khi cùng nhau nghị-luận về việc đời việc nước, bác thường trách tôi là có ý hoài-nghi lãnh-đạm, không được một lòng sốt-sắng như bác. Bấy giờ cái nhiệt-độ của đời ta còn cao thấp khác nhau, nên bác trách tôi cũng chịu, chưa dám cãi lại. Chứ thực lòng tôi đối với những việc quan-hệ đến thời-thế quốc-gia, đâu có dám hoài-nghi lãnh-đạm. Dầu chẳng phải là bậc ưu-thời mẫn-thế chi, nhưng đã mang tiếng là kẻ «đọc sách» ở đời, cũng phải biết nghĩa-vụ của mình đối với dân-tộc xã-hội thế nào. Duy tiền-đồ mờ-mịt, đường-lối ngồn-ngang, phương-châm chưa định, kế-hoạch chưa thành, lại tự lượng mình sức còn thiếu-thốn, mà xét đến quốc-dân phần nhiều cũng còn mơ-hồ phảng-phất, chưa có ý-kiến gì, cho nên phải tạm giữ một cái thái-độ tiêu-cực mà đề mình vào cái địa-vị khách-quan vậy. Tuy-nhiên vẫn thường để ý xem-xét, để bụng suy-nghĩ, không dám thờ-ơ chảnh-máng một chút nào. Nay ngô-huynh đã từng - trải thí-nghiệm, biết hết cái nông-nổi khó-khăn, vậy thời-cái nhiệt-độ của đời ta, tưởng đã ngang bằng nhau rồi, tôi muốn thời-thường cùng ngô - huynh bày tỏ mấy cái ý - kiến riêng là kết-quả của sự quan-sát suy-nghĩ bấy lâu nay.

Tôi thiết-nghĩ nước thịnh hay suy là ở dân hay dở. Dân là ai? Dân là gồm tất cả chúng ta mà cũng là riêng từng người ta một. Hễ hết thảy cá-nhân đều có tư-cách thời đoan-thề tất được vững-vàng. Cứ lý-tưởng thì đoan-thề loài người là tất cả nhân-loại ở trên mặt đất này. Đến ngày cuộc tiến-hóa trong nhân-loại được hoàn-toàn, thì người ta ai cũng như ai, bốn bề đều anh em cả, không còn có phân-

biệt quốc-gia chúng-tộc gì nữa. Nhưng ngày ấy hãy còn xa lắm. Hiện nay thời, người ta trước khi làm dân thế-giới còn phải làm con một nhà, làm dân một nước đã. Thời-kỳ này còn là thời-kỳ gia-tộc, thời-kỳ quốc-gia, và tuy sự giao-tế nước nọ với nước kia mỗi ngày một thịnh, cũng chưa cho là 'đã' đến thời-kỳ quốc-tế vậy. Bởi thế nên cái tư-tưởng quốc-gia đương thịnh-hành lắm, và cái chủ-nghĩa quốc-gia đương như bành-trướng khắp mọi nơi, dù những dân-tộc nhỏ-mọn cũng có cái khí-khái tự-cường. Vì chủ-nghĩa quốc-gia tức là cái chủ-nghĩa tự-cường của các dân-tộc đã từng có hay muốn được có tư-cách thành nước vậy. Nước Việt-Nam ta thành-lập đã mấy nghìn năm, cố-nhiên là có tư-cách một quốc-gia hoàn-toàn. Vậy thời cái tư-tưởng quốc-gia, cái chủ-nghĩa quốc-gia, là cái tư-tưởng, cái chủ-nghĩa cố-hữu của người Việt-Nam, không phải ngày nay mới nhân phong-trào thế-giới mà phát-sinh ra vậy. Duy ngày nay phải ra đối-đái với những tư-tưởng, những chủ-nghĩa đồng-loại khác mà tranh hơn thua ở trên trường thiên-diễn thế-giới, nên có cái vẻ thiết-tha khẩn-cấp hơn xưa. Song nếu không biết gây lấy, nuôi lấy, phủ-trì bồi-bổ cho mạnh-mẽ, mà lại để cho theo những sự kích-thích nhất-thời mà tiêu-ma tán-loạn đi mất, thời tức là lãng-phí mất cái tinh-lực của nòi giống mà làm-thời khó lòng thu-thập lại được cho sung-túc vậy.

Vậy thời cái vấn-đề quan-hệ cho chúng ta bây giờ là phải làm thế nào nuôi lấy cái tinh-lực quốc-gia đó, và quốc-gia là gì, là gồm từng người dân mà thành ra, thời muốn nuôi lấy tinh-lực quốc-gia, trước phải gây lấy tư-cách từng người vậy. Nay gây lấy tư-cách người ta, thời phải dùng phương-pháp gì? Tất không ngoài phương-pháp giáo-dục vậy. Cho nên có thể nói cái vấn-đề quốc-gia đối với chúng ta ngày nay chính là một vấn-đề giáo-

dục, mà là một vấn-đề giáo-dục cá-nhân trước đã. Duy sự giáo-dục đây là giáo-dục theo nghĩa rộng, không phải chỉ là giáo-dục ở nhà trường, bằng sách-vở mà thôi. Giáo-dục đây là gồm đủ các phương-diện : trí-thức, đạo-đức, xã-hội, chính-trị, mỹ-thuật, v-v. Giáo-dục đây là có hai mục-dịch, một mục-dịch cao-xa, một mục-dịch cận-thiết : mục-dịch cao-xa là phát-siễn được hết cái nhân-cách cố-hữu của loài người, mục-dịch cận-thiết là tu-luyện được đủ cái tư-cách cần-dùng ở đời nay, hai mục-dịch vẫn là có mật-thiết quan-hệ với nhau và kết-quả là gây lấy một cái kiểu-mẫu người An-Nam hoàn-toàn xứng-đáng vậy.

Tôi vừa đọc trong tạp-chí Tây thấy cái ý-kiến của một ông danh-sĩ Pháp về cá-nhân đối với quốc-gia, nói rằng : « Quốc-gia chẳng qua là một mớ những cá-nhân duy-kỷ ; hề được nhiều cá-nhân hoàn-toàn thời tức là quốc-gia phong-phú . . . Tò-quốc là gì ? Tò-quốc không phải là vườn ruộng, đồng-diền, cây-cối, hoa quả của đất nước nhà mà thôi ; tò-quốc chính là gồm những cá-nhân hảo-hạng vậy... » (*Une nation n'est qu'un faisceau d'égoïsmes, ou plus simplement d'égoïsmes, et ce sont les beaux égoïsmes individuels qui forment les riches collectivités . . . La patrie elle même, c'est moins des champs, des plaines, des arbres, des fruits et des branches et des fleurs, que des individus bonne qualité...*) (J. DE GOURMONT)

Cái vấn-đề chúng ta phải giải-quyết ngày nay là phải làm thế nào gây được cho nước Nam ta nhiều những « cá-nhân hảo-hạng » (*individus de bonne qualité*) như lời ông JEAN DE GOURMONT nói trên đó. Vấn-đề này mà giải-quyết được thời các vấn-đề khác tự-nhiên cũng giải-quyết được hết cả.

Nếu ngô-huynh không cho lời tôi bàn là vu-khoát thời trong thư sau tôi sẽ cùng ngô-huynh xét về cái vấn-đề giáo-dục đó.

## HAI CHỮ ANH-HÙNG Ở NƯỚC NAM

Thợ tạo-hóa vẽ ra bức tranh tam-tài, trên trời có trăng sao, dưới đất có núi sông, giữa có người ta. Khen cho ngọn bút hữu-tinh, cho tất cả những nhà danh-họa xưa nay giỏi đến đâu cũng không thể học được. Nghĩa là trăng sao có ngôi lớn, có ngôi nhỏ, có ngôi mờ, có ngôi sáng, đó là cái khổ-tâm của tạo-hóa, cho nên phải chấm thêm ngôi Bắc-thần 北辰 to nhất, sáng nhất vào, và bắt các ngôi nhỏ phải triều - cung, phải thần-phục, mà rồi khi trời mới thanh-hư, vẽ trời mới rực-rỡ. Đất cũng thế; nếu mà tinh những dải sông con, hòn núi nhỏ cả, thì thật là một bức tranh tầm-thường quá, không lấy gì làm vẻ khiên-hùng cho nhân-giới của tài-tử giai-nhân; cho nên cũng phải có Ngũ-nhạc 五嶽 để làm năm cột tiêu-biểu cho quả đất, khiến quả đất được vững-chãi dài-lâu; và lại có Ngũ-hồ 五湖 để làm năm ao trì-thức rất là sâu, khiến được nhuần-trạch cho tất cả thiên-hạ.

Ngũ-nhạc là gì? Tức là năm quả núi to; núi Thái-sơn 泰山, núi Hoa-sơn 華山, núi Hành-sơn 衡山, núi Hằng-sơn 恆山, núi Tung-sơn 嵩山.

Ngũ-hồ là gì? Là năm hồ rất lớn: hồ Phan-duyên 鄱陽, hồ Thanh-thảo 靑草, hồ Đan-duyên 丹陽, hồ Động-dinh 洞庭, hồ Thái-bồ 太湖.

Ôi! không những đất có Ngũ-nhạc, Ngũ-hồ, trời có sao Bắc-thần mà thời đâu, tức như người ta cũng có người làm ngũ-hồ ngũ-nhạc và sao bắc-thần cho tất cả muôn dân trăm họ được. Người ấy là ai? Người ấy tức là người đời xưa đời nay vẫn mực riêng cho một tên thụy rất tốt, là tên Anh-hùng 英雄 vậy. Nghĩa là: anh là một đóa hoa thơm

nhất ở trong vườn cảnh; hùng là một loài thú mạnh nhất ở trong rừng thiêng. 草中之秀者爲英。獸中之特者爲雄。 Tóm cả hai chữ lại mà nói chung thì tức là một vật phẩm-giá đặc-biệt ở vũ-trụ. Sử-ký Tàu có câu: «Ông Trương Lương là người anh, ông Hàn-Tin là người hùng, 張良爲英。韓信爲雄». Nếu trong thiên-hạ có ai trí khôn sánh được như ông Trương Lương và gồm cả sức khỏe như ông Hàn Tin thì mới đương nổi hai tiếng anh-hùng được.

Tôi một hôm có người anh em bạn đến chơi gặp khi tôi đương bàn hai tiếng anh-hùng, nghiêm-nhiên người ấy hỏi tôi rằng:

— Bậc anh - hùng khó thật, không biết từ xưa đến nay có ai đương được không nhỉ?

— Tôi cười mà trả lời rằng:

— Thế thì ngô-huynh chưa đọc sử-ký hay sao. Đã gọi là một nước thì nước nào chả có người anh-hùng. Kìa trời đất có nắng có mưa, cuộc đời có suy có thịnh, Trong lúc thịnh ít khi có người anh-hùng, duy những lúc bóng ngửa vang trời, tâm kinh rộn bề, đó là những lúc suy, thì mới có người anh-hùng ra đời... Bậc triết - học Tàu có câu: »Thời-thế tạo anh-hùng; Anh-hùng tạo thời-thế. 辰勢造英雄。英雄造辰勢» nghĩa là thời-thế đã cực rồi, không lẽ loạn mãi, thế phải sinh ra vị anh-hùng; vị anh - hùng ấy đã sinh thì tất-nhiên lịch-số của trời đất ở trong tay, uy-phúc muôn dân cũng ở trong tay, mà cho thời - thế được hưởng quả - phúc trị bình vĩnh - viễn. Thế

thì hai chữ thời-thế ở trên là thời-thế còn rối-loạn, hai chữ anh-hùng ở trên là anh-hùng còn ấu-trĩ. Đến như hai chữ anh-hùng và hai chữ thời-thế ở dưới mới là anh-hùng đã về-vang cho nòi giống, thời - thế đã mở-mặt cho non sông. Đường - đường chính-chính, thật là buổi kết-quả đã thịnh-mãn vậy.

Ta nay sinh-trưởng ở đất nước Nam, nói-năng bằng tiếng nước Nam, vậy xin kể những vị anh-hùng đã sinh ở nước ta ngày xưa, để khỏi phụ bốn chữ : *bất vong bản - thủy* 不忘本始.

Nước ta dựng nước bắt đầu từ vua Kinh-dương-vương, truyền ngôi mãi đến vua Hùng-vương thứ năm, gồm được hơn nghìn năm, thế mà nước không xảy ra sự binh-cách bao giờ, vẫn là ngày Nghiêu tháng Thuấn mãi. Đến khi vua Hùng-vương thứ sáu lên nối ngôi, có giặc Ân bên Tàu sang làm rối-loạn bờ-cõi, trong triều-dình tất cả Lạc-hầu Lạc-tướng và quân-sĩ không thể đầu-dịch được. Vậy phải sai sứ-*giả* đi cầu người giỏi ở trong nước, gồm mười - lăm bộ, biết bao nhiêu là cường-tráng sĩ-phu, thế mà không ai dám ra chào sứ-*giả* một tiếng. Mãi đến làng Phù - đổng thuộc về bộ Vũ-ninh có một đứa trẻ con mới ba tuổi ra nắm tay sứ-*giả*, bảo sứ-*giả* về tàu đúc cho một con ngựa sắt và một cái gươm sắt. Sau đến khi trẻ con ra đẹp giặc thì cầm thanh gươm nhảy lên cật ngựa, xông-pha vào giặc, chém giết vô-chùng, xong lại nhổ tre đồng-ngọc vào phá thành-lũy của giặc tan-hoang như tro vậy. Khi giặc đã bình, liền cởi áo nhung vắt lại mà lên núi Ninh-sóc ẩn mất. Vua Hùng-vương nhớ ơn dựng đền thờ và phong ngài là Đổng-thiên-vương 董天王. Đó là vị anh - hùng sinh lần thứ nhất ở nước ta vậy.

Sau Đổng - thiên - vương ngót hai nghìn năm, bấy giờ nước ta nội-thuộc về nhà Tây-Hán, mưu khôn như thánh, sức khỏe như thần, đương-thời cả bắc cả Nam chẳng ai chống lại được với con hổ đực. Nhân khi anh Tô Định vâng mệnh Hán, sang làm thái-thú, rất là bạo-ngược hung-tàn, giết mất ông Thi-Sách là người châu Phong ta, rồi vợ ông là Trưng Trắc tự - xưng là Trưng-nữ-vương 徵女王 cùng với em là Trưng Nhị dấy quân chống nhau với nhà Hán và đuổi anh Tô Định về Tàu. Xong khôi-phục được hơn 60 thành ở Lĩnh-nam. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ nhì ở nước ta vậy.

Sau Trưng-nữ - vương 432 năm, bên Tàu người Ngô Tôn-Quyền làm vua, nước ta bấy giờ thuộc về quyền-phép họ đã lâu, nhân-dân lầm-than cực-khổ. Có bà Triệu Âu 趙姬 người quận Cửu-chân (tức Thanh-hóa ta bây giờ), là em ông Nguyễn Quốc-Đạt, khi còn bé giết mất chị dâu rồi vào rừng ở hơn 20 năm không tưởng chồng con chi cả, thường hát rằng : « Thương muôn dân còn mắc nạn can-qua, nên một mình chữa êm nghe cầm - sắt. » Rồi chiêu-tập được hơn hai ngàn quân búi tóc mặc áo hoàng-bào cưỡi trên đầu voi, tự xưng là « Nhị-kiều tướng-quân ». Bấy giờ nhà Ngô run-run sợ-sợ, như là gà gặp phải cáo, thường tôn xưng bà là « Lê-hải bà - vương ». Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ ba ở nước ta vậy.

Sau bà Triệu Âu 86 năm, nước ta nội - phụ về Đường, có ông Lý Bôn người ở Thái-binh, không thêm làm quan với Đường. Rồi tự-xưng là Nam-Việt-đế, tức là vua Tiên-Lý Nam-đế 前李南帝, tự-lập nước dựng tên đền. Đó là vị anh - hùng sinh lần thứ tư ở nước ta vậy.

Sau Lý Nam-đế 121 năm, có ông Ngô-vương Quyền 吳王權 đánh nhau

với nhà Hán ở sông Bạch-đăng, chém được con vua Hán là Hoảng-Thao, rồi tự-lập là vương. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ năm ở nước ta vậy.

Sau Ngô-vương Quyền 24 năm có ông Đinh Bộ-lĩnh, tức là vua Đinh Tiên-hoàng 丁先皇. Khi còn bé cha là Công-Trứ mất sớm, vào núi ở chăn trâu cho cậu, những bận mục-đồng thường chấp cánh tay làm kiệu, bẻ hoa lau làm cờ để rước ông, song ông lại cả gan giết trộm trâu của cậu đem khao bạn, bấy giờ đã ra một cách nghi-vệ như ông thiên-tử thật rồi. Sau lớn lên bình hết được 12 sứ-quân, đặt tên nước là Đại-Cồ, đóng đô ở đất Hoa-lư và tự-xưng là hoàng-đế. Nước ta để-thống từ ngài là đầu. Tục-ngữ có câu : « Cờ lau đẹp loạn, » là từ bây giờ. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ sáu ở nước ta vậy.

Sau Đinh Tiên-hoàng 405 năm, nước ta đã tự-chủ riêng ở phía nam xứ Đông-Á rồi. Bấy giờ đương đời nhà Lý, vua hiền tướng mạnh, muốn họ thái-hòa, muốn kéo cả nước Tàu làm nơi thuộc-địa để trả thù cho tiên-nhân ngày trước. Bèn sai quan Thái-úy là ông Lý Thường-Kiệt 李常傑 đem quân sang hãm châu Khâm, châu Liêm, châu Ung của nhà Tống; khi ấy người Tống sợ-hãi không hề dám ho dám động. Rồi ông lại đánh nước Chiêm, bình giặc Giác, lừng-lẫy bốn phương. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ bảy ở nước ta vậy.

Sau ông Lý Thường-Kiệt 200 năm, đương đời nhà Trần, nhà Nguyễn bên Tàu cho người Toa - Đô, người Thoát-Hoan đưa 20 vạn quân sang chiếm-cứ bờ-cõi, vua Trần Nhân-tôn sắc-mệnh đức Hưng-dạo đại-vương 興道大壬 là người tôn-thất làm Tiết-chế thống-lĩnh mọi quân. Đại-Vương mời những phụ-lão ở chốn thôn-quê thử hỏi nên đánh quân Nguyên hay dừng, để xem lòng dân khả-phủ thế nào, nhưng ai nấy đều bảo nên đánh cả. Ngài bèn

cùng ông Nhật-Duật với các quân tướng chém được đầu Toa-Đô ở bến Chương-dương, còn Thoát-Hoan thua trận ở Vạn-kiếp, phải kiếm kế chui vào trong nội đồng cho quân-sĩ đội về đất Bắc. Vài năm sau quân Nguyên lại đưa 300 chiếc chiến-thuyền sang nữa, Thoát-Hoan làm tướng thứ nhất, A-Xích làm tướng thứ nhì, Lô-Xích làm tướng thứ ba, Trương Hồ làm tướng thứ tư, Ô-mã-nhi làm tướng thứ năm, Nguyễn Bá-Ninh làm tướng thứ sáu, sáu anh ấy là bọn hồ-tướng của Nguyên, nhà Viêm-Tống ngày xưa đã từng mất vía kinh hồn về họ. Thế mà vừa thập-thò qua cửa ải Vân-dồn, người hơi thanh kiếm của đại-vương mà Trương Hồ phải khoan tay chịu trói; dẫn kéo đến sông Bạch-đăng, người Thoát Hoan phải rúc vào núi mà chạy; còn Ô-mã-nhi, Nguyễn Bá-Ninh phải cùng nhau đem đầu bêu vào cọc gỗ; thừa ra mấy anh tướng nữa thì sau đều trôn vào miệng tôm miệng cá ở chốn thương-mang. Công-danh rực rỡ hai lần, đến nay chính-khi vẫn còn sung-tắc ở trong trời đất. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ tám ở nước ta vậy.

Sau đức Hưng-dạo đại-vương 113 năm, đương cuối đời nhà Trần, nước ta lại phải nội-phụ về Minh, chinh-sách hung-tàn, đánh thuế tờ thuế thóc rất nặng, đào mỏ vàng mỏ bạc gần hết, cấm cả muối, mò cả châu, săn hết cả bạch-tượng, hái hết cả hồ-tiêu. Quỷ-thần oán giận, nhân-dân cùng-khổ, không thể sinh-nhai được. Khi ấy núi Lam-sơn thuộc tỉnh Thanh-hóa có ông Lê-Lợi, kiêu di như hổ, tiếng nói như chuông, ai trông thấy cũng bảo là người giỏi. Nhà Minh thăm-mưu muốn với ngài ra làm quan, đề bắt nước Nam phải nằm mãi trong vòng quyền-pháp của họ. Nhưng ngài là bậc thượng-trí, vẫn có mục-dịch đuổi khỏi nước Sở, săn hươu nhà Tần. Song ngài thấy nhà Minh với ngài như vậy, liền than-thở rằng : « Người giỏi

sống ở đời phải nên che nạn lớn, dựng công to, để danh-dự nghìn thu, chứ sao lại đi làm tội-tố cho người!» Rồi tự-xưng là Bình-định-vương, tức là vua Lê Thái-tổ 黎太祖. Dần dần lấy lại được tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ, sau quân Minh đem 10 vạn sang cùng đánh nhau với ngài ở rừng Chi-lăng; ngài mới giờ một thanh bảo-kiếm lên mà Liễu-Thắng là mãnh-tướng Minh phải rơi đầu xuống đất, còn Mộc-Thạnh, Vương Thông cầu-hòa mà về. Ngài nhất-thống được thiên-hạ, yên gối cả trăm dân, dựng nên nền quân-chủ vững-chãi hơn 350 năm cho con cháu. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ chín ở nước ta vậy.

Sau vua Lê Thái-tổ 341 năm, binh-quyền nhà Lê đã về tay chúa Trịnh cả, tướng-sĩ rất nhiều, mưu-thần cũng lắm. Giặc Nguyễn Hữu-Câu và Nguyễn Danh-Phương là tay vũ-dũng vô-song ở đương-thời cũng phải nộp đầu mũi nhọn. Thế mà trong phủ Qui-nhân có một tên lính là ông Nguyễn Nhạc 阮岳 cùng em là ông Nguyễn Huệ 阮惠, tiêu trộm hết một vụ thuế của Trịnh, rồi cầm roi ba thước đến đuổi quan tuần-phủ của Trịnh là Nguyễn Khắc đi. Song lại đem quân chống nhau với chính-phủ Trịnh và Nguyễn,.. Vua Lê là Mẫn-đế hôn-ngu ám-nọa cứ dùng mưu Nguyễn Chỉnh đi sang Tàu mượn tráo-nha-tướng của nhà Thanh về để tuyệt-tích ông. Ông nghe thấy nổi giận lên, sấm sét ra uy, cỏ cây

nhức động, một phút chốc Hứa Thế-Khanh, Sầm Nghi-Giản là tướng nhà Thanh đã nộp đầu vào lưới gươm thần, còn Tôn Sĩ-Nghị và các quân-sĩ phải quay cổ về bắc. Bấy giờ thiên-hạ đã nhất-thống rồi, ông lên ngôi tôn. Song ông lại chưa thóc chưa quân ở thành Phú-xuân, toan thuận gió phất cờ, kéo quân sang chống với Thanh mà khôi-phục lại đất Quảng-tây Quảng-dông của ông cha ta đánh vương ngày trước. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ mười ở nước ta vậy.

Sau Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ 10 năm, Nguyễn Quang-Toản nối ngôi, đức-uy mỏng-mảnh, chính-sự hoang-toàng, cũng như Kiệt Trụ khi xưa, không đủ làm mối-giường cho thiên-hạ được, Thánh-triều ta đức Gia-long 隆嘉 giống trống nhân-từ, mở cờ trung-nghĩa, đề cùng vua Thang vua Vũ làm ba. Sau bốn phương đã định, giảng việc vũ, bàn việc văn, nước giàu dân thịnh, đắp nên cơ-nghiệp lâu dài. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ mười một ở nước ta vậy.

Ta nay gặp buổi văn-minh đương kỳ tiến-hóa, trên nhờ có chính-phủ bảo-hộ, dưới hưởng được muôn họ thái-hòa. Tác-giả may biết cầm quyền sách, biết đọc câu văn, vậy xin trộm bàn mười-một vị anh-hùng như trên, và chúc mừng nước Pháp nước Việt đề-huê muôn muôn tuổi. . . .

NHÂN-VÂN-ĐÌNH



## KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN (1)

## IV

## III — Đời vua Trang-công (2)

(Trị vì được 32 năm, năm đầu là mùa-ti tức là năm vua Trang-vương nhà Châu thứ tư, tân-liên trước kỷ-nguyên 693).

— Trang-công năm thứ tư, xuân-vương (3) tháng ba, Vũ-vương nước Sở hội tập chư-quân và trai-giới để làm lễ cáo miếu mà chịu mệnh đi đánh nước Tỳ. Khi sắp làm lễ, Vũ-vương bảo phu-nhân là nàng Đặng Mạn rằng :

« Sao trong tâm ta nó rạo-rực lắm ? » Nàng thờ dài mà rằng : « Thế thì vương hết lộc mất rồi. Đạo Trời thịnh-mãn rồi thì phải lay động, tất linh sảng các tiên quân biết mà báo ra như thế, cho nên sắp chịu đại-mệnh để đi việc quân mà bưng vương lay động vậy. Nếu đi trận này vương mất ở dọc đường mà binh lính không tổn-hại gì ấy là phúc cho nhà nước đó ».

Vũ-vương trầy quân đi, mất ở gốc cây Môn. Quan Lệnh-doãn là Đẩu Kỳ với Mạc Ngao, Khuất Tụng cứ việc sai quân dọn đường, bắc cầu và đắp lũy để dự-bị đánh Tỳ. Người Tỳ sợ xin hòa. Mạc Ngao trá lĩnh vương-mệnh vào nước Tỳ hội-minh với Tỳ-hầu rồi tái-hội ở bến sông Hán mới đem quân về. Quân sang kuội sông Hán rồi mới phát tang.

— Sở Văn-vương (con Vũ-vương) đem quân đi đánh nước Thân (4), đi qua nước Đặng (họ Mạn, tức là nước của nàng Đặng Mạn mẹ Văn-vương). Vua Đặng là Kỳ-hầu nói rằng : « *Cháu ta là con cô nó đã đến* ». Bên mời lại đãi tiệc. Có ba người cháu con chị em gái khác (không biết ở nước nào mà cùng đến làm quan ở Đặng là nước cậu ấy), nói với Kỳ-hầu xin cho họ giết Sở-tử đi. Đặng-hầu không cho. Ba người cháu ấy nói rằng : *Tất thẳng này rồi nó lấy nước Đặng ta đó. Nếu vua không tỉnh sớm đi, sau cần rồn (5) không kịp nữa. Nay nó đến đây, thế là ta gặp dịp đó. Xin tỉnh đi.* » Đặng-hầu nói : « *Làm thế, người ta ai còn thêm ăn cái đồ ăn thừa của ta nữa* ». Ba người lại thưa : « *Vì vua không theo lời ba chúng tôi thì rồi đến xã-tắc cũng không có chỗ huyết-thực nữa. Vua còn làm gì có đồ ăn thừa mà cho ai ăn.* »

Đặng-hầu cũng không nghe, đến khi Sở-tử đánh nước Thân về bên đánh Đặng. Năm Trang-công thứ 16, Sở lại đánh Đặng mà diệt đi.

1 — K. — Quân ta với quân Tề vây nước Thành (6), nước Thành hàng về quân Tề.

T. — Mùa hạ năm Trang-công thứ tám, quân ta với quân Tề vây đánh

(1) Xem N.-P. số 130.

(2) Tên là Đổng, con Hoàn-công và Văn-khương.

(3) Vương tức là Thiên-vương nhà Châu, mùa xuân mà đặt rằng « Xuân-vương » là tổ ý các nước Chu-hầu đều thuộc về một vũ-trụ, một thời-tiết của Thiên-vương ấy, làm nghĩa đại-nhất-thống.

(4) Họ Khương, một nước phụ-dung,

(5) Miếng không cần được rồn, ý là nói khi hối lại không làm thế nào được.

(6) Họ Cơ, một nước phụ-dung.

nước Thành, nước Thành hàng về quân Tề. Trọng Khánh-phủ (con thứ Hoàn-công) xin đánh quân Tề. Công nói rằng: «*Không nên, ta thực bất-đức là tội bởi ta, chứ quân Tề tội gì, sách Hạ-thư (1) có câu rằng: «Ông Cao Dao biết gây lấy đức, có đức nên phục được người». Vậy ta hãy chăm tu-đức để đợi thời đã.*» Bèn đem quân về.

## 2- K. — Người Vô-Tri nước Tề giết vua là Chi-Nhi.

T. — Tề-hầu (Tương - công) cho người Liên-Sung, Quản Chi-phủ sang lưu-thứ đất Qùi-khâu. Khi đi đang mùa dưa, Tề-hầu dặn rằng: «*Mùa dưa đến này, ta sẽ cho người sang thay*». Liên-Sung sang thú một năm tròn, không thấy vua hỏi gì đến. Y xin cho người thay cũng không được. Y bèn mưu làm loạn. Cô Công-Tôn Vô-Tri là con của Di-Trọng-Niên, mà Di-Trọng-Niên thì là em cùng mẹ của Tề Hi-công (cha Tương - công). Di-Trọng-Niên được Tề Hi-công yêu-giấu cho được dùng y-phục lễ-tiết cũng như con cả, đến khi Tương-công lên nối ngôi mới truất-giảm đi, vì vậy bây giờ Liên-Sung bèn cùng Vô-Tri dề khởi loạn.

Lại Liên-Sung có một người em gái con nhà thúc-bá ở trong cung vua mà không được yêu. Y bèn sai ả dinh-mò Tề Lương-công, và thuật lời của Vô-Tri hứa cho ả rằng: «*Hễ xong, ta sẽ lấy mày và cho mày làm Phu-nhân.*»

Mùa đông, tháng chạp (năm Trang-công thứ tám), Tề-hầu ra chơi Cô-phần

rời đi săn ở Bối-khâu, Hầu trông thấy một con lợn rừng to lắm. Song những kẻ tụng-giả thì đều nói đó là công-tử Bành-sinh (2). Tề-hầu giận mà rằng: «*Bành-Sinh dám hiện lên à!*» Bèn bắn, con lợn rừng ấy đứng hai chân lên như người đứng mà kêu. Tề-hầu sợ, ngã vào trong xe bị què chân, rơi mất một cái giày. Lúc về nhà, Hầu hỏi đến giày thấy mất thì trách quở thẳng lính hầu là Phí, nhưng cũng không thấy. Hầu bèn đánh nó chảy máu ra nó ù chạy ra đến cửa cung thì gặp kẻ cướp đến, kẻ cướp bắt tên Phí trói lại. Phí nói: «*Tôi có phải là ra ngăn-trở gì đâu.*» Nói rồi Phí bèn cõi áo ra cho kẻ cướp xem lưng y vừa mới bị đòn, kẻ cướp tin lời, Phí xin trở vào trước để giúp, Phí vào bèn giấu Tề-hầu nấp vào một chỗ rồi ra đánh nhau với kẻ cướp liền bị chết ở giữa cửa. Thạch-Chi Phân-Như bị chết ở dưới hè. Kẻ cướp vào được, chém chết Mạnh Dương ở trên giường Tề-hầu rồi bảo nhau: «*Không phải vua rồi, thẳng này không giống*». Bọn cướp nói thế rồi không thấy cái chân của Tề-hầu thò ra chỗ khe cửa, bèn lòi ra giết chết mà lập Vô-Tri.

Khi Tương-công nước Tề mới lên làm vua, chính-lệnh bất-thường. Pháo-Thác-Nha nói rằng: «*Vua làm bậy để cho dân khinh, loạn tới nơi rồi.*» Bèn đưa công-tử Tiễn-Bạch xuất-bôn sang nước Cử. (3) Đến khi nổi loạn thì Quản Di-Ngô với Thiệu-Hốt đưa Công-tử Cử xuất-bôn sang nước ta.

(1) Câu này ở sách Ngụ-thư. Mà đây nói là ở sách Hạ-thư, thì dễ bấy giờ Khổng-tử chưa san-định

(2) Bành-Sinh là người mà Tề Tương-công sai giết Lỗ Hoàn-công ở trên xe, rồi Tương-công lại giết Bành-sinh để tạ người Lỗ.

(3) Phạm nước nào không có tên liệt vào hiệu các nước trên đầu sách thì là nước phụ-dạng cả, cứ lấy mà xem.

(4) Tiễn Bạch với Cử đều là con bé của Tề Hi-công, em Tương-công cả

**Đồ-nam-tử cần-án** :— Tề Trương công loạn-luân vô-đạo, sai Bành-Sinh giết vua Lô bởi sự xấu hổ ám-muội, lại giết Bành-Sinh để lấy lòng người Lô, nên đời bấy giờ người ta ghét sẵn, lúc đi săn, Trương-công bắn con lợn rừng to, nó đau mà nhảy chồm lên làm cho Trương-công khiếp sợ, ngã què, người đời bèn cho ngay rằng con lợn rừng ấy là cái oan-hồn Bành-sinh nó hiện ra nạt Trương-công đó, rồi bịa ngay một lời cho có đích-xác rằng : Trương-công thì trông ra con lợn rừng mà tụng-giả thì trông rõ ra Bành-sinh. ấy đại-khải những sự quái-dãn ngày xưa, thực-thực, hư-hư là thế cả.

Không phu-tử không nói đến việc quái việc thần bao giờ. Phu-tử trả lời học-trò rằng : « Sông chử hay, biết đâu chết. Người mình mình còn chưa phụng-tự được nữa là thần. » Vậy Phu-tử chính là một nhà triết-lý-học về phái « tôn-nghi 尊疑 » trước Descartes đó. Vậy Phu-tử còn tin gì cái thuyết ngu-mê « Bành-Sinh hiện-hồn » này, thế mà *Tả-truyện* còn truyền lại, là Tả-thị cứ đề nguyên-văn của cụ-sử như thế. Phải như thế mới lại càng là sử-liệu hoàn-toàn. Phạm đọc cổ-sử phải lấy cái quan-niệm dung-thứ ấy mà xét, thì mới vừa dễ tìm được chân-lý, vừa không miệt-cổ cũng không tự-khi.

**3 — K — Công đánh Tề để nạp Công-tử Củ, nhưng Công-tử Liễu-Bạch đã về Tề trước rồi**

T. — Năm Trang-công thứ chín, mùa xuân, người Tề là Ung-Lâm giết

Vô-Tri. Mùa hạ năm ấy, Công đánh Tề đem công-tử Củ nạp về Tề, nhưng Tề Hoàn-công (Túc Tiều-Bạch) đã tự nước Cử về Tề trước rồi.

Tháng tám, quân ta với quân Tề giao - chiến ở đất Can-thời. Quân ta thua to. Công bị mất cái xe nhung-lộ, phải cưỡi xe khác mà chạy về.

Fần - tử với Lương-tử (hai vị Lô công-tử) lấy một lá cờ hiệu của Công mà cùng tránh ra bên đường, để quân Tề khỏi đuổi Công, vì thế hai Công-tử đều bị người Tề bắt.

**4 — K — Người Tề đòi công-tử Củ mà giết đi**

T. — Pháo-Thúc (người giúp Tề Hoàn-công) đem quân sang nói với nước ta rằng : « Công-tử Củ là người thân của vua nước Lôi, xin vua giết đi cho, còn Quân-Trọng với Thiệu-Hốt thì là kẻ thù của vua nước Lôi (1), xin lĩnh về để trị tội cho cam tâm. » Vì vậy nước ta phải giết công-tử Củ ở đất Sinh-đậu, Thiệu-Hốt chết theo, Quân-Trọng thì xin làm tù để đưa về Tề. Pháo-Thúc nhận lấy Quân-Trọng đưa về đến đất Đường-phụ (đất Tề) thì cởi trói ra. Về đến nơi, Pháo-Thúc nói với Tề Hoàn công rằng : « Quân Di-ngô có tài chính-trị giỏi hơn ông Cao-Nghê. Vua nên cho y làm Tướng ». Tề Hoàn-công theo lời.

**5 — K. — Công đánh đuổi được quân Tề ở Tràng-thước (đất Lô)**

T. — Mùa xuân (năm Trang-công thứ 10), quân Tề sang đánh ta. Công sắp ra đánh, có người Tào - Tử

(1) Quân với Thiệu giúp công-tử Củ đem binh Lô về đánh Tề. Quân lại báo tin Tề Hoàn công. Pháo - Thúc muốn bắt sống Quân Trọng về để tiến Tề Hoàn-công, nên nói khéo với Lô như thế, chứ thực thì Tử-Củ định về tranh ngôi vua mới là thù lo, nên lại nhờ tay Lô giết đi hộ.

(người Lô) định vào yết-kiến vua, Người làng Tào - Tuế bảo y rằng : « Đã có những kẻ ăn thịt họ mưu bần, việc gì đến mình. » Tuế nói : « Những kẻ ăn thịt họ bần lắm, biết gì mưu sâu. » Bèn cứ vào yết-kiến Trang-công và hỏi lấy gì để giao-chiến với quân Tề. Công nói : « Ân với mặc là những cái dễ an thân, ta kh ng dám giữ cả mà phải phân ra cho người ta. » Tuế thưa : « Những cái ơn nhỏ ấy mà chưa phân khắp được cho cả nước, thì dân người ta cũng không theo. » Công lại nói : « Không dám tặng những con hi-sinh, những đồ ngọc - bạch, mà phải lấy tin để thờ quỷ - thần », Tuế lại thưa : « Sự tiền - tin đó mà chưa được chân-thực thì thần cũng không giáng phúc ». Công lại nói : « Phạm việc hình-ngục lớn nhỏ có, dù không thể xét thấu được cả cũng phải hết lòng. » Tuế thưa : « Thế cũng gọi được là trung rồi, khả dĩ đem dân ra đánh được, mà đi đánh thì tôi xin theo. » Công cho Tào - Tuế cùng ngồi một chiếc binh-xa, dân trận ở Trang - thuộc. Công sắp thức trống, Tuế nói : « Chưa nên đánh trong vội ».

Người Tề đánh ba hồi trống rồi, Tuế nói : « Thức trống đi thôi. » Hai bên bèn đánh nhau, quân Tề thua chạy, Công toan đuổi. Tuế nói : « Chưa nên đuổi. » rồi y bước xuống xe mà trông vào chỗ bánh xe của quân Tề chạy, lại trèo lên cái ngang xe của mình mà đứng trông vào chỗ quân Tề. Xong rồi nói : « Nên đuổi đi. » Công bèn đuổi quân Tề.

Khi được trận về rồi, Công hỏi vì cớ sao mà làm như thế. Tuế thưa : « Phạm chiến-thắng là ở dừng khi. Hồi trống thứ nhất thì dừng khi-hãng lên. Hồi thứ hai thì dừng-khi đã suy đến hồi thứ ba thì dừng-khi hết. Bên nó vừa hết dừng-khi mà bên ta thì đang hăng dừng-khi lên. Thế cho nên được trận. »

« Phạm đôi với một nước lớn là khó lượng biết được họ lắm, rồi sợ quân Tề nó có phục-bình, nên tôi phải xuống thấp để dòm xem hàng bánh xe của nó chạy rồi loạn thế nào, lại lên cao để ngó xem bóng cờ nó vác ngã lướt thế nào, cho nên mới dám đuổi. »

**Đồ nam-tử cần-an ;** - Trung với hiếu là hai bậc luân-lý rất trọng-yếu của loài người. Song hiếu là cái đạo làm con đối với cha mẹ, phạm-vi của nó chật-hẹp, ai cũng dễ hiểu. Còn trung thì phạm-vi của nó rộng lớn, nên từ xưa đến nay, có nhiều lúc sai-lầm, vậy giải-luận cái sai-lầm ra sau này.

Đọc Xuân-thu tả-truyện thấy Qui-Lương nói với vua Túc về việc định đi đuổi quân Sở, trên kia (Hoàn-công năm thứ sáu) có một câu quan-hệ rằng : « Trung với dân. Người trên lo làm lợi cho dân là trung với dân đó ». Lại ở đây, Tào Tuế hỏi vua Lô về việc sắp đi đánh quân Tề, vua Lô tỏ ra mình đối với việc hình-ngục của dân vẫn phải hết lòng. Tào bèn nói : « Thế cũng gọi được là trung rồi, khả dĩ đem dân đi đánh được. » Vậy nghĩa chữ trung của Tào tức cũng là « trung với dân » như nghĩa của Qui-Lương đây.

Cứ hai thuyết ấy thì biết chữ trung ở đời Xuân-thu chính nghĩa là một đạo luân-lý của hể thấy mọi người, từ vua đến dân phải đối với một dân-đoàn hay một nước đó.

Xuân-thu là thời liệt-quốc cạnh-tranh, cái tư-tướng quốc-gia vừa mới khởi-phá, người ta biết rằng muốn cho một nước được thịnh-vượng mà khỏi đến cái họa diệt-vong, thì phạm người trong một nước, không cư dân hay vua, đối với dân nước mình đều phải hết lòng hết sức về việc nghĩa-vụ, ấy là trung. Trung như thế mới là cao-thượng mà thiết-thực. Nghĩa

chữ trung như thế thực là chính-dại quang - minh, phạm là người ai mà không phải thờ-phụng. người nào không trọn nghĩa-vụ về chữ trung ấy là người không hoàn-toàn nhân-cách.

Đến đời Chiến-quốc, ông Mạnh-tử nói : « *Dân là quý, vua là khinh* » là ông cũng theo ở cái thuyết « *Trung với dân* » là một đạo luân-lý đã phổ-thông từ trước mà phát-siển ra, chứ không phải là lời tân-kỳ hay quá-khích gì. Duy từ Tần trở xuống, lịch-triều kế nhau hỗn - nhất Trung-quốc, cái thế liệt-quốc cạnh-tranh đã phá trừ, cái tư-trưởng quốc-gia cũng nhân mà tiêu-diệt, thì cái đạo luân-lý cao-thượng và thiết-đáng của người ta đối với dân với nước tức là chữ *trung* cũng nhặng bỏ sai lầm đi, chữ *trung* từ đó toại thành ra cái nghĩa « *trả nợ cơm áo* » của kẻ đầy tớ đối với chủ-ông, tức là kẻ bầy tôi đối với vua vậy.

Nước đã không | tranh-hành với người thì còn phải cần gì đến dân, người ta chỉ biết ai dùng mình nuôi mình cho mình được vinh-hiền hơn kẻ khác thì mình phải trung với người ấy, nhất là chết được vì người ấy thì càng tỏ ra oanh-liệt hơn. Xem một câu ở bài văn tế *trận - vong tướng-sĩ* của nước ta rằng : « *Nợ áo cơm phải trả đến hình-hai* », thực đủ tả hết tinh-thần đạo trung của những kẻ trung-thần nghĩa-sĩ ở lịch-triều bên Tàu bên ta từ Tần trở xuống, mà chỉ biết báo đền cái ơn cơm nặng áo dầy, chứ thực ra thì việc không có quan-hệ gì cho một dân một nước vậy.

Trung đã là nghĩa trả nợ áo cơm, vậy anh có nợ cơm áo của Hán, anh phải trả ấy anh là trung. Em có nợ cơm áo

của Ngụy hay của Ngô, em phải trả ấy em là trung, rồi đến ai có nợ cơm áo của Nguyên của Thanh thì người ấy phải trả, những người ấy đều là trung cả. Một nhà nho ở Trung-quần ngày nay là Lương Khải-Siêu cho bọn đó đều là đầy-tớ của một nhà một họ, mà tôi thì cho rằng nếu việc không phải là « *trung với dân* », thì lại còn có tội nữa.

6 - K - Quân Tề, quân Tống đến đóng quân-thứ ở đất Lang (đất Lỗ). Công đánh đuổi được quân Tống ở đất Thừa - khâu (đất Lỗ).

T - Mùa hạ, tháng sáu (năm Trang-công thứ 10) Quân Tề quân Tống vào đóng quân-thứ ở đất Lang. Quan Đại-phu Lỗ là Công-tử Yên nói rằng : « *Tôi xem quân nước Tống không được chinh-lễ có thể đánh được, Tống thua thì Tề phải kéo về, xin đánh đi.* » Công không nghe. Y lại xin lấy lối hồ đội vào cho ngựa rồi đem quân từ cửa Vu-môn lên ra đánh vào quân Tống trước. Công theo chước ấy.

Đánh quân Tống thua to ở Thừa-khâu. Quân Tề phải rút,

### 7. - K. - Nước Tống lụt to

T - Mùa thu (năm Trang-công thứ 11) Tống bị lụt to. Công cho sứ sang viếng nói rằng : « *Trời mưa dầm mãi làm hại mất cả xôi tế, như thế mà nước tôi không hỏi thăm sao phải.* ». Vua Tống trả lời rằng : « *Có (1) này vì tội bất-kính nên trời giáng tai, để ngài phải lo thay cho, thực cảm ơn ngài mà lấy làm sỉ-nhục.* »

Tang Văn-Trọng (Đại-phu Lỗ) nói rằng : « *Nước Tống rồi người ta thịnh*

1) Có tức là kẻ bỏ - cõi chỉ có một mình, lời tự xưng khiêm-tốn của vua Chu-hân, có ý cợt nhả hơn xưng là *Quốc-nhân*.

được. Ngày xưa vua Thang vua Vũ gặp thiên-tai thì đổ tội cho mình, nên hưng-khởi chóng lắm. Vua Kiệt vua Trụ thì đổ tội cho kẻ khác, nên bại-vong ngay. Vả đừng hàng Liệt-quốc, gặp khi tai nạn hung-hoang mà tự xưng mình là « Cô », thế là biết lẽ đó. Biết nói kinh-cẩn mà tự xưng khiêm - tốn như thế, há lại không thịnh được dư.»

Năm sau công-tử Ngự-Thuyết lên làm vua Tống rồi. Tang Văn Trọng mới biết là những lời đáp lại Lỗ-sứ trên ấy là lời của Ngự-Thuyết dạy vua. Tang bèn nói : « Người ấy làm vua là phải vì có cái lòng thương dân. »

### 8 -K.- Người Vạn nước Tống giết vua là Tiệp và một quan Đại-phu là Cừ Mục

T. Từ trận Thừa-khâu, Công lấy cái tên gọi là « Kim-bộc-cô » bấn tin Nam-Cung Trang-Vạn là Đại-phu Tống mà bắt sống được, Người Tống phải sang xin Trang-Vạn về. Tống-công (Mãn-công Tiệp) giều Trang-Vạn rằng : « Trước ta vẫn quý người, nay người là một thằng tù của nước Lỗ, ta còn quý người làm gì ». Vạn giận lắm.

Mùa thu (năm Trang-công thứ 12) Vạn giết Tống Mãn-công ở đất Mông-trạch, rồi Vạn đi ra gặp Cừ-Mục ở cửa cung bèn đánh chết. Lại gặp quan Thái-tê là người Đốc ở mé tây Đông-cung cũng giết chết. Lập Tử-Du (Tống công-tử lên làm vua Tống, các công-tử đều xuất-bôn ra ấp Tiêu (1). Công-tử Ngự-Thuyết thì xuất-bôn ra ấp Bạc (2). Con Vạn là Nam-Cung Ngưu với Mạnh-Hoạch đem binh vây ấp Bạc.

(1 . 2) Tiêu, Bạc là hai ấp của Tống.

(3) Nam-Cung Vạn là người khoẻ lắm, thế mà bị Lỗ bắt rồi về vua lại giều nên y tức. — Có người Tống Trần dài 260 dặm mà Vạn kéo xe cho mẹ đi có một ngày là khoẻ lắm. Trần sợ Vạn khoẻ không dám đương-diện phải lừa say lấy da tê gói lại. Vạn đẩy đến rách da là khoẻ lắm.

Tháng mười, mùa đông năm ấy, Thúc Đại-Gâm là Đại-phu ấp Tiêu cùng với bọn tôn-thất về năm chi họ Đới, Vũ, Tuyên, Mục, Trang là con cháu năm đời vua Tống trước. Lấy quân nước Tào về đánh giết được Nam-Cung Ngưu ở giữa trận, rồi vào thanh giết Tử-Du mà lập công-tử Ngự-Thuyết lên làm vua, ấy là Tống Hoàn-công.

Mạnh-Hoạch chạy sang nước Vệ. Nam-Cung Vạn thì xuất - bôn sang nước Trần.

Khi Vạn xuất-bôn, lấy cái xe người kéo mà tự mình kéo lấy cho mẹ đi. Đi có một ngày đến nơi (3).

Người Tống xin Mạnh-Hoạch ở nước Vệ. Người Vệ toan không cho. Thạch Kỳ-Tử là Đại-phu Vệ nói rằng : « Không nên thế ; ở đời này, kẻ ác đi đến đâu cũng là kẻ ác. Mạnh-Hoạch nó làm ác ở Tống mà ta bảo-toàn cho nó thì bảo toàn được ích gì, dùng được một thăng mà dễ mất lòng với một nước, giúp đũa làm càn mà bỏ tình giao-hiếu, như thế không phải là mưu hay.

Vệ bèn trả Mạnh-Hoạch. Tống lại dứt lễ Trần mà xin Nam-Cung Vạn.

Người Trần sai bọn con gái mời Vạn chén say, rồi lấy cái da con tê đã thuộc rồi mà gói chặt Vạn lại. chở về đến Tống thì y giầy rách da tê mà thò cả chân tay y ra. Người Tống làm mắ cả Nam-Cung Vạn với Mạnh Hoạch.

### 9. -K. - Người Tề diệt nước Toại

T. - Mùa xuân (năm Trang-công thứ 13,) Tề-hầu (Hoàn-công) cùng người Tống, người Trần, người Sái, người

Trâu hội ở đất Bắc-hạnh (đất Tề) để bình việc nội-loạn của Tống; người Toại không đến dự hội. Mùa hạ tháng sáu năm ấy, người Tề diệt nước Toại mà cho quân đến đóng.

10. — K. — Người Tề người Trần người Tào cùng đánh nước Tống. Đan Bá đến hội phạt.

T. — Người Tống hội cái ơn mà người Tề hội chu-hậu ở Bắc-hạ h. Mùa xuân năm Trang-công thứ 14. Tề với chư-hầu đánh Tống. Tề cho vào xin quân của Châu-vương, Mùa hạ năm ấy Đan Bá là Đại-phu nhà Châu đến hội phạt rồi nhận lời cầu hòa của người Tống mà về.

Từ năm Hoàn-công 15, Trịnh Lệ-công (Công-tử Đột) xuất-bôn ra nước Sái. Trịnh Chiêu-công (Công-tử Hốt) lại về Trịnh làm vua. Lệ-công bèn nhờ người ấp Lịch (đất Trịnh) giết quan Đại-phu của Trịnh đóng ở ấp ấy là Đan-Bá rồi ở lại ấp ấy.

Năm Hoàn-công 17, quan khanh nước Trịnh là Cao Cừ-Di giết Trịnh Chiêu-công mà lập công-tử Vĩ (em Trịnh Chiêu-công) Hoàn-công năm 18, người Tề hội ở Thủ-chỉ mà giết công-tử Vĩ và Cao Cừ-Di. Sái Trọng lại lập Trịnh-tử (tức công-tử Nghi cũng em Chiêu-công) lên làm vua Trịnh.

Nay Trịnh Lệ-công lại từ ấp Lịch vào đánh Trịnh, vào đến đất Đại-lăng thì bắt được Phó-Hà là Đại-phu Trịnh. Phó-Hà nói: « Nếu ngài tha tôi thì tôi xin nạp ngài về » Lệ-công bắt y thề mà tha ra.

Phó-Hà bèn giết Trịnh-tử và hai người con, mà nạp cho Lệ-công về. Lệ-

công về nước rồi bèn giết Phó-Hà mà cho người bảo Nguyễn-Phồn là đại-phu Trịnh rằng: « Phó-Hà ở nhĩ-tâm, chiều theo phép thường nhà Châu, y đã cam chịu tội rồi. Còn những ai cũng dự việc nạp cho ta về mà không có lòng nhĩ-tâm, thì ta cho làm quan Thuồng đại phu cả. Nhờ ông xét hộ ta xem. Vả, lúc quả-nhân bị xuất-bôn, ông chẳng giúp một câu nào; nay quả-nhân về, ông cũng chẳng nghĩ gì đến quả-nhân sốt cả. Quả-nhân cảm ông lắm !. » Nguyễn-phồn thưa: « Từ đời tiên-quân là vua Hoàn-công ta (vua đầu nước Trịnh) sai tiên-nhân nhà chúng tôi trông coi chỗ tôn-miếu. Nếu xã-tắc đã có chủ rồi, mà chúng tôi còn có bụng khác, như thế mới là nhĩ-tâm. Đã làm chủ xã-tắc rồi thì người trong một nước, ai không phải là tôi con. Tôi con thì không nhĩ-tâm được, ấy là đạo trời như thế. Ông Tử-Nghi làm vua đã 14 năm nay, thế mà có kẻ còn mưu đi rước ngài về, thì kẻ ấy nhĩ-tâm đến thế nào.

Con vua Trang-công ta hãy còn làm ông nữa, nếu ông nào cũng lấy quan-tước dứt lốt người ta để xui người ta ở nhĩ-tâm mà làm cho thành-sự, thì ngài đã chắc gì Thôi, tôi xin theo mệnh ngài. » Bèn tự thắt cổ chết.

11 — K. — Người Kinh (1) vào nước Sái

T. — Vua nước Sái là Ai-hầu lấy vợ ở nước Trần. Năm Trang-công thứ 10, vua nước Túc cũng lấy vợ ở Trần, ấy là nàng Túc-Vĩ (2). Khi nàng Túc-Vĩ về nhà chồng đi qua nước Sái. Sái-hầu nói: « Di nó đã đến » Bèn giữ lại tiếp-kiến mà không đãi là bạc tân-khách.

(1) Kinh là tên cũ của nước Sở.

(2) Vĩ là họ vua Thuấn, vua Trần nay là dòng dõi vua Thuấn trước.

Tức-hầu nghe biết chuyện ấy, giận lắm, bèn nói với Sở-tử Văn-vương rằng : « Xin ngài đánh nước tôi, tôi cầu cứu ở nước Sái, thì ngài đánh ngay nước Sái ». Sở-tử nghe lời, đánh quân Sái ở đất Sần, bắt Sái-hầu, là Hiến-Vũ đem về.

Sái-hầu bèn nói với Sở-tử mà ngợi khen Tức-Vĩ là người đẹp. Sở-tử diệt nước Tức bắt Tức-Vĩ về làm vợ đã sinh ra được người Đổ-Ngao và vua Thành-vương mà nàng chưa hề nói một tiếng nào. Sở-tử hỏi vì cớ gì ?

Nàng rằng : « Tôi là một người đàn bà mà thờ đến hai người chồng, đã chẳng chết đi được thì chớ, lại còn nói gì ».

Sở-tử cho việc diệt nước Tức là bởi tự Sái-hầu, bèn đánh nước Sái. Mùa thu, năm Trang-công thứ 14, quân Sở vào nước Sái.

### 12 — K — Người Tề chết tiết ở Toại

T. — Năm Trang-công thứ 13, người Tề diệt nước Toại rồi cho binh đến lưu-thú. Mùa hạ năm Trang-công thứ 17. Người Toại thuộc về bốn họ cự tộc là họ Nhân, họ Lĩnh, họ Công-lâu và họ Tu-toại làm tiệc đãi bọn thú-binh Tề. Bọn thú-binh Tề chén say bị người Toại giết chết hết.

Năm Trang-công thứ 19, Sở-tử đi đánh quân nước Ba bị thua to trở về. Dục-Quyền là quan giữ cửa, không mở cửa thành cho Sở-tử vào. Sở-tử bèn đem quân đi đánh nước Hoàng, đánh được quân nước Hoàng ở Thổ-lăng là đất của nước Hoàng, thì Sở-tử bị bệnh chết.

Dục-Quyền chôn Sở-tử ở đất Tịch-thất xong thì y cũng tự-sát mình chết mà chôn vào chỗ trước mã vua.

Nguyên trước Sở-tử có một việc Dục-Quyền phải cố sức can mà Sở-tử không nghe. Y bèn cầm gươm dọa Sở-tử mới được. Việc xong y nói : « Minh lấy gươm dọa cho vua sợ là một tội rất lớn. » bèn tự « ngoạt » (1) chân đi. Người Sở cho Dục-Quyền là người giỏi, bèn cử làm chức Đại-mân là kẻ giữ cửa thành lớn, nên lại có việc như trên ấy.

### 13 — K. — Trịnh-bá Đột mắt

T. — Nguyên xưa nàng Diêu là vợ lẽ của Trang-vương nhà Châu, được vương yêu, sinh được một người con là Đồi. Vương yêu Đồi, cho người Vi Quốc làm thầy dạy. Đến khi Huệ-vương là cháu Châu Trang - vương lên nối ngôi, chiếm lấy cái vườn của Vi Quốc làm vườn mình, lại chiếm lấy cung của Biên-bá để hợp vào vương-cung, cướp lấy ruộng của Tử - Cầm, Chúc Quý và Thiêm-phủ, thu lại lộc của một chức Thiêm-phủ. Vì vậy năm quan đại-phu là Vi-Quốc, Biên-Bá, Thiêm Phủ, Tử Cầm và Chúc - Quý cùng với viên Thiêm-phu là Thạch-Tốc nổi loạn, cùng rước vương-tử Đồi đến đánh vương nhưng không được, một quan đại-phu khác nữa là Tô-tử đem vương-tử Đồi xuất-bôn ra nước Vệ, lại đem quân Vệ quân Yên vào đánh nhà Châu mà lập vương-tử Đồi lên làm vua. Mùa xuân năm Trang-công thứ 20, Trịnh-bá điều-đình cho nhà Châu nhưng không xong, bèn đem vương về Trịnh cho ở ấp Yên mà chuyên vận cả bảo-khi của nhà Châu về Trịnh.

Mùa đông, vương-tử Đồi đãi năm quan Đại-phu ăn tiệc, mùa đủ cả các khúc cổ-nhạc của đế-vương ngày trước.

Trịnh-bá nghe biết bèn đến yết-kiến ông Quốc-thúc mà rằng : « Quả-nhân

(1) Tự cắt chân.

nhớ có câu rằng : « Hễ sự vui sự thương mà dùng sai thời-tiết thì gặp tai-hại ngay ». Nay vương-tử Đồi chơi ca-vũ không biết chán, thế là lấy tai-vạ làm vui đó. Ôi khi quan Tư-khẩu (1) đi sứ từ vua có việc vui cũng không cử nhạc, nữa là lại dám lấy tai-vạ làm vui dư ! Tử Đồi cướp lấy ngôi vua, còn tai-vạ gì lớn bằng, đang lúc tai-vạ mà quên cả lo, thì cái lo ấy nó tới ngay mình đó. Sao ông không nạp vương vào ? Quốc-công nói : « Quả-nhân cũng muốn thế. »

Mùa hạ năm Trang-công thứ 21. Trịnh Quốc hội binh đánh Vương - thành. Trịnh-bá đưa vương vào cửa Ngự-môn. Quốc-thúc thì vào cửa bắc-môn giết vương-tử Đồi và năm quan đại-phu.

Trịnh-bá mời Vương ăn yến ở mé tây cửa khuyết, hòa đủ các nhạc. Tháng năm Trịnh-bá Lệ-công chết.

#### 14.- K.- Người Trần giết công-tử Ngự Khẩu

K. — Mùa xuân năm Trang-công thứ 22, người Trần giết Thái-tử là Ngự-Khẩu. Trần công-tử Hoàn (tức Kinh-Trọng) với Chuyên-tôn xuất-bôn sang nước Tề. Tề-hầu (Hoàn-công) cho Kinh-Trọng làm quan Khanh nước Tề. Kinh-Trọng xin từ mà rằng : « Kể bầy tôi cơ-tử (2) nhờ ngài tha thứ mà cho ở trong một nước chính-trị rộng-rãi này. Xá chi kể không có giáo-huấn như tôi xin ngài tha lỗi mà cất gánh nặng đi cho, thế là tôi được đời ơn ngài lắm, nữa

còn dám lạm dự vào ngôi các đê cho càng lắm chuyện chế cười làm gì. Trong phong-thi có câu rằng : « Xe, cung đến rước kia kia ; muốn đi nhưng sợ bạn bè mỉa-mai ». Tôi cố chết xin từ. »

Tề-hầu cho Kinh-Trọng làm quan Công-chính (coi thợ) Kinh-Trọng mời Tề-hầu đến nhà mình uống rượu. Hôm ấy tiệc vui lắm, gần tối chưa tan. Tề-hầu nói : « Tối thì tiếp đèn vào ».

Kinh-Trọng lại từ rằng : « Thần chỉ bóí dặt liệc có ban ngày hôm nay mà thôi, chứ chưa bóí về đêm nay thế nào, vậy không dám mời vua lưu lại uống rượu đêm (3).

— Tấn-hầu (Hiển-công) sắp đi đánh nước Quốc. Sĩ-Vĩ là quan đại-phu can rằng : « Không được, Quốc-công là kẻ kiêu-căng, cứ đê cho y thắng luôn được ta thì y tất khinh bỏ cả dân của y đi, chờ đến khi y không có dân nữa, ta sẽ đánh, bầy giờ y muốn chống lại ta thì lấy ai mà chống được. Ôi, chính-đốn những việc lễ-nhạc từ-ái là đê dự-bị về việc chiến-tranh đó. Dân có biết nhường-nhịn nhau, hòa vui với nhau, yên-miền cha mẹ và thương xót sự tóc-tang thì mới dùng ra chiến-tranh được. Nước Quốc không có dự-bị gì những việc ấy cả, thế mà cứ chiến-tranh mãi, thì tất phải dôi kém ».

— Trước Tấn Hiển-công lấy vợ ở nước Cồ, nhưng không có con, rồi ông tự - thông với nàng Tề-khương (vợ bé của bố), sinh ra được vợ vua Tấn Mục-công và Thái-tử là Thân-sinh

(1) Cũng như quan Hình-bộ Thượng-thư.

(2) Cơ-lữ trở về người mắc ở chốn lữ-thứ quê người.

(3) Kinh-Trọng ở Tề lấy họ là Trần, sau con cháu càng thịnh, cháu tám đời là Trần Hằng giết vua Tề mà chuyên quyền, đến cháu tăng-tôn đời là họ Điền, tức là Điền Hòa cướp ngôi vua Tề.

Tấn Hiến-công lại lấy người con gái ở hai rợ Nhung nữa. Nàng Hồ-cơ ở rợ Đại-nhung (1) sinh ra Trưng-Nhĩ, còn một nàng ở rợ Tiều-nhung thì sinh ra Di Ngô. Nước Tấn lại đánh rợ Ly-nhung. Ly-nhung Nam (2) lại gả cho nàng Ly-cơ, sinh ra người Hề-Tề; và một người em gái nàng Ly-cơ nữa thì sinh ra người Trác-tử.

Nàng Ly-cơ được yêu, muốn cho con mình được lập, bèn dút lót cho một quan đại-phu là người Lương Ngũ được vua yêu và một quan đại-phu ở đất Đông-quan là người Ngũ nữa cũng được vua yêu; nhờ hai người ấy họ nói với Tấn Hiến-công rằng: « Đất Khúc-Ốc là chỗ tôn-miếu của nhà vua, đất Bô với đất Nhi-khuất thì là chỗ biên-cương của nhà vua. Hai chỗ đó không có người làm chủ không được. Chỗ tôn-miếu không có chủ thì dân không sợ. Chỗ biên-cương không có chủ thì rợ Nhung sinh lòng gian. Dân khinh-thường chính-lệnh, rợ Nhung sinh lòng nom đóm, là cái lo cho nước đó. Nếu ngài cho Thái-tử ra cõi đất Khúc-ốc, Trưng-Nhĩ Di-Ngô thì ra đất Bô với đất Khuất, thế là khả-đĩ khiến cho dân nghiêm mà rợ Nhung phải sợ, lại tiêu-biểu được cái chiến-công của nhà vua ra, để cho người ta đều nói rằng: « Cõi đất của rợ Địch rộng-rãi thế này, nay thành ra nơi đô-hội của nước Tấn cả, nước Tấn mở-mang bờ-cõi thực là đáng lắm. »

Tấn-hầu lấy làm bằng lòng, bèn cho Thái-tử ra đóng ở Khúc-ốc, Trưng-Nhĩ đóng ở Bô-thành, Di-Ngô thì đóng ở Khuất, còn các công-tử khác đều ra đóng mọi nơi biên-cương. Chỉ còn có con của hai nàng Ly-cơ là ở tại thành Giáng (kinh-dô Tấn).

Hai chàng Ngũ với nàng Ly-cơ cùng gièm-pha các vị công-tử mà lập Hề-Tề lên làm thái-tử. Người Tấn có câu rằng: « Hai năm rở mười » (hai số năm 10-ràng làm một số mười) nghĩa là hai người Ngũ (năm 5) hợp nhau lại công-nhiên làm sự gian-tà.

### 15 K. - Công hội người Tề người Tống cứu nước Trịnh

T. — Quan Lệnh-doãn nước Sở là Tử-Nguyên (3) muốn gả nàng Văn-phu-nhân, (4) bèn đặt nhà khách ở gần bên nội-cung mà khua múa nhạc-carầm-rĩ. Phu-nhân nghe thấy, khòe mà rằng: « Đức Tiên-quân dùng khúc nhạc này để tập việc vũ-bị, nay quan Lệnh-doãn không đem đi để đổi với bọn cứu-thù mà lại đem khua ở bên tai kẻ « vị-vong » (5) này thì có lạ không? »

Người thị-thần đem lời ấy báo Tử-Nguyên.

Tử-Nguyên nói: « Một người đàn bà còn không quên sự báo cứu, nữa mình lại quên đi được dư. »

Mua (Thu năm Trang-công thứ 28), Tử-Nguyên đem sáu trăm cỗ binh-xa đi đánh nước Trịnh, quân vào đến cửa Cát-dật nước Trịnh.

Tử-Nguyên với Đẩu Ngự-Cương Đẩu Ngô và Cảnh-Chi Bát-Ti thì đóng trại ở tiền-quân và cắm lá cờ « bái » làm hiệu Đẩu-Ban, Vương-Tôn Du Vương-Tôn Hỉ thì đóng tại mặt hậu-quân, còn bao nhiêu xe thì đi từ cửa Thuần-môn nước Trịnh vào đến chợ Quì ở trong cõi. Đến đấy thấy cửa thành nước Trịnh vẫn không đóng mà người Trịnh ở trong thành đi ra nói bằng tiếng Sở cả.

(1) Vua rợ Nhung này cũng họ Cơ con cháu nhà Châu, mới đặt thêm tên phái là Hồ nên gọi họ Hồ-cơ.

(2) Vua Ly-nhung nam-tước.

(3) Lệnh-doãn là tướng Sở, Tử Nguyên là em vua Văn-vương nước Sở.

(4) Vợ Văn-vương, mới góa chồng.

(5) Vị-vong là chữ chết kẻ vị-vong là người đàn bà góa về sau sẽ chết theo chồng.

Tử-Nguyên nói rằng: « *Chắc Trịnh có người giỏi* ». Bấy giờ chừ-hầu cũng vừa đến cứu nước Trịnh. Người Trịnh loan chạy sang đất Đông-kỳ, nhưng có tin mật-thăm báo rằng thấy có quạ đậu ở chỗ người Sở cắm quân-mạc (1), mới biết quân Sở đã rút từ đêm rồi, bèn thôi không chạy nữa.

Công-tử Nguyên nước Sở từ khi đi đánh Trịnh về vào ở ngay trong vương-cung. Quân Xạ-sư họ (2) Đấu can thi Tử-Nguyên bắt cầm lại.

Mùa thu (năm Trang-công thứ 30) Thân-công là Đấu Ban giết Tử-Nguyên. Đấu Cấu-Ô-Đồ (3) lên làm Lệnh-doãn.

Đấu ury hủy bỏ thế-lực tư-gia của nhà mình đi để ỗ lấy tai-nạn cho nước Sở.

#### 16 - K. - Tống-công, Tề-hầu gặp nhau ở Lương-khâu

T. — Tề-hầu vì việc Sở đánh Trịnh bèn mời chừ-hầu hội bàn. Tống-công xin đến trước để yết-kiến Tề-hầu. Mùa hạ (năm Trang-công thứ 32) Tống-công gặp Tề-hầu ở Lương-khâu.

Mùa thu tháng bảy (năm Trang-công thứ 32) có Thần giáng xuống ở đất Sần về hạt nước Quốc. Quốc-công cho quan Sứ là Hiên đi tế Thần và cầu xin thần cho được rộng đất. Sứ Hiên nói rằng: « *Quốc mất nước mất thôi, ta nhớ có câu rằng: « Nước sắp thịnh thì cầu ở dân, sắp mất thì cầu ở thần. Thần là gì, tức là cái lẽ thông-minh chính-trực mà duy-nhất, theo ở việc làm của người*

ta mà phát hiện ra, nước Quốc này làm nhiều điều bạc đức, lại còn muốn nhiều cõi đất thế nào được nữa. »

#### IV. - Đòi vua Mẫn-công (4)

Trị vì được hai năm, năm đầu là canh-thân Châu Huệ-vương năm thứ 16, Tây-lịch trước kỷ-nguyên 661.

#### 1. - K. - Người Tề cứu nước Hình

T. — Người rợ Địch (5) đánh nước Hình. Quân Kinh Trọng (cũng là Quân Trọng) nói với Tề-hầu rằng: « *Người Nhung-Địch nó như con sài-lang, không biết chán. Các nước Hou-hạ là linh thân-cận với nhau, không bỏ nhau được. Sự yên vui là thuộc độc đó, không nên miễn. Phong-thi có câu rằng: « Nhớ nhà ta muốn về nơi, nhưng về ta sợ mây lời giản-thư 6) ». Lời giản-thư ấy là câu « Cùng quan-hệ phải thương nhau » đó, vậy xin vua đi cứu nước Hình để theo lấy lời giản-thư ấy. » Người Tề bèn đi cứu nước Hình.*

#### 2 - K. - Trọng-Tôn nước Tề sang chơi nước ta.

T. Mùa đông (năm Mẫn-công nguyên-niên) Trọng-Tôn Thử là đại-phu Tề sang chơi và hỏi thăm nước ta (việc Thái-tử Ban bị giết, Mẫn-công là con thứ mới lên nối ngôi). Khi về Trọng-Tôn nói với Tề Hoàn-công rằng: « Nước Lỗ không bỏ Khánh phủ đi, (một vị công-tử, làm đại-phu mà chuyên-quyền, sai giặc giết Thái-tử Ban) thì còn loạn mãi. Tề Hoàn-công hỏi: « *Làm thế nào mà bỏ đi được?* » Trọng-Tôn thưa:

(1) Khi quân đóng ngoài đồng thì cắm những cái lều nhỏ bằng thứ vải dầy để che mưa nắng.

(2) Quan dạy lính bắn.

(3) Tướng Sở. « Cấu là cho bú, Ô-đồ là con hổ vậy. Cấu-Ô-đồ là hổ cho bú.

(4) Tên là Khả-Phương, con Trang-công.

(5) Rợ Nhung-Địch ở ngoài biên, mé tây-bắc Trung-quốc.

(6) Giản là cửa thẻ-thư là tờ thư, là những cái chép mệnh-lệnh của Tể-a-lử hay lời nước của chừ-hầu. Câu thơ này ở thẻ Tiều-nhĩ nói về tướng-sứ đi đánh giặc.

« Làm cần mãi tất bị hại vua cứ đợi đấy. » Tề Hoàn-công lại hỏi : « Có thể lấy được nước Lỗ không ? » Trọng-Tôn thưa : « Không lấy được, nước Lỗ còn giữ được phép Châu-lễ (phép luật của Châu-công đặt ra). Phép Châu-lễ là cái gốc trị nước đó. Tôi nhớ có lời rằng : Nước nào sắp mất tất cái gốc đó trước cảnh là theo đó sau, nay nước Lỗ không bỏ phép Châu-lễ, thì chưa lay động được. Xin vua cần xếp yên việc nội-loạn cho Lỗ mà thân-thiện với họ.

Xem họ có luật phép thì nên thân, họ còn vững bền thì hãy giúp, mà hề thấy họ ngờ nhau thì gièm thêm vào, họ hôn-mê mà bạo-loạn thì lật đổ đi, đó là cái thuật của nhà bá-vương đó. »

**Đỗ-nam-tử cần án :** Xem bốn cái thuật của bá-vương mà Trọng-Tôn nói với Tề Hoàn-công ở đây, thực là giản-ước mà tổng-quát được hết những cái mưu mẹo khôn ngoan của các nhà ngoại-giao xưa nay. « Xem họ có luật-pháp thì nên thân, họ còn vững-bền thì hãy giúp, mà hề thấy họ ngờ nhau thì gièm thêm vào, họ hôn-mê mà bạo-loạn thì lật đổ đi. » Ôi, tử-tế thì rất là tử-tế, mà gian-ác thì cũng rất là gian-ác. Song, tử-tế hay gian-ác đều tự bên kia cầu lấy cả có tại gì ta.

Coi đó thì phạm lập-quốc ở giữa buổi liệt-cường cạnh-tranh kia, muốn cho nước mình không thất-bại ở trong trường ngoại-giao mà được người ta thân-thiện, thì phải tự chính-đốn lấy nước mình đã.

Tấn-hầu Hiến-công mới lập ra nhị-quân : Hiến-công coi đạo Thượng-quân, Thái-tử Thân-Sinh coi đạo Hạ-quân, Triệu Túc làm chức

Ngự-nhung, Tấn-Vạn làm chức Hữu-trưởng, cùng đi diệt nước Cảnh, nước Hoắc và nước Ngụy. Lúc về bèn lập thành Khúc-ốc cho Thái-tử, cho Triệu Túc đóng ở nước Cảnh và cho Tấn-Vạn đóng ở nước Ngụy, đều làm đại-phu cả.

Sĩ-Vi (Tấn đại-phu) nói rằng : « Thái-tử không được lập làm vua nữa rồi, phân cho một chỗ đô-thành, phong cho ngôi quan Khanh, cho cực-phẩm ngay, thế là không được lập nữa đâu.

Tôi tưởng bất-nhược thái-tử bỏ đi như ông Thái-bá nước Ngô là xong, bỏ đi như thế còn được tiếng khen, chẳng thà ở mà đợi tội dư.

Lời ngạn-ngữ có câu rằng : « Ai ơi cứ hỏi bụng ta, sạch trong chi sự không nhà nường thân. » Nếu trời giúp cho thái-tử, há rồi không có nước Tấn hay sao. »

### 3. -K. -Người rợ Địch vào nước Vệ

T. — Mùa đông, tháng chạp (năm Mậu-công thứ hai). Người rợ Địch vào nước Vệ.

Vua Vệ là Ý-công hay thích chơi hạc, thường lấy xe hiên-xa là thứ xe của quan đại-phu để chở cho hạc đi. Nay sắp ra giao-chiến với rợ Địch, người nước vào lĩnh đồ giáp-binh, họ đều nói : « Ngài sai hạc nó đi ra đánh, vì nó có lộc vị chứ chúng tôi biết gì mà dám ra đánh. »

Ý-công bèn ban cho Thạch-Kỳ-tử một hòn ngọc quyết, ban cho Nịnh-Trang-tử một bó tên và sai hai người ở lại giữ nước mà dặn rằng : « Các người lấy cái này mà giúp nước (1), chọn việc tiện-lợi mà làm. » Lại cho phu-nhân một cái áo vóc (2) mà rằng : « Nền theo lời hai gã ấy. »

(1) Ngọc quyết thủ-nghĩa là quyết-toán. Cái tên thủ-nghĩa là nó đi thẳng.

(2) Vóc thủ-nghĩa nó có văn-chương thứ-tự. Hiến-công nay mới chính-đốn tinh-thần thì việc đã lỡ mất rồi.

Xong rồi cho Cừ - Khổng làm ngự-nhung, Tử-Bá làm hữu-tướng, Hoàng-Di làm Tiên-khu, Khổng Anh - Tề làm hậu - quân, đánh nhau với rợ Địch ở Huynh-trạch, quân Vệ đại - bại, nước Vệ bèn bị diệt.

Người Địch bắt được hai quan Sứ (chức thờ thần) là Hoa Long-Hoạt với Lê-Không giam lại rồi đuổi đánh người Vệ. Hai người nói rằng : « *Chúng tôi là quan Thái-Sứ cả đây, thực chúng tôi coi việc tế thần, nếu không cho chúng tôi về trước để cáo-thần cho thì không lấy được nước của chúng tôi đâu* » (1). Người Địch bèn cho hai quan Sứ đi về trước, đến nơi, hai quan Sứ bảo hai quan thủ-thành rằng: « *Còn gì mà đợi* ». Đêm hôm ấy, hai quan thủ-thành cùng người nước trút ra hết, Rợ Địch kéo vào nước Vệ rồi đuổi đánh quân Vệ đến sông Hà, quân Vệ lại thua.

Trước kia, khi Vệ Huệ-công (cha Ý-công) mới lên nối ngôi tuổi còn bé. Người Tề bắt Chiêu-Bá (anh khác mẹ của Huệ-công) phải đi lại với nàng Tuyên-khương (con gái vua Tề, vợ bé góa của Vệ Tuyên-công, mẹ Huệ-công). Chiêu-Bá không nghe, nhưng Tề ép phải nghe. Sinh ra được người Tề-tử, Đới-công, với Văn-công (hai vua Vệ sau này), Phu-nhân của Tống Hoàn-công và Phu-nhân của Hứa Mục-công.

Lúc Vệ có nhiều việc bối - rối thì Văn-công đã lánh sang Tề ở trước rồi. Tới khi Vệ thua rợ Địch trốn chạy, Tống Hoàn-công ra đón ở bến sông Hà, đêm mới dám độ-hà.

Di-dân (2) Vệ vừa đàn-ông đàn-bà được 730 người, lại thêm được dân ở ấp Cung ấp Đẳng, cộng là 5000 người,

mới lập Đới-công lên làm vua Vệ và dùm mấy túp nhà tranh ở ấp Tào (đất Vệ) ở với nhau.

Nàng Hứa Mục phu-nhân thì đọc thơ « *tái tri* » để viếng (thơ ấy có chép ở thi-ca Vệ-phong sách phong-thi). Tề-hầu thì cho công-tử Vô-Khuy đem 300 cỗ binh-xa, 3000 lính giáp-sĩ đến đóng ở ấp Tào. Lại cho Vệ Đới-công một cỗ xe ngựa (xe tứ-mã) năm chiếc áo tể ; trâu, dê, lợn, gà, chó mỗi thứ 300 con, cùng những tài-liệu để xây cửa thành, cho phu-nhân của Vệ Đới-công một cái xe ngự-hiền (3), ba mươi cuốn gấm tốt.

\* \*

Tấn-hầu sai Thái-tử là Thân Sinh đi đánh rợ Cao-lạc-thị ở xứ Sơn-dông. Lý-Khắc can rằng : « *Thái-tử là con giữ việc thờ cúng xã-tắc tôn-miếu và hầu hạ cơm nước cho vua sớm trưa, cho nên gọi là con trủng-tử (con trưởng). Vua đi trận thì thái-tử ở nhà giữ nước, có người giữ nước cho thì thái-tử mới theo vua đi. Theo đi thì gọi là « *Phủ-quân* » ở nhà giữ nước thì gọi là « *Giám-quốc*, » ấy cỡ-chế là thế. Còn như trừ-mưu việc hành - binh, tuyên-thệ cho sĩ-tốt là chức-sự của vua với các quan chấp-chính phải lo toan, chứ không phải là việc của Thái-tử.*

Phàm mệnh-lệnh trong quân, người cầm quân phải tự chuyên mới được, thế mà Thái-tử việc gì cũng phải bẩm mệnh với vua thì không có uy, mà việc gì cũng tự-chuyên thì là bất-hiểu. Cho nên con thừa-tự của vua không nên cho cầm quân. Vì cầm quân, vua không mất quyền thì Thái-tử không có uy vậy, thế thì còn dùng cho cầm quân làm gì. Vả

(1) Người Địch mê-tín quỷ-thần nên hai quan sứ ấy nói dối thế.

(2) Di-dân những dân vong-quốc còn nhớ nước cũ mà bất-phục chủ mới.

(3) Thứ xe của phu-nhân đi, che bằng da cá.



*Dẫn diên-nghĩa.* — (1) Xem Nam-phong từ số 129. 2. Câu này gốc từ các bài trên nói các bà mà chuyên xuống vào các bậc đàn ông, đó là lối dẫn-tuyển phục-mạch của nhà lâm văn. — 3 Long-biên sau đời làm Thăng-long tức là Hà-nội. — 4. Bề nam ngàn đoài là nói mặt tây nam; sóng lặng sương ngấn là đẹp yên giữ kín

22. **Thế trận vua Lý Nam-  
đế đánh đuổi Tiêu-Tư.**

*Ngổ lòng vì nước vì dân,  
Trăm quan góp sức ba quân một triều.*

*Non Nùng sông Nhị thét reo (1),  
Lá ngàn bay kiếm trắng đèo uốn cung (2)*

*Nước non đua đuổi anh-hùng,  
Chàng Tiêu khôn lẽ thoát vòng cong  
đuôi (3).*

*Mây phen máu chảy chày trời (4),  
Mắt mỗi mèò chịu ngùi-ngùi xa bon.*

*Giặc Lương còn bọn Lưu Tôn,  
Một đàn cáo thỏ kinh hồn xiết bao.*

*Trời nam trở ngọn cờ đào,  
Dặm nghìn bề rộng non cao mặc dầu.*

*Gốc việc.* — Sử chép vua Lý Nam-đế đánh đuổi Tiêu-Tư, Tiêu-Tư biết thế mình, chịu dâng lễ xin cho sống, thoát về Quảng-châu không dám sang, vua liền giữ thành Thăng-long, lên ngôi làm vua được năm năm.

*Dẫn diên-nghĩa.* — 1. Đây tả lúc vua vào Long-biên vây đánh Tiêu-Tư. — 2. Đây nói kiếm bay nhiều như gió, cung uốn cong như trắng, ý là cung kiếm quân-khí rộn-riп làm. — 3. Đây nói Tiêu-Tư không thể chạy thoát được phải dâng lễ mới được sống về. — 4. Kinh Thư nói vua Chu Vũ-vương đánh quân vua Trụ ở nội Mục-đã máu chảy trời chày.

23. — **Thế trận vua Lý Nam-đế  
đánh Trần Bá-Tiến nhà Lương  
ở huyện Chu-diên.**

*Tiêu-Tư đã lớt về Tàu,  
Trần-Tiên đầu lại bưng đầu sang  
Nam (1).*

*Xá bao mưa tuyết giặt-giảm,*

*Huyện Chu-diên đón cỡi nam chen  
đường (2).*

*Sườn non liếc mũi gươm vàng,  
Trần-tiên mấy vạn quân Lương rơi đầu.*

*Ấm-ấm ngựa ruổi hạc mau (3),  
Rừng thiêng lá cuốn thành sấu hoa  
bay (4).*

*Tơi-bời một trận gió mây,  
Non sông nổi giận cỏ cây cùng thù (5).*

*Khói lang mảy dặm tuyết mù (6),  
Anh-hùng vốn với sơn hồ tay co (7).*

*Gốc việc.* — Sử chép bấy giờ có một con trâu đen đẻ ra con bò lang, lưng có chữ rằng: « Nhật phụ mộc lai 日附木來. » quả rồi nhà Lương lại sai Trần Bá-Tiên đem mấy vạn quân sang lấn, vua đón đánh ở huyện Chu-diên, quân Lương chết đã nhiều mà vẫn tiến sang mãi, vua lui quân về đóng Tô-lich, đề diên thủy-chiến.

*Dẫn diên nghĩa.* — 1. Nhật phụ mộc lai là chữ Trần. — 2. Huyện Chu-diên nay là phủ Vĩnh - tướng tỉnh Vĩnh - yên. — 3. — Đây tả quân ta nhanh-nhẹ. — 4. Đây tả quân ta la quét giặc chết như rác, quân Lương thua chạy tơi-bời. — 5. Đây tả vua đánh nhau với quân Lương bấy giờ đến non sông cũng giận cỏ cây cùng thù. — 6. Khói lang là trở Trần Bá-Tiên. — 7. Đây nói quân Bá-Tiên vẫn tràn sang nhiều mà vua vẫn giữ.

24. — **Thế trận vua Lý-Nam-  
đế đánh nhau với Trần Bá-  
Tiên ở sông Tô-lich.**

*Lui quân về đóng sông Tô (1).  
Một cơn nước gió nhấp-nhò lấy-lương.  
Ba quân rộn rịp tung-bùng (2),  
Dòng ngang trở giáo nước dưng nếm  
roi (3)*

*Mặt ganh sóng rộn vạc sỏi (4),  
Biết bao thây nổi xác trôi chập chờn (5).*

*Lao dầm máu xửa chờn-vòn (6),  
Giặc thù nghe cũng đã sồn lóc ngôi.*

*Trời hôm trống giục chiêng hồi (7),  
Mấy ngàn cũng động mấy đời cũng  
long (8).*

Anh-hùng liệu thể non sông,  
Dời quân sẽ lại qua vùng Gia-ninh (9).

Gốc việc. — Sử chép vua về sông Tô-lich diển thủy-trận đón đánh quân Lương một trận rất dữ-đội, quân giặc chết trôi nổi khắp cả khúc sông, vì trời đã tối, hai bên cùng đánh chiêng thu quân về trại, vua xem quân bên Lương còn nhiều lắm, lại dời quân lên thành Gia-ninh giữ thể hiềm, để chống nhau với giặc.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Sông Tô-lich ở Hà-nội, từ sông Nhĩ-hà rẽ ra, nay sông lấp rồi. — 2. Đây tả quân ta đều nô-nức hùng-đũng. — 3. Câu này gốc ở Tam-quốc-chi nói Tào Tháo hoành sát lâm giang 橫槊臨江 và Tần-sử nói Tần Bồ-Kiên đánh Tần đầu chiền đoạn lưu 投鞭斷流. Đây cũng là tả quân ta khảng-khái và đông nhiều như vậy. — 4. Sông gợn vạc sỏi là tả chiến-trường ở mặt sông sỏi nổi lắm. — 5. Đây tả quân Lương chết nhiều. — 6. Đây tả hai bên đánh nhau. — 7. Đây tả sắp thu quân. — 8. Đây tả quân-thanh vang-động. — Gia-ninh là đất Mi-linh thuộc Sơn-lây.

25. — Thế trận vua Lý Nam-đế  
đánh nhau với Trần Bá-Tiên  
ở hồ Điền-triệt.

Muôn quân vạn mã tung-hoành,  
Rừng hồng rạng bóng non xanh bạc  
đâu (1).

Cỏ bông ruồi ngọn cung đầu (2),  
Đi về lặn nẻo hang sâu vách chèn.

Gia-ninh thành bồng long then,  
Trở vào Khuất-lạo kéo lên Triệt-hồ (3).

Một làn trận sóng nhấp-nhò,  
Nước non vẫn vững tay co một chèo.

Lắm phen nổi xác trôi bèo,  
Giặc hẳn máu lẫn nước triều đỏ hoe.

Đầy hồ thuyền ghép lá tre,  
Quán Lương luống những lăm-le hãi-  
hùng.

Gốc việc. — Sử chép, vua lên thành Gia-ninh, Trần Bá-Tiên lại xô quân theo, vua xem thành Gia-ninh thể

núng, liền vào trong Khuất-lạo, đem 20 vạn quân thủy ra đóng đồn ở hồ Điền-triệt, để chống nhau với quân Lương, Trần Bá-Tiên chỉ đóng quân lấp-ló ở cửa hồ, không dám vào, chỉ đợi nước thủy-triều lên mới dám vào đánh, thì quân lại chết như bèo nổi.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đây nói vua ở trong rừng đã lâu ngày. — 2. Đây nói vua theo cung tên đánh dẹp. — 3. Động Khuất-lạo ở trong rừng, theo tiếng Thổ gọi là lão-Hồ Điền-triệt, sách Phương-dư nhà Minh nói hồ Điền-triệt ở phía tây Thái-nguyên, nay lấp đi mất rồi.

26. — Vua Lý Nam-đế mắt ở  
trong động Khuất-lạo, trao quyền  
cho ông Triệu Quang-Phục chống  
với Trần Bá-Tiên nhà Lương

Trách sao trời chẳng chiều lòng,  
Một cơn lam-chướng nóng nồng xiết  
Mặt hồ Điền-triệt xôn-xao, [bao.  
Đành vào Khuất-lạo động Đào náu  
[nuông.

Trao tay một lưới gươm vàng,  
Phó cho ông Triệu Việt-vương thay  
quyền.

Nước Nam-Việt nước truyền hiền.  
Mở nền dân chủ dựng nên anh-hùng,  
Xa xa Khuất-lạo một vùng,  
Đình-hồ chốc đã sa rỗng khôn vin (1).  
Thái-bình dẫu cũ còn in, [dương.  
Huyện Đông-quan đó còn đèn Từ-

Gốc việc. — Vua từ trong động Khuất-lạo, ra hồ Điền-triệt, đi về lặn-đền lam-chướng, bồng mắt ở trong động, di-chiều trao quyền cho ông Triệu Quang-Phục cầm quân hồ Điền-triệt, chống nhau với Trần Bá-Tiên, nước ta truyền hiền và lập dân-chủ từ đó trước. Nay làng Từ-dương thuộc huyện Đông-quang tỉnh Thái-bình hiện còn đền thờ vua Lý Nam-đế.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Tân-sử chép vua Hiên-viên Hoàng-đế khi thăng-hà có con rồng sa xuống Đình-hồ nước lên trời, các quan vin râu rồng không kịp, đều lẫn khác.

**27 — Thế trận vua Triệu-Việt  
chống nhau với Trần Bá-Tiên  
ở hồ Điền-triệt.**

Quyền trao vua Triệu Việt-vương,  
Mặt hồ Điền-triệt gươm vàng trao tay.  
Con ông Triệu-Túc từ ngày,  
Gọi tên Quang-Phục que nạy Vinh-tướng.

Từ ngày vâng mệnh chống Lương,  
Làm quan Tả-tướng đầu hàng võ ban.  
Quanh hồ trận nước đầy giã,  
Giặc hần chìm nổi mặt làn biết bao.

Ba quân trở ngọn cờ đào,  
Cánh cung cái nguyệt lưỡi dao rạch  
trời (1).

Thuyền bàng trăm lá trèo chơi,  
Long-linh lớp sóng toai-bời ngàn hoa(2).

Bề hồ đòi trận xông-pha,  
Anh-hùng tiếng đã ghè nhà Việt-Nam.  
Lập mưu sẽ liệu cơ lâm,  
Luì quân giữ thế buộc giãm Trần Tiên.

Gốc việc. — Sử chép vua tên là Triệu Quang-Phục là con quan Thái-phó Triệu-Túc, xưa theo vua Lý Nam-đế đi đánh dẹp, làm quan Tả-tướng, khi vua Nam-đế bị lam-chương, giao quyền cho coi quân hồ Điền-triệt, kíp vua Nam-đế mất ở trong động Khuất-lao, di-chiêu truyền ngôi cho để chống nhau với Lương, vua thường đánh ở hồ Điền-triệt, giết quân Lương nhiều lắm, sau lại về giữ Dạ-trạch để làm cách giãm buộc Bá-Tiên, rồi mới liệu cơ đánh khôi-phụ.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Ý nói quân ta cung Kiềm oai-nghiêm lắm. — 2. Tả thế trận ở mặt nước cùng trên bờ đều bát-ngát xông-xao lắm.

**28 — Thế trận vua Triệu Việt  
về Dạ-trạch chống nhau với  
Trần Bá-Tiên.**

Châu Đẳng về hạt Hưng-yên,  
Một đêm bãi cỏ sậy lên thành rừng.  
Gọi chằm Dạ-trạch đã từng.

Chữ-Đổng từ trước gậy dùng côi tiên (1)  
Bùn lầy cỏ mọc bốn bên,  
Trong thung lũng đóng được nghìn vạn  
quân.

Anh-hùng được chốn chứa chân,  
Con thuyền độc-mộc chở quân ra vào.  
Ngày tắt khói tối trông sao,  
Trướng cài mũ trụ quan trao gươm  
thần.

Giặc Lương vùi rập bề trần,  
Tiếng vua Dạ-trạch ba quân lấy-lùng,  
Trần Tiên luống những ngập-ngừng,  
Dặm ngàn côi Bắc trông chừng xa bon.  
Bỗng nghe Khuất-lao tin buồn,  
Lên ngôi thay mặt nước non một nhà.

Gốc việc. — Sử chép vua Lý Nam-đế bị bệnh, vào động Khuất-lao, để di-chiêu và kiếm ấn truyền ngôi cho vua Triệu Việt, vua từ hồ Điền-triệt đem quân về giữ Dạ-trạch, là rừng sậy về hạt phủ Khoái Hưng-yên, xưa gọi là Đẳng-châu, chằm Dạ-trạch là một cái bãi sậy to, chung quanh bùn lầy cỏ rậm, trong có thung-lũng đóng được và vạn quân, vua đem quân về đó cứ ngày thì tắt hơi lặng tiếng, đêm thì dùng thuyền độc-mộc cho quân ra đánh giết quân Lương, Trần Bá-Tiên phải bỏ về, để ti-tướng là Dương-Sản ở lại. Bấy giờ vua nghe tin vua Lý Nam-đế mất ở Khuất-lao rồi, vua mới lên ngôi, xưng là Dạ-trạch-vương.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Ngoại-sử chép trước ông Chữ-đồng-tử được phép tiên, trần mình nằm trong bãi sông, gặp bà công-chúa Tiên-Dung, con gái vua Hùng-vương ngự thuyền vảy màn tắm mát, ông Chữ-Đổng-tử giữ cái lặn nước vào màn tắm của bà chúa Tiên-Dung, rồi lấy nhau, lên bờ sông làm thành nhà cửa, chiêu-tập cư-dân, lập thành phố-xã ở đó, vua Hùng-vương cho bắt thì đều lên tiên, một đêm nổi thành bãi sậy, người ta gọi là Nhất-dạ-trạch và Tự-nhiên-châu, nay hạt phủ Khoái-nhiên

làng thờ ông Chử-Đông bà Tiên-Dung, là người mở-mang ra đất ấy.

**29. — Thế trận vua Triệu-Việt đánh giết Dương Sằn về Long-biên làm vua**

Trần Tiên đã bước nơi xa,  
Dương Sằn trao lại mấy tòa cõi Nam.  
Anh-hùng mài liếc lưỡi gươm,  
Hoa reo bãi Sây cỏ thơm bến Đẳng (1).  
Bụi hồng quét sạch láng-làng,  
Lũ Dương Sằn đã đầu quẳng máu lœ.  
Dăm nghìn giết lại sơn-khé,  
Rồng bay chốc đã trở về Thăng-long.  
Nước non riêng chiếm một vùng,  
Trời Nam rạng bóng bề đống thuận  
chiều (2).

Một dòng sông Nhị trong veo,  
Dập-diu hoa cỏ đón reo anh-hùng (3).

Gốc việc. — Sử chép khi Trần Bá-Tiên phải về rồi trao phó cho Dương Sằn coi giữ, vua từ Dạ-trạch đem quân về Long-biên đánh giết lũ Dương Sằn, quân Lương chạy tán-lạc hết, vua liền vào Long-biên chính-vị, xưng là Nam-Việt-vương.

LỜI BÀN. — Nước ta từ khi mở nước, chưa có ai xưng lên nghĩa dân-chủ truyền-hiền, mới có vua Lý Nam-đế truyền ngôi cho vua Triệu-Việt, mà vua Triệu-Việt lại hay lấy mình gánh vác non sông, mãi đến khi vua Nam-đế mất mới lên ngôi ở Dạ-trạch, khi đánh được Lương rồi, mới về Thăng-long chính vị-hiệu, thực là quang-minh chính-dáng quá, rõ quả là vua Nghiêu vua Thuấn và Tiên-Hoa-thịnh-đốn, Hậu-Hoa-thịnh-đốn nước Việt-Nam ta vậy.

Dân diên nghĩa. — 1. Tả vua từ Dạ-trạch về, quân đi rộn-riệp nô-nức lắm. — 2. Nói vua về sáng sủa hòa-thuận lắm. — 3. Tả ý dân mừng.

**30. — Vua Triệu-Việt vì nghĩa vua Tiên-Lý Nam-đế mắc lừa Lý Phất-tử, nhảy xuống cửa bể Đại-an, dân lập đền thờ.**

Trách sao Phất-tử riêng lòng,  
Vốn ngành họ Lý tự trong sông Đào.  
Bông nghe yền đẹp tận trào,  
Từ trong động Dã rừng Lào trở ra.  
Thái-bình nổi lớp phong-ba (1),  
Thua quân rồi lại cầu hòa kết-hôn.  
Nhã-lang thề hẹn nước non,  
Cảo-nương cùng vẽ trăng tròn sánh vai.  
Hai nhà Triệu Lý hòa hai,  
Bến Quân-thần hẹn rạch đôi sơn-hà (2).  
Vi ai rẽ nước chia nhà,  
Vin hoa mà nữ phụ hoa sao đành.  
Mũ máu trót đã tan-tành (3),  
Rồng đã trút móng gieo mình bể khơi.  
Lòng son sánh với nước trời.  
Cồn Nam còn đó muôn đời khói  
[nhang (4).

Kìa ai phụ đá phai vàng,  
Buộc mình khôn tránh khỏi cương nhà  
Tùng (5).

Gốc việc. — Khi vua Triệu-Việt về Long-biên làm vua, bấy giờ Lý Phất-tử là anh họ vua liên-Lý Nam-đế, xưa vua Tiên-Lý Nam-đế vào Khuất-lạo, anh là Lý Thiên-bảo vào sông Đào-giang động Dã - năng, rừng Lào giữ hiềm, xưng là Đào-lang-vương, khi mất, em họ là Lý Phất-tử nối nghiệp, nghe vua Triệu-Việt đã đánh được quân nhà Lương, về Long-biên làm vua, Phất-tử liền dẫn quân về đánh nhau với vua Triệu-Việt ở đất Thái-bình, thua liền năm trận, Phất-tử xin cầu hòa, vua Triệu-Việt nghĩ tình là anh họ vua Tiên Nam-đế, nên giảng-hòa, cho về ở thành Ô-diên, chia cõi lấy bến Quân-thần làm giới-hạn. Phất-tử lại đem con trai là Nhã-lang, cầu hôn con gái vua Triệu-Việt là Cảo-nương, sang gửi rêu để lừa xem tình-thế, rồi về báo Phất-tử hội-ước đem quân đánh, vua Triệu-Việt thua, đem Cảo-nương chạy, đến

cửa bể Đại-nha, nhảy xuống bể, nhà Triệu mất. Phật-tử xưng là Hậu-Lý-Nam-đế, sau ra hàng người Lưu Phương nhà Tùy, cha con cùng bị bắt.

LỜI BÀN. — Vua Tiên-Lý Nam-đế, đã trao quyền cho vua Triệu-Việt, vua Triệu-Việt đã gắng công hết sức mà giành các được nước non nhà, Lý Phật-tử chẳng qua là một người họ dây mơ rễ má, thấy người ăn mà tiếc, nào có nghĩ từ khi Triệt - hồ Đa - trạch, vua Triệu-Việt từng hao-tồn biết bao nhiêu tâm-thần tri - lự vì nước non nhà, mà nay nở bội-ước lừa mưu, quên tình phụ ngãi, rồi lại đem non nước là của bồ hôi nước mắt tự tổ-tiên nhà mình vỡ-vạc vun đắp ra, mà giật lại đem dâng cho người khác, mà mình làm thân nô-lệ thì có sợng gì, vậy như cha con Phật-tử Nhã-lang, không những là phụ lòng vua Triệu-Việt, mà thực phụ lòng vua Tiên-Lý Nam-đế và Lý Thiện-Bảo, lại đắc-tội với nước non, sánh với Đan-Chu Thương-Quân bất-tiểu, chưa đáng làm tội-tử vậy.

*Dân diên nghĩa.* — 1. Thái bình là tên huyện ở đất châu Phong, vào khoảng Sơn-tây Hòa-bình. — 2. Bến Quân-thần là đất làng Thượng-cát Hạ-cát huyện Từ-liêm. — 3. Mũ máu là mũ đầu-máu tức là mũ trụ của vua Triệu - Việt. Đã - sử chép khi vua Triệu-Việt ở Đa-trạch thường thắp hương khấn trời, ông Chủ-đông-tử cười rống xuống, rồi trút móng rồng cho, vua Triệu-Việt dính vào mũ đầu-máu, đánh đầu được đấy, khi Nhã-lang sang làm rề, lừa Cảo-nương bẻ mất móng rồng, trốn về báo Phật - tử sang đánh vua Triệu-Việt thua, nhưng sự đó hoang-đường không đủ tin, nên nhà làm văn, chỉ mượn tích diêm-chiêm cho đẹp lời mà thôi. — 4. Cồn Nam là làng Cồn-liêu ở cửa bể Đại-nha thuộc tỉnh Nam định. — 5. Cương nhà Tùy là nói cha con Phật-tử sau phải nhà Tùy giam buộc như ngựa phải đồng cương

**31. — Thê trận của dân Lý-hộ là Lý Tự-Tiên và Đinh-Kiều đánh Đô-hộ nhà Đường là Lưu Duyên-Hựu và Tào Huyền-Tĩnh**

*Nước non nhiều nổi bất-kỵ,  
Thuộc Tùy đã trả lại khi thuộc Đường.  
Mười hai châu cõi phong-cương.  
Lập dinh Đô-hộ phủ-đường An-Nam(1).  
Đường Lưu Duyên-Hựu máu tham,  
Ép dân nộp thuế tài tam bội phần.  
Một đoàn Lý-hộ thổ-dân,  
Lý-Tiên liều mạng trao quân Đinh-Kiều.  
Đạp thành Thử-sử đồ xiêu,  
Lưu Duyên-Hựu đã đầu treo cửa thành.  
Mây phen quom máu tung hoành,  
Vi non nước rửa bất-bình cho cam.  
Dù cơ trời chữa cho làm,  
Tào Huyền cũng khiếp Việt-Nam anh-hùng.*

*Góc việc.* — Sử chép Đường Đô-hộ chia đất làm 12 châu, đặt ra An-Nam đô-hộ-phủ, Lưu Duyên-Hựu sang làm Tiết-dộ tham-khắc, thu thuế một gấp hai ba, dân Lý-hộ là Lý Tự-tiên khởi quan đánh Lưu Duyên-Hựu, thua trận chết, cùng đảng là Đinh-Kiều vây phủ đánh giết Lưu Duyên-Hựu, báo thù cho dân, sau Tào Huyền-lĩnh sang đô-hộ, Đinh-Kiều cũng liều mạng chết.

LỜI BÀN — Lý Tự-Tiên Đinh-Kiều là một đám dân Lý-hộ, biết vì dân nước liều mạng để khởi-xướng cho các bậc anh-hùng về sau, dù việc không xong, thực cũng nên kỷ-niệm.

*Dân diên nghĩa.* — 1. Đường Túc-tôn mới đặt An Nam-đô-hộ-phủ, tên An-Nam từ đó trước.

**32 — Thê trận vua Mai Hắc-đế chống chọi với nhà Đường. sau dân lập đền thờ**

*Hỏi ai dạ sắt mình đồng,  
Có vua Hắc-đế ở vùng Hoành-san (1).  
Họ Mai tên gọi Thúc-Loan,*

Đôi nhà vốn bậc giang-san anh-hào.  
 Thanh-thời bề biển rừng đào,  
 Cong-gom rạch nước mũi dao chọc trời.  
 Một tay thu góp anh-tài,  
 Ra công lập hiền kéo trời Việt-Nam.  
 Mấy phen cung mã giết giặc,  
 Quanh vùng núi Vệ sông Lam xây  
 thành (2).

Đường Huyền rắp sự đua ganh,  
 Hai nhà Đường Quảng đê-bình tiến vào.  
 Bề xanh nổi trận sóng đào (3),  
 Rừng hồng khuất bóng anh-hào vận  
 den (4).

Tiếng thom dấu cũ còn truyền,  
 Nam - Đường Hương-lâm ngọn đèn  
 [muôn thu -

Gốc việc. — Sử chép vua Mai-Hắc-đế tên là ông Mai Thúc-Loan, người làng Mai-phục, huyện Thiên-lộc, tỉnh Hà-tĩnh, nhà vốn hào-trưởng, có sức khỏe và người đen, bấy giờ thấy Đường Đô-hộ tham-những, vua chiêu tận hào-kiệt binh-mã, xây thành ở núi Vệ-sơn, huyện Nam-dương tỉnh Nghệ-an, để chống chọi với nhà Đường, người gọi là vua Hắc-đế, sau Đường Huyền-tôn là vua Minh - hoàng sai Đường Tư-Húc Quảng-Sở-Khánh sang đánh, vua chống cự không lợi, dẫn quân vào rừng rồi dẫn mất, nay làng Hương-lâm huyện Nam-dương còn đền thờ.

Dẫn điển nghĩa. — 1 Hoàn-hơn là đèo Ngang phân-giới Hà-tĩnh với Quảng-bình. — 2 Sông Lam ở tỉnh Nghệ — 3. Ý nói vua đánh nhau với nhà Đường — 4. Ý nói vua mất.

### 33.— Thế trận vua Phùng Hưng Bó-Cái đánh Cao Chính-Bình nhà Đường

Trời Nam trải mấy sương mù,  
 Nổi Đường Đô-hộ rửa thù chưa xong.  
 Có vua Bó-Cái họ Phùng (1),  
 Người Đường-lâm đất châu Phong  
 trước ngày.

Tài cao sức mạnh ai tây,  
 Trần tay bắt cọp quăng cây vật trâu.  
 Một em một tướng đương đầu,  
 Nhơn-nhơn lũy núi tung cầu như chơi,  
 Ra công góp sức đua tài,  
 Quanh vùng non Tản ngàn Đồi đẹp  
 yên (2).

Phô thảo lược độ cón-quyền,  
 Làm nên động-địa kinh - thiên đùng-  
 đùng.

Nước non thét lệt anh-hùng,  
 Giận Đường đô-hộ ra lòng tham-lam.  
 Giùm tay giết lại trời Nam,  
 Làm cho nôi giống gian-tham lia hồn.  
 Anh-Hàn lại giúp mưu khôn,  
 Chính-Bình chốc đã bay hồn đỉnh mây.  
 Đô-quân chính hiện rồng bay,  
 Muôn dân yêu mến xem tây mẹ cha.  
 Cửa trời rộng mở sản hoa,  
 Bật quan úy-tướng riêng lóa nước non.  
 Thương dân một tắc lòng sen,  
 Cam-lâm làng cũ chưa mòn nét bai.

Gốc việc. — Sử chép vua Bó-Cái tên là Phùng-Hưng người Đường-lâm, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây, nhà hào hữu, có sức khỏe, thường tay không bắt cọp, vật ngã trâu, em là Phùng Hải, tướng là Hồ Phá-Lạc, cũng có sức khỏe, tung đá lầy núi như chơi, ba người cùng hợp sức dẹp các vùng quanh đó, dân cũng sợ, bấy giờ Đường Đô-hộ Cao Chính-Bình làm Tiết-dộ, tham - tàn, vua dùng mưu người làng là Đỗ Anh - Hàn đem binh vây phủ, một đêm chiếu trống vang trời, loa còi rập đất, Cao Chính-Bình sợ mà chết, vua vào phủ xưng là Đô-Quân, phong em là Đô-Bảo, Hồ Phá-Lạc, Đỗ Anh-Hàn đều làm úy - tướng, vua sửa chính nhân-ái, dân gọi là Bó-Cái đại-vương, nghĩa là coi như cha mẹ, nay làng Đường-lâm đổi là Cam-lâm, còn đền thờ.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Bó-Cái, tục nước ta gọi cha là bố, mẹ là cái, dân coi vua như cha mẹ nên tôn hiệu như thế. — 2 Núi

Tân-viên ở Sơn-tây, hình tròn như tán, dưới  
thắt cổ bằng, nên gọi tên thế. Tỉnh Sơn-  
tây người thường gọi là tỉnh Đoàn, vì  
quê đoàn thuộc phương tây.

**34. — Vua Khúc Tiên-chủ  
làm Tiết-chế**

*Trải bao hồn nước xa lia (1),  
Lại Đường Đô-hộ đi về cõi nam.  
Cuối Đường rối loạn khôn than,  
Việt-Nam đành phó người Nam cầm  
quyền.*

*Nước non vốn đổi rồng tiên,  
Có nhà họ Khúc quê miền Hồng-châu (2).  
Thừa-cơ bãi biển nương dâu (3),  
Yêu cầu tiết-sứ vua Tàu cũng nghe.  
Nổi đời ven giữ sơn khê,  
Trời Nam một cõi riêng chia họa đồ.  
Gió chiều từng trận nhấp-nhó (4),  
Cuộc đời thay đổi được thua chi bàn.*

*Gốc việc. — Từ khi vua Phùng Bô-  
Cái mất, con là Phùng An lên nối nghiệp,  
Đường Triệu - Xương sang Đô-hộ dụ  
hàng, từ đó ta lại bị Đường Đô - hộ,  
mãi đến cuối đời Đường rối loạn, Đô-  
hộ Chu Toàn-Đức bị chết, bấy giờ có  
ông Khúc Thừa-Dụ người Hồng-châu,  
nay về đất phủ Bình phủ Chanh tỉnh  
Hải-dương, vốn là nhà cự-tộc, ăn ở  
được lòng người, chúng yêu cầu lên làm  
Tiết-độ-sứ, dâng thư yêu - cầu vua  
Đường Chiêu-Tuyên cũng phải nghe, dân  
tôn lên gọi Khúc Tiên-chủ, con là Khúc  
Thừa-Hiệu, cháu là Khúc Thừa-Mĩ nổi  
làm Tiết-độ-sứ ba đời, sau Khúc Thừa-  
Mĩ hậu - chủ bị nhà Nam-Hán sai Lý-  
Khắc-Chinh bắt về Tàu, họ Khúc mất.*

*Dân diên nghĩa. — 1. Hồn nước tức là  
tâm-não của dân, bởi tâm-não dân ta lia mất  
cái tinh-thần ái-quốc, nên Đường mới đô-hộ  
được mãi. — 2. Hồng-châu, Thượng-bồng  
là Bình-giang, Hạ - hồng là Ninh-giang. —  
3. Ý nói cuộc đời đắp đổi, người ta thừa  
cơ-hội đó mà làm. — 4. Ý nói cuộc đời*

biến-cải luôn. Sau họ Khúc mất thì chả nên  
bàn chi nữa, vì đó là lẽ thường.

**35. — Thế trận ông Dương  
Đình-Nghệ đánh phá quân Nam-  
Hán ba trận, đuổi Lý Khắc-Chinh  
Lý Tiến và chém chết Trần Bảo**

*Phé-hưng đời mấy cuộc tàn,  
Anh-hùng độ với giang-san còn nhiều.  
Đang khi Nam-Hán mở triều,  
Bắt nhà họ Khúc toan chiêu lung-lao.  
Dương-công thẳng ngọn cờ đào,  
Nước non thu góp anh-hào thét reo.  
Đầu rừng ngựa hét chim kêu (1),  
Mở trường đấu-võ gọi trêu giặc hèn.  
Quyết vì Khúc-chủ đền án,  
Đuổi xô Khắc-Chinh thua quân về Tàu.  
Trực thành đua đuổi cung dâu,  
Một đoàn Lý-Tiến bưng đầu công duôi.  
Việc quân Trần Bảo tới nơi,  
Trận-trường chốc đã đầu rơi máu loé.  
Anh-hùng giết lại sơn-khê,  
Sáu năm tiết-chế riêng chia một trời.  
Ghê thay Kiều Tiên con đời,  
Tham quyền bội nghĩa là nòi vô-lương.*

*Gốc việc. — Sử chép Dương Đình-  
Nghệ tức là ông Dương Chính - công,  
xưa làm nha - tướng Khúc Trung-chủ  
Thừa-Hiệu, khi Khúc Hậu-chủ Thừa-  
Mĩ bị Thứ-sứ nhà Nam-Hán là Lý Khắc-  
Chinh bắt, ông thu góp hào-kiệt, mở  
tràng đấu-võ, nuôi 3.000 võ-sĩ làm con  
nuôi, đánh đuổi Lý Khắc-Chinh về  
Tàu, vua Nam-Hán chiêu-dụ phong tước,  
ông không thèm nhận, dẫn quân vây  
thành, Thứ-sứ Lý Tiến bỏ thành trốn,  
vua Nam-Hán cho Trần Bảo đem viện-  
bình sang, ông đánh giết chết ở trận-  
tiền, quân Hán tan chạy, ông tự xưng  
làm Tiết-chế sáu năm, sau bị kẻ tới đòi  
là Kiều Công-Tiến giết.*

*Lời bàn. — Ông Dương Chính-  
Công thật là người đại-trung - nghĩa  
đại - anh-hùng, vì nước non trả thù  
rửa hồ, chỉ vì tình võ-đoan, đại-khái  
hay sơ-lược, nóng-nảy, suất-trực thân-*

đi, phạm tướng võ thường như thế, nên hay bị kẻ tội-dòi gian-ác làm hại, nhưng xét ra đã đành tội người Kiều Tiên ai nghe cũng phải cần rằng tức ruột, dù hết trúc non Nam cũng không đủ chép. Song chỉ tiếc cho ông là người thảo-trực mà bị hại như vậy, là chỉ vì không biết cần - phòng dứa tiêu-nhân. sự đó cũng bởi ông tạo-hóa kia muốn mượn giọt máu hồng của ông, điễm-nhiêm ngòi mực cho nhà cầm sử-bút, tô-diễm vào sử xanh, nên mới đem một dứa đại-gian-ác phản - đối với ông ra dặng, lấy cái tội-danh đen bạc nghìn đời để dãi tỏ tấm lòng son anh-hùng thảo - trực của ông vào trong tờ giấy trắng, đó là ông thợ trời đem kẻ rất xấu để hình hiện người rất tốt đó vậy.

*Dẫn điển nghĩa.* — 1. Có ý yêu mến nước cũ, chữ nho có câu: *Hồ mã tề bắc-phong Việt điều sào nam chi* 胡馬嘶北風。越鳥巢南枝。 là yêu mến nước cũ. đây nói Dương Đình-Nghệ, khi mở tràng đấu-võ chống chọi với Nam-Hán, cũng có ý yêu-mến nước nhà như vậy, và lại tả cảnh trường võ rộn-riپ nô-nức nữa.

### 36. — Thề trận vua Ngô-Vương Quyền đánh giết Kiều Công-Tiên

*Trời Nam mù-mịt mưa sương (1),  
Hay dàu trời vẫn tựa nương anh-hùng (2).*

*Làng Đường-lâm cõi châu Phong,  
Vua Vương-Quyền vốn là dòng họ Ngô.  
Sinh ra tài-mạo khôi-ngô,  
Nước non rắp những ganh đua kíp người.*

*Dương-công trọng bậc anh-tài,  
Cắt làm nha-tướng gả người n. a-mi (3).  
Ái-châu vàng giữ biên-thùy,  
Quan-son nghìn dặm thế-nhi một đoàn.  
Sực nghe tin tức bán-hoàn,  
Non dùm núi Thái lửa tàn nhà băng (4).*

*Mũi gươm thề liếc vòng trăng (5),  
Chốc dả Kiều Tiên đầu quăng bao giờ.*

*Gốc việc.* — Sử chép vua Ngô-vương Quyền người Đường-lâm cũng người làng vua Phùng Bố-Cái, vốn là nhà cự-tộc, con quan châu-mục Ngô Mậu, sinh ra tướng-mạo khôi-ngô, sau lưng có ba nốt ruồi và sức khỏe, khi ông Dương Chính công mở trường đấu-võ, cắt làm nha-trưởng, và gả con gái cho, rồi cho vào giữ Ái-châu là đất Thanh-hóa, khi Dương Chính công bị Kiều Công-Tiên giết, vua Vương Quyền từ Ái-châu về đánh giết Kiều Công-Tiên.

*LỜI BÀN.* — Vua Ngô Quyền đánh giết Kiều-Công-Tiên, lấy thường-tình nói thì chỉ là một việc báo thù riêng cho ông nhạc, nhưng không phải, vì Kiều-Công-Tiên là kẻ tội tở, manh lòng hại chủ, và lại cầu viện Nam-Hán về đánh nước nhà, như thế là đặc-tội với nhân-quần xã-hội, phạm người nước ai cũng muốn bắt được mà giết mới hả lòng. vậy mà vua Ngô Quyền một vẫy tay mà Kiều-Công-Tiên đã đầu treo mũi kiếm, thực há quá, há phải vì thù riêng dàu.

*Dẫn điển nghĩa.* — 1. Đây tả cảnh loạn. — 2. Đây nói bậc anh-hùng không bao giờ hết. — 3. Nha-tướng là quan tướng nanh vuốt cho chủ. Nga-mi là con gái đẹp mây như mây con ngài. — 4. Núi Thái nhà băng là trở vào hổ vờ, non dùm lửa tàn là ý bị nạn mất. — 5. Vầng trăng uốn cong cũng như gươm liếc mài vậy.

### 37. — Thề trận vua Ngô - vương Quyền đánh phá quân Nam-Hán ở cửa sông Bạch-dăng bắt Lưu Hoảng - Thao

*Nước non rộn-rã cuộc cờ,  
Viện quân Nam-Hán bấy giờ lại sang.  
Biển đông ngọn nước rầy-ràng,  
Cửa Bạch-dăng ghép mấy hàng tàu Ó.*

Vừa ngày tháng chín mùa thu,  
 Nổi chìm lớp sóng nhấp-nhò trận chiều.  
 Mặt sông nhờ-nhớt thuyền chèo,  
 Đáy sông cọc sắt cắm theo từng dòng.  
 Nhân khi làn nước mênh-mông,  
 Ra quân đua chiếc thuyền bông tắng  
 thua.

Hán Lưu Hoảng-Thao con vua,  
 Ngược dòng trăm chiếc thuyền đua  
 sấn vào.

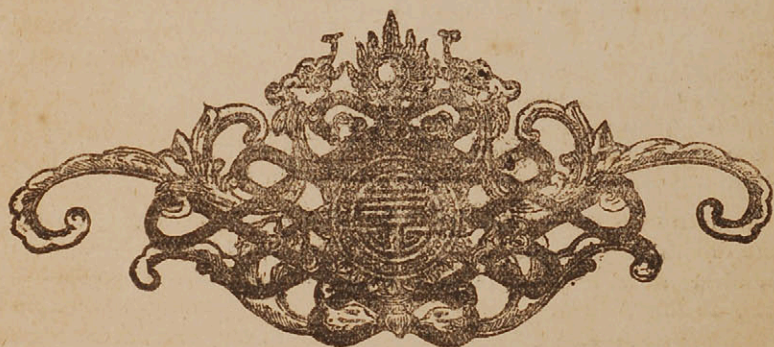
Sóng reo gió thổi ào-ào,  
 Mái chèo rẽ nước con dao vạch trời.  
 Sức khi triều lũng nước voi,  
 Mây ngàn cọc sắt như phơi dầu gánh.  
 Reo quân phá trận tung-hoành,  
 Biết bao thuyền Hán mặt gánh đỡ xô,  
 Non sông vì nước rửa thù,  
 Từ đây riêng mở dư-đồ Việt-Nam.

Gốc việc. — Sử chép vua Ngô Quyền từ Ái-châu về, Kiều Công-Tiến cầu viện-quân Nam-Hán, quân Hán chưa sang kịp, thì vua Ngô Quyền đã đánh giết Kiều Công-Tiến rồi, bấy giờ vua

Nam Hán là Lưu Cung, muốn nhân dịp thừa-cơ sang lấn ta, sai con là Hoảng Thao đem thủy-quân mười vạn sang cửa bể sông Bạch-đăng, mà mình thì vén quân tiếp-viên làm thanh-thế, bấy giờ đang mùa thu tháng chín, vua sai người dẫn gỗ làm cọc, đầu bịt sắt, cắm xuống đáy sông, nhân khi nước triều lên lớn phủ tràn các đầu cọc, vua ra quân, dùng thuyền nhẹ gọi đánh, tắng thua chạy vào cửa sông, Hoảng-Thao thúc quân đem hơn trăm chiến ham đuổi đánh, sức chốc nước triều rút xuống, các cọc sắt đều phơi dầu, vua hội quân đánh Hoảng Thao, bao nhiêu thuyền Hán đều mắc cọc đổ xô chìm đắm hết, không còn một chiếc nào ra thoát, Hoảng Thao bị chết vua Nam-Hán nghe tin khiếp chạy, nước ta thành nước độc-lập, là nhờ có trận đánh ấy trước.

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM



# TRIẾT-HỌC ÂU-CHÂU ĐỜI NÀY (1)

## IV

Nay xét đến hạng các nhà triết-học tuy không muốn chỉ khu-khu giữ cái chủ-nghĩa thực-nghiệm, nhưng cũng cho là khoa học không thể đạt tới cõi tuyệt-dối. Theo ý các nhà ấy thì về triết-học nên chọn lấy mấy điều hợp-lý để làm mối tin-tưởng. Nhưng các nhà ấy không đồng-ý nhau về cái phương-pháp nên theo trong việc kén-chọn đó.

I. — Nhiều nhà xướng lên rằng nên căn-cứ ở sự thực-dụng, tức gọi là « thực-dụng chủ-nghĩa » hay « thực-tế chủ-nghĩa » (*Pragmatisme*).

Khoa-học không thể nào khám-phá được đến căn-nguyên, bản-thể hay cứu-cách của sự-vật. Khoa-học chẳng qua chỉ là đặt ra những cái khuôn-mẫu tiện dùng để xếp-đặt, để đo-lường và để dự-tính những hiện-tượng ở trong cõi đời ta sinh-trưởng này. Ta gọi là sự thực của khoa-học ấy, chẳng qua là một cách tiện-lợi để cho ta hình-dung và lợi-dụng các hiện-tượng mà thôi. Vẫn biết rằng một sự tin-tưởng gì mà hiển-nhiên trái với sự thực, thì không thể nào công-nhận được. Nhưng nếu không trái hẳn thì vẫn có thể chủ-trì, có thể thừa-nhận một cách chánh-dáng được. — Vậy thì về triết-học phải làm thế nào? Trong các sự tin-tưởng của trí ta quan-niệm ra được, phải tìm cách kén chọn lấy cái nào là có lẽ tin được hơn cả.

Những lẽ có thể tin được như thế thì cứ xét trong cõi thực-tế, trong cõi sinh-hoạt hành động hằng ngày, tất sẽ

tim thấy được. Xét kỹ theo phương-diện đó thì sẽ thấy trong các lẽ bày ra nên có lẽ tin, có lẽ không nên tin, có lẽ nọ đáng tin hơn lẽ kia.

Vì rằng các lý-tưởng siêu-hình, nếu đem ra đối-chiếu với sự-thực ở đời, thì cái giá-trị nó khác nhau xa lắm.

Có nhiều cái lý-tưởng đối với đời người như một thứ rượu mạnh cho tinh-thần. Người nào theo những lý-tưởng ấy thì hình như có đủ phương-pháp để sống ở đời một cách sung-mãn: như có một cái luật xử-thể lúc nào dùng cũng được, một cái lòng hi-vọng khiến cho biết tin ở sự sống, một cái đích để nương-tựa những khi nguy-hiểm. Những lý-tưởng ấy lại có giá-trị đối với xã-hội, khiến cho người ta biết khoan-nhân với nhau, biết hi-sinh cho nhau, biết có cái bụng vì nhân-quần, vì xã-hội. Đại-khái như những lý-tưởng về nghĩa-vụ phải làm ở đời; lý-tưởng về quyền tự-do của người ta muốn làm hay không muốn làm việc nghĩa-vụ; lý-tưởng về sự thưởng-phạt, làm việc hay đáng khen, làm việc dở đáng chê; lý-tưởng về ông Thiên-chúa làm chúa-tể cả vạn-vật. Những lý-tưởng ấy, đối với cá-nhân, đối với xã-hội, có cái giá-trị làm cho người ta phấn-phát lên được. Những lý-tưởng ấy là những lý-tưởng rất thích-hợp cho sự sinh-hoạt ở đời.

Lại còn những lý-tưởng khác thì tính-cách trái lại hẳn. Tức là những lý-tưởng buồn-rầu, chán-nản, khiến cho

(1) Xem tiếp N.-P. số 130.

ngườì ta như tro-vơ cồ-độc, không biết ý vào đâu làm căn-cứ để hành-động ở đời, không có cái cảm-giác gì về nghĩa-vụ, về trách-nhiệm ở đời, chỉ biết rằng vạn-vật là hư-không huyền-ảo cả. Đó là những lý-tưởng suy ở cái thuyết thiên-nhiên, thuyết định-mệnh mà ra, theo những thuyết ấy thì ngườì ta hay hay hèn là do tiền-định cả, không sao thay-đổi được, mà tạo-vật là một cái khối ù-lì, đối với đời ngườì không có quan-hệ gì hết.

Trong hai hạng lý-tưởng đó, thì ta nên kén-chọn hạng nào là đáng tin đáng theo? Các nhà triết-học về phái thực-tế khuyên ta phải nên tự-ý suy nghĩ mà quyết-định. Về thuần-túy-triết-ly thì ngườì ta không thể biết được điều gì là đích-xác. Nhưng có thể định ra mấy điều cốt-yếu để làm mối tin-tưởng cho mình. Nay trong hai hạng lý-tưởng trên kia, một hạng thích-hợp với đời ngườì, một hạng phản-trái với đời ngườì, thì cố-nhiên là ta nên theo hạng trên và bỏ hạng dưới. Vậy thì muốn kén-chọn lấy một cái triết-học làm đạo xử-thế thì phải do mình tự-quyết và lấy sự lợi-ích cho đời ngườì làm cốt.

Phương-pháp ấy tức là cái phương-pháp đánh đố của PASCAL khi xưa. Lại tức là cái phương-pháp của phái tân-phê-phán triết-học (*néo criticisme*) của bọn ông SECRETAN và RENOUVIÉR; lại là phương-pháp của phái cổ-diễn về tôn-giáo như bọn ông BRUNETIÈRE, hay là về chính-trị như bọn ông BARRÈS. Nhưng mà phương-pháp này thịnh-hành nhất là ở Anh và ở Mỹ, và tay đại-biêu trứ-danh nhất là nhà triết-học MỸ WILLIAM JAMES. — Cứ lý-thuyết thì phương-pháp ấy không phải là không có lẽ chủ-trì được. Duy đem ra thực-hành, có hai điều bất-tiện to.

Một là để cho mỗi cá-nhân được tự mình quyết-định lấy điều gì thích-hợp

cho tâm-tri mình mà tin-tưởng, thì mỗi ngườì mỗi ý, các mối tin-tưởng sẽ biết bao nhiêu mà kể, phiền-phức vô-cùng. Có điều đối với ngườì này là hay mà đối với ngườì kia là dở. Ngườì theo Gia-tô-cựu-giáo thì quyết rằng phải tin-ngưỡng và phải lễ-bái theo lễ-lối cũ mới mong được linh-hồn siêu-thoát. Ngườì theo Cơ-đốc-tân-giáo thì cho rằng sự tin-ngưỡng phải căn-cứ ở sách *Thánh-thư* và tin rằng có nghĩa-vụ, có tự-do, có Thiên-chúa, có linh-hồn bất-diệt và có cả tội nguyên-thủy nữa. Ngườì theo tân-giáo về phái tự-do thì chỉ tin về nghĩa-vụ và tự-do mà thôi. Lại nhà chính-trị như ông BARRÈS thì không có kén-chọn gì xa-xôi cả, cho rằng một nước muốn cho sinh-tồn được vĩnh-viễn thì ngườì dân trong nước ấy phải có hủ lấy những cổ-diễn về luân-ly xã-hội của ông cha di-truyền lại, vậy thì bổn-phận của mỗi ngườì là cứ theo cứ giữ lấy thói cũ, không nên thay-đổi gì cả. Lại nhà triết-học như ông WILLIAM JAMES thì khuyên rằng nên khoan-dung hết thấy. Ai muốn tin đạo-giáo nào, xin cứ tùy-ý, miễn là bổ-ích được cho tâm-hồn mình thì thôi; còn đối với sự tin-ngưỡng của ngườì ngoài, nên khoan-dung hết thấy, miễn là ngườì ngoài đối với mình cũng khoan-dung như thế.

— Xem như thế, thì ý-kiến ngườì ta khác nhau biết thế nào, lòng tin-tưởng của ngườì ta cũng khác nhau biết thế nào. Sự phiền-phức đó rất là nguy-hiêm cho xã-hội, vì cứ như ông AUGUSTE COMTE đã nói rằng điều yếu-cần cho xã-hội là phải có một sự tin-ngưỡng chung có thể đoàn-kết được nhân-tâm trong xã-hội, thì nay lòng tin-tưởng bất-nhất như thế, phỏng có nguy cho xã-hội không?

Hai là trong chủ-nghĩa thực-tế lại còn một điều khuyết-diếm nữa, là chủ-nghĩa ấy căn-cứ ở một cái tiêu-đề như sau này: « Muốn tin-tưởng điều gì, chỉ phải tự-quyết là đủ. » — Nay điều đó vị-

tất đã là đúng. Như muốn tin rằng 2 với 2 là 5, hay là trời dương mưa mà tin là trời nắng, mình đã già mà tin rằng mình còn trẻ, thì dấu tự-quyết đến đâu phỏng có thể tin được như thế không? — Hoặc-giả nói rằng thuộc về triết-lý, luân-lý, tôn giáo, thì không đến nỗi khó như thế, bao giờ cũng có thể biện-luận ra phương-diện mình, lẽ gì lợi cho sự tin-tưởng của mình thì chú-trọng vào đấy, còn các lẽ khác có thể gác bỏ ra ngoài. Như vậy thì muốn tin điều gì vẫn tìm được đủ lẽ mà tin cho chính-đáng. Cái thuật muốn định-đặt sự tin-tưởng cho mình là chỉ xét những lẽ đáng tin mà bỏ hết các lẽ khác vậy. — Điều đó thì nhà tâm-lý-học nghiên-cứu về nguyên-nhân sự tin-tưởng của người ta vẫn thường công-nhận như thế; chính bởi người ta ai cũng chỉ biết xét đến những lẽ đáng tin mà bỏ những lẽ trái lại, cho nên người này tin điều này, người kia tin điều nọ, thành ra không ai đồng-tâm đồng-chí nhau cả. Tuy-nhiên mặc lòng, người ta có thể trong khi xét về vấn đề nào, tự mình lập-tâm rằng chỉ xét những lẽ nào hợp với ý-kiến của mình mà thôi, còn những lẽ khác dấu biết rằng phải đấy cũng không để ý đến, có thể làm được thế không? Người lập-tâm làm như thế thì đối với mình, cái cảm - giác sẽ thế nào? Nếu là người có bụng-dạ cao thì cái cảm-giác ấy chẳng là khó chịu cho mình dư? Vì làm thế tức là tự mình dối mình, làm sự giả-trá vậy. Biết rằng tự mình giả-trá, thì còn có thể vững lòng tin được nữa không? Biết rằng ngoài lẽ đáng tin, còn có lẽ không đáng tin có phần lại mạnh hơn nữa, mà tự mình gác bỏ ra không xét đến, thì cái điều mình muốn tin đó có thể khỏi thành một mối ngờ-hoặc cho

mình không? — Về đường tin-nguỡng mà muốn miễn-cưỡng cho được, tức là việc mình không tin làm như là mình tin thật. Như ông PASCAL nói rằng người không tin đạo, cứ đi nhà thờ, cứ chằm nước phép, rồi nó ngoan-mệ đi mà thành ra tin thật. Tuy-nhiên, cái cách làm miễn-cưỡng như thế, không chắc người nào làm cũng có công-hiệu cả. Như làm ra mặt yêu-mến, có thể sinh ra bụng yêu-mến được không? Làm ra mặt tin-nguỡng, có thể sinh ra lòng tin-nguỡng được không? Sự tin sự yêu, là tự trong tinh-tinh, không thể tự không mà làm ra cho có được. Dấu chi quyết cũng không thể nhất-dán đời tâm-tinh đi được. Cái chủ nghĩa thực-tế cho rằng ý-chí có thể tạo ra tâm-tinh được, há chẳng phải là tự-phụ lẫm dư?

II. — Phái « cái-nhiên » (*Probabilisme*) (1) thì theo một phương-pháp khác hẳn. Phái này biết rằng thuộc về thuần-túy-triết-học thì sự tri-thức của người ta không thể nào cho là chính-xác được. Nhưng trong các vấn-đề về thuần-lý, há lại không có một vài điều có thể lấy lẽ « cái-nhiên » mà xét được, nghĩa là dấu không được hoàn-toàn đích-xác, nhưng cũng có lẽ tương-tự mà ngờ cho là có được dư? Phái thực-nghiệm hoàn-toàn, như ông AUGUSTE COMTE, hay phán-đoán một cách tuyệt-đích, nhất-định, tưởng cũng là quá. Phái này muốn cho người ta phải nghiên-cứu và định lấy phép-tắc của các hiện-tượng, nhưng lại không muốn cho phỏng-đoán gì về căn-nguyên bản-thể cùng cứu-cánh của sự-vật. Như thế thực là trái với hai điều chân-lý như sau này.

Điều thứ nhất thì chính ông COMTE cũng đã hiểu rõ lắm. Trên kia ta đã nhắc lại về điều này : là không có cái

(1) 蓋 *Cái*, là chữ trợ-từ chỉ ý ngờ, nói về việc gì không dám chắc thực mà ngờ là có thực, tức như tiếng « có lẽ » của ta. Tiếng Pháp là *probabilité, vraisemblance*.

luật nào về khoa-học mà đủ chứng-nghiệm cho là tuyệt-đối được. Gọi là « luật » ấy, chẳng qua là nhân thí-nghiệm nhiều lần thấy đúng mà tiêu lên làm phép chung mà thôi. Vậy thì mỗi khi thấy xướng lên một cái luật nào, tức là bằng-cứ ở lẽ « cái-nhiên » cả, nghĩa là ở sự may đó mà thôi, may thì đúng, không may thì sai, phỏng - đoán cho là đúng, cũng có lẽ đúng mà cũng có lẽ không đúng vậy. Thấy thí-nghiệm nhiều lần đều như thế cả, thì dò-chừng rằng có lẽ bao giờ cũng thế. Cứ kè thì đã thí-nghiệm rồi, cái lẽ đáng tin vẫn là mạnh lắm. Ông COMTE thì cho thế là đủ rồi; nhưng xét cho cùng, mới là một điều có lẽ có, dường như đúng mà thôi, chứ chưa phải là chắc có, chắc đúng. — Nay có sao xét về hiện-tượng thì có quyền phỏng-d đoán như thế, mà xét về nguyên-lý lại không có quyền ấy? Xét về nguyên-lý cũng như xét về hiện-tượng, cũng có cách bài-trừ được những cái ý-tưởng sai-lầm. Vì nếu sự ưc-doán mà không đúng với sự kinh-nghiệm, thì là ưc - đoán sai - lầm rồi. Vẫn biết rằng như trên kia đã nói, phạm ưc - đoán cho đâu đúng với sự-thực kinh - nghiệm, có thể giúp cho phát - minh được những điều mới lạ, giúp cho tính được đúng không sai với sự-thực, cũng chưa thể cho là hoàn-toàn đích-xác được. Tuy-nhiên, đâu không phải là hoàn-toàn đích-xác, nhưng cũng có lẽ tương-tự cho là đích-thực được, tức như các luật khoa-học đã nói trên kia vậy. Ông COMTE tuy không công-nhận như thế, nhưng có một điều ông cũng phải chịu. Phạm các thuyết về quang-tuyến, ông cho là những thuyết siêu-bình, không thể tin được; nhưng đến cái thuyết về thanh-âm, cho thanh-âm là bởi vật-chất rung-động, thì ông cũng phải chịu là một thuyết có giá-trị. Như vậy thì sự ưc-doán bằng lẽ « cái-nhiên » cũng không

phải là tuyệt-nhiên không có giá-trị vậy.

Nay nếu ông COMTE chịu đem các vấn-đề thuần - lý - học mà xét về phương-diện của phái « cái-nhiên », thì ông sẽ nghiệm thấy một điều thứ hai nữa như sau này. Tuy về thuần-lý-học có lắm vấn-đề không thể nào ưc-doán cho có bằng-cứ được, nhưng cũng có vấn-đề xét ra có lẽ giải-quyết có căn-cứ được. Như câu hỏi này: « Làm sao lại có vật nọ vật kia, nếu không có gì cả có hơn không? », thì câu ấy không thể nào trả lời được, dẫu trả lời một cách phỏng-chừng ưc-doán cũng không được. Nhưng các vấn-đề thuần-lý khác, có phải đều như thế cả không? — Một nhà triết-học về phái duy-tâm (*idealiste*) với một nhà về phái duy - thực (*réaliste*) hai bên phản - đối nhau: phái duy-tâm thì nói rằng duy chỉ có tâm-ý của mình là có mà thôi, còn vạn-vật là sự tưởng-tượng của tâm-ý cả; phái duy-thực thì quyết rằng ngoài tâm-ý của người đơng tư-tưởng, còn có những thực-thể khác nữa, còn có vô-số những tâm-ý của người khác giống với tâm-ý của mình. Câu thảo-luận đó thật là thuộc về thuần-lý, chứ không còn ngờ nữa; thế mà là câu chuyện quan-hệ vô-cùng, vì tùy theo về phái duy-tâm hay là phái duy-thực, thì cách nghiên-cứ suy-luận thay đổi hết cả. Nay vì muốn phá cái thuyết duy-tâm, thì há lại không có một cái ưc-thuyết nào đủ mạnh để đối lại dư? — Lại muốn giải những vấn-đề như sau này, há lại không có cách ưc-thuyết cho có bằng-cứ dư? Như vấn-đề: « Trong vũ-trụ có việc gì là trái với luật thiên-nhiên không, có vật gì kỳ-quái không theo lẽ thường không? » Hay là vấn-đề: « Người ta chết đi rồi, ở cõi lai-sinh có còn nhớ được công-việc ở đời này không? » Hay là vấn-đề: « Các giống sinh-vật có phải là thiên-nhiên bất-dịch hay là giống nọ biến

ra giống kia? » Lại những vấn-đề về bản-thể của vật-chất vô-cơ, về cách hành-động của các nguyên-lực, về căn-nguyên sự sống ở trên mặt địa-cầu, bấy nhiêu vấn-đề tuy không thể giải-quyết một cách tuyệt-đối được, nhưng cũng có thể ước-đoán cho có chừng-cứ được một phần.

Vấn biết rằng về thuần-lý không bao giờ mà có chừng-cứ hoàn-toàn đích-thực; nhưng nhiều khi sự ước-đoán cũng không phải là không có lý. Đối với các khoa-học thiên-nhiên thuộc về hình-nhị-hạ, tưởng đại-suất cũng thế mà thôi.

Tuy-nhiên cái phương-pháp « cái-nhiên » đó, dẫu có điều hay nhưng vẫn còn khuyết-diễm như các phương-pháp khác. Người ta, tinh-tinh tâm-chi mỗi người một khác, chonên mỗi người ước-đoán ra một cách khác nhau. Điều người nọ cho là có lẽ phải, người kia lại cho là không. Cùng là đồ-chứng đoán-phông cả, nhưng cái cách đoán mỗi người một khác. Trong cách ước-đoán, có một phần chủ - quan ở đấy; như nói rằng : « Cái thuyết này tôi xem ra có lẽ phải », thì trong câu nói ấy có một phần nghĩ là : ấy tâm-tĩnh tôi, trí-tuệ tôi, sự giáo-dục, sự di-truyền của tôi khiến tôi đoán ra như thế. Lúc mình ước-đoán, phải nên tự mình biết và cũng không nên giấu người điều đó; nhưng biết vậy, chứ cũng vẫn ước-đoán cho thế là có lẽ phải. Nói tóm lại, phạm thuyết cái nhiên là có một phần ước-đoán cả, và phạm ước-đoán là theo ý riêng của mỗi người, không lấy gì làm bằng-cứ vậy.

..

Đó là mấy cái tư-trào lớn ở Âu-châu đời nay, phạm nhà triết-học muốn xét về các vấn-đề thuần-lý đều phải châu - tuần ở trong giới-

hạn đó, thật cũng khó giải - quyết thay ! Cứ như trên kia đã lược-thuật ra đó, tất phải kết - luận một câu như sau này : là cái lòng hi - vọng muốn đạt tới cõi tuyệt-đối, chẳng qua là một sự mộng-tưởng hảo-huỳnh mà thôi. Vấn biết rằng cũng có lẽ phép khoa-học khái-niệm về sự-vật, sự suy-nghĩ khám-phá về tâm-lý, hay là sự trực-giác thâm hiềm về nội-tâm, hoặc đã đạt được một phần nào trong cõi tuyệt-đối chẳng. Nhưng ngoài sự cảm-giác riêng, ai dám quyết rằng đã chắc như thế, đã kiểm-điễm được đích-thực rồi? Ai nghĩ ra được một cái phương-pháp khiến cho có thể kiểm-điễm được như thế? Cũng có lẽ ta biết được một phần tuyệt-đối; duy ta không có cách nào chứng-thực cho chắc được. Hoặc có kẻ dám quả-quyết rằng chắc, thời ý-giả kẻ ấy có cái giác-ngộ siêu-việt thế nào, hay là cũng có lẽ tự mình chưa kiểm-điễm kỹ về cách quan-sát của mình vậy.

Nói thế có phải là tuyệt-nhiên không nên quan-niệm gì về thuần-lý không? Không phải thế. Còn có một con đường mở rộng cho người ta, là đường tín-ngưỡng vậy. Sao ta lại không nên chọn lấy mấy điều cốt-yếu để làm mối tin-tưởng cho mình, miễn là có nghĩa-lý và thích-hợp với sự thực? Sao lại không lấy những lẽ thực-tế, suy những lẽ cái-nhiên để chứng-thực cho những điều đó, khiến cho đối với tâm-trí ta có một cái giá-trị chánh-đàng? Làm như thế thời chỉnh-đốn được tư-tướng mình, và tuy không có cách kiểm-điễm cho chắc được, nhưng có lẽ cũng phá được một phần cái ám-mạc nó che cõi hiện-tượng vậy. Được như thế thời tưởng cũng không nên coi thường, coi khinh vậy.

Các vấn-đề về thuần-lý, về siêu-hình, nếu cứ xét theo cái tôn-chỉ đó, thời vẫn là có ích-lợi, vẫn là đáng nghiên-cứ

lầm. Duy trong khi nghiên-cứu không nên mang cái lòng hi-vọng cao-xa quá mà thôi. — Nay ta đã hiểu được lẽ đó, thế là đủ tỏ ra rằng người đời nay đã cách xa DESCARTES biết bao nhiêu vậy.

..

Người đời nay phải hạn-chế cái lòng hi-vọng cao-xa của mình, không những là thuộc về thuần-lý-học, siêu-hình-học mà thôi. Các nhà triết-học càng nghiên-cứu kỹ về qui-tắc các khoa-học (triết-lý, mĩ-thuật, luân-lý), thời càng rõ rằng cái chỉ bao-quát của mình ngày xưa là to-tát quá. Triết-học đời xưa xướng ra các vấn-đề đều đứng về phương-diện tuyệt-đối cả. Ngày nay mới hiểu rằng cần phải chuyên phương-diện tuyệt-đối (*point de vue absolu*) ra phương-diện đối-đối (*point de vue relatif*) vậy.

I. — DESCARTES cùng các môn-đệ cho rằng phạm mệnh-đề hợp với chân-lý thời có tính-cách đặc-biệt dễ nhận được ngay. Tính-cách ấy có thể suy-lý mà phát-biểu ra được. Đã phát-biểu ra được thời tiện-thị là bày được cái phương-pháp quan-niệm về chân-lý, phương-pháp hoàn-toàn tuyệt-đối, độc-nhất vô-nhị. Tỉ như DESCARTES giải-thích chân-lý là cái gì hiển-nhiên đích-xác; hiển-nhiên đích-xác là cái gì đối với trí người rõ-ràng phân-biệt, không còn có cơ gì ngờ được nữa. Nhân đó bày ra một cái phương-pháp như sau này :  
 1<sup>o</sup> trực-giác mà hiểu được mấy cái nguyên-lý hiển-nhiên đích-xác; 2<sup>o</sup> nhân đó suy-diễn ra cho cùng; 3<sup>o</sup> đem những sự thực kinh-nghiệm được qui-nạp về các nguyên-lý đã chứng-giải đó. Như vậy thời phép-tắc của sự nghiên-cứu về chân-lý là căn-cứ ở tự người ta trực-giác mà biết tính-cách của chân-lý ấy thế nào. Phép tư-tưởng là bằng-cứ ở sự suy-nghĩ tiên-thiên (*reflexion a priori*) vậy.

Cách lý-luận như thế, ngày nay ta cho là không chánh-đáng nữa rồi. Vẫn biết rằng có nhiều điều các nhà khoa-học thường cho là chân-lý hiển-nhiên. Nhưng cũng biết rằng chẳng có nhà khoa-học hay nhà triết-học nào có thể giải được rõ thế nào là chân-lý. Nói rằng có một cái tiêu-chuẩn về chân-lý (*un criterium de la vérité*) ứng-dụng cho khoa-học nào cũng được, là nói sai, nói lầm. Vì muốn nói quyết được rằng: «đây là tiêu-chuẩn của chân-lý», thời phải so-sánh với cái tiêu-chuẩn ấy thế nào đã. Nay chưa biết thế nào thì so-sánh làm sao? DESCARTES không chú-ý đến điều đó, thật cũng là tự-hoặc vậy. Ông khuyên ta cứ bằng ở sự hiển-nhiên đích-xác, không biết rằng người nào nói lầm cũng vẫn đích-ninh cho lời nói của mình là hiển-nhiên đích-xác vậy. Và chính tự ông cũng đã lầm như thế rồi. Trong cái thuyết-hệ của ông, có lắm điều ông nhận là hiển-nhiên đích-xác, mà rồi sau các nhà bác-học đều nhận ra sai-lầm hết cả.

Vậy thời cái vấn-đề định qui-tắc cho sự nghiên-cứu về chân-lý mà đem xét về phương-diện tuyệt-đối, là tự-cao tự-phụ qua. Ngày nay ta đã hiểu như thế rồi. Nhưng ta cũng lại biết rằng vấn-đề ấy có thể xét về phương-diện đối-đối được, và xét như thế thời có thể giải-quyết một cách chánh-đáng được.

Trên kia đã nói rằng có hai loại khoa-học : một loại thuộc về số-lượng (*sciences mathématiques*), một loại thuộc về thiên-nhiên (*sciences de la nature*).

Các khoa số-học đã đặt ra những phương-pháp dùng được việc. Tiêu lên mấy cái qui-tắc làm ước-lệ, rồi nhân đó suy-diễn mãi cho đến hết lẽ. Cho nên trong các khoa-học ấy, các nhà chuyên-môn vẫn có thể tin ở cái chân-lý của mình, tin ở các phương-pháp dùng để đạt được chân-lý đó, vì qui-tắc đã công-

nhận rồi thời mệnh-dề ra điều gì thích-hợp với qui-tắc ấy tất cho là hợp-lý vậy.

Các khoa thiên-nhiên thời lại theo một cái phương-châm khác; nghiên-cứu về vũ-trụ là có ba mục-dịch như sau này; 1<sup>o</sup> phân-loại và giải-thích các giống vật, khoáng-vật, thực-vật, động-vật, v. v. ; 2<sup>o</sup> định phép-tắc thường của các hiện-tượng xảy ra thế nào; 3<sup>o</sup> thuộc về bản-thể vật-chất cùng các nguyên-động-lực thiên-nhiên, thời tổ-chức ra những lý-thuyết có đủ chứng-cứ để ma giải-thích được các hiện-tượng. Những nhà chuyên-trị các khoa-học ấy, tất có nhiều điều cứu-cánh cũng phải đồng-ý nhau. Những điều ấy bèn tôn lên mà gọi là chân-lý. Thế cũng đủ khiến cho các phương-pháp của các nhà ấy dùng để chứng-nghiệm chân-lý (chân-lý theo nghĩa riêng của họ) có một cái giá-trị đáng trọng.

Nói tóm lại thời ngày nay tuy không thể có một phép lý-luận tiên-thiên tuyệt-dịch như xưa được, nhưng vẫn có thể có một khoa-học thực-nghiệm về các khoa-học (*sciences positives des sciences*) và một phép tư-tưởng cho hợp-lý vậy.

Mỗi khoa-học hiện có bây giờ hay là sau này có thể đặt ra được, mục-dịch nó thế nào? Nó quan-hệ với nhau thế nào, và có thể phân-loại được thế nào? Những phương-pháp của các khoa-học ấy dùng để nghiên-cứu, để chứng-giải, để phổ-diễn các tư-tưởng thế nào? Kết-quả của khoa-học thuộc về những loại nào? Kết-quả ấy đáng tin đáng ngờ thế nào? Đó là mấy cái vấn-đề mà một khoa-học về các khoa-học (*une science des sciences*) có thể giải-quyết được; không những giải-quyết về lý-luận, về thực-nghiệm mà thôi, lại giải-quyết được tất có ích-lợi to về đường thực-tế vậy. Người chuyên-tri nghiên-cứu một

khoa nào, rất cần phải biết các khoa khác dùng những phương-pháp gì cho đắc-lợi. Thấy người ta dùng được việc, muốn biết cách dùng thế nào, khỏi-xuống ra thế nào, khuynh-hướng về đường nào, kiểm-điểm theo cách nào, tức là tìm lấy một cái mốc hướng-đạo cho mình đó. Biết sự thành-công trước thế nào, thời để mưu sự thành-công về sau vậy. Nhân đó cứ theo đường thực-nghiệm mĩ-qui-dịnh được phép tư-tưởng, còn hơn là theo đường-lối khác không thành gì.

Như vậy thời sự lý-luận về phép nghiên-cứu chân-lý, tuy có mất cái tính-cách tuyệt-dịch mà vẫn có cái giá-trị cao-trọng vậy. Có kết-quả hẳn-hoi, chứ không phải mơ-tưởng hão-huyền, Thế chẳng hơn dư?

II. — Thuộc về mĩ-thuật cũng y như thế. Đời xưa, về thời-đại nào cũng vậy, người ta vẫn tin rằng có một cái tiêu-chuẩn nhất-dịnh để phán-đoán về sự đẹp. Các nhà triết-học, nhà mĩ-thuật cùng những nhà làm sách về thẩm-mĩ-học đều xác-tín như thế cả. Người nào cũng cho cái đẹp của mình đã nghĩ ra, đã thưởng-thức hay là đã giải-thích, là cái đẹp hoàn-toàn tuyệt-đối. Bấy giờ mới cố tìm cho ra những tính-cách của cái đẹp ấy thế nào. Nhân đó suy-diễn ra mà định mục-dịch của mĩ-thuật phải thế nào, các phương-pháp cấu-tạo thực-hành phải thế nào, Bấy giờ thấy, cái đẹp nào khác với cái đẹp của mình thì cho là giả-dối, và mĩ-thuật nào khác với mĩ-thuật của mình thì cho là mĩ-thuật giả. Lấy cái đẹp của mình, lấy mĩ-thuật của mình làm khuôn-mẫu tuyệt-đối cho cả sự đẹp, cho cả mĩ-thuật cổ-kim.

Song các nhà triết-học nghiên-cứu kỹ về lịch-sử mới hiểu rằng tự-phụ như thế là quá-đáng. Thử xét lịch-sử đời trước: thấy nhiều những vật thiên-

nhiên cùng vật nhân-tạo rất khác nhau, đến trái nhau hẳn, mà nhân-loại đều cho là đẹp cả; thậm-chí có cái xú này cho là đẹp mà xú kia cho là xấu, đời trước cho là xấu mà đời sau cho là đẹp. Sự thẩm-mĩ của người ta, trước kia đã bất-nhất như thế, thì sau này chắc cũng thế. Những hình-thức mỹ-thuật mà ngày nay nhân-loại đương cho là đẹp, rồi sau này mỗi ngày một chán và lại tìm kiếm ra hình-thức khác. Hình-thức sau này có lẽ khác hẳn hình-thức ngày nay mà tự-trung không phải là xấu cả. Ta ưa những hình-sắc thanh-âm tự-nhiên, là vì nó vui tai đẹp mắt cho ta. Những vật thiên-nhiên, dù kỳ-quái lạ-lùng, nếu hình-dung tả-mạc ra khéo, ta cũng thích. Có vật thiên-nhiên thì tự-nhiên ta lấy làm đẹp, vì nó có cái vẻ điều-hòa mỹ-lệ, tưởng giá người ta chế ra cũng không hơn. Tuy-nhiên, tùy thời-đại, tùy xứ-sở, tùy giống người, trong các thanh-âm hình-sắc có màu nọ hay tiếng kia cho là hay hơn đẹp hơn các màu các tiếng khác, và trong các cách phô-diễn cái vẻ đẹp của vạn-vật, có cách nọ cho là tài-tinh hơn cách kia. Như vậy thì làm sao có thể quyết-đoán được cái đẹp của một thời-đại nào, một xứ-sở nào hay một giống người nào là đẹp thiên-cổ tuyệt-đối? Như nói rằng: « Cái này đẹp là vì nó có những tính-cách như thế này », thì câu nói ấy có phải là đem cái sở-thích nhất-thời mà đặt lên làm phép-tắc tuyệt-dịch không? — Thẩm-mĩ-học cũng như lý-luận-học, quả-nhiên không thể đặt vào phương-diện tuyệt-đối được.

Tuy-nhiên, dẫu không có một khoa-học thẩm-mĩ tuyệt-đối, nhưng vẫn có thể có một khoa-học về các mỹ-thuật (*une science des arts*) rất có giá-trị về đường thực-tế.

Trong thế-giới vốn vẫn có ít nhiều các hình-thức về mỹ-thuật; lại còn những hình-thức tuy không có thực nhưng vẫn có thể tưởng-tượng ra được. Nay đặt ra một khoa-học để nghiên-cứu về các hình-thức mỹ-thuật đó, tưởng cũng chẳng khó gì hơn là đặt ra một khoa-học chung để tổng-quát các khoa-học riêng như trên kia vừa nói vậy. — Mục-dịch của các mỹ-thuật đã có rồi hay còn tưởng-tượng ra thế nào? Các mỹ-thuật ấy quan-hệ với nhau thế nào và nên phân-loại thế nào? Những phương-pháp của các mỹ-thuật ấy đã thi-hành có kết-quả từ xưa đến giờ thế nào? Sao cái hình-thức mỹ-thuật này thiên-hạ lại ưa hay không ưa hơn cái kia, và vì cớ gì đương ưa rồi lại không ưa? Vì sao về thời-đại nọ lại xuất-hiện ra lối mỹ-thuật kia và lối ấy làm sao mà thịnh-hành được như thế? Làm sao cái lòng sở-thích của người ta về sự đẹp lại mỗi lúc một khác và lối mỹ-thuật nọ lại lấn được lối mỹ-thuật kia? Bấy nhiêu vấn-đề đáng đem ra nghiên-cứu cho tường, phân-tích cho kỹ, không phải là không có ích-lợi về đường thực-tế.

Thuộc về mỹ-thuật cũng như thuộc về các khoa-học khác, không khác gì. Nếu biết được mục-dịch của các mỹ-thuật về các đời trước, biết được các phương-pháp đã dùng qua mà có kết-quả tốt, thì về đường thực-tế cũng là có quan-hệ lắm. Người đời trước đã làm theo phương-pháp thế nào mà công-trình còn lưu-truyền được tới nay, thì bây giờ đem những phương-pháp ấy ra mà nghiên-cứu, tức là học cho biết cái nghề của mình nên làm thế nào cho giỏi cho khéo vậy. Khoa mỹ-thuật bỏ cái phương-diện tuyệt-đối mà đứng vào phương-diện tương-đối, không những không giảm mất giá-trị đi mà lại có ích-lợi hơn là hồi xưa muốn đem những phép-tắc nhất-định làm kỷ-cương cho mỹ-thuật.

III. — Thuộc về vấn-đề qui-định cho sự ăn-ở của người ta ở đời, tức là vấn-đề luân-lý đạo-đức, thì trong các phái triết-học chưa chuyên-dịch được hầu phương-diện tuyệt-đối ra phương-diện tương-đối. Về lý-luận, về thâm-mĩ, như trên kia đã nói, sự chuyên-dịch ấy cũng là dung-dị. Duy đến luân-lý thì khó thay đổi được như thế. Người ta vẫn có cái lòng ham muốn biết thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là nghĩa - vụ tuyệt-đối. Những điều ấy chẳng phải là những điều yếu-cần cho cái phương-châm đạo-đức ở đời dư? Chẳng phải là những điều yếu-cần cho các nhà giáo - dục đề đào-tạo ra các lớp thanh-niên dư? Nghĩ đến luân-lý, đến đạo-đức mà không có tinh - cách tuyệt-đối, thì người ta hình như lấy làm rầu lòng. Nếu tự mình đã không chắc rằng cái điều mình cho là điều thiện đó có thực phải là điều thiện không, thì làm sao mà thành - tâm tậu tụy cho được?

Song khốn thay! luân-lý cũng chẳng khác gì luận-lý, chẳng khác gì mĩ-thuật. Thế nào là điều thiện tuyệt-đối, thế nào là nghĩa-vụ tuyệt-đối, ta không có cách nhận-chân được, cũng như không có cách nhận-chân được thế nào là sự thực tuyệt-đối, thế nào là sự đẹp tuyệt-đối vậy. Vì muốn nhận-chân như thế, thì phải làm thế nào?

Hoặc-giả nói: « Phải tự hỏi lương-tâm mình », lương-tâm ấy có người cho tức là lý-tinh đó. — Nhưng trước hết phải biết rằng đời nào xứ nào người ta cũng cho lương-tâm là tuyệt-đối. Đó tức là cái thuyết của Lu-thoa (*Roussseau*). Song lương-tâm phán-đoán có phải bao giờ, người nào, nơi nào cũng giống nhau đâu. Như lương-tâm người Hi-lạp người La-mã đời xưa có cho cái tục mua người làm nô-lệ là tục xấu không? Lại lương-tâm của người Thổ-nhĩ-kỳ có cho cái tục nuôi

những vợ ở trong nhà là tục không hay không? Lại lương-tâm người dân bà Phi-châu kia có cho cái tục ở trần ở trường là tục đáng chê không? — Không những thế mà thôi: Cứ như ông LÉVY BRUHL đã chứng-giải, thì lương-tâm của người ta không phải là một thể hồn-nhiên duy-nhất, tức là một thể phồn-tạp vô-cùng, hình như chấp nối nhiều mảnh lại mà thành ra vậy. Nào nghĩa-vụ đối với mình, đối với gia-đình, đối với quốc-gia, đối với nhân-loại; nghĩa-vụ thuộc về chức-nghiệp, thuộc về chính-trị, thuộc về tôn-giáo; bấy nhiêu thứ nối liền lại với nhau mà gọi là lương-tâm, chứ không có dung-hóa đến biến thành nhất-thể vậy. Những nghĩa-vụ ấy có khi thì điều-hòa nhau, cũng có khi lại mâu-thuẫn nhau. Xem như mỗi khi nhà triết học muốn đem một cái phép-tắc luân-lý tiêu lên làm phép chung cho mọi người, thì cứ dấy mà suy-diễn ra thành trái hẳn với luân-lý, mới biết sự mâu-thuẫn đến thế nào. Như câu dạy rằng: « Điều gì mình không muốn người làm cho mình thì không nên làm cho người »; nay suy-diễn ra nói rằng: Tôi biết có người ăn trộm 10 vạn đồng; nếu tôi là người ăn trộm thì tôi không muốn người ta bắt tôi phải trả số tiền ấy; vậy thì tôi đối với người ăn trộm kia tôi cũng không nên bắt người ta phải trả hay sao? Lại câu dạy rằng: « Bao giờ cũng phải đãi nhân-loại ở bản-thân mình cũng như ở kẻ khác, cho là cứu-cánh chứ không nên bao giờ cho là *phương-tiện* »; nay suy-diễn ra nói rằng: Kẻ có tội không nên trừng-phạt, dù để sửa tội cho nó hay để răn dạy kẻ khác mặc lòng; vì dãi nó như thế là cho nó là *phương-tiện*, chứ không phải là *cứu-cánh*, nói thế có nghe được không? Lại phạm nói dối là có lỗi cả, dù thương người; mà nói dối, dù vì nước mà nói dối, dù trung-thành tiết-nghĩa mà nói dối mặc lòng; bởi vì nói dối là tự coi mình là

phương-tiên, không phải là cứu-cánh, không nên! — Nay cứ thử đem các phép-lắc luân-lý mà suy-diễn ra như thế, thì thấy nhiều khi phản-trái nhau biết là đường nào!

Mà muốn định cho biết điều thiện tuyệt-đối, nghĩa-vụ tuyệt-đối thì ngoài cách suy - diễn như trên đó, không còn cách nào khác nữa. Hoặc có nhà luân-lý muốn chứng-giải rằng người ta là do Thiên-chúa tác - thành ra, Thiên - chúa thường chăm nom đến giống người luôn, và Thiên-chúa vẫn có ý-chí, phải biết ý-chí ấy mà theo, vì phải phục-tòng, phải kính-sợ Thiên-chúa. Lại có nhà thì nói rằng: « Người ta ở đời chỉ nên sinh - hoạt theo bản - tính mình là hơn cả », muốn chứng-giải rằng bản-tính mình khuynh-hướng về đường nào thì phải ăn-ở theo cách ấy cho hợp với bản-tính. Nhưng mà cứ như trên kia đã nói, những cái lý-thuyết vô-bằng-cứ như thế, thì phỏng có giá-trị gì không? Những nhà triết-học muốn đem lẽ siêu-hình mà chứng-giải cho luân-lý là cho trí người ta có cái năng-lực biết sự-vật được đích-xác, nhưng kỹ-thực năng-lực ấy đã có đâu. Còn những nhà cho nghĩa-vụ của người ta là phải sinh-hoạt theo bản-tính thiên-nhiên của người ta, thì đó là phát-biểu một cái ý-kiến riêng, chứ không có bằng-cứ gì cả.

Nói tóm lại thì thuộc về luân-lý cũng như về luận-lý về mĩ-thuật: không có gì là tuyệt-đối cả. Luân-lý cũng đành phải chuyển ra phương-diện tương-đối vậy. Duy như trên kia đã nói, đứng về phương-diện tương-đối, đâu không được hoàn-toàn mãn-nguyện cho ta, nhưng cũng được thực-ích thực - lợi, chứ không phải không vậy.

Nhà xã-hội khảo về sử-học cùng đả-tặc-học, thì thấy rằng không đời

nào, không xứ nào có xã - hội mà không có luân-lý bao giờ. Ở xã-hội nào cũng vậy, có việc người ta ai ai cũng cho là tốt và cần phải làm, có việc người ta ai ai cũng cho là xấu và cần phải tránh. Như vậy có thể đặt ra một khoa-học để nghiên-cứu về các sự tin-tưởng về đạo-đức nghiệm thấy ở các xã-hội, tức cũng như là khoa-học chung bao-quát các khoa - học riêng, hay là khoa-học về các mĩ-thuật như trên kia vậy. Ở các xã-hội trong loài người, cái gì người ta cho là thiện, cái gì cho là ác, điều gì c m không được làm, điều gì khuyên phải nên làm? Người ta về khắp các đời, khắp các xứ, sở-dĩ cho việc gì là hay mà gắng sức làm, việc gì là dở mà cố sức tránh, là do những duyên - cớ gì trong tâm-lý? Làm sao về một thời-đại nào lại có một cái luân - lý nào thịnh-hành hơn cái khác, khiến người ta phán-đoán về điều thiện điều ác khác hẳn đời trước hay đời sau? Làm sao mà lại thay đổi đi như thế, vì những duyên-cớ gì, bởi sự xô-dẩy thế nào trong xã-hội? Mỗi khi trong nhân-loại xuất-hiện ra một cái luân-lý mới, hay thay đổi một cái luân-lý cũ, thì ảnh-hưởng trong xã-hội thế nào? — Đó là những vấn-đề có thể giải-quyết một cách thực - nghiệm được. Bấy nhiêu vấn-đề họ lại mà nghiên-cứu cho tường, ấy tức là mục-dịch của một khoa-học luân-lý có thể tổ-chức ra và cũng có giá-trị chánh-dáng như các khoa-học thực-nghiệm khác.

Chắc rằng một khoa-học như thế thì không thể qui-định cho cách ăn-ở của người ta một cách hoàn - toàn tuyệt-đối được. Tuy-nhiên cũng chỉ-định được nhiều điều có ích-lợi.

Phàm làm người ở đời, có hai cái vấn-đề cần phải giải-quyết như sau này :

1) Ở đời này lấy cái gì làm cứu-cánh ?

2) Phải dùng những phương-tiện gì cho đạt được chỗ cứu-cánh đó ?

Khoa-học nghiên-cứu các hiện-tượng luân-lý, dù tiến-bộ đến đâu, cũng không giải-quyết được câu hỏi thứ nhất một cách hoàn-toàn đích-xác; điều đó ta cũng phải chịu như thế. Tuy-nhiên cũng có thể giúp cho ta có tài-liệu để mà tự-quyết lấy. Các người khác đã sinh-trưởng về đời trước hay cùng sinh-tồn ở đời này, thì người ta lấy cái gì làm cứu-cánh ở đời? Vì những duyên-cớ gì mà người ta lại kén chọn những điều đó làm cứu-cánh? Kén chọn như thế thì đối với bản-thân mình hay đối với gia-đình, bè-bạn, quốc-gia, xã-hội, có ảnh-hưởng thế nào? Bấy nhiêu điều, sẽ nhờ khoa-học về các hiện-tượng luân-lý giải rõ cho ta được cả. Khoa-học ấy sẽ giúp cho ta hiểu biết các lẽ. Vẫn biết rằng như thế cũng chưa đủ chứng-giải cho ta rõ rằng ở đời nên phải vị-kỷ hay nên phải vị-tha, nên ở có nghĩa hay nên ở bất nhân, nên nhân-từ hay nên tàn-nhân. Những điều đó là thuộc về tình-ý riêng của mỗi người tự-định lấy mà thôi. Nhưng người hiểu biết điều nọ lẽ kia, phán-đoán cũng có khác người không biết. Muốn định lấy cái chương-trình ở đời, không có định một cách tình-cờ ngẫu-nhiên, mà định một cách có ý-thức, biết lẽ hơn lẽ thiệt, điều phải điều trái. Một khoa-học giúp được cho người ta biết như thế, há phải là một khoa-học vô-ích dư?

Nhưng thuộc về vấn-đề thứ nhì, khoa học này mới thật là có quan-hệ. Vẫn biết rằng người ta quyết-định điều gì là tự trong tình-ý mà ra; như quyết chí làm việc công-ích cho loài người, thì người không sẵn có cái chí ấy, không khoa-học nào làm cho tự-quyết được. Nhưng đã sẵn có cái chí ấy rồi, và đã tự-quyết rồi, thì bấy giờ tất phải tìm những phương-tiện cùng

kế-hoạch để thực-hành cái chí ấy cho thành-công và cho ích-lợi. Nay nếu không có một khoa-học nào nghiên-cứu kỹ về kết-quả các tình-ý của người ta, thì làm sao mà tìm các phương-tiện ấy cho được? Như chủ-nghĩa *Malthus* là chủ-nghĩa hạn-chế sự sinh-dục, thì có hại đến sự sinh-tồn của gia-tộc; như bệnh ruyơ thì có hại đến sức khỏe chung của loài người; như thói dâm-bôn thì làm hại-hoại cả xã-hội; như lòng tham-lam của bọn tư-bản, lòng ghen-ghét của bọn lao-động, gây ra lắm sự xung-đột trong xã-hội; lại như cái chí xâm-lược của bọn công-thương đời nay, họ cũng thi-hành cái chủ-nghĩa đế-quốc như các vua chúa đời xưa, nhưng là vì lợi chứ không phải vì danh như xưa, gây ra trong xã-hội một cái không-khí khủng-hoảng. Những cái tình-trạng ác-hại về đạo-đức, về xã-hội như thế, làm thế nào sửa đổi cho được? Không phải là cứ bằng-không thuyết-lý mà mong sửa lại được. Tất phải căn cứ ở khoa-học nghiên-cứu về phong-tục trong xã-hội. Nhờ khoa học ấy ta sẽ biết được trong một xã-hội thuộc về một tình-trạng nào mà đem thi-hành một cái kế-hoạch nào thì sẽ kết-quả như thế nào. Nhờ khoa-học ấy mà sau khi ta đã quyết-định cứu-cánh thế nào rồi, ta biết đường mà tìm các phương-tiện để đạt cho tới được.

Nay một khoa-học giúp được cho ta có tài-liệu mà quyết-định như thế, há phải là một khoa-học vô-dụng dư?

IV. — Nói tóm lại, thuộc về các vấn-đề qui-định phép-tắc, cũng như thuộc về các vấn-đề thuần-lý siêu-hình, nhà triết-học trước kia mơ-mộng cõi tuyệt-đối, nay mới biết rằng sức mình chỉ có thể châu-tuần trong cõi tương-đối mà thôi. Nhưng mà cái tương-đối ấy cũng không phải là không có giá-trị về đường lý-luận cũng như về

đường thực-tế ; và nay đã không thể hi-vọng được cao xa nữa, thì cũng phải nên bằng lòng như thế vậy.

Nay xin tổng-kết bài lược-khảo này.

Các bậc tiền-triết đời xưa kỳ-vọng ở triết-học nhiều điều cao-xa lắm. Những điều ấy, triết-học quả không thể đạt tới được. Người ta lúc trẻ tuổi còn có tinh thật-thà lắm ; tự tin ở tài-lực của mình quá, và hi-vọng những sự viễn-vông quá ; phạm quan-sát điều gì, cũng lấy cái trí độc-doán mà xét. Rồi sau kinh-lịch sự đời, dần dần mới sinh ra cái lòng hoài-nghi đối với mình ; mới hiểu rằng tài-trí mình cũng có hạn mà thôi, và sự hi-vọng của mình là quá-đáng, sự độc-doán của mình là vô-bằng. Nhà triết-học đời xưa ví cũng như người ta đương lúc tuổi trẻ, nhà triết-học ngày nay thì đã có từng-trải hơn ; có biết hơn người trước một chút, và thứ nhất là biết hoài-nghi những sự tưởng là mình đã biết. Đã có dịp thử tài trí mình và thí-nghiệm cả phương-pháp của mình, bấy giờ mới hiểu rằng cái sức tư-tưởng của mình cũng có hạn, không thể kỳ-vọng quá đáng.

Có một điều quyết không nên yêu cầu ở trí-tuệ người ta, là lẽ tuyệt-đối. Không phải rằng thần-trí người ta tuyệt-nhiên không biết lẽ tuyệt-đối là gì. Cũng có lẽ biết được một phần. Nhưng dù biết nữa, cũng không có cách nào chứng-nghiệm là quả biết thật. Các phương-pháp dùng để quan-sát sự-vật, suy-xét nghĩa-lý, thì còn khuyết-điểm nhiều lắm, không thể tận-tin được, cho nên xét cho cùng, không có điều gì có thể quá-quyết rằng : đó là điều tuyệt-đối.

Tuy-nhiên, dầu các nhà triết-học không thể tới được cõi tuyệt-đối, nhưng

cũng còn có một nơi trường-sở rộng để sưu-tầm nghiên-cứu, tức là cõi tương-đối, mà về đường lý-luận, về đường thực-tế cũng có giá-trị vô-cùng.

Trước hết triết-học có thể gây-dựng ra được khoa-học về thần-trí, để đem tâm-trí người ta ra mà nghiên-cứu. Ta nghiệm thấy trong người ta có những tâm-trạng khác nhau ; ta có thể dự-tưởng rằng ở kẻ khác cũng có những tâm-trạng như thế. Nhân đó khởi ra nhiều vấn-đề không phải là không thể giải-quyết được. Như trong các giống, thì những giống nào là có tâm-trạng như ta ? Trong cõi đời ta biết này, có bao nhiêu mô-dạng về thần-trí ? các mô-dạng đó có thể phân-loại ra thế nào ? Cách hành-động theo những phép-tắc gì ? Lý-tưởng, cảm-tình, ý-chí, thành-lập thế nào ? Các tâm-trạng ấy phản-động nhau thế nào ? Các thần-trí kinh-nghiệm được có thể đem ra mà giải-thích cho biết cách kết-cấu thế nào không ? Thần-trí tiến-hóa theo trình-độ thế nào, có thể giải-rõ được không ?— Các vấn-đề đó cũng hơi tương-tự như những vấn-đề về sinh-vật-học, không thể cho là không giải-quyết được.

Triết-học lại có thể gây-dựng được một khoa-học nữa để nghiên-cứu về các công-trình tốt đẹp của tài-trí người ta. Khoa-học này có thể chia ra ba phần như ở trên đã phác-họa ra đó : Một phần tổng-quát cả các khoa-học chuyên-môn, một phần nghiên-cứu về các kỹ-thuật của loài người, một phần nghiên-cứu về các sự tin-tưởng về đạo-đức ; ba phần đó lại kèm thêm ba cách qui-định phép-tắc cho sự nghiên-cứu về chân-lý, sự tập-luyện về kỹ-thuật, sự cư-xử về đời người.

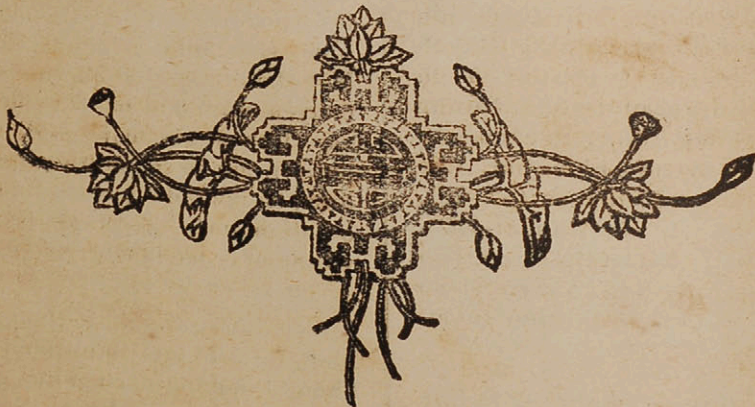
Còn những vấn-đề về thuần-lý siêu-hình, thì triết-học đành phải chịu bỏ, không thể dùng cách gì mà giải-quyết cho có bằng-cứ được. Người nào

tự-phụ là có thể giải-quyết được, là người ấy mơ-tưởng hảo-huyền vậy. Thuộc về các vấn-đề ấy, triết-học chỉ có thể giúp người ta được một điều như sau này: là cung-cấp tài-liệu để cho mỗi người tự kết-cấu lấy các mối tin-tưởng riêng của mình cho hợp-lý; là tìm kiếm những lẽ thuộc về thực-tế hay là thuộc về cái-nhiên, có thể giúp cho người ta trong việc kết-cấu đó; thứ nhất là khiến cho người ta có cái cảm-giác phân-minh về giới-hạn tài-trí mình, cho biết rằng phạm sự tin-tưởng về siêu-hình không phải là có cái tính-cách tuyệt-đối gì, mình đem lòng tin không phải là vì điều tin đáng tin mà chính là vì tự mình là mình vậy.

Vấn biết rằng phạm-vi của triết-học mà thu hẹp lại như thế, thì sánh với cái mộng của các nhà triết-học đời xưa, kẻ không vào đâu thật. Tuy-nhiên, phần còn lại đó vẫn là phần quan-trọng. Cái

hiềm-tượng cho thần-trí người ta, là sự mình không biết tưởng rằng biết, là những lẽ tương-đối cho là lẽ tuyệt-đối; muốn tránh khỏi cái hiềm-tượng đó, thì phải biết phân-biệt điều gì là điều mình đã biết, điều gì là điều mình chưa biết, và điều gì là điều mình mới đem lòng tin-tưởng mà thôi. Tức như đức Khổng-tử dạy rằng: « *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.* 知之爲知之。不知爲不知，是知也。 Điều gì biết biết rằng biết, điều gì không biết biết rằng không biết, mới thật là biết. » Muốn được như thế thì phải đem trí-tuệ người ta, đem những phương-pháp của trí-tuệ dùng, những kết-quả của trí-tuệ thu hoạch được, những công-trình của trí-tuệ tạo-tác ra, mà phê phán cho đích-đáng. Việc phê-phán đó là công việc của triết-học đời nay, có thể mong là có ngày làm được thành-công vậy.

T.-C. biên-dịch.



# MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

## 孟子國文解釋

XXII

XVIII

則惡矣。子相夷也。夫子相夷。未出於正也。則正矣。夫子教我以怒。則反夷矣。繼之以怒。以正不行。教者必以正。教子何也。孟子曰。君子之公孫丑曰。君子之

Dịch-âm. — Công - Tôn Sửu viết :  
 « Quán-tử chi bất giáo tử, hà dã ? »  
 Mạnh-tử viết : « Thế bất hành dã, giáo giả tất dĩ chính, dĩ chính bất hành, kế chi dĩ nộ, kế chi dĩ nộ, tắc phản dĩ hi ; phụ-tử giáo ngã dĩ chính, phụ-tử vị xuất ư chính dã, tắc thị phụ-tử trọng dĩ dã ; phụ-tử trọng dĩ, tắc ác hi.

Dịch-NGHĨA. Công-Tôn Sửu hỏi rằng : « Người quân-tử chẳng tự mình dạy lấy con, là có sao ? » Thày Mạnh nói rằng : « Cái thế không làm được vậy ; cha dạy con tất phải lấy đạo chính, dạy lấy đạo chính mà con không theo, thì liền sinh ra giận-dữ ; sinh ra giận-dữ, thì lại thương hại đến ái-tình đối với con. Con lại trách cha rằng : Cha dạy ta lấy đạo chính, nhưng cái thân cha chữa tất đã hợp với đạo chính. Thế là cha với con cùng thương hại mất ái-tình, cha con cùng hại mất ái-tình, thì là sự xấu vậy.

Chú-giải. — Phụ tử = Thày, tức là cha. Dĩ = Hại, nghĩa là giận con thì hại đến tình yêu con.

Tiết này nói người quân-tử không thân dạy lấy con, là chỉ ngại về cái thế không làm được.

★ ★

之。而 易 古  
教 子 者

Dịch-âm. — « Cổ giả dịch tử nhi giáo chi

Dịch-NGHĨA. — « Người đời xưa phải đòi con mà dạy.

Chú-giải. — Đòi con mà dạy là phải cho con ra trường học để nhờ người khác dạy. làm như thế là để cho toàn-ân cha con, mà vẫn dạy được con.

大 祥 則 難。善 善。不 之 父  
焉 莫 不 難 則 責 責 間 子

Dịch-âm. — « Phụ-tử chi gian bất trách thiện, trách thiện tắc ly, ly tắc bất lưỡng mạc đại yện. »

Dịch-NGHĨA. — « Vì rằng trong khoảng cha con không nên quá trách con làm điều thiện, trách thiện quá thì thành ra lia nhau, cha con chí-thân mà đến lia nhau, thì sự không hay còn gì lớn hơn sự ấy nữa. »

Chú-giải. — Tiết này là giải cái có sở dĩ phải cho con ra trường học là để toàn-ân, mà lại tránh khỏi được sự quai-ly là sự không hay trong gia-đình.

(1) Xem tiếp N.-P. số 129.

XIX

孟子曰。事親爲大。守身爲大。孰爲大。守身爲大。不失其身。而能事其親者。吾聞之矣。失其親者。而能事其親者。吾未之聞也。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Sự thực vi đại, sự thân vi đại; thủ thực vi đại, thủ thân vi đại. Bất thất kỳ thân, nhi năng sự kỳ thân giả, ngô văn chi hi. Thất kỳ thân nhi năng sự kỳ thân giả, ngô vị chi văn dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Điều kính-thờ điều gì là lớn? kính-thờ cha mẹ là lớn; điều giữ-gìn điều gì là lớn? giữ-gìn cái thân khỏi hãm-lạc về đường bất-nghĩa là lớn. Không hãm-lạc cái thân mà hay kính thờ đợc cha mẹ, thì ta từng nghe có cái lẽ ấy vậy; nếu đã hãm-lạc mất cái thân mà hay kính thờ đợc cha mẹ, thì ta chưa nghe có cái lẽ ấy bao giờ.

Chú-giải. — Chương này là khuyên người ta phải biết giữ cái thân, đừng hãm vào điều bất-nghĩa, thì mới hay kính thờ đợc cha mẹ.

本 身 爲 也 事 事 孰  
也 守 守 孰 之 事 不  
之 守 不 本 親 爲

Dịch-âm « Thực bất vi sự, sự thân, sự chi bản dã; thực bất vi thủ, thủ thân, thủ chi bản dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Điều gì chẳng là kính-thờ, nhưng kính-thờ cha mẹ là gốc của mọi điều kính-thờ vậy; điều gì chẳng là giữ-gìn, nhưng giữ-gìn cái thân là gốc của mọi điều giữ-gìn vậy.

Chú-giải. — Việc kính-thờ thì còn việc thờ vua, thờ huynh-trưởng, nhưng trước phải lấy việc thờ cha mẹ làm căn-bản hơn cả. Việc giữ-gìn thì còn việc giữ quan-chức, giữ

nước, nhưng trước phải lấy việc giữ mình cho khỏi bãm vào điều bất-nghĩa là căn-bản hơn cả. Giữ mình đã là việc căn-bản thì thực là việc lớn vậy. Đã hay giữ mình thì lúc là hay kính thờ đợc cha mẹ.

會 子 養 曾 皙 必 有 酒 肉 將 以 復 進 也 此 所 謂 養 口 禮 者 也 若 會 子 則 可 謂 養 志 也

Dịch-âm. — « Tăng-tử dưỡng lãng Tịch, tất hữu tửu nhục, tương triệt, tất thính sở dĩ, văn hữu dư, tất viết hữu, Tăng Tịch tử, Tăng Nguyên dưỡng Tăng-tử, tất hữu tửu nhục, tương triệt, bất thính sở dĩ; văn hữu dư, viết vô hi, tương dĩ phục tiến dã, thủ sở vị dưỡng khẩu-thể giả dã. Nhược Tăng-tử tắc khả vị dưỡng chí dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Tăng-tử nuôi thầy Tăng Tịch, bữa ăn tất có rượu thịt; sấp triệt mâm, tất thính với cha rằng còn dư đây muốn cho ai. Hoặc cha hỏi đồ ăn có còn thừa không? Thì tất thưa rằng có còn thừa. Kịp khi thầy Tăng Tịch chết đi rồi, Tăng Nguyên nuôi thầy Tăng-tử, bữa ăn tất có rượu thịt; sấp triệt mâm, Tăng Nguyên cũng chẳng thính cha rằng còn dư muốn cho ai. Hoặc cha hỏi đồ ăn có còn thừa không? Thì thưa rằng không còn thừa, toan đề bữa sau lại dâng lên vậy; như thế gọi là nuôi cái miệng của cha đấy thôi. Như ông Tăng-tử, thì mới xứng-dáng gọi là nuôi cái chí của cha vậy.

Chú-giải. — Tăng-tử = Tên là Sâm, học trò ông Khổng, là con Tăng Tịch. Tăng Tịch = Tên là Điem, cũng là học-trò ông Khổng. Tăng Nguyên = Con ông Tăng-tử.

Tiết này là dẫn việc thầy Tăng-tử hay giữ mình nên mới hay nuôi chí cha mẹ, để làm khuôn phép cho kẻ làm con đời sau.

可子若事  
也者曾親

Dịch âm. — « Sự thân, nhược Tăng-tử giả khả dã. »

DỊCH-NGHĨA — « Phàm người con kính thờ cha mẹ, tất bất-chước như Tăng-tử, mới kha khen là hiếu vậy. »

XX

而	莫	義	君	能	聞	興	孟
國	不	莫	仁	格	也	適	子
定	正。	不	莫	君	惟	也	曰。
矣。	一	義	不	心	大	政	人
	正	君	仁。	之	人	不	不
	君	正	君	非。	為	足	足

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân bất túc dĩ chích dã, chính bất túc gián dã; duy đại nhân vi năng cách quân tâm chi phi, quân nhân mạc bất nhân, quân nghĩa mạc bất nghĩa, quân chính mạc bất chính, nhất chính quân nhi quốc định hĩ »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông vua dụng người sai lầm, chẳng đủ qu-á-trách vậy ; ông vua làm chính lầm-lỗi, chẳng đủ chê-bai vậy. Duy bậc đại-nhân là chính được cái lỗi tự trong tâm vua, tâm vua nhân thì chẳng điều gì là chẳng nhân, tâm vua nghĩa thì chẳng điều gì là chẳng nghĩa, tâm vua chính thì chẳng điều gì là chẳng chính, một chính cái tâm vua mà trong nước bị h định vậy. »

Chú-giải. — Trích = Quả trách. Gián = Chê bai, có ý an-ngăn. Đại-nhân = Bậc thánh-nhiên có đức lớn. Cách = Cầm-cách, chính-dính, sửa đổi lại khiến cho công-chính. Đây là nói cái cốt-yếu của kẻ đại-thần

giúp vua thì trước nhất phải chính cái tâm vua, rồi tự khắc là những việc dụng-nhân hành-chính đều là hay cả.

XXI

毀。全有之不曰。孟  
之求譽。虞有子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Hữu bất ngu chi dự, hữu cầu-toàn chi hỷ »

DỊCH-NGHĨA — Thầy Mạnh nói rằng : « Có lời khen chẳng ngờ được mà được khen, có lời chê trách tránh sao cũng không khỏi được. »

Chú-giải. — Đây là nói cái cách khen chê có nhiều điều kiện ông được xưng-dâng, thế thì lời khen chê cũng chưa tất đã là thực, vậy nên kẻ sửa mình thấy chê đừng vội nản, thấy khen đừng vội khoe, mà kẻ xét người cũng đừng bằng-cứ ở lời khen chê vội.

XXII

矣。責也。其之曰。孟  
耳無言易人子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân chi dĩ kỳ ngôn dã, vô trách nhĩ hĩ. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người thường hay khinh dị lời nói, vì chưa bị phải trách-phạt về nói càn dấy thôi. »

Chú-giải. — Chương này là răn người ta lên cần-ngôn.

XXIII

師。為在之曰。孟  
人好患人子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân chi hoạn tại hiếu vi nhân sư. »

DỊCH-NGHĨA — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái bệnh khá lo của người học-vấn, chỉ tại rằng sinh muốn làm thầy người »

Chú-giải. — Đây là kể ra cái bệnh tự-mãn tự-túc, lay kiêu-ngông để răn kẻ học-vấn.





*dã, duy Thuần vi nhiên. Bất đắc hồ thân, bất khả dĩ vi nhân; bất thuận hồ thân, bất khả dĩ vi tử.*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Thiên-hạ cả đẹp lòng mà cùng qui-phục mình thì sướng thật, thế mà coi thiên-hạ đẹp lòng mà qui-phục mình cũng như cái cỏ cái hạt cái vẩy, chỉ có vua Thuấn là thế thôi. Bụng vua Thuấn nghĩa rằng chẳng được lòng với cha mẹ, chẳng khả-dĩ làm người được; chẳng thuận đạo với cha mẹ, chẳng khả-dĩ làm con được.

Chú-giải — Chương này là khen vua Thuấn là bậc đại-hiếu, hay coi khinh phú quý, mà chỉ lấy việc thờ cha mẹ làm trọng.

..

大者	下	瞽	而	豫	道	舜
孝定	之	底	天	瞽	而	盡
此爲	豫	下	瞽	瞽	瞽	半
謂父	而	化	底	瞽	瞽	親
謂子	天	瞽	底	底	底	之

Dịch-âm. — « Thuấn tận sự thân chi đạo, nhi Cồ-Tâu đề dự; Cồ-Tâu đề dự, nhi thiên hạ hóa; Cồ-Tâu đề dự, nhi thiên-hạ chi vi phụ tử giả đình, thử chi vi đại-hiếu. »

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Thuấn hết cái đạo thờ cha mẹ, mà ông Cồ-Tâu đến vui lòng; ông Cồ-Tâu đến vui lòng, mà trong thiên-hạ đều cảm hóa, ông Cồ-Tâu đến vui lòng, mà trong thiên-hạ những kẻ làm con yên ở về điều hiếu, kẻ làm cha cũng yên ở về điều từ, cha con đều hết đạo cả, như thế mới gọi là bậc đại-hiếu. »

Chú-giải — Cồ-Tâu = Người cha sinh ra vua Thuấn là một người rất xuân-ác, thường muốn giết vua Thuấn. Bề = Bên. Dự = Vui vẻ đẹp lòng.

Đấy là tán cái đức hiếu của vua Thuấn làm phép được cho thiên-hạ, khá truyền về đời sau, không những chỉ một thân một nhà mà thôi, sở-dĩ gọi là bậc đại-hiếu.

離婁章句下  
THIÊN LY-LÂU HẠ  
凡三十三章  
(gồm 33 chương)

I

之	條	卒	於	諸	舜	孟
人	東	於	負	馮	生	子
也	矣	鳴	夏	遷	於	日

Dịch-âm. — Mạnh tử viết: « Thuấn sinh ở đất Chư-phùng, thiên ở đất Phụ-hạ, tới ở Minh-diều, đông-di chi nhân dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Vua Thuấn sinh ra ở đất Chư-phùng, thiên đi ở đất Phụ-hạ, chết ở đất Minh-diều, là người cõi rợ phương đông vậy.

..

也	之	西	畢	卒	岐	生	文
人	夷	郢	於	周	於	王	

Dịch-âm. — « Văn-vương sinh ở Kỳ-châu tốt ở Tất-sinh, tây-di chi nhân dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Vua Văn-vương sinh ra ở đất Kỳ-châu, chết ở đất Tất-sinh, là người cõi rợ phương tây vậy.

..

若	行	餘	後	里	也	地
合	乎	歲	也	世	千	之
符	中	得	千	之	有	相
節	國	志	有	相	餘	去

Dịch-âm. — « Địa chi tương khứ dã, thiên hữu dư lý; thế chi tương hầu dã, thiên hữu dư tuế; đắc chi hành hồ trung-quốc, nhược hợp phù tiết.

DỊCH-NGHĨA. — Vua Thuấn với vua Văn, đất ở cách xa nhau có hơn một nghìn dặm, đời sinh cách sau nhau, có hơn một nghìn năm, thế mà khi thảo chí được làm đạo ở chốn trung-quốc, giống nhau như in con so.

*Chú-giải.* — *Đắc-chí* = Khi được thừa chi làm nên như vua Thuấn làm, dấng thiên-tử, vua Văn làm quan phương-bá được thi-hành cái đạo mình ra thiên-hạ. *Phủ-tiết* = Cai ẩn để so làm tin, làm bằng ngọc, khắc chữ trên vào mà cất đời ra, mỗi người đều giữ một nửa, khi có việc, thì đem hai mảnh hợp lại so làm tin.

Đây là nói vua Thuấn vua Văn đất ở tuy xa cách khác nhau, thời sinh tuy trước sau khác nhau mà đạo-lý cũng cùng là một vậy.

— 其 後 先  
也。揆 聖。聖

*Dịch âm.* — « *Tiên thánh hậu thánh, kỳ qui nhất dã.* »

*DỊCH-NGHĨA.* — « Suy ra ông thánh trước ông thánh sau, so lại đều là một đạo cả.

*Chú-giải.* — *Quĩ* = Đo, là so-sánh.

Tiết này là nói không những vua Thuấn vua Văn cùng là một đạo suy ra dẫn đến trước Thuấn Văn là bậc tiên-thánh, sau Thuấn Văn là bậc hậu-thánh, cũng cùng một tâm-lý thì cũng một đạo ấy cả.

II

溙 人 興 其 政。國 聽 子  
洧。於 濟 乘 以 之 鄭 產

*Dịch-âm.* — *Tử-Sản thịnh Trịnh-quốc chi chính, dĩ kỳ thặng dư tế nhân ư Trấn Vĩ.*

*DỊCH-NGHĨA.* — Ông Tử-Sản cầm quyền chính-trị nước Trịnh, thấy người phải lội sông, đem cỗ xe của mình đang cưỡi, bỏ xuống dòng sông Trấn Vĩ, để chở cho người sang đó.

*Chú-giải.* — *Tử-Sản* = Quan đại-phu nước Trịnh, tên là Công-Tôn Kiều. *Tế* = Chở cho sang đó.

政。知 而 曰。孟  
爲 不 惠 子

*Dịch-âm.* — *Manh-tử viết: « Huệ nhi bất tri vi chính. »*

*DỊCH-NGHĨA.* — Thầy Mạnh chê rằng: « Như ông Tử-Sản là chỉ biết làm cái ơn nhỏ mà chưa biết làm điều chính lớn.

*Chú-giải.* — Chương này là nói việc làm chính-trị phải cốt thực-hành điều đức lớn, chứ không cần làm ơn nhỏ.

涉 未 成。與 二 成。徒 一 歲。  
也。病 民 梁 月。十 杠 月。十

*Dịch-âm.* — « *Tuế, thập nhất nguyệt đồ-giang thành, thập nhị nguyệt dư-luong thành, dân vị bệnh thiệp dã.* »

*DỊCH-NGHĨA.* — « Thử coi chính-sự dấng tiên-vương, trong một năm, tháng mười một thì cái cầu đi bộ sửa-bắc thành, tháng mười hai thì cái cầu đi xe sửa-bắc thành, dân không phải lo về sự lặn lội vậy.

*Chú-giải.* — *Đồ* = Đi chân không, đi bộ. *Giang* = Cầu vung. *Dư* = Xe. *Luong* = Cầu, đây là kể ra việc làm cầu cống, cũng là một việc vương-chính.

之。而 人 焉 可 辟 政。平 君  
濟 人 得 也。人 行 其 子

*Dịch-âm.* — « *Quân-tử bình kỳ chính, hành tịch nhân khả dã, yên đắc nhân nhân nhi tế chi.* »

*DỊCH-NGHĨA.* « Người quân-tử thi-hành chính-sự, cốt khiến cho quân-bình, khi đi ra đường bắt người phải tránh mình, cũng đáng vậy sao hay người này người khác mà đều đem cỗ xe chở cho sang sông cả được.

*Chú-giải.* — *Tịch* = Tịch-trừ nghĩa là gạt rẽ người ra hai bên, là ý khiến người đi đường phải tránh mình.

足 亦 之。而 每 政 故  
矣。不 日 悅 人 者。爲



今也爲臣。諫則  
不行。言則不聽。  
膏澤不下於民。  
有故而去。則君  
搏執之。又極之  
於其所往。去之  
日。遂收其田里。  
此之謂寇讎。寇  
讎何服之有。

Dịch-âm. — « Kim dã vi thân, gián tắc bất hành, ngôn tắc bất thính, cao trạch bất há v dân; hũu cợ nhĩ khứ, tắc quân bác chấp chi, hựu cợ chi v kỳ sở vãng, khứ chi nhật, toại thu kỳ điền lý, thử chi vị khấu thù, khấu thù há phục chi hũu. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ngày nay làm kẻ bày-tội, can vua thì vua chẳng dùng, nói ra thì vua chẳng nghe, ơn-trạch chẳng xuống được đến dân; có cớ gì mà phải lìa nước ra đi, thì vua bắt giữ mà chẳng cho ra khỏi cõi nước; hoặc ra khỏi cõi nước, thì lại cùng-cực làm khổn-nhục ở chỗ người ấy đi, ngày người ấy vừa đi, liền thu lấy lộc ruộng và chỗ ở của người ấy; ông vua như thế gọi là kẻ giặc-thù, giặc thù thì có để trở gì nữa. »

Chú-giải — Đây là nói ông vua xử tệ với bày-tội, thì bày-tội báo lại cũng tệ bạc.

IV

孟 無 殺 大 以 罪 民。  
子 罪 夫 去 而 則 以。  
曰 而 可 無 戮 士 徙。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Vô tội nhĩ sát sĩ, tắc đại-phu khả dĩ khứ; vô tội nhĩ lục dân, tắc sĩ khả dĩ tử. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Xét về việc hình thì biết nước loạn, như thấy không có tội gì mà giết quan sĩ, thì quan đại-phu nên bỏ nước ấy mà đi; thấy không có tội gì mà giết dân, thì quan sĩ nên dời nước ấy mà lánh. »

Chú-giải — Đây là nói người quân-tử nên kiên-cơ trước ma đi, để tránh cho khỏi vạ.

V

孟 曰 不 仁 君 莫 義。  
子 仁 莫 不 義。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Quân nhân mạc bất nhân, quân nghĩa mạc bất nghĩa. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Vua làm điều nhân, thì chẳng ai là chẳng hưng-khởi về sự nhân; vua làm điều nghĩa, thì chẳng ai là chẳng hưng-khởi về sự nghĩa. »

Chú-giải — Chương này là răn ông vua phải nên ở cho hết đạo nhân-nghĩa để cảm-hóa mọi người, thì ai cũng theo về đường nhân-nghĩa. »

VI

子 曰 禮 義 禮 義 人 爲。  
子 非 之 非 大 弗 弗。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Phi lễ chi lễ, phi nghĩa chi nghĩa, đại nhân phát vi. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Điều lễ gần giống lễ mà chẳng phải lễ, điều nghĩa gần giống nghĩa mà chẳng phải nghĩa, những điều lễ, nghĩa chẳng hợp về lễ thích-dáng ấy, kẻ đại-nhân chẳng làm. »

Chú-giải — Đây là nói kẻ đại-nhân có thịnh-ức đã biết xét lễ tùy-thời, thì hay phân-biệt được lễ-nghĩa cho hợp đạo thời-trung.

VII

孟 子 曰 中 也 樂 養 養 孟  
子 曰 中 也 樂 養 養 孟  
子 曰 中 也 樂 養 養 孟  
子 曰 中 也 樂 養 養 孟

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Trung dã dưỡng bất trung, tài dã dưỡng bất tài cợ nhân lục hũu hiên phụ huỳnh dã, như trung dã khí bất trung, tài dã khí bất tài; tắc hiên bất tiểu chi tương khứ, kỳ gian bất năng dĩ thôn. »

**DỊCH-NGHĨA.** — Thầy Mạnh nói rằng :  
 “ Người có đức trung dạy bảo cho kẻ  
 chẳng có đức trung, người có tài dạy  
 bảo cho kẻ chẳng có tài, vậy nên người  
 ta đều vui rằng có đấng cha anh hiền  
 hay dạy bảo cho mình vậy. Nếu người  
 có đức trung bỏ kẻ chẳng có đức trung  
 mà chẳng dạy, người có tài bỏ kẻ chẳng  
 có tài mà chẳng dạy ; thì người cha anh  
 hiền với kẻ con em chẳng-hiền, có xa  
 cách nhau mấy khoảng đó dễ không  
 được lấy một lác, »

*Chú-giải* — *Trung* = Cái đức không thái-  
 quá mà không bất-cập. *Tài* = Cái tài đủ ứng-

dụng với đời. *Dưỡng* = Đăm-thăm hun-dục  
 nuôi-nấng cho nó cảm-hóa.

Đây là nói làm bậc cha anh, có cái trách-  
 nhiệm giáo-dục cho kẻ con em, nếu bỏ trách-  
 nhiệm, thì cha anh so với con em cũng đều là  
 bất-tiểu, không phải là hiền, đề thiết răn  
 người làm cha anh không nên bỏ con em mà  
 chẳng dạy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TÙNG-VÂN dịch

## NHẬT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

### 一 怒 爲 紅 顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

#### I

#### Lời tiểu-chí

Bộ này nguyên là tiểu-thuyết Tàu, tả về một thời-kỳ nhà Mãn Thanh diệt nhà Chu-Minh vào chủ nước Trung-hoa, thực là một việc lớn của thế-giới về hồi thập-lục thế-kỷ. Trong thời-kỳ ấy thì người Ngô Tam-Quế làm người chủ-động-lực, mà ở Trần Viên-Viên làm người chủ-động-cơ. Cho nên một nhà danh-sĩ hồi ấy là ông Ngô Mai-Thôn từng đã có quan-sát về thời-cục mà làm ra một khúc hát, gọi là Trần-Viên-Viên khúc, để cảm-khái về thời-sự. Trong khúc hát có câu rằng : « Xung quan nhất nộ vị hồng-nhan 衝冠一怒爲紅顏 ». Nghĩa là một cái giận nổi lên đùng-đùng, tóm lại là vì một gái hồng-nhan. Bảy chữ ấy chính là nét bút thực-lực về thời-kỳ ấy. Kể xem truyện này sẽ hiểu ra được tấm gương thành-bại và cái sống khuyh-thành. Duy nhân-vật Ngô với Trần hai người là nhân-vật tuyệt-đại quan-hệ về thời-kỳ ấy, nay muốn xét nhân-vật hai người, phải xét về toàn-cục hai nhà Minh-mạt với Thanh-sơ, cho được có thủy có chung, sẽ có thú-vị.

DỊCH-GIẢ } cần-chỉ.

HỒI THỨ NHẤT

*Đồng Kỳ-Xương tuyền-tài cử Tam-  
[Quế,  
Viên Sung-Hoàn dùng kế giết Văn-  
[Long.*

Học-thuyết nước Trung-hoa, thường có câu rằng kẻ làm tôi phải trung với vua, kẻ làm con phải hiếu với cha. Vì trung với vua tức là yêu nước, hiếu với cha tức là thương nhà. Nếu hết thầy người nào người ấy đều giữ được hai chữ trung hiếu, thì sao đến nỗi có kẻ bội gông quên ơn, tham-mê phú-quí, dẫn voi về giày mò, làm tai-va cho tổ-quốc đó thay. Hồi ấy nước Trung-hoa có một người, tài là tài quốc-sĩ, trách là trách tổng-binh, nòi-giống là nòi-giống áo-xiêm, dòng-dõi là dòng-dõi lương-tướng; đã quên bỏ mất chữ trung, lại phá-hoại mất chữ hiếu, tóm lại chỉ vì một chữ sắc; bắt đầu làm một vai kinh - thiên động-dịa, thứ hai làm một vai hàng-thần lơ-láo, thứ ba làm một vai triều-dinh riêng một biên-thùy, thứ tư làm một vai đem thân đi bỏ chiến-trường như không; ấy tấm gương cái thân quốc-sĩ, bị cái sóng khuynh - thành cuốn đi là thế. Người ấy họ Ngô, tên là Tam-Quế, tự là Tràng-Bach, vốn là người đất Cao-buru tỉnh Sơn-dông. Người bố là Ngô Tương là kẻ có dũng-lực, lại là kẻ khéo về nghề xem tướng ngựa, từng làm một viên vũ-chức ở đất Liêu-dông. Kịp khi viên kinh - lược đại-thần là Dương Cảo đem hùng-binh hai-mươi vạn sang đánh Mãn-châu, đại-bại ở đất Phủ-thuận, người với ngựa chết gần hết. Ngô Tương bấy giờ cũng dự vào cánh quân ấy, theo bại-binh chạy về; vì có dũng-lực đi đoạn-hậu, phần-lực đánh lại quân Mãn, cướp lại được ba trăm con chiến-mã của quân Mãn, cho nên trận ấy chư-tướng đều có tội, duy Ngô Tương lại được có công, thăng làm chức phó-tướng. Triều-dinh nhà

Minh lúc ấy, quan văn thường khinh quan võ, Ngô Tương thường lấy làm tức giận, chỉ vì quan-chức còn nhỏ, chưa dám nói ra. Khi ấy Ngô Tam-Quế tuổi đã ngoài hai-mươi. Ngô Tương mới bảo Tam - Quế rằng : « Ta vì lúc bé không đọc sách, cho nên không biết được nhiều chữ, chỉ cậy có dũng-lực mà thôi. May không nên thừa-kế nghiệp cha, nên bỏ nghề võ làm nghề văn, hoặc may đỗ lên, đầu rồng đuôi hổ, vẻ-vang bằng người, cho khỏi cái miệng bọn văn-quan họ khinh-bĩ. » - Tam - Quế nghe cha nói, cười lơi rằng : « Cha nói thế là lầm ! Hiện nay quốc - gia đa - sự, bọn văn - quan phần nhiều là bọn hủ - nho, chẳng biết thời - vụ, chỉ giả - dối phẩn - sức ở bề ngoài, khác nào con yến làm tổ ở xô máng, cầu - thả yên thân ; nếu có sự biến - loạn, thì lũ ấy há có thể đem nghề ngâm thơ làm phú mà bảo - hộ được quốc-gia đấy dư ? Cha cứ tha-hồ họ khinh-bĩ, chẳng so-kẻ làm chi, ngày khác thời-lai vận-chí, thì cha con ta tất có ngày xuất-dầu với thiên-hạ. » - Ngô Tương thấy con nói, cũng cho con là kẻ chí-khí bất-phàm, trong tâm rất lấy làm hoan-hỉ.

Ngô Tam-Quế từ đấy càng luyện - tập về nghề cung - mã, giáng - cầu mọi đờng chiến-thuật. Kịp khi vua Sung-trinh lên ngôi, biết rằng sự quốc-gia nguy - nạn đã phục ở sau lưng, mới quyết-ý trông-lệ việc võ, liền cất Ngô Tương làm chức kinh - thành đề-đốc, lại sai viên Lễ-bộ thượng-thư là Đồng Kỳ - Xương chủ-khảo khoa võ-cử. Các võ - nhân ở gần xa nghe có khoa thi võ, đều tấp-nập lại kinh ứng-thi. Tam-Quế khi ấy nghề cung-mã đã luyện-thục, mười tám nghề võ đều đã tinh-thông, có khảng-khái than rằng : « Phen này là phen ta xuất-dầu với thiên-hạ đây, hiện nay thiên-hạ có cơ biến - động, sao chẳng thừa lúc này kiến - lập công-danh. » Liên thỉnh với

cha, đề đi ứng - cử. Lúc ấy Đồng Kỳ-Xương ở trong triều, biết rằng quốc-sự một ngày một hư - hoại, sự tuyển-cử vũ-viên, thực quan-hệ về sự khẩn-yếu. Ngay ngày hôm ấy, Đồng đi tiếp - kiến Ngô Tương, hỏi rằng: « Túc - hạ làm quan võ, tóm lại có biết ai là người xứng - đáng được lương-tài không? Túc-hạ bất-phương cứ bảo thực cho, sự này là tôi với túc-hạ vì quốc-gia công-sự, xin túc-hạ đừng tị hiềm-nghĩ. » — Ngô Tương nói rằng: « Các-hạ đã có lời hỏi ấy, tiểu-dê chẳng dám chẳng thừa; cứ tiểu-dê biết ra thì biết con chẳng ai bằng cha; nay muốn kén người vũ-dũng tướng - tài, thì đệ-nhất là thằng con tôi Ngô Tam-Quế đấy thôi. » — Đồng nói rằng: « Túc-hạ có con như thế, xin chúc mừng cho túc-hạ, tôi phen này quyết-định tuyển-cử lệnh-lang, sự đó là vì quốc-gia kén chọn nhân-tài, không phải là vì túc-hạ làm phú-quí cho gia-môn đâu. » Đồng nói xong, liền đi. Đến kỳ thi xong, mấy nghìn người đi thi đều gấp-nghé phóng-bảng; kịp đến ngày phóng-bảng, thì người đỗ đầu là con quan đề-đốc Kinh-thành tên Ngô Tam-Quế, ai nấy đều kinh-ngạc. Ngô Tương gọi Tam-Quế răn bảo rằng: « May ngày nay may mà giạt giải khỏi-nguyên, là vì quan Đồng thượng-thư lưu-ý đề-huê mới được thế, cũng là vì quan Đồng-thượng-thư hỏi đến ta có biết ai là người xứng - tài tướng-súy, cho nên ta vin cái nghĩa nội-cử bất-tị-thân ở ngày xưa, mà ta lực-tiến may; nay đã được tuyển-cử, may nên từ đây phấn-phát, trên báo-đền cho quốc-gia, dưới quang-dại cho môn-hộ, cho khỏi hổ thẹn kẻ làm tôi làm con. » — Tam-Quế nói rằng: « Cha cũng là quá lo xa, hiện nay quốc-gia đa-sự, phạm kẻ có tài, ai là chẳng tự mình phát-hiện ra được; con chẳng lo gì không có ngày xuất-lộ đầu-giốc; nếu còn phải

bằng-tạ chút gì của ai, thì là kẻ tầm-thường nhỏ-nhất, há đủ kê chi. » Ngô Tương nghe Tam-Quế nói, đã lấy làm không phải là khẩu-khi người con trung-hiếu; nhưng cũng khen là có chí-khi hơn người, nhân cũng mướn phân hoan-hỉ; liền sai Tam-Quế đi bài-yết Đồng Kỳ - Xương, nhận làm nghĩa thầy trò. Đồng lại vì Tam-Quế tấu-dâng bảo-chứng cho làm chức đô-đốc-phủ chỉ-huy-sứ.

Triều Minh lúc ấy, cục-diện đông-phương đối với Mãn-châu, một ngày một kíp, hằng ngày tiếp cảnh-báo. Triều-đình sai một viên tướng-quân là Mao Văn-Long làm chức Bình-Liêu tổng-binh, đem quân ra Sơn-hải-quan trừ-hoạch sự biên-bị. Đồng với Mao vốn có nghĩa hôn-nhân thân thuộc, Đồng nghe Mao sắp-sửa lĩnh binh xuất-quar, liền đón Mao đến phủ, đem lời ưu-ái nói rằng: « Nay quốc-gia nạn, biên-sự ngày nguy; các quan trong triều, chỉ biết xu-phụ kẻ hoạn-quan, mong được thăng-quan tiến-chức, a-dua bè-đảng, che mắt triều-đình. Tôi sợ rằng hàng ngày cầu-thả yến-an, thì quân giặc nó đã tràn qua Tráng-thành mà vào đến nước rồi. Nay tướng-quân thụ-mệnh đốc-sứ, làm chức Bình-Liêu, nhiệm-dại trách-trọng, chắc có thể vì quốc-gia tuyên-lực, khiến xã-tắc được yên-tuyên. Nhưng chẳng biết tướng-hạ của tướng-quân đã có nhiều kẻ dũng-sĩ đặc-lực đấy hay chưa? » — Mao Văn-Long nói rằng: « Tiểu-dê chính lo về sự ấy, vì nhân-tài khó lắm. Nếu các-hạ biết kẻ nào là kẻ nhân-tài giúp cho tiểu-dê được, thì lại xin các-hạ tiến-cử cho, đề sau này thu lấy cái hiệu-quả đặc-nhân, thì may lắm. » — Đồng nói rằng: « Sự tiến-cử người, vốn không phải là sự dễ, tôi chỉ thấy có một người là Ngô Tam-Quế, chí-khi bất-phàm, vũ-dũng xuất-chúng, túc-hạ nên tấu-thỉnh triều-đình điều-bát Tam-Quế cùng đi xuất-quan, đề

cùng trợ-lực, tướng Tam Quế bắt-phu tôi sở-tiến đầu. » — Mao nói rằng : « Tiêu-dê cũng nghe tiếng người ấy đã lâu, người ấy là con quan đề-dốc Ngô, hiện sung-chức đô-dốc-phủ chỉ-huy-sứ, còn chưa lấy làm xứng-tâm, tôi phen này xin trọng - dụng người ấy. » Mao nói xong, liền cáo-từ ra đi, nhất - diện tấu - thỉnh với triều - đình, nhất-diện cáo-tri với Ngô Tương, xin Tam-Quế xuất-quan trợ-lực. Ngô Tương đương muốn con vi quốc-gia hiệu-lực, cả lấy làm hoan-hỉ, lập - tức sai Tam-Quế đi yết-kiến Mao-súy. Tam-Quế cũng nghe Mao-súy vời mình xuất-quan, liền hân-hạnh ra đi, tức-khắc cầm bức thư của bố vào yết-kiến Mao Văn-Long. Mao nghe Tam-Quế đã đến, lập-tức đón vào. Tam - Quế tiếp - kiến Văn-Long, bất-giác mồ - hôi chảy ra như mưa. Mao hỏi rằng : « Bản-súy lấy chỉ - thành dãi túc - hạ, sao túc - hạ lại sợ - hãi như thế ? » — Tam-Quế nói rằng : « Tôi vốn lai - vãng đất Kinh - tân, xem người đã nhiều, trong mắt toàn là gã lục-lục, chưa thấy ai như quan đô - đốc khi - tượng oai - nghiêm, con người sáng quắc, chiếu ra bốn bên, khiến người sợ-hãi. » — Mao nghĩ bụng rằng người này mục-vô thiên-hạ-sĩ, một khi tiếp-sợ ta, ta tất dùng được. — Tam-Quế lại tiến nói rằng : « Tôi nghe quan đô-dốc phụng-mệnh xuất - quan, mà chẳng cho tôi làm bí-lậu, khiến cho làm kẻ truy-tù ở dưới trướng, tôi này thực vô-cùng cảm-khích, chỉ sợ tôi tài hèn, không đủ cho quan đô-dốc sai-khiến. » — Mao cười nói rằng : « Túc-hạ bắt-tắt quá-khiêm, mỗ tuy có nghe đại - danh túc - hạ, nhưng thực là nhãng-quên mất túc - hạ, vì có quan Đồng thượng-thư đề-khởi đến túc-hạ, đem túc-hạ tiến-cử cho tôi cho nên phen này tôi cố thỉnh với túc-hạ cùng ra trợ-lực. Từ nay về sau, tôi đối với túc-hạ, coi như nghĩa chú cháu, nhất-thiết quan-vụ, cùng túc-hạ cùng

nghe cùng làm. Duy chẳng biết túc-hạ lại còn thấy có nhân vật nào khả dĩ vì quốc - gia xuất - lực được đấy không, túc-hạ bắt - phụng cứ lực-tiến. » — Tam - Quế nghe nói, mới biết rằng cái thân-danh mình là do tự quan Đồng thượng-thư tiến-cử lên, khôn xiết kính-cảm, liền đáp rằng : « Tôi này nếu không quan Đồng thượng-thư sao được có ngày nay. Đến như sự tiến người thì tôi cũng biết có hai người, một người là Tào Biến-Giao, có can-dõm tri-lực, giỏi nghề kị-xạ, hiện nay lưu-lạc ở đất Liêu-dông ; một người là Bạch Ngô-Đạo, là người đồng-bằng khoa vũ-cử với tôi, tôi thực biết là người tài, tôi chỉ biết hai người ấy thôi, ngoài ra thì tôi không dám tiến can. » Mao Văn-Long cả hân-hạnh, nhất-diện sai Tam-Quế viết thư đến Liêu-dông mời Tào Biến-Giao, nhất-diện sai người đi thỉnh Bạch Ngô-Đạo, tức-khắc diêm-duyet các số xuất-quan nhân-mã, tấu-thỉnh Sùng-trinh-đế, chọn ngày xuất-quan. Cách mấy ngày, Gào với Bạch đều đến, Mao Văn-Long cả mừng.

Lúc ấy bộ-hạ Mao Văn-Long, đã có Khổng Hữu-Đức và Cảnh Trọng-Minh với Thượng Chi-Tin, đều là kẻ vũ-dũng hơn người, mới đây lại được có Ngô Tam-Quế, Tào Biến Giao, Bạch Ngô-Đạo, cả thảy là sáu người, cho nên trong quân Mao-súy khi ấy, binh thuận là tinh-binh, tướng thuần là dũng-tướng. Mao Văn-Long lại tuyền Ngô Tam-Quế, Thượng Chi-Tin, Khổng Hữu-Đức, Cảnh-Trọng-Minh, làm bốn viên đại-tướng, tức-khắc suất-lĩnh bản-bộ nhân-mã, đến Liêu-tây trước, để thăm-xét địa-hình. Mao liền cùng các bộ-tướng thượng-nghe rằng : « Đất Liêu-tây là chỗ vãng-lai yếu-đạo, nay ta đắp lên bức thành, kỳ cho hiểm trở kiên-cố, lại lấy trọng-binh đồn giữ ở nơi đó, giặc Hồ tuy có quân tinh kỳ mười vạn, cũng không thể bay qua

được. Cờ-nhân đã từng nói năng-thủ rồi mới năng-chiến. Ngày trước quân ta vì khinh-cử vận-dộng, đến nỗi hai mươi vạn hùng binh đại-bại ở Phủ-thuận, thực đáng tiếc thay ! Nay ta quan-sát phần hiểm-yếu đất Liêu-tây, toàn-tại nơi Bi-đảo, nơi ấy mặt kề đại-hải, lưng gối cao-sơn, dằng trước khả-dĩ ngăn được thủy-quân của giặc nó tiến, dằng sau khả-dĩ trở được lục-quân của giặc nó lại. Ta kinh-lý nơi ấy được hoàn-thiện kiên-cố thì tự-nhiên khả-dĩ chử được tử-mệnh quân giặc. Quốc-gia nếu tin-dùng bản-sứ, đồn-giữ đất ấy, chừng độ năm năm, duỡng-tinh súc-nhuệ, thì sự phá tan quân giặc, dám quả-quyết vậy. » Các bộ-tướng nghe nói, đều vỗ tay khen rằng : « Nguyên-sứ thực là thần-toán thay ! » Mao Văn-Long liền sai Khổng, Cảnh, Thượng, Ngô, Bạch, năm viên tổng-binh chia lĩnh quân bản-bộ, đại-khởi thổ-công, kinh-doanh Bi-đảo, trải có hơn nửa năm, công-dịch mới cáo-thành. Quả-nhiên đem một tòa Bi-đảo, kinh-doanh được kiên-cố hoàn-toàn, dằng đông liền đất Lữ-thuận, dằng tây tiếp cửa Du-quan, liên-tiếp vài mươi dặm, đều mười phần hùng-tráng.

Mao Văn-Long kinh-doanh Bi-đảo xong, tức-khắc đem tinh-hình kinh-lý tấu-báo triều-dinh. Trong triều-dinh trên tự Sùng-trinh-đế, dưới đến bách-quan, cả lấy làm hoan-hỉ. Duy có viên Lê-bộ thượng-thư là Đồng Kỳ-Xương tỏ ra ý lo-lắng mà xuất-ban tấu rằng : « Mao Văn-Long là người vũ-dũng hữu-dư mà khiêm-nhượng bất-túc, sợ rằng không cảm-chịu những điều thúc-phộc của vãn-thần, không khỏi vãn-thần họ ghen-ghét. Vả lại cái tính con nhà quân xua nay, vốn quen thô-suất, không chịu được những lối hà-khắc của vãn-thần. Bệ-hạ nên dảng lời thủ-du, nhất-diện tướng-khen Mao, nhất-diện lại răn bảo cho Mao, khiến Mao

được cố-gắng làm bậc danh-tướng, thì thực là hạnh-phúc của quốc-gia. » Sùng-trinh-đế thâm-trầm nghĩ-ngợi, rất lấy làm phải. Quả-nhiên Mao Văn-Long ở đất Liêu-tây vài năm, giặc Mãn-Lông hơi không dám xâm-phạm bờ cõi, hoặc hơi có chút gì nhiễu-loạn, thì đều bị quân Mao binh-dịnh được yên ngay. Cõi đông-bắc nhà Đại-Minh bấy giờ thực là nhờ có Mao Văn-Long, mà trong mấy năm được yên-tĩnh, không chút gì cảnh-báo. Hay dầu người Mãn khi ấy lại có mưu sâu, chỉ hàng ngày tìm phương-pháp cầu thân-thiện với nhà Minh. Quan triều Minh khi ấy phần nhiều chìm-dắm về sự yên-an, chốn biên-cương đã được bình-tĩnh, thì quen-nhãng sự lo xa, tự trên chỉ dưới, hối-lộ công-hành. Người Mãn đã đứng về phương-diện hòa-hiếu không khỏi thời-thường đem của tư-thông giao-kết với các quan trong triều, và kể ra những điều Mao-sứ liền năm ở Liêu-tây tham-lam tàn-ác. Quan triều Minh có nhiều kẻ ăn của hối-lộ của người Mãn, đều nói rằng Mao Văn-Long hay khiêu-dộng biên-hấn. Lúc ấy Sùng-trinh-đế lên ngôi mới được ít lâu, triều-thần có nhiều kẻ gièm-pha tấu-báo rằng Mao Văn-Long cầm binh ở ngoài lâu ngày, thiện-tiện tác-uy tác-phúc, thực là khá lo. Sùng-trinh-đế gạt đi không nghe mà nói rằng : « Tự khi hai-mươi vạn đại-binh của Dương Cảo đại-bại ở Phủ-thuận, tự đấy chốn biên-thùy không năm nào được yên; kịp khi được Mao Văn-Long trước sau vài năm, đều không có lo về sự phong-hỏa; Văn-Long đáng là kẻ trợ-thạch cho quốc-gia, trẫm sao nữ truất Văn-Long. » Duy triều-thần thì đều cho rằng Mao Văn-Long ở ngoài chuyên-quyền là khá lo, hàng ngày ở trước mặt Sùng-trinh-đế tặc-tấu mãi. Sùng-trinh-đế là người có thông-minh mà không có quyết-đoán, mới phát-chi-dụ giao cho viên Liêu-Kế tổng-dốc

kinh-lược-sứ là Vương Chi-Thần tra xét sự Mao Văn-Long cử-dộng. Điều ấy thực là Sùng-trinh-để làm to. Vì Vương là kẻ văn-thần mà cầm quyền tiết-chế, bình-nhật vẫn ghét Mao không chịu giữ cái lễ thuộc-viên, thường bảo Mao cậy công khinh mình, cho nên vẫn giận Mao thâm-nhập cốt-lủy; kịp khi được lệnh tra-xét, liền thương-sớ cố sức hặc-tội Mao Văn-Long là kẻ bất-pháp. Khi đạo sớ của Vương đến Kinh, triều-thần lại càng nhiều người nhao-nhao gièm-pha chỉ-nghị. Sùng-trinh-để cũng đem lòng hoài-nghĩ, nhưng lại tìm phương-pháp điều-dinh, cho rằng Vương với Mao hoặc có hiềm-khích gì với nhau, muốn trừ lấy một phương-pháp lưỡng-toàn, kén lấy một viên tài-giỏi khác, ra đốc-sư Liêu Kế, để giám-sát Mao-sứ, mà trừ Vương-Chi-Thần về. Sùng-trinh-để nghĩ đi nghĩ lại, thực khó được người. Hốt-nhiên nghĩ đến một người là Viên Sùng-Hoán, Viên khi làm binh-bộ thượng-thư, đã hiển-trứ năng-danh; từng nhiệm chức Liêu Kế tông-dốc, vì không chịu a-dua với đảng hoạn-quan, hiện đã bị lạc-chức về nhà, không can-thiệp gì đến các bè-dã ở trong triều; vả lại Viên là người độc-thư minh-lý, tất biết quốc-gia đại-thể, cùng Mao-sứ cộng-sự được. Tức-khắc giáng một đạo cần-thiết chỉ-dụ, đặc-mệnh Viên Sùng-Hoán làm chức trọng-thần đốc-sư, thay Vương Chi-Thần ra Liêu Kế, cùng Mao Văn-Long thỏa-hiệp biện-lý.

Viên phụng-chỉ vào triều, diện-tấu rằng: « Tôi là kẻ nho-thần, khó giá-ngự được vũ-viên; vả tính quen ngu-chuyết, không chiều được kẻ quyền-quĩ ở trong triều, sợ rằng dẫu đi kinh-lược Liêu Kế, cũng vô-ích với đại-cục, xin hệ-hạ kén kẻ hiền-năng khác, để long-trọng chức-trách. » — Sùng-trinh-để nghe tấu, liền nói rằng: « Sự ngoài biên-cảnh nhất-thiết uỷ cho nhà người, quyết không lời gièm-pha nào

li-gián được. Nếu sợ bọn vũ-viên chẳng phục-tòng, thì trẫm lấy thanh kiếm thượng-phương của trẫm trao cho nhà người, thẳng-hoặc có kẻ chẳng phục-tòng mệnh-lệnh thì nhà người có thể cứ chém đầu đi. Nhà người vốn là người độc-thư minh-lý, phạm sự nên nghĩ sâu-xa không nên tháo-thứ. » Ý Sùng-trinh-để lúc ấy, là muốn long-trọng chức-quyền cho Viên Sùng-Hoán, nguyên không phải là có ý giết Mao Văn-Long; vẫn mong Viên Mao đồng-tâm hiệp-lực, làm bức trảng-thành. Viên là người tuy có tài-lược can-đảm, nhưng không khỏi cái bệnh tự-phụ thái-quá, mà cũng không khỏi là người ngu, không hiểu ý Sùng-trinh-để. Viên phụng kiếm ấn xuất-quan, các viên văn-vũ đại-hân chen vai đi tiên-tống; kẻ đại-thần khi ấy quá nửa là người đã từng ăn hối-lộ của người Mãn, cho nên phần nhiều người hết sức chỉ-nghị Mao Văn-Long, mà thỉnh rằng liệu khép Văn-Long vào trọng-diễn mà trừ đi. Chỉ có Đồng Kỳ-Xương tiến nói rằng: « Đệ này chẳng tị hiềm-nghĩ, xin vì quan đốc-sư gửi mấy lời. Mao Văn-Long tuy là kẻ vũ-phu dũng-hãn, song-le vì nước mà dùng người nên bảo-toàn lấy viên hồ-tướng, để dự-bị khi hoãn-cấp; giặc ngoài thì lớn, kẻ sàm-nịnh ở trong thì nhiều; đốc-sư tuy có tài-năng, nhưng e cái ngôi quan đốc-sư cũng chẳng được lâu dài; khéo mà chẳng lưỡng-hồ câu-thương, lưỡng-tài câu-tận, thì quốc-gia nguy-vong đây. » Đồng nói xong, cả phát-khốc hu-hu, rồi vội-vàng trở đi về. Viên nghe lời Đồng và thấy thái-trạng Đồng, dường như cũng động-tâm. Dạy các đại-thần thì đều đua nhau chỉ-trích Đồng, cho Đồng là tư-ý với Mao. Nhân thế cai chỉ giết Mao Văn-Long của Viên mới quyết. Viên đến Liêu Kế, hết sức đối với các thuộc-viên, hỏi xét tội ác Mao Văn-Long. Nguyên-lai Mao là người tuy dũng-khien phi-

thường, nhưng lại là người kiêu-căng xa-xỉ, đối với Liêu-dân, không khỏi có nhiều sự khắc-bạc tàn-nhân. Khi ấy các thuộc-viên đều tranh nhau bày tỏ tội-trạng Vãn - Long, chỉ có viên Từ-Doãn-Anh tiến-ngôn rằng : « Vãn-Long tuy có cái tội nên giết, nhưng ngày nay không phải là cái thời nên giết Vãn-Long. » Doãn - Anh nói xong hai lời ấy, liền đi trở ra, bảo kẻ tả-hữu rằng : « Mao Vãn-Long tất chết, vì khi mỗ tiến-ngôn, thì nhan - sắc quan đốc-sư không thấy chuyển-hồi, mà lại cho rằng tuy không có Mao Vãn - Long, tự mình cũng khả-dĩ chế được cường-dịch. » Kẻ tả-hữu nói rằng : « Sao tức-hạ không cố can đốc-sư ? » Doãn-Anh nói rằng : « Thế cũng khó lắm ! Viên đốc-sư vốn là con nhà độc-thư, nhưng chỉ có chấp-lý, mà không có dat-quyền ; nếu có kẻ chuyên-quyền kháng-mệnh thì sao hay nhân-nại bao-dung được ; vì thế biết rằng Mao Vãn-Long tất chết. » Viên Sùng-Hoán khi ấy, đã quyết-ý trừ-khử Mao Vãn-Long, tức - khắc truyền - lệnh mượn tiếng đi diêm-duyet quân-binh, rồi thuyền đến Song-đảo, lura khi Mao Vãn-Long bất-ý, bắt mà giết đi, tự cho rằng là vì triều - đình trừ - khử kẻ cường-hãn.

Viên Sùng Hoán chủ-ý đã định, tức-khắc diêm-tề bản-bộ thân-binh, và mấy viên kiện-tướng đi hộ-vệ ; trong khi trang-sức đồ quân-phục, ngoài thì mặc phủ xiêm áo quan văn, mình thì đeo thanh thượng-phương bảo - kiếm ; mượn tiếng đi duyệt-binh, thẳng trở miền Song - đảo tiến-phát. Lúc ấy vì có gió to, bề Liêu rộng dài, ba - đảo chấn-động, thuyền chửa đi lên được. Viên hạ-lệnh hăng tạm-trú ở Tùng-tử-cảng, cùng kẻ tả - hữu bí-mật thương-nghị. Viên nói rằng : « Ta phen này thực là vị quốc-gia, kẻ không biết ta thì bảo rằng ta giết mất một viên đại-tướng của quốc-gia, kẻ biết ta thì bảo

rằng ta trừ được một kẻ tội-thần của quốc-gia. » Mọi người đều ngần-ngại rằng Mao Vãn-Long nếu chết, thì quân giặc tất tung-hoành. Viên thì khăng-khăng quả-quyết rằng : « Sau khi Vãn-Long chết, bản-chức xin đem tinh-mệnh để báo quốc-gia chỉ mong các người hết sức bang-trợ mà thôi. » Kẻ tả-hữu đều nin-lặng mà từ-từ nói rằng : « Vãn-Long trong tay cầm mười vạn quân đóng ở Bi-đảo, tất không chịu bỏ tay đợi chết, quan đốc-sư chẳng nên không thiết-kế phòng-bị. » Viên nói rằng : « Tôi đây kế-hoạch đã định rồi, chẳng phiền các người phải lo ngại. » Nói xong, liền sai một viên trước hăng đến chỗ Vãn-Long đem cái thời-kỳ hội-hợp duyệt-binh báo cho Vãn-Long biết và chỉ-ký thì diệm-thương quân chính một thể. Mao vốn không ngờ Viên có chỉ gi khác, lập-tức phúc-thư tỏ lời hoan-nghênh, đình-dịnh thời-kỳ tương-hội. Đến ngày thứ hai, gió tạnh sóng êm, Viên liền giương buồm thẳng neo tiến Bi-đảo. Viên kinh-qua các đảo đều lên bộ xem xét hình-thể ; biết rằng Mao Vãn-Long bố-tri cũng được tinh-mật hoàn-thiện, trong tâm đã trừ-trừ nghĩ rằng Mao kinh-doanh biên-bị, cũng có điều-lý hãn-hoi ; nếu người ấy biết cức-cung tận-tụy giữ lễ-tiết kẻ làm tội, thì cũng là một hạng nhân-tài không thể thiếu được ; chỉ tiếc cho người ấy tính-tình cường - hãn, miệt - thị kỳ-cương, tàn-sát Liêu - dân, tội đến không thể tha được ; ngày nay giết đi, thực cũng khá tiếc. Song chỉ Viên đã quyết, chưa dễ chuyển-hồi. Khi Mao nghe Viên sắp-sửa tới Bi-đảo mà có gió to, Mao sai viên bộ-tướng là Doãn Kế-Kha đem bốn mươi tám chiếc thuyền đón đường lại nghênh-tiếp, tỏ ý long-trọng. Thuyền-đội khai-hành, ước hơn mười hải-lý tới Bi-đảo. Mao phi một chiếc khoái-thuyền lại nghênh-tiếp. Viên lên bờ, ước với Mao ngày mai làm lễ hội-kiến ở trong quân Mao.

Khi hội-kiến, Viên Mao cùng làm lễ giao-bái, rồi chia ghế tân-chủ ngồi. Viên nói rằng : « Việc Liêu-đông ngày nay, chỉ bản-chức với qui-trấn hai người, tất cùng nhau đồng-tâm công-sự, mới thành-công được ; bản-chức lịch-duyệt hiểm trở lại đây, nguyên muốn cùng với qui-trấn hội-thương quân-quốc đại-sự » — Mao nói rằng : « Bản-trấn ở hải-ngoại vài năm, may mà khỏi được dịch-hoạn, vậy cũng có ít nhiều công-lao ; chỉ vì trong triều nhiều kẻ tiểu-nhân sàm-báng làm trở-ngạnh, đề nổi tiền lương thiếu-thốn, cho nên chẳng xứng được bản-tâm ; nhưng bản-trấn đại-chiến tiêu-chiến mấy trăm trận, chưa từng chút có tảo-chiết trận nào ; nay quân Hồ-lỗ đã chẳng dám nghếch mắt trông sang thiên-triều, điều đó thì bản-trấn cũng tạm lấy làm yên-ủi ; nếu qui-chức lại có mưu hay gì nữa, thì bản-trấn cũng xin kính nghe. » Viên nghe Mao nói, đã lấy làm giận lắm, cho là cái lời khoe công cậy mạnh của kẻ vũ-phu, không phải là cái lời khiêm-nhã của kẻ đồng-tâm đồng-đức. Nhưng Viên lại cố làm ra nét mặt vui-vẻ, đứng dậy nắm lấy tay Mao, rồi hai người đi sánh vai nhau ra ngoài chỗ quân-doanh, ngắm xét binh-thế các đảo. Viên nhân ước với Mao ngày hôm sau cùng làm cuộc đi săn-bắn. Mao lại hân-hạnh thuận-nguyện đi. Mao y-ước đến làm lễ tiếp-kiến Viên, rồi mới cùng đi săn-bắn. Viên tức-khắc mật-truyền hiệu-lệnh, đem quân thân-binh bốn mặt vây lại, dường như trạng-thái đi hộ-vệ cho Mao. Tướng-hiệu và thân-binh của Viên, cộng có hơn một trăm người, vây bọc cả lại xung-quanh. Trong vòng vây thì chỉ có hai cái ghế ngồi, với hai cái án-phê để dàn mặt, cách nhau độ sáu bảy bước chân, Viên với Mao ngồi đối-tọa. Viên bắt đầu khai-ngôn quân-sự mấy câu, liền lộ thanh thượng-phương bảo-kiếm ra cầm ở trên tay. Chư-quân Mao ở

ngoài vòng vây trông thấy thanh kiếm biết rằng là thanh kiếm của Sùng-trinh hoàng-đế đặc-mệnh lại đây, người nào người ấy đều thất-sắc. Viên kể tội Mao rằng : « Nhà ngươi sao dám khi-mạn đấng bề-trên, sao dám sát-hại dân Liêu, sao dám tàn - phá nước Cao-ly, sao dám biến-đổi họ người mà từ-tính là họ Mao, tướng-hiệu trong quân quá nửa họ Mao, tội nhà ngươi lớn lắm đấy ; bản-chức nay phụng-lệnh đấng thiên-tử, ra chinh - tội nhà ngươi. » — Mao cãi rằng : « Điều gì là bản-trấn khi-mạn đấng bề-trên ; dân Liêu thông với giặc vào ăn cướp, bản-trấn có giết, nước Cao-ly giúp giặc đẩy quân, bản-trấn có phá ; đến như đổi tên họ người, chẳng qua buộc lòng kẻ tướng-sĩ, mong lấy đặc-lực, nếu lấy điều ấy trách bản - trấn, thì bản-trấn cũng xin nhận tội. » — Viên nói rằng : « Triều-đình có lắm người thương-sớ hặc-tội nhà ngươi, há toàn là vu cả. » — Mao nói rằng : « Có quả như thế, thì bản-trấn xin về tận kinh, cùng qui-chức đối-chất. » Viên cả phát-nộ nói rằng : « Nhà ngươi khi-man triều-đình thì được, chứ kháng-cự với bản-chức được dư ? » Viên nói xong, liền vây trở kẻ tả-hữu, bắt Mao Văn-Long trôi lại. Lúc ấy có một viên bộ-tướng của Mao là Mao Vĩnh-Nghĩa tiến nói rằng : « Ngày xưa nước Sở giết người Đắc-Thần mà nước Tấn mừng, nước Tần để sống người Mạnh-Minh mà nước Tấn sợ ; nay triều-đình nếu giết Mao-súy, giặc Mãn nghe tiếng tất vô tay mà mừng ; xin quan đốc-sư vì đại-cục nghĩ lại một chút. » — Viên nói rằng : « Các người chỉ biết ta là kẻ thù-sinh, nhưng chẳng biết ta là người thủ-tướng ; ta nếu chẳng khôi-phục được đất Liêu-đông, thì xin đem tính-mệnh ta mà dền. » Nói xong, liền hướng về phía tây khấu-dầu thỉnh thiên-tử-mệnh, tức khắc sai đem Mao Văn-Long chém lấy

đầu; đem đầu Văn-Long ra ngoài quân-trướng, hiệu-lệnh quân-sĩ. Lúc ấy bộ-hạ quân Văn-Long nhân-tâm xôn-xao đều vì Văn-Long tỏ ý bất-bình. Viên giết Văn-Long xong, liền đem đầu xác Văn-Long sai tống-tàng cực hậu, tự mình thân-hành đi điện-tế Văn-Long, và bảo các tướng-sĩ rằng: « Giết Văn-

Long, đó là pháp-luật quốc-gia, tế Văn-Long đó là tinh-nghĩa đồng-sự; vả chi giết Mao Văn-Long một người mà thôi, chư-quân đều không trách hỏi gì cả. » Viên nói thế để an-ủi quân-tâm.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch

## VĂN-UYÊN

### THƠ VĂN CÔ

#### 43. — Qua trên sông (1)

I

Bốn mươi thêm bảy tóc râu này,  
Nhiều đại sao mà ít chuyện hay;  
Phỉ chí lang-bồng nay gặp hội,  
Nên thân bình-trị đã tươi mây;  
Tài không trước núi hùm ra vuốt,  
Chi chẳng trong ao cá dẫu vây;  
Vân chắc lòng trời ra kẻ phải,  
Cánh hồng được gió sẽ rờng mây.

II

Ào-võ-canh đông diềm khắc dài,  
Một đèn một sách một mình ngồi;  
Sợ ngẫm hế-sự mờ-hôi mười,  
Thương trộm nhân tình nước mắt rơi;  
Có biết nhục-vinh là chuyện lớn,  
Mới rằng hào-kiệt đứng trên đời;  
Hãy xem thành bắc trăm năm trước,  
Cột đá dòng sông vẫn có người.

#### 44. — Họa thơ ông Liên Phong

Cùng khi non sông cũng thơ trời,  
Có tại mắt ấy há rằng chơi;

Coi qua mệnh-phận còn nghĩ chút,  
Nói đến tài-hoa hẳn chắc mười;  
Một hội tang-bồng nào ít mặt,  
Nghìn thu dài-các được bao người;  
Gương soi râu tóc còn xanh nữa,  
Cái nợ nam-nhi có chịu ai.

#### 45. — Chơi chùa Bàu

Một bầu trăng gió vẫn xưa nay,  
Con tạo nhân đâu khéo đặt bày;  
Dựng vách mấy lầng non chắn sóng,  
Phẳng tờ một giải nước lồng mây.  
Giắt người phú-qut trên givòng cột,  
Ghi chuyện hưng vong trước cổ cây;  
Lại cảnh Liên-đàm thêm bát-ngát,  
Dù không chén chiuốc cũng rằng say.

#### 46. — Đưa cho ông Lân-Phu

Ai cũng sinh ra dưới phú-bờn,  
Chớ khoe rằng quý với rằng khôn;  
Có tiền thì rái không tiền vịch,  
Được thế là rờng mất thế giun;  
Chỉ trở ngôi sao đoàn đũa xâm,  
Khen chê đám hội lũ chân lùn;  
Bung mình đã chắc tin mình chữa,  
Có lúc phồng ra có lúc chun.

(1) Xem N.-P. từ số 117, Xuyên-ngọc-hầu thi-văn tập.

47. — **Viếng cái thây phơi ở  
bờ sông.**

Uầy người nam-tử ở đâu ta,  
Duyên có làm sao đến nỗi mà ?  
Gan mặt khá soi cùng nhật-nguyệt,  
Tóc râu không thẹn với giang-hà;  
Mấy phen tang - hải còn tro đó,  
Trăm trận phong-sương đã trải qua ;  
Mới tỏ anh-hùng gân sức ấy,  
Cũng dường là quỉ cũng dường ma.

48. — **Vịnh đèn.**

Lờ-mờ đóm được được bao nhiêu,  
Sáng vặc như đèn mới khá yêu ;  
Chói-lọi trên cây lòng bác dãi,  
Rõ-ràng đầu ngọn cánh hoa thêu ;  
Năm canh soi tỏ lòng văn-sĩ,  
Chín bệ xem vui thuở trị triều ;  
Chờ lấy có trăng mà nữ phụ,  
Nhưng đèn muốn sáng phải nắng khêu.

49. — **Khai bút năm kỷ-sửu.**

Ngày Nghiêu tháng Thuận hãy dài lâu,  
Nói với anh em chớ để nhau ;  
Kia chuyện Ban-Siêu con ném bút,

Nọ thơ Tư Mã lúc đề cầu ;  
Rồng mây hội trước là duyên cả,  
Xe ngựa đường nay có hẹp đầu ;  
Năm mới xông nhà xuân chật ních,  
Trăm hoa mừng thấy nở-nang sau.

50. — **Ngày xuân có cảm.**

Thăm-thoắt thời oanh đã nửa trăm,  
Giường soi mái tóc mới hoa dâm ;  
Mỗi năm mỗi trẻ xuân thiên-địa,  
Càng tuổi càng già chuyện cỗi-câm ;  
Sẵn có trời che cùng đất chở,  
Bận gì rượu chước với thơ ngâm ;  
Một nhà hãy tỏ phương từ hiểu,  
Chung-đỉnh còn nhiều chớ vội lăm.

51. — **Ngày xuân qua trên sông.**

Một năm một tết vốn lần lần,  
Bày đặt theo chi thói thế-nhân ;  
Chẳng mã mới mới rành lưng bồ-tổ,  
Không nêu cho tỏ mặt tinh-thần ;  
Pháo nhiều sợ đen mùa đương quả,  
Rượu lắm e say đứng chửa xuân ;  
Chỉ có văn-chương là của sẵn,  
Một thơ khai-bút đủ năm vần.

**Dịch bài « Chức-cảm hồi-văn » của nàng Tô-Huệ (1)**

Quân thừa hoàng-chiều an biên thú,  
Tổng quân tổng biệt hà kiều lộ ;  
Làm bi yếm lệ tặng quân ngôn,  
Mạc vong ân-tình tiễn tràng khừ.

Hà kỹ nhất khứ âm tín đoạn,  
Ưc thiệp bình-vi xuân bất hoãn ;  
Quyển giao giai hạ bích dài sinh,  
Tuyển châu tri đới hồng trần mãn.

Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn,  
Tương tâm hà xứ cánh phùng quân ;  
Nhất tâm nguyện tác sương-hải nguyệt,  
Nhất tâm nguyện tác linh đầu ván.

Chàng vâng hoàng-chiều ra ngoài thú,  
Đưa chàng-mới biệt bên cầu nọ ;  
Ran tay nuốt lệ chúc chàng đi,  
Xiết bao ân-tình nguyện còn nhớ.

Mà nay một vắng âm tín chậm,  
Thiếp ở bình-vi xuân chẳng ấm ;  
Rêu xanh mọc cả trước thềm hoa,  
Bụi hồng bám khắp trong màn gấm.

Nhớ khi chia-rẽ lại kinh-hồn,  
Mong chàng mòn-mỏi tác lòng son ;  
Một lòng nguyện hóa trăng bề biếc,  
Một lòng nguyện hóa khói đầu non.

(1) Nguyên-văn chữ nhỏ, xem N.-P. số 229 trang 514-515.

Linh vân tuế tuế phùng phu diện,  
Hải-nguyệt niên niên chiếu đặc biên;  
Phi lai phi khứ đảo quân bàng,  
Thiên lý vạn lý dao trương kiến

Thiều thiều lộ viễn quan sơn cách,  
Hận quân tái ngoại tràng vì khách ;  
Khứ-thời tổng biệt lư điệp hoàng,  
Thùy tin kỹ kính mai hoa bạch.

Bách hoa tán loạn phùng xuân lão,  
Xuân ý thôi nhân hướng thùy đạo ;  
Thùy dương mãn địa vị quân phan,  
Lạc hoa mãn địa vô nhân lão .

Đình tiền xuân thảo chính phân phương,  
Bão đặc Tần tranh hướng khồn đường ;  
Vị quân đàn đặc Giang-nam khúc,  
Phụ ký tình thâm đảo Sóc-phương.

Sóc-phương thiều đệ sơn hà việt,  
Nhạn tin âm thư trường đoạn tuyết ;  
Ngân trang trăm thượng lệ chiêm y,  
Kim lũ la thường hoa giai liệt.

Tam xuân minh nhạn động giang thanh,  
Thử thị lý nhân đoạn-trường tình ;  
Tranh huyền vị đoạn trường tiên đoạn,  
Oán kết tiên thành khúc vị thành.

Quán kim ức thiếp trọng như san,  
Thiếp diệp tư quân bất tạm nhân ;  
Chức trọng nhất bản hiển thiên-tử,  
Nguyễn phóng nhi phu cấp tảo hoàn.

Mây non tháng tháng còn trông thấy,  
Trăng bề năm năm chiếu cõi ngoài ;  
Bay đi bay lại gặp chàng luôn,  
Nghìn dặm vạn dặm soi nơi ấy.

Thả n xa ái núi nom mờ-mịt,  
Giận chàng ở mãi ngoài xa-tít ;  
Khi đi chỉ thấy lư-diệp vàng,  
Giờ đã cánh mai rơi hồ hết.

Hoa rơi tán-loạn vì xuân sớm,  
Xuân ý sao đây gheo người góm ;  
Vị chàng rụng khắp lá thùy-dương,  
Lá dương khắp đất không người lượm.

Sân ngoài hoa cỏ đượm mùi hương,  
Sẽ lựa dây tranh lúc khồn-đường ;  
Vị chàng gảy khúc Giang-nam ấy,  
Gửi chút tình thâm đến Sóc-phương.

Sóc-phương non nước trông đặng-đặng,  
Dấu nhạn lâu nay sao thấy bằng ;  
Đầm-địa má phấn hạt châu rơi,  
Xiêm áo sương gieo đôi dòng nặng.

Ba năm nghe tiếng nhạn qua sông,  
Chạnh nhớ người xa luyến đau lòng ;  
Dây đàn chữa rối lòng đã rối,  
Giọt lệ sa rồi khúc chữa xong.

Lòng chàng nhớ thiếp nặng bằng non,  
Thiếp cũng mong chàng nát ruột gan ;  
Đệt nên một bức tiến thiên-tử,  
Nguyễn sớm chàng về thiếp được an.

NGUYỄN TƯỜNG-CẨM dịch

## VĂN THƠ MỚI

### Vịnh cụ Tiên-diên

Non sông linh-khí đúc thần thơ,  
Ấy cụ Tiên-diên hiệu Tổ-như ;  
Chữ sánh Thịnh-Đường hay dám chấp,  
Nôm so Hồng-đức vượt không từ ;  
Văn Kiêu một áng phun châu-ngọc,  
Tiếng Việt muôn đời vững sở-cơ ;  
Tài cụ người Ấu còn cảm-phục,  
Hưởng ta lại chẫu kính thờ dư ?

NGUYỄN TÙNG-THÀNH

### Vịnh Thúy-Kiều

Số đào-hoa ấy số nàng Kiều,  
Lưu-lạc phong-trần chốc bấy nhiêu ;  
Phủ-doãn khen tài sinh bụng nể,  
Anh-hùng mê sắc cũng lòng xiêu ;  
Thề non nhớ nghĩa chàng Kim nặng,  
Lượng bề dung lời ả Hoạn kều ;  
Trời cũng còn thương người hiếu nghĩa,  
Đã khi trêu cợt lại khi chiều.

## Cụ Ưc-trai

## I

(Nguyên-xương)

Công thần khai-quốc nhất triều Lê,  
Huân-nghiệp văn-chương mây kể bì !  
Một dạ những thương dân Việt khổ,  
Mười năm đuổi được giặc Minh về ;  
Trả xong quân-phụ thù to-tát,  
Chỉ quản giang-sơn gánh nặng nề ;  
Cúi đọc bài « Bình-Ngô đại-cáo »,  
Nghìn năm tâm-sự sáng sao Khuê (1).

NGUYỄN HỮU-CHỦ

## II

(Bô-vân)

Khai-quốc công-thần ở Hậu-Lê,  
Văn-chương tài trí để ai bì !  
Tiền cha Quan-ải ghi lời dặn,  
Giúp chúa Lam-sơn đuổi giặc về ;  
Trung-hiếu thù to đã rửa sạch,  
Giang-sơn gánh nặng thực không nề ;  
Còn thiên Đại-cáo cùng Gia-huân,  
Tâm-sự kia còn rang lão-khue.

NGUYỄN TÙNG-THÀNH

## 1. — Đêm thu (2).

Cảnh dương chênh-chéch vùng trăng  
Bờ trúc lung-lay trận gió đưa ; [nhạt,  
Trong tiết đêm thu ngồi đọc-âm,  
Nhớ-nhung nỗi mẹ những ngày xưa.

## 2. — Trông tin bạn

Non nước tuy xa lòng dạ hợp,  
Quan-hà cách-trở đất trời in ;  
Cổ hèn mong-mỏi mùi lan-huê,  
Ngày một ngày hai những đợi tin.

## 3. — Cảm ơn bác Trác-Chi tặng tập cổ-thi trong có vẽ cảnh mai.

Văn-uyền thơm lừng mùi đạo-học,  
Thư-phòng trang-diềm net tài-hoa ;

Cảnh mai đưa tặng tinh trần-trọng,  
Xin giữ văn-chương phong-vị nhà.

## 4. — Mưa thu.

Non biếc phát-phơ làn gió thổi,  
Trời thu phơi-phới hạt mưa bay ;  
Tờ-mờ bóng ác chim không hót,  
Giấc mộng nhà ai dở tỉnh say.

## 5. — Chơi hồ.

Hồ trong phẳng-lặng trăng lồng bóng,  
Bề rộng long-lanh nước lộn trời ;  
Một chiếc thuyền con thông-thả dạo,  
Lòng thơ như gửi đám mây trôi.

## 6. — Lưu-biệt.

Lôi-thôi trúc biếc cảnh đưa gió,  
Thoi-thốt chim hôm tiếng gọi đàn ;  
Nhấp chén trà tàu ngàn lấy dạ,  
Lên yên giục-giã dặm quan-san.

## 7. — Đêm nghe đàn.

Tiếng đàn nghe đến bán lòng ai,  
Văng-vẳng xa đưa tự mái ngoài ;  
Lòng khách đã buồn người có biết,  
Gảy chi kêu những khúc bi ai.

## 8. — Cảnh hồ cơn mưa.

Bờ hồ lún-phún hạt mưa chiều,  
Trời đất non sông cảnh hắt-hiu ;  
Đàn gảy tiếng đâu nghe vẳng-vẳng,  
Lòng quê đất khách ngàn-ngờ nhiều.

## 9. — Đêm thu.

Trăng lặn mưa bay tiếng để buồn,  
Tinh thu chan-chứa những xui nên ;  
Tiếng đàn thánh-thót ai còn gảy,  
Chiếc bóng năm canh một ngọn đèn.

## 10. — Chơi núi Tiểu-Tô-châu.

Hư hắt non cao trận gió thu,  
Nghe chim như gọi lấm tình xưa ;  
Tang-thương cuộc thế kinh hồn-mộng,  
Hỏi khách đấng-lâm cảm thế chưa.

(1) Lời ngự-phê : Ưc-trai tâm-sự quang khuê-tảo.

(2) Tập thơ này đã đưa cho « Tri-Đức học-xã » nhuận-sắc, B. - N.

## 11. — Giang-thành cảnh chiều.

Bằng-lãng trời hôm bóng ác tà,  
 Bờ tre gió cuốn ngọn cành la ;  
 Tiếng chuông chùa thỉnh mấy hồi vắng,  
 Dòng nước thuyền ai thấp-thoáng xa !

## 12 — Trông trăng nhớ nhà

Trăng in một nét giữa trời hè,  
 Gió thổi tàu tiêu bóng lập-lòe ;  
 Ngõ trúc trông ai không thấy bóng,  
 Ngâm thơ như động tấm lòng quê.

## 13. — Nhớ cảnh vườn.

Xe ngựa lãng-xãng giữa thị-thành,  
 Sao bằng thanh-linh chốn nhà tranh ;  
 Cây to bóng rợp cành che tán,  
 Cỏ rậm hoa thơm gió thoảng mảnh ;  
 Ngày vắng ngâm nga thơ quốc-ngữ,  
 Đêm trường thành phố tiếng đờn tranh ;  
 Người đương vui cảnh cảnh đương thú,  
 Gió bụi nay sao bỗng dẫn mình ?

## 14. — Cảnh trời chiều.

Bóng vàng lừng-thững góc trời tây,  
 Mặt sóng vàng gieo trận gió lay ;  
 Lão-đào non cây lỏng ngàn nước,  
 Mênh-mông nội cỏ rợp từng mây ;  
 Buồm xuôi thuyền cá ngồn-ngang lướt,  
 Cánh mỗi chim hôm xao-xác bay ;  
 Cảnh vật càng trông càng bằng-lãng,  
 Hồn thơ như gọi dạ như ngâm.

15. — Đêm thu chơi trăng trên  
Đông-hồ.

Một chiếc thuyền con dạo dạo bờ,  
 Bóng trăng đầy nước nước đầy hồ ;  
 Nghìn cây đầu bạc lán-lán đêm,  
 Một mái chèo đưa vắng-vắng xa ;  
 Chén rượu lỉnh say câu chuyện cổ,  
 Đường tơ khoan nhặt khúc đờn ta ;  
 Gió thu hiu-hắt sương thu lạnh,  
 Tiếng quốc gào trong bóng nguyệt tà.

## 16. — Tự cảm

Một ngọn đèn chong một bóng ta,  
 Canh thà nghĩ ngợi nổi gần xa ;  
 Riêng than dưỡng dục ân chưa trả,  
 Thăm tủi non sông tác dã già ;  
 Hao áo hao cơm hao của thế,  
 Hồ nghiêh hồ bút hồ con nhà ;  
 Thời thời cũng quyết phen này nữa,  
 Tổ mặt con em đất nước Hà.

17. Trông trăng trên hồ ở  
Giang-thành.

Một mảnh trăng thanh nổi giữa hồ  
 Cỏ cây mặt nước bóng lơ-nhờ ;  
 Cảnh trời tạt mướt câu thi họa,  
 Chén rượu làm khuấy ngón trúc tơ ;  
 Làn gió phết-phơ chòm cỏ lục,  
 Tầng mây bằng-bạc mỗi tình xa ;  
 Phương-thành gửi bạn thơ năm vạn,  
 Mong được cùng nhau nổi chuyện trò.

18. — Mừng được bạn tặng  
Nam-Phong có tranh hoa lan

Giữa lúc nắng nồng nóng cả người,  
 Nam-phong một trận mát mười mười ;  
 Nhẹ-nhàng cân-não hơi dịu-dịu,  
 Đằm-ấm tinh-thần khí thanh-thời ;  
 Càng mát càng nhuần hơi gió thoảng,  
 Còn gần còn được vị thơm rơi ;  
 Cổ hèn sẽ dựa mùi lan-huê,  
 Ngày một ngày hai được lĩnh-luoi.

## 19. — Than đời

(Hát nói)

Than ôi, sự thế !

Cuộc đời không xiết kể nỗi bi thương.  
 Ai đoán-hoài chi phước đối rách bên  
 đường, mãi chực-tụng kẻ nhiều tiền lớn  
 chức.

« Khi đắc thế đất năm nên bụi,

« Lúc sa cơ rỗng cũng như giun. »

Nào tri-âm, nào tri-kỷ lúc giàu sang  
 hiêm kể chung cùng ;

Khi nhẹ túi, đứt đường nhân-nghĩa,  
 Nghèo giữa chợ mấy ai trông ngửi,

Trong rừng sâu có cửa lấm người  
Cuộc đời vẫn thế đỏ kim! [tim.

**20. — Cùng bạn chơi Thạch-dộng**  
(Hát nói)

Cảnh Thạch động thâu-vân đột ngọt,  
Bữa hôm nay cùng bạn chợt lên chơi,  
Cổ cây non nước một màu tươi.  
« Đệ nhất đông » là đầu không lọ hỏi  
« Trống-lồng bốn bề thâu thế-giới, »  
« Chan ban một dãy chứa yên-hà »  
Đàn chim bay mừng khách lân-la,  
Tiếng thánh-thốt gần xa bên cụm liễu.  
Hòa vui lại sẽ ca sang cùng một điệu,  
Khách đấng-sơn chan-chứa tình xuân.  
Mấy khi xum-hạp một lần!

**21. — Đêm khuya dưới trăng  
xem hoa**  
(Hát nói)

Trăng tờ-mờ sương sa lác-đác,  
Ngọn nam-phong phấp-phất giữa đêm  
thâu, Trông bốn phương trời đất một  
màu, nhìn non nước lòng sâu không kể  
xiết

« Non Bình-san mơ-màng bóng  
[nguyệt, »  
« Nước Đông-hồ man-mác hơi mây. »  
Nhớ năm xưa cũng chốn ở này,  
Trông hoa thắm hôm nay hoa đã nhạt.  
Nào dân nữa hương nồng vị ngọt,  
Cành khô thưa xan-xát giữa đêm hè.  
Đời người có khác chi huê!

**22. — Chơi Kim-dữ**  
(Hát nói)

Đến đây mới biết nơi thanh-thú,  
Trên đời cao dưới nước bề mệnh-mô-g.  
Chôm cây lá biếc phối thu-phong,  
Kim-dữ lan-đào vàng lừng lên tuổi ấy,  
« Ngán-ngừa nước dữ khôn vùng-  
[vây, »  
« Che chở dân lành khỏi ngựa-  
[nghiêng. »  
Chốt then dành trần cửa Hà-tiên,  
Đá hồng-chập như in vết đá,  
Sách-sử đề truyện, đến nay còn thấy,

Tên tuổi kia đáng mấy với non sông,  
Ngày nay hồ trước danh phong!

BẠCH-NHƯ (Hà-tiên)

**1. — Xuân-nhật hoài-ngâm**

I  
(1924)

Đã sinh vào chốn bụi hồng.  
Đố ai thoát khỏi cái vòng lợi-danh.  
Rạt-đào trong cõi phù-sinh.  
Con thuyền nghĩa-vu lênh-dênh bề trần.  
Còn trời còn đất còn xuân,  
Xuân nay chưa thỏa còn phần xuân sau.  
Cảm-hoài riêng có mấy câu,  
Ai buồn tắc dạ, ta đau bên lòng!

II  
(1928)

Xuân xưa thui thui quê người,  
Xuân nay ta đã tươi cười quê ta.  
Anh em đồng đũa một nhà,  
Xóm-giềng họ mạc gần xa đều mừng.  
Bảy lâu vượt suối qua rừng,  
Phong-trần nếm trải đã từng bốn xuân.  
Trước xa nay lại về gần,  
Cảnh xưa nhường đã muốn phần đời  
thay.

**2. — Ngày xuân ngẫu-vịnh**

Vui xuân lắm kẻ tung-búng,  
Thấy xuân riêng tớ nửa mừng nửa lo.  
Tuổi xuân trời đã ban cho,  
Chúc xuân ai phải dẫn-đo từng lời.  
Ngày xuân / gần-ngủ, ai ơi!  
Rượu xuân xin chớ đầy voi rót tràn.  
Trời xuân gió lộng mây quang,  
Vườn xuân hoa cỏ rờ-ràng khoe tươi.  
Hỏi xuân sao chẳng chiều người,  
Thiều-quang chưa hết đã đời đi đầu;  
Hay xuân du-lich địa cầu,  
Bốn phương non nước một bầu gió  
Hội cho hết tháng qua năm, [trăng.  
Bảy giờ xuân lại quay chân trở về.  
Ở đời lắm kẻ còn mê,  
Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân.  
Mong sao cho họ tỉnh dần!

## 3. — Xương-phụ ngâm

Ai đi đề nào cho ai,  
 Đề râu nết liễu, đề phai má hồng.  
 Đề ai vô-võ loan-phông,  
 Ngày nhìn lá rụng, đêm trông trăng tỏ,  
 Một thân thu xếp cửa nhà,  
 Con thơ lay đỗ, mẹ già trông nom.  
 Quản bao gió kếp mưa đơn,  
 Tâm-linh gửi với nước non sau này.  
 Tuổi vàng ai hỏi có hay,  
 Xót-xa khúc ruột, đắng cay tấm lòng.  
 Trời xanh ghen ghét má hồng,  
 Chữ tình xẻ nửa, dải đồng chia đôi.

## 4. Không chơi

Người đời cười lớn hay chơi,  
 Tở lại cười ai chẳng biết người;  
 Cờ bạc đong-dài nào có thú,  
 Văn-chương luyện-tập ấy là vui;  
 Xương-hô mấy tiếng thêm dơ miệng,  
 Lừa-lọc trăm khoanh đủ ngân đời;  
 Tâm-su cùng ai nay học-bạch,  
 Bắc-chi xin chớ vội chê bai !

## 5. — Tặng một cô thiếu-nữ

I

Giữa đám hồng trần lọt mắt xanh,  
 Duyên văn vấn-vít biết bao tình.  
 Nước bèo xui bồng nên gần-gũi,  
 Riêng thỏa lòng ai ngán nổi mình.  
 Ngán mình đeo đuổi công-danh,  
 Ngám-ngủ đất khách lênh-dềnh quế  
 [người.  
 Cùng văn bầu-bạn làm vui,  
 Các văn nào biết cảm người bấy lâu !

II

Đã trót quen nhau trót biết nhau,  
 Nỗi-niềm xin dải một đôi câu;  
 Trên đời đã khó tìm tri-kỹ,  
 Thì với văn-chương kết bạn-bầu.  
 Mới hay đồng-khi trong-câu,  
 Duyên văn ắt hẳn về sau còn dài.  
 Mấy lời nhắn-nhủ cùng ai,  
 Giang-sơn gánh lễ, sắc tài nợ chung !

## 6. — Nhớ bạn Tuy-hòa

Khi lên ngược lúc xuống xuôi, nay ở  
 vùng này mai qua miền khác, đó là cái cảnh  
 hướng của khách tang-bồn, người lữ-thứ.  
 Tuy-nhiên con người ta có di những plương  
 xa cõi lạ thì mới biết nhiều điều thú sự  
 hay, nhưng đất khách một mình, canh  
 trường chiếc bóng. cái cảnh cố-Quốc tha-  
 hương cũng nhiều phen dễ khiến lòng  
 người vỡ-vỡ.

Con đường danh lợi nghĩ ghê thay,  
 Đưa đầy người đời khắp đó đây;  
 Khi ở cõi này khi cõi khác,  
 Lúc qua miền bắc lúc miền tây :  
 Đền trắng quạt gió riêng ta nỡ,  
 Chén rượu cùng đàn lăm khách say;  
 Nghe tiếng chim kêu thêm trạnh nhớ,  
 Trông với phần tử dạ khôn khây.

Tôi được mông-bổ vào tông-sư trong  
 Trung-kỳ đầu tiên được ở Faifoo, sau lại phải  
 dời đi Tuy-hòa. bấm tay vừa được hai năm  
 có lẽ. Tuy trong cái thời-kỳ ngắn-ngủ đó  
 tôi chưa được quan-sát nhiều, giao-du rộng,  
 thế mà cái tình tôi đối với người Tuy-hòa  
 rất nặng, cái nghĩa tôi đối với cảnh Tuy-  
 hòa rất sâu, nay dẫu xa người vắng cảnh  
 mà cảnh người vẫn lưu-luyến, tình-nghĩa  
 rất mặn-mà. Nước non văn-vit, người cảnh  
 nhớ mong, hội tương-phùng còn ao ước có  
 phen. là 13 hoài-vọng dễ hồ mà quên đặng.

Bước chân ra còn lưu-luyến cảnh,  
 Cảnh luyện người người cảnh luyện  
 [nhau.

Cảnh người người cảnh bấy lâu,  
 Nay rời cảnh cũ những sầu cùng thương  
 Sầu vì cảnh thơ vương người cũ,  
 Thương vì người cách-lữ cảnh xưa.  
 Cảnh người người cảnh mong chờ,  
 Bâng khuâng lòng những vẫn mơ canh  
 [trường.

Than ôi ! kim-lan xưa nay mấy kẻ, lữ-  
 kỹ sau trước bao người, ở những nơi góc

biên chân trời, tìm được khách đồng-tâm rất khó. Vậy mà không duyên không nợ, hần trời xui nên gặp-gỡ ngay người, khi vãn-vơ với lúc tươi cười, xem tinh-tính thiệt đã mười phần tương - đắc. Những tưởng rằng còn được dài lâu hợp mặt, ai ngờ nay đã người Bắc kẻ Nam. Trách ông xanh khéo phụ-phàng !

*Ngon bút văn-chương tam gác ngoài,  
Nỗi niềm tâm-sự thấu chẳng ai ?  
Người đi kẻ ở tình lai-làng,  
Bất khách đêm thâu lệ vẫn dài ;  
« Ghềnh Bỏ » đã đành duyên tạm biệt,  
« Tuy-hòa » rồi có buổi trùng-lai ;  
Xa-xôi ai kẻ tri-âm đó,  
Một tấm lòng vàng chớ có phai !*  
DƯƠNG ĐÌNH-TÂY

## THỜ'I-ĐÀM

### Việc thế-giới

Hai cái luận-diệu về thời-cục Ấn-độ. — Việc Ấn-độ vẫn còn phân-vấn lắm, và cũng khó lòng biết được cái chân-tướng thế nào. Tùy xét theo về phương - diện người Anh hay về phương - diện Ấn-độ, thì phát ra hai cái luận-diệu khác nhau, không biết đảng nào là phải. Nay thử giải hai cái luận-diệu ấy như sau này, để các độc-giả tự phê-bình mà phán-đoán.

Trước hẵng nói về phương - diện Ấn-độ.

Trong mục thời-dàm số *Nam-Phong* 128 đã nói về công-việc của phái-bộ SIMON do nghị-viện Anh phái sang Ấn-độ để điều-tra về tình-hình chính-trị và dự-thảo một bản hiến-pháp; lại nói rằng phái-bộ ấy bị các đảng Ấn-độ đê-chế nên cũng khó lòng làm trọn công việc được. Nay có một nhà biên-tập báo Pháp, nhân đi cùng xe lửa với một tay lãnh-tự Ấn-độ về phái Hồi-giáo, có phỏng-vấn tay lãnh-tự ấy về tình-hình Ấn-độ và thứ nhất là về phái - bộ SIMON, hai bên vấn-đáp nhau, lược-dịch như sau này:

— Ý-kiến ngài về phái-bộ SIMON, và về kết-quả cuộc điều - tra của phái-bộ ấy thế nào, xin ngài cho biết.

— Phái-bộ SIMON là do chính-phủ Anh cử sang điều-tra ở Ấn-độ, để trong hạn 18 tháng thảo một tờ trình cho Nghị-viện Anh căn-cứ ở đó mà lập ra hiến pháp cho Ấn-độ sau này. Phái-bộ ấy nếu lập thành hội-đồng có cả người Anh người Ấn, hai bên ngang nhau, quyền-lợi bình-đẳng, thì có lẽ cũng có ích-lợi.

« Ông SIMON khi mới đến *Bombay*, vẫn đã tuyên-bố như thế; nhưng rồi liền đấy ông lại yêu-cầu cho hội-đồng người Anh được mấy cái đặc - quyền hơn hội-đồng người Ấn, thành ra hai bên không được ngang nhau, không thể làm việc với nhau được.

« Bởi thế nên Nghị-viện Ấn-độ thảo-luận về việc do rất kịch-liệt, rồi quyết-nghị không cử người Ấn-độ vào hội-đồng điều-tra nữa, để cho người Anh làm việc với nhau, rồi kết-quả thế nào để Chính-phủ Anh tự phán-đoán lấy.

« Còn như công việc điều - tra của hội - đồng thì nghe như hiện nay suu-

tập tài-liệu đã được nhiều, tuy về Anh rồi nhưng định đến tháng chín này lại trở lại Ấn-độ một lần nữa, rồi mới thảo tờ trình. Vậy ngay bây giờ chưa biết được kết-quả ra làm sao.

— Tuy vậy nhưng trong cách tổ-chức hội - đồng tất cũng có cách đảm-bảo cho quyền - lợi của nhân-dân Ấn-độ chứ?

— Tôi vẫn biết người Anh thì họ nói thế, nhưng kỳ-thực có được thế đâu. Vẫn biết rằng trong phái-bộ chỉ toàn là chân nghị-viên cả, không có người nào về phái quân - nhân, phái quan-lại cả, và trong bọn nghị-viên lại có người về đảng lao-động nữa. Nhưng lạ thay, chúng tôi vẫn trông mong ở đảng lao - động mà nay lại chính những người trong đảng ấy là phản-đối thứ nhất về việc cho Ấn-độ được hoàn-toàn tự-trị.

— Khi phái - bộ SIMON về Luân-đôn, ông SIMON vẫn nói rằng ý ông muốn xin với chính - phủ cử một hội-đồng nghị-viên Ấn-độ để hiệp-tác với hội-đồng người Anh. Ý ngài nghĩ thế nào.

— Tôi tưởng Nghị-viên Anh đã quyết-nghị rồi, không đòi ý-kiến nữa, không cần phải lập ra hai hội-đồng khác nhau, nhưng phải hiệp lại làm một, và ít ra một nửa phải là người Ấn-độ. lấy trong chân nghị-viên ra. Và nghị-viên Ấn-độ đề-xướng ra sự đề-chế hội-đồng Anh, không phải là chỉ vì hội-đồng Anh tổ-chức không được như ý hay là quyền-lợi giữ lấy to quá đâu; sự đề-chế này còn có ý - nghĩa khác nữa.

« Ý-nghĩa ấy là phần đa-số ở Nghị-viên Ấn-độ không muốn đảm-nhận trách-nhiệm gì về việc xây ra sau này. Đây chúng tôi gọi là đảng *Swaraj*, nghĩa là đảng « quốc - hội » (*Parti du congrès*)

chỉ một mục yêu-cầu cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập. Những tay chủ-động trong đảng chúng tôi, như ông GANDHI, ông TAGORE, và thứ nhất là ông PANDIT MOTILAL NEHRU là tay có oai-quyền và có thế-lực nhất bây giờ, đều không muốn hiệp-tác với người Anh nữa, và tuy không bắt buộc gì các đảng-nhân cả, nhưng đã từng xướng lên rằng việc ra ứng-cử cũng không nên nữa.

« Chúng tôi không muốn rằng sau này quốc-dân có thể trách chúng tôi là có tham-dự vào việc biên-chế một cái hiến - pháp không được thỏa cho lòng nguyện - vọng của quốc - dân, nghĩa là không cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập. Vì chúng tôi không muốn người Anh xử với chúng tôi như xử với Ai-cập đó. Chúng tôi cũng biết cái ý của ông Tổng-trưởng bộ thuộc-địa LORD BIRKENHEAD là nếu không xử-trị việc Ấn-độ được như việc Ai-cập, thì có lẽ cũng sẵn lòng cho Ấn-độ làm một thuộc-địa tự-trị cũng như Gia-nã-đại hay Úc-châu vậy. Chúng tôi quyết không ưng như thế. Hiện nay chúng tôi đã đủ có người, đủ có tư-cách để cai-trị lấy nước chúng tôi rồi. Nếu nước Anh cứ trừ-trừ mãi không cho chúng tôi được thỏa - nguyện, thì tình - thế mỗi ngày một nguy-ngập cho chính-phủ Anh. Chúng tôi đã quyết chí làm cho đến cùng.

— Xem ra ông tổng-trưởng thuộc-địa Anh cũng không có ý sợ gì sự nguy-hiểm đó. Còn như ông SIMON thì khi ở Ấn-độ về có nói rằng cái phong-trào phản-đối ở các tỉnh lớn đã sút kém nhiều. Và trong đảng phản-đối nghe đâu còn có một vấn-đề tôn-giáo cũng làm trở-lực cho các phái không hòa-hợp với nhau được, điều đó có phải không?

— Nước Anh từ xưa đến nay vẫn lập-tâm lợi dụng những sự phân-tranh mâu-thuẫn trong các tôn-giáo, các chủng-tộc, các giai-cấp có quyền-lợi về chính-trị hay về tinh-thần ở Ấn-độ, cách lợi-dụng ấy cũng có khi được việc cho họ.

« Như phái Ấn-độ-giáo và phái Hồi-giáo xưa nay vẫn không có cảm-tình với nhau, người Anh cố gây nên cho hai bên công-nhiên xung-đột nhau, nhưng sự xung-đột ấy nay đã bớt đi nhiều, và cũng sắp đến ngày tiêu-diệt hẳn.

« Sở dĩ được như thế chính là bởi việc phái-bộ SIMON đã khiến cho những tay lãnh-tự của hai phái hòa-huận với nhau và cùng nhau hiệp-lực để giải-phóng cho Ấn-độ. Cuộc vận-động độc-lập này, đứng đầu là những nhà bác-học, tư-tưởng tri-thức, trứ-danh nhất trong Ấn-độ-giáo mà từ trước đến giờ vẫn được những tay có thế-lực trong phái Hồi - giáo tá-đần, như MOHAMMED ALI, là một nhà làm báo có giá-trị, thường vẫn vận-động về chính-trị, phải tù-tội không biết bao nhiêu lần, lại như bác-sĩ JINNAH là một tay thầy kiện có tiếng ở Bombay.

« Không, nước Anh không thể trông cậy vào phái Hồi-giáo để dùng cách phản-gián được nữa. Ngài cứ xem một điều sau này cũng là đủ chứng - cứ rõ-ràng: Khi Nghị - viện Ấn-độ xét về việc phái - bộ SIMON thì trong số 26 nghị - viên về phái Hồi-giáo, 18 người về bè với tá-đảng Ấn-độ và bỏ vé phản-đối chính phủ Anh.

— Tuy-nhiên thiết-tưởng giá các đảng phản-đối, và nhất là đảng Swaraj, cứ tham-dự vào hội-đồng thì có lẽ lại lợi hơn là để chế như thế, ý ngài nghĩ thế nào? Có tham-dự vào hội-đồng thì chắc là có thể ảnh-hưởng đến

công-việc hội-đồng, tức là ảnh-hưởng đến cái hiến-pháp biên-chế sau này.

— Chúng tôi không có cái lạc-quan như thế. Chúng tôi đã biết các ông chủ chúng tôi lắm rồi. Chúng tôi quyết không tham-dự vào các công việc mà kết-quả không khiến cho nước chúng tôi được hoàn-toàn độc-lập. Vả lại, cho dầu lập ra một hội-đồng người Ấn-độ nữa mà hội-đồng này không được đồng quyền - lợi như hội-đồng người Anh, thì cũng chẳng có ích gì. Vả chính ông thuộc-địa tổng-trưởng đã tuyên-bố rằng nếu có hai hội-đồng thì tờ trình của hội-đồng người Anh bao giờ cũng được phần hơn.

« Tiếc thay chúng tôi không được ở với người Pháp; tôi tưởng giá đối với người Pháp, thì hai bên dễ hòa-thuận được ngay.

« Người Ấn-độ chúng tôi đã có khí-giới mạnh; các tay chủ-trương cuộc vận-động độc-lập là những bậc có thế-lực, có danh-vọng, có đạo-đức, nói gì dân cũng nghe. Ở nước Anh có nhiều công-nghệ chỉ sống vì tiêu-thụ sang Ấn-độ mà thôi. Nếu các bậc lãnh-tự chúng tôi xướng-suất lên đề-chế các đồ hàng Anh, thì chẳng bao lâu diệt được các công-nghệ ấy, hại cho người Anh không biết bao nhiêu. Nếu cần đến, chúng tôi còn có cách làm hơn nữa...»

Đó là cái luận điệu của người Ấn-độ đối với thời-cục Ấn-độ. Cái luận-điệu ấy cố - nhiên là có vẻ bi-quan, không lấy gì làm lạ.

Nay lại thử nghe cái luận-điệu của người Anh đối với thời-cục Ấn-độ.

Tháng ba vừa rồi, ở Nguyên-lão - viện nước Anh có thảo - luận kỹ về tình - hình chính - trị ở Ấn - độ. Cứ nghe những lời tuyên - cáo ở

Nghị - viện, thì Ấn - độ tuy vẫn đứng biệt ra một địa-vị riêng ở trong đế-quốc Anh, nhưng trong khoảng hai ba năm nay nhân-tâm đã bớt kích-dộng hơn trước, chính-phủ Anh có thể nay mai mở rộng cái chính-sách hiệp-tác với người bản-dân, theo như dự-án hiến-pháp của hai ông CHELMS-FORD và MONTAGU đã thảo từ năm 1919. Cuộc thảo-luận khởi ra từ LORD OLIVIER, về đảng xã-hội nguyên làm tổng-trưởng bộ Ấn-độ trong nội-các MAC DONALD. LORD OLIVIER chất-vấn LORD BIRKENHEAD hiện đương làm tổng-trưởng bộ Ấn-độ; quan tổng-trưởng trả lời lại tương-tận lắm, rồi lại kể đến LORD READING nguyên làm toàn-quyền Ấn-độ, và là người có công trong việc cải-cách chính-trị ở Ấn-độ, cũng ra diễn-thuyết trình bày nhiều điều quan-trọng lắm.

Vấn-đề cần-cấp nhất mà chính-phủ Anh phải giải-quyết, là năm 1919 đã định một hạn 10 năm nữa sẽ mở rộng quyền tự-do cho người Ấn-độ, nay gần đến kỳ-hạn rồi có nên sửa đổi hiến-pháp cho Ấn-độ không, hay là đợi đến mãn-hạn rồi nghĩa là đến hết năm 1929 sẽ hay. Trong một bài diễn-thuyết trước quan Tổng-trưởng bộ Ấn-độ đã có nói rằng chỉ trong khoảng hai năm nữa là việc sửa đổi hiến-pháp cho Ấn-độ sẽ có thể thi-hành được. Nay LORD OLIVIER chất-vấn chính-phủ là cốt nhất hỏi về khoản đó. Quan tổng-trưởng trả lời lại, bày rõ ý-kiến mình, kể hết những sự đã thay đổi từ trước đến giờ và dự-bàn về các việc định làm sau này. LORD READING là người đã thông-thạo việc Ấn-độ lắm cũng biểu-đồng-tình với quan tổng-trưởng, hai bài diễn-thuyết của quan tổng-trưởng và quan nguyên Toàn-quyền Ấn-độ có ảnh hưởng ở Nguyên-lão-viện nhiều lắm.

Đại-y hai bài diễn-thuyết ấy như sau này :

Thời-cục Ấn - độ trước khuy-nh-hướng cả về đường chính-trị, nay đã có ý xoay về đường tài-chính và kinh-tế lễ như thế mới là phải, mới là hợp. Mấy năm sau việc cải-cách chính-trị năm 1919 thì đảng *Swaraj* vận - động kịch - liệt lắm, yêu - cầu cho Ấn - độ độc - lập ngay, và cò - động dễ-chế các đồ hàng Anh, lại dễ - chế cả các nghị-hội nữa. Bấy giờ đã lo cho việc cải-cách, không biết sau có thành được không. Những sự vận-dộng phân-liã và vận-dộng cách-mệnh, chính - phủ bèn ra tay trị-riết. Lại trong đảng phản-đối, phái Hồi-giáo và phái Ấn-độ nhân cái ác-cảm đã lâu, nổi lên công-kích nhau, thành ra yếu thế đi nhiều. Còn trong dân-gian thì dấu chưa phải thành-tâm theo cái chủ-nghĩa hiệp-tác với nước Anh, nhưng cũng đã hiểu rằng sự vận-dộng của đảng *Swaraj* là hao-huyền cả, không có kết - quả gì. Vả lại chính đảng *Swaraj* cũng đã đổi tên gọi là « đảng quốc-hội » (*Congressisme*), và cách phản-đối của họ nay cũng biến-tính đi mà thành sự phản-đối ở trong phạm-vi pháp-luật, trong phạm-vi nghị-hội. Cuộc tuyên-cứ năm ngoái là lần thứ ba từ khi cải - cách chính-trị đến giờ, được êm thấm cả. Nghị-hội lập - pháp mới bầu lên đó, đã từng nhiều lần tán-thành cho chính-phủ Ấn-độ. Tuy nghị-hội có bác nhiều khoản kinh-phi, như khoản về quân-đội Ấn-độ, chính-phủ phải dùng đến sắc-lệnh mới thi-hành được, nhưng đại-đề thì tình-hình đã êm-êm, là nhờ tài-chính có khởi-sắc hơn trước.

Sở dự-toán Ấn-độ từ năm 1919 đến năm 1924 thiếu mất 75 triệu *livres sterling*, tự ba năm nay được quan toàn-quyền LORD INCHCAPE hết sức

tính giảm các khoản, lại nhờ có Sir BASIL BLACKETT là quan tài - chính tổng - trưởng Ấn-độ, là người có thao-lược lắm, nên các khoản dự-toán đã được bình-thường cả. Trong ba năm nay, khoản thu dôi hơn khoản chi được 30 triệu *roupies*. Các chính-phủ địa-phương không cần phải cung-cấp cho chính-phủ trung-ương nữa, bớt được một nổi ta-thần từ trước đến giờ, và tài-chính các địa-phương cũng được dư - dự hơn. Lại tiền *roupie* là tiền bản - vị của Ấn - độ cũng đã định giá đối với tiền Anh là 1 *shelling* 6 ; cứ như các giới thương-mại Ấn-độ muốn giá định vào khoảng 1 *shelling* 4 thì lợi cho họ hơn, nhưng dù thế mặc lòng, tiền-tệ được giá nhất-định không bấp-bông cũng là được tiện-lợi cho việc buôn-bán nhiều lắm. Lại bãi thuế thổ-sản bông, đặt luật-lệ bảo-hộ cho các công-nghệ Ấn-độ đó cũng là những sự lợi về đường kinh-tế cả. Về một phương-diện khác, thì Ấn-độ và Nam-Phi-châu đã ký hiệp-ước với nhau để định cách bảo-hộ cho các di-dân Ấn-độ ở Phi-châu, thế cũng là giải-quyết được một cái vấn - đề khó-khăn về chủng-tộc từ trước đến nay.

Tuy trong bài diễn-thuyết của quan tổng-trưởng bộ Ấn-độ có khẩn-khoản nói nên phải giữ quân-đội nhiều ở Ấn-độ để phòng sự ngoại-hoạn, nhưng trong bài diễn của quan nguyên Toàn-quyền Ấn-độ thì lại chú-ý nhất về đường tài-chính và kinh-tế, nói rằng tình-hình Ấn-độ có yên-ổn mới được như thế, mà hiện nay thì cái cơ thịnh-vượng tưởng không kém gì các xứ khác trong thế-giới, chỉ kém có nước Hoa-kỳ châu Mỹ mà thôi. Cứ như ý-kiến quan nguyên Toàn-quyền Ấn-độ, thì nước Anh khởi ra việc cải-cách chính-trị Ấn-độ năm 1919 cho người

Ấn-độ được rộng quyền tự-do hơn trước, thế là chính-dáng lắm, cứ xem sự tiến-bộ về đường tài-chính kinh-tế thì cũng đủ đoán được rằng sẽ có kết-quả hay cho dân-tâm dân-tri vậy. Nghĩa là Ấn-độ càng được thịnh-vượng về đường kinh-tế bao nhiêu, thì tức là cái bảo-chương để ngăn-ngừa những sự bao-động của các đảng cách-mệnh. Phép chính-trị xưa nay vẫn có câu châm-ngôn rằng : « Muốn có chính-trị tốt, phải có tài-chính tốt ». Người Anh ở Ấn-độ cũng muốn theo đúng như lời châm-ngôn đó.

Thuộc về cái thái-độ các chính-đảng Anh đối với thời-cục Ấn-độ thì có một điều nên chú-ý : là đảng bảo-thủ Anh năm 1919 hết sức công-kích chính-phủ đã mở rộng quyền cho người Ấn-độ, cũng như năm 1908 đã công-kích chính-phủ rộng quyền cho dân thuộc-địa Nam Phi-châu, thì nay thấy cái chính-sách rộng-rãi ấy đã có kết-quả hay, đều công-nhiên thuận-nhận cả, không hề có phản-đối dị-nghị gì nữa. Vậy tuy nay chính đảng bảo-thủ cầm quyền ở nước Anh, nhưng nếu Ấn-độ cứ giữ được thịnh-vượng yên-ổn như bây giờ, thì có thể mong rằng trước kỳ-hạn 1929 sẽ được hưởng quyền-lợi rộng về chính-trị cho được thỏa lòng nguyện-vọng của người dân.

Đó là cái luận-diện của người Anh đối với thời-cục Ấn-độ. Luận-diện ấy thật là có vẻ lạc-quan lắm.

Kẻ khách-quan tưởng nên châm-chước cả hai bên mà chiết-trung phán-đoán thì có lẽ đúng với sự-thực vậy.

**Thời-cục nước Tàu.** — Thời-cục Trung-hoa gần đây đã đến cái thời-kỳ kiến-thiết, chỉ cốt tổ-chức lấy cuộc chính-trị của chính-phủ quốc-dân sao cho vững-vàng, thì đường ngoại-giao và đường kinh - tế đều được

huận-lợi. Cứ như điện-tin gần đây thì chức chủ-tịch chính-phủ quốc-dân đã do Tưởng Giới-Thạch kiêm-quản. Lục-quân bộ-trưởng là Hà Ứng-Khâm, quân-sự tổng-giám là Phùng Ngọc-Tường, quân-sự tham-nghị hội-trưởng là Diêm Tích-Son. Lý Tế-Thâm làm tham-mưu tổng-trưởng, còn các bộ khác không thay đổi. Các điều cốt-yếu thứ nhất trong việc sửa-sang công-việc của đảng, là những tình náo trước đây đảng-bộ có phải các viên chỉ-đạo đến mà hiện hơi có rắc-rối, thì lập-tức bãi các viên chỉ-đạo đi, ủy-viên trung-ương chính-trị sẽ rút xuống làm 13 hay 14 người. Còn năm viện sẽ tổ-chức như sau này :

Viện hành-chính, chánh viện-trưởng là Tưởng Giới-Thạch, phó viện-trưởng là Phùng Ngọc-Tường ;

Viện khảo-thí, chánh viện-trưởng là Đàm Diên-Khải, phó viện-trưởng là Tôn Khoa ;

Viện giám-sát, chánh viện-trưởng là Thái Nguyên-Bồi, phó viện-trưởng là Lý Tôn-Nhân ;

Viện tư-pháp, chánh viện-trưởng là Vương Sung-Huệ, phó viện trưởng thì chưa định cử ai ;

Viện lập-pháp, chánh-viện-trưởng là Hồ Hán-Dân, phó viện-trưởng là Đái Quý-Đào.

Năm viện này về hình-thể là thuộc về chính-phủ quốc-dân, hết thảy các việc phát hiệu thì lệnh đều lấy danh-nghĩa chính-phủ quốc-dân mà làm, chính-phủ quốc-dân đối với năm viện ấy chỉ thống mà không trị, đối với các việc trình-duyet của năm viện không phê bác, không sửa đổi, nếu có điều gì không hợp thì giao cho nguyên-viện làm lại. Chính-phủ lại tổ-chức các ủy-viên trong ban thường-vụ để xử-lý việc chính trị trong nước. Đã định các ủy-viên sau này : Tưởng Giới-Thạch, Phùng Ngọc-Tường, Diêm Tích-Son,

Lý Tôn-Nhân, Đàm Diên-Khải, Hồ Hán-Dân, Lý Bạch-Tăng, Trương Tích-Giang, Thái Nguyên-Bồi, Ngô Trĩ-Huy.

Gần đây có tin rằng Tưởng Giới-Thạch mà được cử vào chức chủ-tịch chính - phủ, thì chính-phủ quốc-dân từ nay có cơ đã vững

Tưởng Giới-Thạch có bài tuyên-cáo nói rằng việc cách-mệnh của đảng quốc-dân mục-dịch là đối-phó với cái chủ-nghĩa đế-chính của ngoại quốc. Vậy muốn cho việc cách-mệnh được thắng-lợi thì quốc-dân phải kết chặt mối đồng-tâm.

Tưởng Giới-Thạch đã định cái kế-hoạch chấn-hung hải-quân, có tin đã thảo xong một cái chương-trình hải-quân cử Dương Thụy-Trang làm hải-quân tổng-tự-lệnh, dự-toán một cái thời-kỳ rút ngắn có thể chế-tạo thêm được nhiều pháo-hạm, và mở ra một hải-quân học-đường ở Giang-chiết.

Bộ hải-quân Giang-ninh đã định cử-hành một cuộc đại thao-diễn. Dự cuộc thao-diễn ấy có hạm đội thứ nhất và hạm-đội thứ hai, tất cả 17 pháo-hạm. Chọn định cửa Đại-thắng ở gần Giang-ninh làm nơi thao-diễn.

Gần đây Trương Tôn-Xương ở Trục-lệ và Sơn-đông, lại muốn thu-nhập tàn-quân để hoạt-động. Có tin rằng người Nhật ngầm giúp cho Trương Tôn-Xương vay tiền, Trương đã vay được một số tiền năm trăm vạn đồng, lại mua được của Nhật sáu chiếc máy bay, đã chở đến Loạn-châu. Song người Nhật nói rằng tin đó là tin đồn sai, chính-phủ Nhật vẫn giữ một cái thái-độ trung-lập, không có giúp riêng cho một người nào ở Trung-hoa hoạt-động về việc chính trị. Người Trung-hoa thì không tin lời tuyên-bố ấy là thật.

Chính-phụ quốc dân đã hạ lệnh bắt Trương Tôn-Xương nói rằng : « Trương Tôn-Xương đóng giữ hai tỉnh Trục-lệ »

Son-dông làm cho nhân-dân phải chịu biết bao nỗi lầm than về sự nó quấy nhiễu và tàn-phá, khi đại-quân tiến đánh dẹp tan ngay được, nhưng Trương lại trốn thoát, ngày nay lại khiêu-tụ đồ-dảng, chực lại thừa cơ quấy rối, như vậy thực là một đứa quen làm điều ác không chừa, không có thể dễ cho nó lần-lút mãi, để lại cái hại về sau. Vậy giao cho hội Quốc-sự uỷ-viên và bộ nội-chính phải lập-tức sức cho các quan dân trưởng-quan ở các tỉnh phải tập-nã một cách nghiêm-nhật mới được. »

Sau có tin rằng các viên chưởng-binh về binh-gia Phụng-thiên và quốc-dân quân đã hợp ý nhau mà đánh tàn-binh của Trục-lệ và Son-dông; quân Trục-lệ và quân Son-dông thất-bại, và bỏ lại 10.000 quân. Trương Tôn-Xương đã đi Phụng-thiên để điều-định việc đầu-hàng.

Trương Học-Lương có điện cho Trương Tôn-Xương tỏ ý cảnh-cáo như sau này: « Các điều đại-huynh chỉ bảo, tiều-đê đã xét kỹ rồi, Đông-tam-tỉnh hiện còn có được hơn hai mươi vạn tinh-binh, không phải là không thể cùng Nam-quân quyết-chiến một trận, nhưng nghĩ về nỗi ngoại-hoạn hiểm-ác, những sự biến xảy ra ở Tể-nam và đồn Hoàng-cô rất là đau lòng, và chẳng đại-thể xui nên, nhân-dân cả nước đều theo về chủ-nghĩa tam-dân, anh em ta nếu cử-động có điều gì thất-thổ, không những sẽ thành là người có tội của cả nước, và lại bị nhân-dân phỉ nhổ chê cười, nhân-cách quan-hệ ở một lúc này, xin đại-huynh nên nghĩ kỹ. »

Trương Tôn-Xương nghe đã thông điện phục-tòng chủ-nghĩa tam-dân.

Lại có tin rằng Trương Tôn-Xương hiện đã cưỡi một chiếc tàu nhỏ do

sông Loan-hà chạy trốn, có mấy viên cố-vấn Nhật cũng chạy theo.

Đồng-dảng với Trương Tôn-Xương là Chủ Ngạc-Phác đã thân đến Yên-sơn yết-kiến Dương Vũ-Đình tỏ ý xin đem quân bộ-hạ của mình chịu quyền quản-dốc.

Bọn tàn-quân Trục-lệ và Son-dông bị quân quốc-dân đánh gấp quá đã vỡ tan cả. Quân quốc-dân đã tuyên-bố rằng vừa rồi đã chiếm-lĩnh được Loan-châu, Trương Tôn-Xương đã bỏ trốn. Bộ-hạ của Trương hiện đang cùng quân quốc-dân thương-nghị các điều-kiện đầu-hàng, nhưng một bộ-phận lớn quân Sơn-dông đã trốn chạy đi khắp nơi, và có một bộ-phận lớn khi qua sông Loan-hà, bị quân Phụng thu mất khí-giới, ngoài ra số quân-đội có tổ-chức còn có độ hơn vạn người.

Sau lại có tin Phụng-thiên nói rằng quân Trục-lệ và Son-dông đã đầu-hàng, chịu để cho quân Phụng-thiên thu-biên. Chủ Ngạc-Phác vẫn tam-lưu-chức, mà quân Phụng-thiên thì cam-doan xin bảo-hộ tính-mệnh và tài-sản cho Trương Tôn-Xương và Chủ Ngạc-Phác. Trương Tôn-Xương đã từ chức lui về nơi điền-dã.

Việc ngoại-giao thì Trung-hoa đã quyết ý dựa vào điều-ước bài-trừ chiến-tranh, hiện đã hạ-lệnh cho Thi Thiệu-Cơ là công-sứ Mĩ làm đại-biểu ký chữ vào bản điều-ước ấy. Còn điều-ước Trung Bồ và Trung Mĩ đã sắp sửa định lại.

Nước Nhật gần đây về việc tu-ước cũng muốn cùng Trung-hoa điều-định, nhưng vẫn còn dưng-dăng nghe-ngóng, bảo rằng Trung-hoa nếu định đem việc Tể-nam-phủ đề trình hội Vạn-quốc, thì không điều-định tu-ước vội. Chính-phủ Nhật định tìm các phương-sách chống-cự với việc đề-chế Nhật-hóa.

Gần đây lại có tin chính-phủ Nhật muốn giải-quyết cho chóng xong mọi việc của Nhật-bản với Trung-hoa, để lập lại cuộc giao-tế với chính-phủ Nam-kinh, cố gắng làm cho cuộc giao-tế ấy lấy sự ích-lợi và mối phần-thịnh chung của hai nước làm gốc.

Quan sứ-thần Nhật ở Bắc-binh cố sức muốn làm cho thống-nhất việc hành-động của ngoại-giao-đoàn để tránh những việc hành-động có-lập.

Việc quan-thuế thì chính-phủ Nhật không ưng-chuẩn lời của Trung-hoa bàn về việc đặt một ngạch quan-thuế chia làm nhiều hạng. Chính-phủ Nhật muốn đặt một ngạch quan-thuế như lối thường.

Việc lĩnh-sự tài-phần-quyền thì chính-phủ quốc-dân xin bãi cái quyền lĩnh-sự tài-phần, nước Anh và Hoa-kỳ ngần-ngại không ưng, nhưng sẵn lòng xét lại việc ấy.

Việc thuế muối thì chính-phủ quốc-dân nhất-định không giao trả quyền-hành các ti coi việc thu thuế muối, nên các quan sứ-thần ngoại-quốc có lợi-hại quan-thiết về việc ấy đã họp nhau mà tuyên-bố rằng nếu chính-phủ Trung-hoa không trừ ngay các phương-sách để lập lại ti coi việc thuế muối, thì nay mai các đại-biêu Nhật, Pháp và Anh sẽ có lời công-bố về việc ấy.

### Việc trong nước

#### Các hải-cảng ở Đông-dương. —

Trong cái chương-trình công-chính của ông POUYANNE là công-chính tổng-trưởng Đông-dương đã dự-định, ngoài các khoản về đạo-lộ, về thiết-lộ, về các công-trình trị-thủy, về sự kinh-lý các thành-thị, có một khoản riêng về các hải-cảng trong cõi Đông-dương, định sửa-sang các cửa bể Sài-gòn, Hải-phòng, Bến-thủy, Đà-nẵng, Qui-nhơn, vãn-vãn. Các hải-cảng vốn có quan-hệ cho việc kinh-tế bản-xứ nhiều lắm. Vậy cũng nên xét qua về các hải-cảng lớn nhỏ ở Đông-dương thế nào, cách sắp-đặt thế nào, số xuất-nhập bao nhiêu, hiện còn khuyết-diếm những gì, cần phải kinh-lý thế nào, vãn-vãn, trông cũng là một câu chuyện thời-đàm có ích vậy.

Cõi Đông-dương là một xứ có quan-hệ về đường bể nhiều, vì đường duyên-hải dài tới 2500 cây-lô-mét. Những miền gần bể lại là những miền trù-mật hơn cả. Ngày nay các xứ trong cõi Đông-dương đã có cái mối liên-lạc mật-thiết với nhau, số giao-

dịch buôn-bán xứ nọ với xứ kia mỗi ngày một nhiều, các cửa bể là nơi đầu bến cho tàu-bè đi lại, tất cũng phải sửa-sang kinh-lý cho thích-hợp với sự cần-dùng. Việc giao-dịch các xứ với nhau đã thấy phát-đạt như thế, việc giao-dịch với các nước ngoài xem ra cũng có vẻ tấn-tới lắm, tàu buôn các nước đi lại cũng mỗi ngày một nhiều. Bởi thế nên việc mở-mang các cửa bể chính là một vấn-đề thiết-yếu ngày nay vậy.

Giao-dịch buôn-bán với các nước ngoài thì Đông-dương có bốn cửa bể: Sài-gòn, Hải-phòng, cửa Hàn và Hong-gay. Còn những cửa bể nhỏ khác thì chỉ có những thuyền-bè đi men bờ xứ nọ sang xứ kia mà thôi, chưa thể dung được những tàu bè lớn của các nước đến, như : ở Trung-kỳ thì có Bến-thủy, Qui-nhơn, Nha-trang, Ba-ngôi Phan-rang, Phan-thiết; Nam-kỳ thì có Hà-tiên; Cao-miền thì có Kep và Réam.

Cửa Sài-gòn thì ở trên sông Sài-gòn, cách bể 80 cây-lô-mét, tàu bè vào được đến đấy thì thôi, còn thuyền-bè

thì ở đây đi ra các nơi khác nhiều lắm, Lòng sông rộng, không có bãi cát, không có phù-sa, sâu thường thường là mười thước, rộng trung-bình được 250 đến 300 thước, đủ cho các tàu bè lớn vào đến tận bến được. Mấy năm gần đây đường sông đã sửa-sang cho tàu bè tiện đi vào, nhưng trước kia những tàu lớn tới 180 thước dài lúc nào vào cửa Sài-gòn cũng được, không khó khăn gì cả. Chính cảng Sài-gòn thì những khi nước triều lên diện-tích được 180 mẫu tây, và lòng sông ở chỗ ấy rộng trung-bình được 300 thước. Còn những công-trình kiến-thiết trong cảng thì có đặt đường bến xây bằng đá bằng gạch dài hơn 1 000 thước, vừa độ nước triều lên, có đường sắt chạy suốt, lại có ngót 2500 thước tường áp bến xây nông vừa độ nước triều xuống. Hiện nay thì bốn-mươi-nhăm chiếc tàu bè lớn có thể đồng-thời đến đậu ở bến, dỡ hàng lên chở hàng xuống dễ-dàng không có ngại gì cả. — Còn dụng-cụ thì ở trên đất, ngoài các đường sắt, có ba cái kho lớn dài từ 90 đến 140 thước, hai cái trục đứng 6 tấn và 15 tấn, sáu cái trục đẩy mỗi cái 1500 cân. Ở trên sông thì có bảy cái tàu kéo từ 100 đến 500 mã lực, một cái tàu sa-lan lớn, v. v .

Cửa Sài-gòn có thể liệt vào hạng những cửa bè buôn-bán lớn ở nước Pháp. Số các tàu bè vào đậu ở bến năm 1885 là 473 chiếc, năm 1905 lên 650 chiếc, năm 1925 lên 895 chiếc. Số trọng-tải của các tàu vừa nhập-cảng vừa xuất-cảng năm 1885 là 1.017.000 tấn, năm 1905 là 1.226.000 tấn, năm 1925 tới 3.949.830 tấn. Đây là chỉ kể những tàu bè mà thôi; nếu kể cả thuyền-bè chạy các đường sông và chạy men bờ, cùng những thuyền-bè giao - dịch ở bến Chợ-lớn, là một cái bến sếp cũng thuộc vào cửa Sài-gòn, thì tổng-số mỗi năm tàu thuyền đi lại ở cửa Sài-gòn ước tới 8.000.000 tấn, số các đồ hàng chở lên dỡ xuống mỗi năm tới 2.000.000 tấn,

trong số đó thì ngót ba phần tư là số xuất-cảng. Xuất-cảng nhiều hơn nhập-cảng như thế là ở gạo đem bán đi ngoại-quốc mỗi năm một nhiều hơn, năm 1925 được hơn 1.500.000 tấn.

Cửa Hải-phòng đối với xứ Bắc-kỳ và tỉnh Vân-nam của Tàu cũng như cửa Sài-gòn đối với xứ Nam-kỳ và xứ Cao-miền, là nơi phụ-đầu lớn nhất, chủ-trương sự giao-dịch với trong ngoài. Cửa Hải-phòng cách xa bề 25 cây lô-mét. Nhờ có g-trình kinh-lý mấy năm trước, nay các tàu bè đầy xuống nước tám thước có thể vào bến lúc nào cũng được. Trong cảng thì có 550 thước bến có cầu, mười sở đỗ tàu, một cái trục lớn 20 tấn, sáu cái trục nhỏ từ một tấn đến ba tấn, còn những kho cùng xưởng rộng tới 20.000 thước vuông. Số giao-dịch tuy kém cửa Sài-gòn, nhưng mỗi ngày vẫn thấy tăng lên nhiều. Hiện nay thì số trọng-tải các tàu bè đi lại hơn 3 triệu rưỡi tấn, số tàu ra vào mỗi năm ước một nghìn chiếc. Hàng-hóa chở lên dỡ xuống 1.200.000 tấn. Như thế thì cửa Hải-phòng là cửa bè thứ nhì trong cõi Đông-dương vậy.

Cửa Ba-ngôi ở Trung-kỳ thì mới lập, chưa có giao-dịch mấy tí, nhưng xem ra cũng có cơ thịnh-vượng được. Cửa này là một nơi hải-cảng thiên-nhiên tốt lắm, có thể dung cả từng hạm-dội được.

Cửa Hongay là cửa bè chở than của công-ti mỏ than Bắc - kỳ kinh-lý. Số giao - dịch mỗi năm được một triệu tấn, hầu hết là số than xuất-cảng cả. Công-ti sắp đặt một cái cảng nước nông, có các máy dụng-cụ chạy bằng điện; cảng ấy mà làm xong thì mỗi năm sẽ chở được năm trăm nghìn tấn than. Cửa Hongay hiện có 230 thước bến, những tàu bè đầy nước bảy thước có thể ghé áp bến được. Cách Hongay 40 cây-lô-mét, cũng trong vịnh Hạ-long, công-ti mỏ than lại mới đặt một cửa bè nữa là cửa Cẩm-phả. Khởi công từ năm 1925

nay đã xong, có 300 thước bến, sâu 9 thước, hai chiếc tàu bè một vạn tấn có thể vào đỗ một lúc được; lại có đường xe lửa, và bốn cái trục xây mỗi cái chở được 100 tấn.

Cửa Qui-nhân thì sau này các xứ Mọi ở phía nam Trung-kỳ mở-mang khai-khẩn ra, sẽ thành một nơi phụ-dầu to; hiện nay thì chỉ có tàu thuyền chạy men bè đi lại mà thôi, số giao-dịch mỗi năm ước được 500.000 tấn. Còn Cửa - Hàn và Bến-thủy là đầu đường xe lửa, thì bao giờ các đường xe lửa làm xong, đường Đông - dương đại-lục hoàn-thành, bấy giờ sự giao-dịch mới có thể mở-mang ra to được.

Nói tóm lại thì cõi Đông-Dương này đã có sẵn đủ các nơi phụ-dầu hải-cảng cần dùng cho việc giao-dịch với ngoại-quốc. Sự giao-dịch ấy càng ngày càng phát-dạt, thì các cửa bè cũng phải mở rộng dần ra cho tiện-lợi. Cái chương-trình của quan Công-chính tổng-trưởng về mục hải-cảng là có ý tính xa để giúp cho cuộc kinh-tế bản-xứ vậy.

#### Lược-thuật việc trong tháng. —

Quan quyền Toàn-quyền ROBIN đi kinh-lược Trung Nam-kỳ, cuối tháng chin tây đã về Bắc để sửa-soạn sổ dự-toán năm 1929 và định kỳ hội-đồng Chính-phủ cuối năm nay. Vì quan Toàn-quyền thực-thụ PASQUIER đã có điện sang nói rằng ngài chưa thể sang ngay được, nhờ quan quyền Toàn-quyền chủ-trương kỳ hội-đồng năm nay. Cừ như các báo tây nói thì quan PASQUIER còn ở lại Paris để điều-đinh xong mấy việc quan-trọng, như việc sửa đổi lại các hội-nghị bên này, việc đặt lại các thể-lệ khẩn-thở, việc mộ công-thải 80.000.000 đồng để thi-hành cái chương-trình công-chính đã dự-định bấy lâu nay. Các việc đó còn phải thương-thuyết với Bộ, cho nên có

lẽ đến tháng giêng năm 1929 quan PASQUIER mới sang đây được.

Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ đương lục-tục họp Nhân-dân đại-biểu-viện về kỳ thường-niên năm nay.

Ở Cao-miên mới có sắc-lệnh vua đặt một hội-nghị tư-vấn, để cho Chính-phủ hỏi-han ý-kiến dân về các việc công-ích, đại-khải cũng như các viện Nhân-dân đại-biểu ở Bắc-kỳ Trung-kỳ vậy.

Ở Nam-kỳ thì gần đây có một việc đáng kỷ-niệm. Ngày 28 tháng 9 năm 1928, các hội thể-thao Nam-kỳ có chọn hai tay đánh tennis (trong Nam-kỳ gọi là đánh banh-vợt) giỏi nhất trong Nam, là Chim và Giao, cùng một đội đánh foot-ball (banh tròn), cho đi Tân-gia-ba (Singapour) để đánh thi với người Anh, người Tàu và người Mã-lai. Xưa nay người An-Nam ta chưa tập thể-thao thi với người ngoại-quốc bao giờ, lần này mới là lần đầu. Dù kết-quả thế nào, cũng là một việc đáng kỷ-niệm vậy.

#### Giói-thiệu sách mới

##### NAM-PHONG TÙNG-THU

Mới xuất-bản :

*Chính-trị nước Pháp*, quyền nhất, nói về Hiến-pháp. Nội-các, Nghị-viện và cách hành-chính ở các quận-huyện thị-tỉnh. PHẠM QUỲNH biên-dịch. — Bán ở Đông-kinh ấn-quán, giá 4-hào. Quyền nhì nói về cách tổ-chức quyền tư-pháp và có Tự-vưng các danh-từ về pháp-chính đương in.

Xin nhắc rằng « Nam-Phong Tùng-thư » ngoài quyền Chính-trị nước Pháp, đã xuất-bản được 4 quyền : 1<sup>o</sup> Văn-minh luận; 2<sup>o</sup> Ba tháng ở Paris; 3<sup>o</sup> Văn-học nước Pháp; 4<sup>o</sup> *L'Idéal du Sage dans la Phi losophie confucéence*. — Mỗi quyền đều giá 4 hào, bán ở Đông-kinh ấn-quán, 80-82, Phố Hàng Gai, Hà-nội.